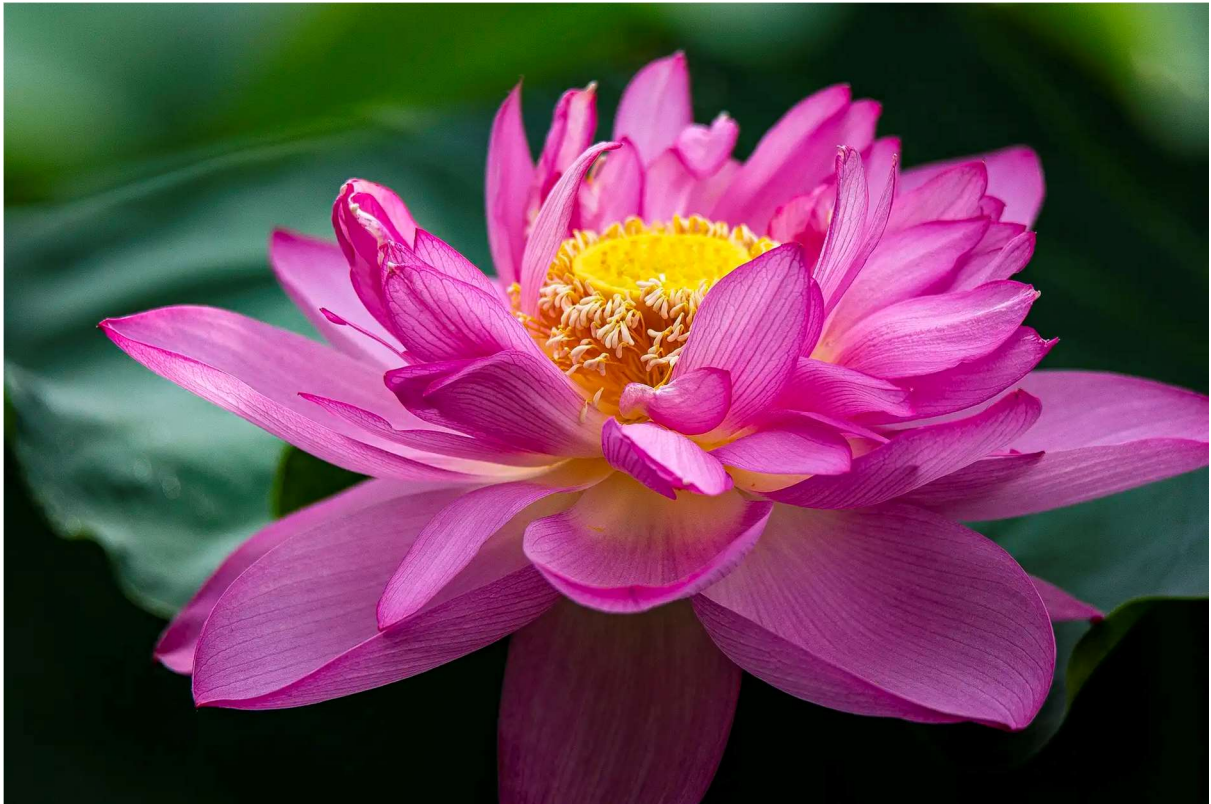


KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

Hòa thượng Thích Thanh Từ dịch



Tôi nghe như vậy, một hôm Phật ở tinh xá Kỳ Hoàn, thành Thất-la-phiệt, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, đều là bậc vô lậu đại A-la-hán, là hàng Phật tử trụ trì, khéo vượt qua các cõi, hay ở nơi quốc độ này mà thành tựu các oai nghi. Các vị theo Phật chuyển bánh xe pháp, khéo tham nhận những lời di chúc của Phật và nghiêm giữ giới luật thanh tịnh để làm mô phạm khắp trong ba cõi, ứng thân vô lượng để độ thoát chúng sanh, cứu giúp đời vị lai vượt khỏi các trần lụy. Tên các ngài là: Đại Trí Xá-lợi-phất, Ma-ha Mục-kiền-liên, Ma-ha Câu-hy-la, Phú-lâu-na-di-đa-la-ni-tử, Tu-bồ-đề, Ưu-ba-ni-sa-đà v.v... là các bậc thượng thủ.

Lại có vô lượng hàng Bích-chi vô học cùng với những vị sơ tâm đồng đến chỗ Phật. Nhằm ngày chư Tỳ-kheo mãn hạ Tự tứ, các vị Bồ-tát ở mười phương đến thưa hỏi để giải quyết tâm nghi, kính mong đức Phật chỉ dạy nghĩa sâu kín.

Liền khi đó đức Như Lai trải tòa ngồi yên, vì chúng hội mà chỉ bày nghĩa sâu xa. Pháp hội thanh tịnh được điều chưa từng có. Tiếng Phật nói như chim ca-lăng-tần-già vang khắp các cõi ở mười phương. Hằng sa Bồ-tát đến nhóm họp ở đàn tràng, ngài Văn-thù-sư-lợi làm bậc thượng thủ.

Hôm ấy, nhân ngày giỗ của phụ vương, vua Ba-tư-nặc thiết trai cúng dường Phật. Đích thân ông sắp bày những thức ăn ngon quý thượng vị, cung thỉnh Như Lai và các vị đại Bồ-tát vào cung cúng dường. Đồng thời trong thành cũng có những vị Trưởng giả, Cư sĩ cũng thiết lễ trai tăng, mong chờ Đức Phật đến để dâng cúng. Phật dạy ngài Văn-thù phân chia các vị Bồ-tát và A-la-hán đến nhận lễ cúng dường của các trai chủ.

Chỉ có A-nan, trước đã nhận lời thỉnh riêng, đi xa chưa trở về, nên không kịp cùng dự trong hàng tăng chúng, trên đường về chỉ có một mình, không có bậc Thượng tọa và A-xà-lê. Ngày ấy không được ai cúng dường, A-nan liền ôm bình bát đi vào trong thành, theo thứ lớp khát thực.

Trong tâm A-nan, ban đầu muốn tìm một người đàn-việt tốt sau để làm trai chủ, không luận thuộc dòng họ trong sạch hay ô uế, phát tâm viên thành vô lượng công đức cho tất cả chúng sanh.

A-nan đã biết đức Như Lai Thế Tôn quở trách Tu-bồ-đề và Đại Ca-diếp là A-la-hán mà tâm không bình đẳng. Do quý kính lời dạy của đức Như Lai đã mở bày không ngăn ngại, vượt qua hết các việc nghi ngờ chê bai của người. A-nan đi đến bên thành, thông thả bước vào cửa, oai nghi nghiêm chỉnh, kính cẩn đúng theo phép hóa trai.

Khi ấy, A-nan theo thứ lớp khát thực, đi qua nhà dâm nữ, bị Ma-đăng-già dùng đại huyền thuật với thần chú Sa-tỳ-ca-la tiên Phạm thiên, bắt vào phòng dâm, dựa kề vuốt ve làm cho ông sắp mất giới thể. Như Lai biết A-nan bị dâm thuật làm hại, nên thọ trai xong liền trở về. Vua, đại thần, trưởng giả, cư sĩ đều đi theo Phật, mong được nghe pháp yếu.

Khi ấy, đức Thế Tôn từ đánh phóng ra hào quang trăm báu vô úy. Trong hào quang sanh ra hoa sen báu ngàn cánh, có hóa thân Phật ngồi kiết già tuyên nói thần chú. Phật dạy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đem thần chú đó đến cứu hộ A-nan, tiêu diệt chú ác, dẫn A-nan và Ma-đăng-già trở về chỗ Phật.

A-nan vừa thấy Phật, đánh lễ buồn khóc, hận mình từ vô thủy đến giờ, chỉ một bề học rộng mà chưa được toàn vẹn đạo lực. Ông ân cần thỉnh Phật dạy cho các phương tiện ban đầu là Chỉ, Quán và Thiền, chư Như Lai mười phương do đây được thành tựu Bồ-đề.

Khi ấy lại có hằng sa Bồ-tát và các vị đại A-la-hán, Bích-chi Phật v.v... ở mười phương đều mong muốn được nghe, lui về ngồi yên lặng, chờ nghe lời dạy của Phật.

Phật bảo A-nan: – Ta với ông đồng một huyết thống, tình anh em thân thuộc. Khi ông mới phát tâm, đối với giáo pháp của ta, ông thấy được tướng thù thắng gì mà nhanh chóng bỏ hết những ân ái sâu nặng của thế gian?

A-nan bạch Phật: – Con thấy Như Lai có ba mươi hai tướng đẹp để phi thường, hình thể sáng rỡ ví như lưu ly. Con thường tự suy nghĩ, tướng này không phải do dục ái sanh ra. Vì sao? Vì dục ái là khí nhơ nhớp do tinh huyết giao cấu, máu mủ lẫn lộn, không thể nào phát sanh được tướng thù thắng trong sạch, sáng rỡ như một khối vàng ròng. Do đó mà con khát ngưỡng theo Phật xuất gia.

Phật bảo: – Lành thay, A-nan! Các ông nên biết, tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, sanh tử tiếp nối, đều do không biết chân tâm thường trụ là thể tánh thanh tịnh sáng suốt, chỉ dùng các vọng tưởng. Các tướng này không chân thật nên có luân chuyển. Nay ông muốn học Vô thượng Bồ-đề, phát minh tánh chân thật thì phải nên trực tâm đáp những lời ta hỏi. Như Lai mười phương ra khỏi sanh tử, đồng một con đường, đều do trực tâm. Tâm và lời nói ngay thẳng, như thế cho đến các địa vị trước sau và chặng giữa, đều không có tướng cong vạy.

I- BẢY CHỖ HỎI TÂM

Này A-nan! Nay ta hỏi ông, chính khi ông phát tâm, do duyên nơi ba mươi hai tướng tốt của Như Lai, ông dùng gì để thấy và lấy cái gì để yêu thích?

A-nan bạch Phật: – Bạch Thế Tôn, yêu thích như thế là do dùng tâm và mắt của con. Do con mắt xem thấy tướng tốt của Như Lai, rồi tâm sanh yêu thích nên con phát tâm nguyện thoát sanh tử.

Phật bảo A-nan: – Như lời ông nói, sự yêu thích đó thật là do nơi tâm và mắt. Nếu không biết tâm và mắt ở chỗ nào thì không thể hàng phục được trần lao. Ví như một vị quốc vương bị giặc xâm lấn bèn

cử binh đi dẹp trừ, thì đoàn binh ấy cần phải biết chỗ giặc ở. Khiến ông bị lưu chuyển là lỗi của tâm và mắt. Nay ta hỏi ông, tâm và mắt ấy hiện giờ ở chỗ nào?

1. Chấp tâm ở trong thân

A-nan bạch Phật: – Bạch Thế Tôn, tất cả mười loại chúng sanh khác nhau trong thế gian, đồng cho là thức tâm ở trong thân. Dù con xem thấy con mắt đẹp như hoa sen xanh của Như Lai, cũng ở trên mặt Phật. Nay con xem con mắt thô phù do bốn trần hợp lại này, cũng chỉ ở trên mặt con. Như thế thì thức tâm thật ở trong thân con.

Phật bảo A-nan: – Nay ông hiện ngồi trong giảng đường của Như Lai, xem thấy rừng cây Kỳ-đà hiện ở chỗ nào?

– Bạch Thế Tôn, giảng đường lầu các rộng lớn thanh tịnh này, ở trong vườn của ông Cấp Cô Độc, còn rừng cây Kỳ-đà, thật ở ngoài giảng đường.

– A-nan, nay ông ở trong giảng đường, trước thấy cái gì?

– Bạch Thế Tôn, con ở trong giảng đường, trước thấy Như Lai, kế thấy đại chúng, rồi nhìn ra ngoài mới trông thấy vườn rừng.

– A-nan, ông xem thấy vườn rừng là nhân cái gì mà có thấy?

– Bạch Thế Tôn, giảng đường lớn này, các cửa mở rộng, cho nên con ở trong giảng đường này thấy được ngoài xa.

Khi ấy đức Thế Tôn ở trong đại chúng duỗi cánh tay sắc vàng xoa đầu A-nan, bảo A-nan và đại chúng rằng:

– Có pháp tam-ma-đề tên là Đại Phật đánh Thủ-lăng-nghiêm vương đầy đủ muôn hạnh. Các đức Như Lai mười phương, từ một cửa đó vượt lên con đường diệu trang nghiêm. Nay ông hãy lắng nghe cho kỹ.

A-nan đánh lễ, kính nghe lời Phật dạy.

Phật bảo A-nan: – Như ông đã nói, thân ông ở trong giảng đường, nhờ cửa mở rộng nhìn xa thấy được vườn rừng. Lại có chúng sanh ở trong giảng đường này, không thấy Như Lai mà thấy ngoài giảng đường chẳng?

A-nan đáp: – Bạch Thế Tôn, ở trong giảng đường mà không thấy Như Lai, lại thấy rừng suối thì không có lý.

– A-nan, ông cũng vậy. Tâm linh của ông sáng tỏ tất cả, nếu hiện tiền tâm sáng suốt rõ ràng thật ở trong thân ông, khi ấy trước nên rõ biết trong thân. Thế có chúng sanh nào, trước thấy trong thân rồi sau mới thấy vật ở ngoài chẳng? Dù không thể thấy được tim, gan, tỳ, vị, cũng phải thấy móng tay ra, tóc dài, gân chuyển, mạch động, thật nên biết rõ, tại sao lại không biết? Nếu không biết ở trong thì làm sao biết ở ngoài. Thế nên phải biết, ông nói tâm hay hiểu biết ở trong thân, điều đó không có lý.

2. Chấp tâm ở ngoài thân

A-nan cúi đầu lễ Phật, bạch rằng: – Con nghe lời Như Lai dạy như thế, ngộ biết rằng tâm con thật ở ngoài thân. Vì sao? Ví như ngọn đèn sáng thấp ở trong nhà, đèn ấy trước phải chiếu soi trong nhà, rồi sau từ các cửa mới chiếu ra ngoài sân. Tất cả chúng sanh không thấy ở trong thân, mà riêng thấy ngoài thân, cũng như ngọn đèn sáng để ở ngoài nhà, không thể soi trong nhà được. Nghĩa này ắt rõ ràng, không thể lầm lẫn, đúng với nghĩa rốt ráo Phật nói, không hư dối chẳng?

Phật Bảo A-nan: – Các thầy Tỳ-kheo này, vừa rồi theo ta đến thành Thất-la-phật thứ lớp khát thực, ăn xong trở về rừng Kỳ-đà, ta cũng đã thọ trai. Ông xem các thầy Tỳ-kheo, khi một người ăn, những người khác có no không?

A-nan thưa: – Bạch Thế Tôn, không. Vì sao? Vì các thầy Tỳ-kheo này, tuy chứng A-la-hán, nhưng thân mạng chẳng đồng, làm sao một người ăn mà khiến những người khác no.

Phật bảo A-nan: – Nếu tâm hay biết rõ ràng của ông thật ở ngoài thân, tức thân và tâm riêng biệt không liên can gì với nhau, ắt điều gì tâm biết thì thân không thể hay, khi biết ở nơi thân thì tâm không thể rõ. Nay ta đưa cánh tay đầu-la-miên lên cho ông xem, khi mắt ông thấy, tâm có phân biệt chăng?

A-nan thưa: – Bạch Thế Tôn, có vậy.

Phật bảo A-nan: – Nếu thân tâm cùng biết thì tại sao ông nói ở ngoài thân? Thế nên biết, ông nói tâm hay hiểu biết ở ngoài thân, điều đó không có lý.

3. Chấp tâm núp trong con mắt

A-nan bạch Phật rằng: – Bạch Thế Tôn, như lời Phật dạy. Vì không thấy bên trong nên chẳng phải ở trong thân; vì thân tâm cùng biết, không hề lìa nhau, nên chẳng phải ở ngoài thân. Nay con suy nghĩ, biết nó ở một chỗ.

Phật hỏi: – Nay ở chỗ nào?

A-nan thưa: – Tâm rõ biết này, đã không biết ở trong mà hay thấy ở ngoài, theo như con nghĩ ắt là núp trong con mắt. Ví như có người mang mắt kính, tuy có vật úp lên mà không bị chướng ngại. Con mắt kia vừa thấy liền theo đó phân biệt. Tâm hay hiểu biết của con, không thấy bên trong vì nó ở nơi con mắt, nhưng lại thấy bên ngoài rõ ràng không bị ngăn ngại vì tâm núp trong con mắt.

Phật bảo A-nan: – Như lời ông nói, tâm núp trong con mắt, giống như người mang kính. Vậy người kia, chính khi cái kính úp trên con mắt, thấy được núi sông thì có thấy cái kính chăng?

– Bạch Thế Tôn, có thấy. Người ấy chính khi mang kính thật thấy được kính.

Phật bảo A-nan: – Tâm ông nếu giống như người mang kính thì chính khi thấy núi sông sao không thấy được con mắt? Nếu tâm thấy con mắt thì con mắt đồng với cảnh bên ngoài, chẳng thành nghĩa mắt vừa thấy tâm liền phân biệt. Còn nếu tâm không thể thấy con mắt thì sao lại nói tâm hay biết này núp trong con mắt như người mang kính? Thế nên phải biết, ông nói tâm hay hiểu biết núp ở trong con mắt như người mang kính, điều đó không có lý.

4. Chấp thấy tối gọi là thấy trong

A-nan bạch Phật: – Bạch Thế Tôn, nay con lại khởi suy nghĩ thế này: Nơi thân chúng sanh, có tạng phủ ở trong, khiếu huyết ở ngoài. Có tạng phủ thì tối, có khiếu huyết thì sáng. Nay con đối trước Phật, mở mắt thấy sáng gọi là thấy ngoài, nhắm mắt thấy tối gọi là thấy trong, nghĩa này thế nào?

Phật bảo A-nan: – Chính khi ông nhắm mắt thấy tối thì cảnh tối này là đối trước mắt hay không đối trước mắt? Nếu đối trước mắt thì tối ở trước mắt, làm sao mà thành ở trong thân. Nếu thành ở trong thân thì khi ở trong nhà tối, không có mặt trời, mặt trăng hoặc đèn, mọi thứ trong nhà tối này đều là tạng phủ của ông. Còn nếu tối không đối trước mắt thì làm sao mà thành thấy?

Dù loại bỏ lối thấy ra bên ngoài, mà cho rằng con mắt hướng vào trong, khi nhắm mắt thấy tối gọi là thấy trong thân, thì lúc mở mắt thấy sáng sao không thấy được mặt? Nếu chẳng thấy được mặt thì

nghĩa đối vào trong chẳng thành. Nếu thấy được mặt thì tâm rõ biết này cùng với con mắt của ông đều ở ngoài hư không, làm sao mà thành ở trong thân được. Nếu tâm và mắt ở ngoài hư không thì tự nó chẳng phải là thể của ông. Vậy lẽ ra hiện nay Như Lai thấy mặt ông cũng là thân ông sao?

Giả sử tâm xoay ngược trở vô, nhắm mắt thấy tối là thấy trong thân, thì khi mở mắt, vì nó đang xoay ngược vào, nên lẽ ra phải thấy cái mặt. Nhưng chẳng có ai thấy được mặt mình, tức nghĩa này không đúng.

Con mắt ông đã biết thì thân nên chẳng biết. Nếu không chắc rằng thân và con mắt đều biết thì phải có hai cái biết, vậy một thân ông sẽ thành hai ông Phật. Thế nên phải biết, ông nói thấy tối gọi là thấy ở trong thân, điều đó không có lý.

5. Chấp tâm tùy chỗ hợp mà có

A-nan thưa: – Con thường nghe Phật chỉ dạy bốn chúng: “Do tâm sanh nên các thứ pháp sanh, do pháp sanh nên các thứ tâm sanh.” Nay con suy nghĩ, tức cái thể suy nghĩ này thật là tâm tánh của con. Tùy nơi chỗ hợp mà tâm theo đó có, chứ không phải ở trong, ngoài và chằng giữa.

Phật bảo A-nan: – Nay ông nói do pháp sanh nên các thứ tâm sanh, tùy chỗ nào hợp, tâm theo đó mà có. Tâm ấy không có tự thể thì không có chỗ hợp. Nếu không có tự thể mà có thể hợp được, như giới thứ mười chín nhân trần thứ bảy mà hợp, nghĩa ấy không đúng.

Nếu tâm có tự thể, như ông lấy tay tự gỡ trên thân, chỗ tâm ông biết là ở trong ra hay từ ngoài vào? Nếu ở trong ra, phải thấy trong thân. Còn nếu từ bên ngoài đến, trước phải thấy cái mặt.

A-nan thưa: – Thấy là con mắt, còn tâm thì biết chẳng phải là mắt mà gọi là thấy thì không đúng nghĩa.

Phật bảo: – Nếu con mắt thấy, khi ông ở trong nhà, cái cửa có thể thấy chăng? Vậy những người đã chết con mắt vẫn còn, lẽ ra đều thấy vật. Nếu thấy vật, làm sao gọi là người chết?

Này A-nan! Lại tâm hay hiểu biết của ông, nếu có tự thể, là một thể hay nhiều thể? Nay tâm ở tại thân ông, là khắp cả thân hay không khắp thân? Nếu là một thể, thì khi ông dùng tay gỡ một chi, cả tứ chi đều cảm giác. Nếu đều cảm giác, thì chỗ gỡ lại không nhất định tại đâu. Còn nếu gỡ mà biết chỗ nơi, thì nghĩa một thể của ông không thành. Nếu có nhiều thể, thành ra nhiều người, thể nào là của ông?

Nếu tâm ở khắp thân thì đồng với trước không biết chỗ gỡ. Nếu không khắp thì chính khi ông xúc chạm trên đầu, đồng thời chạm dưới chân, nếu đầu có cảm giác, lẽ ra chân không biết, mà nay ông không phải vậy. Thế nên biết, tùy chỗ nào hợp, tâm theo đó mà có, điều đó không có lý.

6. Chấp tâm ở khoảng giữa

A-nan bạch Phật: – Bạch Thế Tôn! Con cũng nghe Phật cùng ngài Văn-thù và các vị Pháp vương tử v.v... khi bàn về thật tướng, Thế Tôn cũng nói: Tâm không ở trong, cũng không ở ngoài. Như con suy nghĩ, ở trong thì không thể thấy gì, còn ở ngoài thì thân, tâm không cùng biết. Vì tâm không biết ở trong, nên nghĩa ở trong không thành. Vì thân tâm cùng biết, nên nói tâm ở ngoài là không đúng. Nay thân và tâm cùng biết, lại không thấy được bên trong, vậy là tâm chắc ở khoảng giữa.

Phật bảo: – Ông nói tâm ở khoảng giữa, chỗ giữa đó ắt không lẫn lộn, chẳng phải không có chỗ nơi. Nay ông nghĩ khoảng giữa đó, ở tại chỗ nào? Là ở cảnh hay tại thân? Nếu tại thân thì nó ở một bên chứ không phải là giữa, nếu ở giữa thân thì đồng với ở trong thân rồi. Nếu nó ở tại cảnh, có chỗ nêu ra hay không có chỗ nêu? Nếu không có chỗ nêu ra thì đồng với không có; còn nếu có chỗ nêu, chỗ đó ắt không nhất định. Vì sao? Như người lấy cây nêu đặt làm điểm giữa, người đứng bên đông nhìn

thấy nó ở phía bên tây, đứng phương nam nhìn thì nó ở phía bắc. Việc chỉ ra hướng nêu đã lẫn lộn, thì tâm cũng rối loạn.

A-nan thưa: – Con nói khoảng giữa đó, không phải hai thứ này. Như Thế Tôn nói: Con mắt đối với sắc làm duyên, sanh ra nhãn thức. Mắt có phân biệt, còn sắc trần không biết, thức sanh trong khoảng ấy, ấy là chỗ của tâm.

Phật bảo: – Tâm ông nếu ở giữa căn và trần, thì thể của tâm này gồm cả hai thứ hay chẳng gồm hai? Nếu gồm cả hai thì vật (sắc trần) và thể (nhãn căn) lộn xộn: vật thì không biết, thể thì biết, thành ra hai cái đối lập nhau, làm sao có khoảng giữa? Gồm cả hai bên không thành, vì chẳng phải biết cũng chẳng phải không biết, tức là không có thể tánh, lấy gì làm tướng giữa? Thế nên biết, tâm ở chạng giữa là không có lý vậy.

7. Chấp tất cả không dính mắc gọi là tâm

A-nan bạch Phật rằng: – Bạch Thế Tôn, trước đây con thấy Phật cùng với bốn vị đại đệ tử là Đại Mục-kiền-liên, Tu-bồ-đề, Phú-lâu-na và Xá-lợi-phất đồng chuyển pháp luân, thường nói: Tâm tánh hiểu biết phân biệt đã không ở trong cũng không ở ngoài, không ở chạng giữa, đều không ở đâu cả, tất cả không dính mắc gọi đó là tâm. Vậy cái không dính mắc của con, gọi đó là tâm chăng?

Phật bảo A-nan: – Ông nói tâm tánh hiểu biết phân biệt đó, đều không có chỗ nơi, các vật tượng trên thế gian, như các loài ở trong hư không, thủy, lục, phi hành, gọi là tất cả. Vậy ông không dính mắc đó, là có hay là không? Nếu không thì đồng với lông rùa, sừng thỏ, làm sao nói không dính mắc? Nếu có “không dính mắc” thì không thể gọi là không. Không tướng là không, còn không phải không tức có tướng, mà có tướng thì có chỗ nơi, làm sao gọi là không dính mắc? Thế nên phải biết, tất cả không dính mắc, gọi là tâm hiểu biết của ông thì không đúng vậy.

II. CHỈ RA TÁNH THẤY

Khi ấy A-nan ở trong đại chúng, từ chỗ ngồi đứng dậy, chệch áo bày vai phải, quỳ gối phải xuống đất, chắp tay cung kính bạch Phật rằng:

– Con là em út của Phật, nhờ Phật thương xót, nay tuy được xuất gia, vẫn còn y lại lòng thương yêu của Phật. Do đó chỉ học nhiều mà chưa được vô lậu, không thể chiết phục thần chú Sa-tỳ-la, bị chú làm lay chuyển, phải sa vào nhà dâm, chính là do không biết được mé chân thật để đến. Cúi mong Thế Tôn mở lòng đại từ thương xót, chỉ dạy cho chúng con con đường thiên định (xa-ma-tha), khiến những người không có lòng tin (xiển-đề) trừ bỏ được các tà kiến.

A-nan thưa thỉnh xong, gieo năm vóc xuống đất, cùng với đại chúng đều khát ngưỡng trông chờ được nghe lời chỉ dạy của Phật.

Khi ấy đức Thế Tôn từ cửa mặt phóng ra các thứ hào quang. Các hào quang ấy sáng rỡ như trăm ngàn mặt trời, soi khắp các cõi Phật, có sáu thứ chấn động. Như thế các cõi nước ở mười phương nhiều như số vi trần đồng thời hiện ra. Do oai thần của Phật khiến các thế giới hợp thành một thế giới. Trong thế giới ấy có tất cả các vị đại Bồ-tát, đều ở tại nước mình chắp tay chờ nghe Phật dạy.

Phật bảo A-nan: – Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, theo các thứ điên đảo, tự nhiên tạo giống nghiệp như chùm ác-xoa. Những người tu hành không thể thành được Vô thượng Bồ-đề, mà chỉ thành Thanh văn, Duyên giác và thành ngoại đạo, chư thiên, ma vương và quyến thuộc của ma, đều do không biết hai thứ căn bản, tu tập sai lầm. Họ giống như nấu cát mà muốn thành cơm ngon, dù trải qua số kiếp như vi trần, trợn không thể được.

Thế nào là hai thứ căn bản? Nay A-nan, một là cội gốc sanh tử từ vô thủy, chính hiện nay ông cùng các chúng sanh, dùng tâm phan duyên cho là tự tánh. Hai là Bồ-đề Niết-bàn từ vô thủy, vốn là bản thể thanh tịnh, chính nay là thức tinh nguyên minh của ông, hay sanh ra các duyên, nhưng khi theo duyên thì bỏ quên nó. Do các chúng sanh bỏ quên bản minh này, nên tuy trọn ngày dùng nó mà không tự biết, luống vào trong các nẻo.

– Nay A-nan! Nay ông muốn biết con đường thiền định, mong ra khỏi sanh tử, ta lại hỏi ông.

Liền khi đó, Như Lai đưa cánh tay sắc vàng, co năm ngón lại, hỏi A-nan rằng:

– Nay ông thấy chăng?

A-nan thưa: – Thấy.

Phật hỏi: – Ông thấy cái gì?

A-nan thưa: – Con thấy Như Lai đưa cánh tay lên, co năm ngón làm thành nắm tay sáng rõ, chiếu rọi vào tâm mắt con.

Phật bảo: – Ông lấy cái gì để thấy?

A-nan thưa: – Con cùng đại chúng đều dùng con mắt thấy.

Phật bảo: – A-nan! Nay ông trả lời ta rằng Như Lai co năm ngón lại thành nắm tay sáng rõ, chiếu vào tâm mắt ông. Mắt ông có thể thấy, vậy lấy gì làm tâm để biết được nắm tay sáng rõ của ta?

A-nan thưa: – Hôm nay đức Như Lai gạn hỏi tâm ở chỗ nào, con dùng tâm suy xét cùng tột để tìm kiếm, cái hay suy xét đó con cho là tâm của con.

Phật bảo: – Dốt! A-nan! Cái này không phải là tâm của ông.

A-nan hoảng sợ, rời khỏi chỗ ngồi đứng dậy chấp tay bạch Phật: – Cái ấy không phải là tâm con, vậy nên gọi là gì?

Phật bảo A-nan: – Đây là tướng tượng hư dối của tiền trần, ông lầm cho là chân tánh. Do ông từ vô thủy đến đời nay nhận giặc làm con, bỏ mất tánh nguyên thường của ông, nên phải bị luân chuyển.

A-nan bạch Phật: – Bạch Thế Tôn! Con là em cưng của Phật, vì tâm yêu mến Phật nên con xuất gia. Tâm con đâu riêng cúng dường Như Lai, cho đến trải khắp cõi nước hằng sa, phụng sự chư Phật và thiện tri thức, phát tâm đại dũng mãnh, làm tất cả các pháp sự khó làm, đều dùng cái tâm này. Dầu cho con có hủy báng chánh pháp, hằng lui sụt căn lành cũng nhân tâm này. Nếu Phật phát minh đó không phải là tâm, vậy là con không có tâm, đồng như cây như đất. Vì ngoài hiểu biết này, đâu còn gì nữa! Tại sao đức Như Lai bảo đây không phải là tâm? Con thật là kinh sợ, và cả đại chúng này thấy đều nghi ngờ. Cúi xin Như Lai rủ lòng đại bi chỉ dạy cho người chưa ngộ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn chỉ dạy cho A-nan và đại chúng, muốn khiến cho tâm vào vô sanh pháp nhẫn, nên ở trên tòa sư tử, xoa đầu A-nan mà bảo rằng: – Như Lai thường nói, các pháp sanh ra chỉ do tâm hiện; tất cả nhân quả, thế giới, vi trần cũng nhân tâm mà thành thể. Nay A-nan! Như tất cả những thứ có trong các thế giới, cho đến lá cây, cọng cỏ, sợi dây, cái gút, tìm căn nguyên của nó đều có thể tánh; dù cho hư không cũng có tên, có tướng, huống là tâm sáng suốt thanh tịnh nhiệm màu, là tánh của tất cả tâm mà không có tự thể sao? Nếu ông chấp chặt cái hay biết suy xét phân biệt, quyết cho là tâm ông, tâm này lẽ ra khi lìa tất cả các sự nghiệp trần cảnh: sắc, hương, vị, xúc v.v... riêng có toàn tánh.

Như nay ông lắng nghe ta nói pháp, đó là nhân nơi tiếng mà có phân biệt. Dù dứt tất cả thấy nghe hiểu biết, giữ cái thảnh lặng bên trong cũng vẫn là việc phân biệt bóng dáng pháp trần.

Ta không bảo ông chấp là chẳng phải tâm. Nhưng đối với tâm này, ông phải chín chắn suy xét. Nếu lìa tiền trần mà có tánh phân biệt mới thật là tâm ông; còn nếu lìa tiền trần, tánh phân biệt không có tự thể, đây ắt là việc phân biệt bóng dáng tiền trần.

Trần thì chẳng thường trụ, khi nó biến mất, tâm này đồng với lòng rùa sừng thỏ, thì pháp thân ông đồng với đoạn diệt, vậy lấy gì để tu chứng vô sanh pháp nhẫn?

Khi ấy, A-nan cùng đại chúng lặng thinh, tự mất.

Phật bảo A-nan: – Tất cả những người tu học trong thế gian, hiện tiền tuy được cửu thứ đệ định mà không được lậu tận thành A-la-hán, đều do chấp vọng tưởng sanh tử này, lầm cho là chân thật. Thế nên, nay ông tuy học rộng nghe nhiều mà không thành Thánh quả.

A-nan nghe rồi lại buồn khóc, nắm tóc gieo xuống đất, quỳ gối chấp tay bạch Phật rằng: – Từ khi con theo Phật phát tâm xuất gia, chỉ ý lại oai thần của Phật, thường tự suy nghĩ, con không cần phải tu hành nhọc nhằn, cho rằng Như Lai sẽ ban cho con tam-muội. Chẳng biết thân tâm vốn không thể thay nhau, bỏ mất bản tâm của con, nên tuy thân xuất gia mà tâm không vào đạo, ví như người cùng tử bỏ cha trốn đi lang thang. Ngày nay mới biết, tuy được học rộng, nếu không tu hành thì cùng người không học giống nhau, như người nói ăn trọn chẳng thể no.

Bạch Thế Tôn! Ngày nay chúng con bị hai chướng trói buộc, do vì không biết được tâm tánh lặng lẽ thường trụ. Cúi mong Như Lai thương xót kẻ cùng khổ, phát khởi tâm nhiệm màu sáng suốt, mở con mắt đạo cho chúng con.

Liền khi ấy, từ chữ Vạn trên ngực đức Như Lai, phóng ra một đạo hào quang báu. Hào quang ấy sáng rỡ, có trăm ngàn màu sắc, một lúc soi khắp các thế giới chư Phật mười phương nhiều như số vi trần. Hào quang chiếu khắp trên đảnh chư Như Lai ở các cõi Phật trong mười phương, rồi trở lại soi đến A-nan và đại chúng.

Phật bảo A-nan rằng: – Nay ta vì ông dựng lập pháp tràng lớn, cũng khiến cho tất cả chúng sanh trong mười phương được tâm tánh trong sáng sâu kín nhiệm màu, được con mắt đạo thanh tịnh.

1. Tánh thấy biết chính là tâm

Này A-nan, trước ông trả lời với ta là thấy nắm tay sáng rỡ. Vậy nắm tay sáng rỡ này nhân đâu mà có? Vì sao mà thành nắm tay? Ông dùng cái gì mà thấy?

A-nan thưa: – Do toàn thân Phật như vàng Diêm-phù-đàn, sáng rỡ như hòn núi báu, từ trong sạch sanh ra, nên có hào quang chiếu sáng. Con thật dùng mắt xem thấy năm ngón tay của Phật co nắm lại để chỉ cho người, nên có tướng nắm tay.

Phật bảo A-nan: – Hôm nay Như Lai thật bảo ông, những người có trí cần do ví dụ mà được khai ngộ. Này A-nan! Ví như nắm tay của ta, nếu không có bàn tay thì không thành nắm tay, nếu không có con mắt của ông thì không thành cái thấy của ông. Lấy con mắt ông so với nắm tay ta, nghĩa lý đó có đồng chẳng?

A-nan thưa: – Bạch Thế Tôn! Đúng vậy. Không có con mắt của con thì không thành cái thấy của con. Dem con mắt của con so với nắm tay của Phật, nghĩa ấy đồng nhau.

Phật bảo A-nan: – Ông nói đồng nhau, nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Như người không bàn tay thì hẳn là không có nắm tay. Còn người không có con mắt kia, chẳng phải hoàn toàn không thấy. Bởi tại sao?

Ông thử ra đường hỏi những người mù: “Anh thấy cái gì?” Những người mù kia ắt sẽ đáp với ông: “Nay trước mắt tôi chỉ thấy tối đen, không thấy gì khác.” Lấy nghĩa này quán xét thì tiền trần tự tối, chứ cái thấy nào có thiếu kém.

A-nan thưa: – Những người mù trước mắt chỉ thấy tối đen thì làm sao mà thành thấy?

Phật bảo A-nan: – Những người mù không mắt chỉ thấy tối đen, cùng với người có mắt sáng ở trong nhà tối, hai cái tối ấy khác nhau hay không khác?

– Bạch Thế Tôn! Đúng vậy, người mắt sáng ở trong nhà tối, cùng với những người mù, đem hai cái tối so với nhau không hề có khác.

– A-nan! Nếu người mù thấy phía trước hoàn toàn tối đen, chợt được sáng mắt, đối với tiền trần, lại thấy được những thứ hình sắc, gọi là mắt thấy. Vậy thì người mắt sáng ở trong nhà tối kia, thấy trước mắt toàn tối đen, chợt được đèn sáng, đối với tiền trần cũng thấy các thứ hình sắc, lẽ ra nên gọi là đèn thấy.

Nếu là đèn thấy thì đèn hay có thấy, tự không gọi là đèn. Lại nữa, nếu đèn thấy thì đâu có quan hệ đến việc của ông? Thế nên phải biết, đèn hay hiển bày các hình sắc, còn thấy là mắt chứ không phải đèn. Mắt hay hiển sắc, như vậy tánh thấy là tâm chứ chẳng phải mắt.

A-nan cùng với đại chúng tuy được nghe lời này, miệng đã lặng thinh mà tâm chưa khai ngộ, vẫn mong Như Lai dùng từ âm chỉ dạy, nên chấp tay lắng lòng trông chờ Phật thương xót dạy bảo.

2. Tánh thấy không động

Khi ấy, Thế Tôn duỗi cánh tay đầu-la-miên sáng rỡ, xòe năm ngón ra bảo A-nan và đại chúng: – Lúc ta mới thành đạo ở trong vườn Lộc dã, vì năm vị Tỳ-kheo A-nhã-đa v.v... và bốn chúng các ông, nói rằng tất cả chúng sanh không thành Bồ-đề và A-la-hán, đều do khách trần phiền não làm mê lầm. Chính khi đó, các ông nhân đâu được khai ngộ mà ngày nay thành Thánh quả?

Khi ấy Kiều-trần-na đứng dậy bạch Phật: – Nay con là Trưởng lão, ở trong đại chúng riêng được tên là Giải, nhân ngộ hai chữ khách trần mà thành đạo quả.

Bạch Thế Tôn! Ví như người khách đi đường dừng nghỉ ở quán trọ, hoặc để ngủ, hoặc để ăn, việc ăn ngủ xong rồi, sửa soạn hành trang lên đường, không ở lại nữa. Nếu thật là người chủ thì họ không đi đâu. Như vậy con suy nghĩ: không dừng trụ gọi là khách, còn trụ gọi là người chủ. Do không dừng trụ nên có nghĩa khách.

Lại khi trời mưa mới tạnh, mặt trời lên cao trong trẻo, ánh sáng soi vào các kẽ hở hiện rõ các tướng bụi trần trong hư không. Tính chất của bụi trần thì dao động, còn hư không lặng yên. Như thế con suy nghĩ: Lặng yên gọi là hư không, dao động gọi là bụi trần. Do dao động nên có nghĩa trần.

Phật bảo: – Đúng thế?

Liền đó, Như Lai ở trong đại chúng co năm ngón tay, nắm rồi lại xòe, xòe rồi lại nắm. Ngài hỏi A-nan: – Nay ông thấy gì?

A-nan thưa: – Con thấy bàn tay trăm báu của Như Lai ở trong chúng xòe ra rồi nắm lại.

Phật bảo A-nan: – Ông thấy tay ta ở trong chúng xòe nắm, đó là tay ta có xòe có nắm hay cái thấy của ông có xòe có nắm?

A-nan thưa: – Tay báu của đức Thế Tôn ở trong chúng xòe nắm. Con thấy tay Như Lai tự xòe nắm, chứ không phải tánh thấy của con có xòe có nắm.

Phật hỏi: – Cái nào động, cái nào tịnh?

A-nan thưa: – Tay Phật không dừng, tánh thấy của con còn không tịnh, thì đâu có gì là động.

Phật bảo: – Đúng thế!

Bấy giờ từ trong lòng bàn tay của đức Như Lai phóng ra một đạo hào quang báu đến bên phải A-nan, A-nan liền xoay đầu qua phải nhìn. Phật lại phóng một đạo hào quang đến bên trái A-nan, A-nan lại xoay đầu qua trái nhìn.

Phật hỏi A-nan: – Đầu ông hôm nay có sao dao động?

A-nan thưa: – Con thấy Như Lai phóng hào quang báu nhiệm màu đến bên phải bên trái con, nên con nhìn sang trái sang phải, khiến đầu tự dao động.

– A-nan! Ông nhìn hào quang Phật, đầu xoay qua phải qua trái. Vậy đầu của ông động hay cái thấy động?

– Bạch Thế Tôn! Đầu con tự dao động, chứ tánh thấy của con còn không có dừng, nói gì là dao động.

Phật bảo: – Đúng thế!

Khi ấy đức Như Lai bảo khắp đại chúng: – Nếu lại có chúng sanh cho cái dao động gọi là trần, cho không dừng trụ gọi là khách. Các ông xem đầu của A-nan tự dao động, còn cái thấy không động. Lại nữa, các ông xem tay ta tự xòe nắm, còn cái thấy không có co mở. Tại sao nay các ông lại lấy cái động làm thân, lấy động làm cảnh? Từ đầu đến cuối, niệm niệm sanh diệt, quên mất chân tánh, làm việc điên đảo; đã bỏ mất tâm tánh chân thật, còn nhận vật làm mình, luân hồi trong ấy, tự chịu sự lưu chuyển.

3. Tánh thấy không hoại diệt

Khi ấy A-nan và đại chúng nghe Phật chỉ dạy, thân tâm thư thái nhẹ nhàng, nghĩ mình từ vô thủy đến nay bỏ mất bản tâm, lầm nhận sự phân biệt bóng dáng duyên trần, ngày nay được khai ngộ, như đứa bé mất sữa bỗng gặp mẹ hiền. Chắp tay lễ Phật, mong nghe Như Lai chỉ bày ở nơi thân tâm, cái nào là chân, vọng, hư, thật; hiện tiền phát minh hai tánh sanh diệt và chẳng sanh diệt.

Khi ấy vua Ba-tư-nặc đứng dậy bạch Phật: – Xưa khi con chưa được gặp và nghe Phật chỉ dạy, thấy Ca-chiên-diên, Tỳ-la-chi Tử đều nói thân này sau khi chết sẽ đoạn diệt, gọi là Niết-bàn. Con tuy được gặp Phật, nay vẫn còn hồ nghi, làm sao để sáng tỏ, chứng biết tánh không sanh diệt nơi tâm này. Nay trong đại chúng đây, những người còn hữu lậu thấy đều mong được nghe.

Phật bảo: – Đại vương, thân ông hiện đang sống, nay ta lại hỏi ông. Thân thịt của ông đây là đồng với kim cang thường trụ không hoại hay là biến hoại?

– Bạch Thế Tôn, thân con hiện nay đây rốt cuộc cũng thay đổi và hoại diệt.

Phật bảo: – Đại vương, ông chưa từng chết, làm sao biết nó sẽ chết?

– Bạch Thế Tôn, thân vô thường biến hoại của con đây tuy chưa từng chết, nhưng con xem hiện tiền niệm niệm đổi dời mãi không dừng, như lửa tàn thành tro, dần dần tiêu mất. Vì hoại diệt không dừng nên con biết chắc chắn thân này sẽ diệt mất.

Phật bảo: – Đúng thế, Đại vương! Nay ông tuổi đã già yếu, diện mạo có giống như khi còn trẻ không?

– Bạch Thế Tôn! Ngày xưa con còn bé, da dẻ tươi nhuận. Đến tuổi trưởng thành thì khí huyết đầy đủ. Ngày nay tuổi già ép ngặt thành ra suy yếu, hình sắc khô gầy, tinh thần mờ tối, tóc bạc da nhăn, sự chết không còn bao lâu nữa, làm sao có thể sánh được với lúc còn sung thịnh.

Phật bảo: – Đại vương, hình dung của ông đâu có già liền?

Vua thưa: – Bạch Thế Tôn, sự biến hóa thâm dời đổi, con thật không biết, nóng lạnh đổi thay, dần đến như thế này. Vì sao? Lúc con hai mươi tuổi, tuy gọi là thiếu niên nhưng dung mạo đã già hơn khi mười tuổi. Khi ba mươi tuổi lại già hơn lúc hai mươi. Đến nay sáu mươi hai tuổi, xem lại khi năm mươi tuổi, rõ ràng lúc đó cường tráng hơn.

Bạch Thế Tôn, con thấy nó thâm dời đổi. Tuy cái già này thay đổi trong khoảng hạn kỳ là mười năm, nhưng nếu bảo con suy nghĩ chín chắn, chẳng những nó biến đổi trong một kỷ, hai kỷ, mà thật là thay đổi từng năm. Không những dời đổi từng năm mà còn biến hóa từng tháng. Đâu những biến hóa từng tháng, lại hay thay đổi từng ngày. Nghĩ cùng xét kỹ thì nó thay đổi trong từng sát-na, trong khoảng mỗi niệm không hề dừng trụ. Nên biết thân con trọn theo sự biến đổi hoại diệt.

Phật bảo: – Đại vương, ông thấy sự biến hóa dời đổi không dừng, nên ngộ biết thân ông phải hoại diệt. Cũng chính khi đang diệt đó, ông biết trong thân có cái chẳng diệt không?

Vua Ba-tư-nặc chấp tay bạch Phật:

– Con thật không biết.

Phật bảo: – Nay ta chỉ cho ông tánh không sanh diệt. Nay Đại vương, lúc ông bao nhiêu tuổi thì thấy nước sông Hằng?

Vua thưa: – Khi con được ba tuổi, mẹ con dẫn đến yết kiến thần Kỳ-bà thiên, đi qua dòng sông này. Khi ấy con được thấy nước sông Hằng.

Phật bảo: – Nay Đại vương, như lời ông nói, khi hai mươi tuổi thì già hơn lúc mười tuổi, cho đến sáu mươi tuổi, năm tháng ngày giờ, niệm niệm dời đổi. Vậy khi ba tuổi ông xem thấy sông Hằng, đến mười ba tuổi thấy nước sông này thế nào?

Vua thưa: – Như khi ba tuổi, rõ ràng không khác. Cho đến hiện nay con sáu mươi hai tuổi cũng thấy không có khác.

Phật bảo: – Nay ông tự cảm thương tóc bạc da nhăn, mặt ông thì nhất định phải nhăn hơn khi còn trẻ. Vậy hiện nay ông thấy sông Hằng so với khi còn bé thấy sông Hằng, cái thấy đó có trẻ có già chăng?

Vua thưa: – Bạch Thế Tôn! Không.

Phật bảo: – Nay Đại vương, mặt ông tuy nhăn mà tánh thấy này chưa từng nhăn. Cái gì nhăn thì biến đổi, cái không nhăn thì không biến đổi. Cái biến đổi thì phải chịu hoại diệt, còn cái không biến đổi kia vốn không sanh diệt, làm sao trong đó lại chịu sanh tử của ông, mà ông còn dẫn những lời của chúng Mạt-già-lê kia, nói thân này sau khi chết hoàn toàn tiêu diệt?

Vua nghe lời này, tin biết sau khi bỏ thân này sẽ sanh thân khác, cùng với đại chúng vui mừng nhảy nhót, được điều chưa từng có.

4. Tánh thấy không điên đảo

A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy lễ Phật, chấp tay quỳ bạch: – Bạch Thế Tôn, nếu tánh thấy nghe này thật không sanh diệt, tại sao Thế Tôn gọi chúng con là bỏ mất chân tánh, làm việc điên đảo? Vậy mong Ngài khởi lòng từ bi rửa sạch trần cấu cho chúng con.

Liền khi ấy Như Lai duỗi cánh tay sắc vàng, năm ngón chỉ xuống đất bảo A-nan rằng: – Nay ông thấy tay mẫu-đà-la của ta là thuận hay nghịch?

A-nan thưa: – Chúng sanh ở thế gian cho đây là nghịch, mà con thì không biết sao là thuận, sao là nghịch.

Phật bảo A-nan: – Nếu người thế gian cho đây là nghịch, vậy họ gọi thế nào là thuận?

A-nan thưa: – Như Lai đưa cánh tay đầu-la-miên lên, ngón tay chỉ lên hư không thì gọi là thuận.

Phật liền đưa cánh tay lên, bảo A-nan rằng: – Điên đảo là như thế, chỉ là đầu đuôi đối nhau, những người thế gian phần nhiều đều thấy vậy. Nên biết, thân ông cùng với pháp thân thanh tịnh của chư Phật, so sánh để phát minh: thân Như Lai gọi là chánh biến tri, thân của các ông gọi là tánh điên đảo. Ông xem xét kỹ thân Phật và thân ông, cái danh từ điên đảo ấy, ở chỗ nào gọi là điên đảo?

Khi ấy A-nan cùng đại chúng nhìn sững Phật không nháy mắt, không biết nơi thân tâm này điên đảo ở chỗ nào?

Phật khởi lòng từ bi thương xót A-nan và đại chúng, phát tiếng nói như hải triều bảo khắp hội chúng: – Nay các thiện nam tử, ta thường nói rằng: Sắc, tâm, các duyên và tâm sở, cùng các pháp sở duyên đều do tâm hiện. Thân ông và tâm ông đều là vật hiện ra trong diệu minh chân tinh diệu tâm. Tại sao các ông lại bỏ sót bản diệu viên diệu minh tâm, bảo minh diệu tánh, mà nhận cái mê trong ngộ?

Mờ tối làm hư không, trong hư không tối tăm đó kết cái tối làm sắc. Sắc xen tạp với vọng tưởng, lấy tướng vọng tưởng cho là thân. Nhóm các duyên lăng xăng bên trong, giống ruồi theo cảnh bên ngoài, cho cái tướng mờ mịt lăng xăng đó là tâm tánh. Một khi lầm là tâm thì quyết định lầm nó ở trong thân.

Không biết sắc thân cho đến núi sông, hư không, đại địa bên ngoài đều là vật ở trong diệu minh chân tâm. Ví như bỏ đi trăm ngàn biển cả trong lặn, chỉ nhận một hòn bọt nổi, cho là toàn thể nước của tất cả biển lớn. Các ông là nhóm người trong mê, như cánh tay duỗi xuống không khác. Như Lai nói là đáng thương xót vậy!

5. Tánh thấy không chỗ trả về

A-nan vâng nghe lời Phật từ bi chỉ dạy rồi, khóc lóc chấp tay bạch Phật rằng: – Tuy con được nghe lời Phật dạy nhiệm màu như thế, ngộ được tâm diệu minh vốn là tâm địa viên mãn thường trụ. Nhưng con ngộ đây là do tiếng Pháp của Phật vừa dạy, cũng dùng tâm phan duyên chỉ thành chiêm ngưỡng. Con chỉ luống được tâm này, chứ chưa dám nhận là bản nguyên tâm địa. Vậy mong Phật thương xót dùng viên âm chỉ dạy, nhổ gốc nghi cho con để trở về với đạo Vô thượng.

Phật bảo A-nan: – Các ông còn dùng tâm phan duyên nghe pháp thì pháp này cũng thuộc về duyên, chẳng phải được pháp tánh. Như người dùng ngón tay chỉ mặt trăng cho người khác, người kia nhận ngón tay nên thấy được mặt trăng. Nếu lại xem ngón tay cho là mặt trăng, người này đâu chỉ quên mất mặt trăng mà còn bỏ mất ngón tay.

Vì sao? Vì cho ngón tay chỉ là mặt trăng sáng, không những bỏ mất ngón tay, mà còn không biết được sáng với tối. Vì sao? Vì cho thể ngón tay là tánh mặt trăng sáng, tức không rõ hai tánh sáng và tối. Ông cũng như thế, nếu cho cái phân biệt tiếng ta nói pháp là tâm ông thì tâm này tự nên là sự phân biệt tiếng mà vẫn có tánh phân biệt. Ví như có người khách nghỉ ở nhà trọ, tạm dừng rồi đi chứ không ở mãi, còn người chủ nhà trọ thì chẳng đi đâu, ấy gọi là chủ nhà.

Đây cũng như vậy, nếu thật là tâm của ông thì không đi đâu. Tại sao lại tiếng lại không có tánh phân biệt? Nói như vậy, đâu chỉ tâm phân biệt tiếng mà tâm phân biệt hình dung, nếu là các sắc tướng cũng không có tánh phân biệt. Như thế cho đến cái phân biệt đều không, chẳng phải sắc, chẳng phải không, mà nhóm Câu-xá-ly v.v... làm cho là minh đế. Nếu là các pháp duyên không có tánh phân biệt, thì tâm tánh ông đều có chỗ trả về, sao gọi là chủ được?

A-nan thưa: – Nếu tâm tánh của con mỗi mỗi đều có chỗ trả về thì tại sao Như Lai nói diệu minh nguyên tâm không trả về đâu? Cúi mong Ngài thương xót vì con mà chỉ dạy.

Phật bảo A-nan: – Tánh thấy sáng suốt của ông thấy ta, tánh thấy này tuy không phải là diệu tinh minh tâm, nhưng nó như mặt trăng thứ hai, không phải bóng mặt trăng.

Ông nên nghe kỹ, nay ta sẽ chỉ cho ông chỗ không thể trả về. A-nan, giảng đường lớn này khi mở rộng cửa về phương đông, mặt trời lên thì có ánh sáng chiếu rọi, vào đêm không trăng, mây mù mờ mịt thì tối tăm. Nơi các cửa mở thì thấy thông suốt, khoảng tường vách lại thấy bít lấp. Chỗ phân biệt được thì lại thấy cảnh duyên, chỗ trống rỗng toàn là hư không. Cảnh sắc mù mịt thuộc về bụi bặm tối tăm, mưa tạnh trời lặng thì thấy trong trẻo.

Này A-nan, ông xem các tướng biến hóa này. Nay mỗi thứ ta đều trả về bản nhân của nó. Thế nào là bản nhân? Này A-nan, các thứ biến hóa này, sáng trả về cho mặt trời. Vì sao? Vì không mặt trời thì không sáng, ánh sáng nhân nơi mặt trời, nên trả về mặt trời, cái tối trả về cho đêm không trăng. Thông suốt trả về cửa nẻo, ngăn bít trả về tường vách. Cảnh duyên trả về cho phân biệt, trống rỗng trả về hư không. Mù mịt trả về cho bụi bặm, trong sáng trả về trời tạnh. Tất cả mọi vật có trong thế gian không ngoài những thứ này.

Còn tánh thấy sáng suốt của ông thấy được tám thứ này, ông muốn trả về đâu? Vì sao? Nếu trả về cho sáng thì khi tối đến không thể thấy được tối. Tuy sáng tối v.v... các thứ có sai biệt, cái thấy không hề sai biệt. Những thứ có thể trả về, tất nhiên chẳng phải là ông, còn cái ông không thể trả về đó, không phải ông thì là gì? Thế nên biết, tâm ông vốn là nhiệm màu thanh tịnh sáng suốt, ông tự mê muội làm mất cái gốc, phải chịu luân hồi, thường bị trôi lăn trong sanh tử. Thế nên Như Lai nói là đáng thương xót vậy!

6. Tánh thấy không phải là vật

A-nan thưa: – Con tuy biết tánh thấy này không trả về đâu, nhưng làm sao biết nó là chân tánh của con?

Phật bảo A-nan: – Nay ta hỏi ông, ông chưa được vô lậu thanh tịnh, nhờ thần lực của Phật mà thấy cõi Sơ thiên không chướng ngại. A-na-luật thì thấy cõi Diêm-phù-đề như xem trái yêm-ma-la để trong lòng bàn tay. Các vị Bồ-tát v.v... thấy trăm ngàn thế giới. Chư Phật mười phương đều thấy cùng tận các cõi nước thanh tịnh như số vi trần, không chỗ nào chẳng thấy. Chúng sanh thì nhìn thấy không quá phân tặc.

Này A-nan, ta cùng ông xem cung điện Tứ thiên vương, khoảng giữa xem khắp những loài ở dưới nước, trên đất liền, trong hư không, tuy có các thứ hình tượng tối sáng, đều là tiền trần phân biệt

làm chương ngại. Ông nên ở nơi đó phân biệt cái nào là mình, cái nào là vật. Nay ta cho ông chọn lựa trong cái thấy đó, cái gì là thể của ông, cái gì là hình tượng của sự vật.

A-nan, tốt cùng cội nguồn cái thấy của ông, từ các cung mặt trời mặt trăng..., là vật chứ không phải ông; cho đến Thất kim sơn, xem kỹ cùng khắp, tuy có các thứ ánh sáng, cũng là vật chứ không phải ông. Dần đến xem thấy mây nổi, chim bay, gió động, bụi dấy, cây cối, núi sông, rau cỏ, người thú, đều là vật chứ không phải ông.

Này A-nan! Tính chất các vật gần xa tuy có sai khác, nhưng đều do tánh thấy trong sạch của ông xem thấy. Vậy các vật kia tự có sai biệt, còn tánh thấy thì không khác. Tánh thấy sáng suốt nhiệm màu này thật là tánh thấy của ông.

Nếu tánh thấy là vật thì ông cũng thấy cái thấy của ta. Nếu khi cùng thấy gọi là thấy cái thấy của ta, thì khi ta không thấy sao ông không thấy được chỗ không thấy của ta? Nếu ông thấy được cái không thấy, thì tự nhiên đó không phải là tướng không thấy kia. Nếu ông không thấy được chỗ không thấy của ta, thì tự nhiên cái thấy không phải vật, sao lại không phải là ông?

Lại nay khi ông thấy vật, ông đã thấy vật thì vật cũng phải thấy ông. Như vậy thì thể tánh rối loạn, ông với ta cùng cả thể gian không an lập được.

Này A-nan, nếu khi ông thấy, ấy là ông chứ không phải ta, tánh thấy khắp giáp đó không phải là ông thì còn là ai? Tại sao lại tự nghi chân tánh của ông? Tánh của ông mà ông không chịu nhận, lại đến cầu ta chỉ cho cái thật.

7. Tánh thấy không ngại

A-nan bạch Phật rằng: – Bạch Thế Tôn, nếu tánh thấy này hẳn là con, không phải gì khác, thì khi con cùng Như Lai xem bảo điện thù thắng của Tứ thiên vương ở cung mặt trời mặt trăng, cái thấy này trùm khắp cả cõi Ta-bà, khi lui về tịnh xá chỉ thấy cảnh chùa, trở vào gian nhà thanh tâm chỉ xem thấy phòng nhà. Bạch Thế Tôn, cái thấy này như thế, thể của nó xưa nay cùng khắp một cõi, nay ở trong nhà chỉ thấy khắp trong nhà. Vậy cái thấy này rút lớn thành nhỏ, hay bị tường vách ép lại khiến cho đứt đoạn? Nay con không biết nghĩa này thế nào, cúi mong Ngài rộng lòng từ bi vì con giảng rõ.

Phật bảo A-nan: – Tất cả các thứ lớn nhỏ trong ngoài ở thế gian đều thuộc về tiền trần, không nên nói cái thấy có giãn ra hay rút lại. Ví như trong món đồ vuông thì thấy hư không vuông. Ta lại hỏi ông: Trong món đồ vuông này thấy hư không vuông, là cố định vuông hay không cố định? Nếu cố định vuông thì khi ở trong vật tròn lẽ ra hư không đó không tròn. Nếu không cố định vuông thì ở trong món đồ vuông lẽ ra hư không chẳng vuông. Ông nói không biết nghĩa này thế nào. Nghĩa tánh như thế, sao còn hỏi thế nào!

Này A-nan, nếu lại muốn vào tánh không vuông tròn thì chỉ trừ bỏ món đồ vuông. Thể của hư không vốn không vuông, chẳng nên nói bỏ cái tướng hư không vuông hiện có. Nếu như ông hỏi, khi vào trong nhà, tánh thấy rút nhỏ lại, vậy khi ông ngược xem mặt trời, há lại kéo tánh thấy giãn bằng với mặt trời? Nếu bị tường vách ép lại, tánh thấy đứt đoạn, thì khi soi một lỗ nhỏ sao không thấy dấu nổi? Nghĩa ấy không đúng!

Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay mê mình làm vật, bỏ mất bản tâm, bị vật xoay chuyển, nên ở trong đó thấy có lớn nhỏ. Nếu hay chuyển được vật tức đồng Như Lai, thân tâm tròn sáng chẳng rời đạo tràng, ở trên đầu một sợi lông mà dung chứa các cõi nước mười phương.

8. Tánh thấy không hai

A-nan bạch Phật rằng: – Bạch Thế Tôn, nếu tánh thấy này chắc chắn là diệu tánh của con, thì diệu tánh này phải hiện ở trước con. Tánh thấy quả thật là con thì nay thân tâm con lại là vật gì? Nhưng hiện nay thân tâm con thật có phân biệt, còn cái thấy kia không phân biệt được thân con. Nếu tánh thấy thật là tâm con, khiến con hiện nay có thấy, vậy tánh thấy là con, còn thân không phải con thì đâu có khác với chỗ trước kia Như Lai gạn hỏi vật hay thấy được con? Cúi mong Ngài đại từ mở bày cho những người chưa ngộ.

Phật bảo A-nan: – Nay ông nói cái thấy ở trước ông, nghĩa đó không đúng. Nếu thật ở trước ông và ông thật thấy được, thì tánh thấy này đã có chỗ nơi, đều chỉ ra được. Vả lại, nay ta với ông ngồi trong rừng Kỳ-đà, xem khắp rừng suối cùng với điện đường, trên đến mặt trời mặt trăng, phía trước là sông Hằng. Nay ông ở trước tòa sư tử của ta, đưa tay chỉ rõ những tướng này: chỗ râm mát là rừng, chỗ sáng là mặt trời, chướng ngại là vách, thông suốt là hư không, như thế cho đến cỏ cây, mây mù, lớn nhỏ tuy sai khác nhưng đã có hình thì đều có thể chỉ ra được. Nếu quyết định tánh thấy này hiện tại ở trước ông, thì ông nên lấy tay chỉ rõ ràng chính xác, cái nào là tánh thấy?

Này A-nan! Nên biết, nếu hư không là cái thấy, đã thành cái thấy rồi, cái nào là hư không? Nếu vật là cái thấy, đã là cái thấy rồi, cái nào là vật? Ông hãy chín chắn phân tích trong vạn tượng, chọn ra tánh thấy sáng suốt thanh tịnh nhiệm mầu, chỉ rõ cho ta, như các vật kia, rõ ràng không lầm lẫn.

A-nan thưa: – Nay con ở nơi lầu gác giảng đường này, nhìn xa thấy sông Hằng, trên xem đến mặt trời mặt trăng... những thứ tay chỉ ra được, mắt xem thấy được đều là vật, không phải tánh thấy.

Bạch Thế Tôn! Như lời Phật đã dạy, chẳng những hàng Thanh văn hữu lậu sơ học chúng con, cho đến Bồ-tát cũng không thể nào đối trước hình tượng muôn vật, chia chẻ ra được tánh thấy, là tất cả sự vật riêng có tự tánh.

Phật bảo: – Đúng thế! Đúng thế!

Phật lại bảo A-nan: – Như lời ông nói, không có tánh thấy là tất cả sự vật riêng có tự tánh, vậy những thứ ông chỉ ra được đều là vật, không phải cái thấy. Nay lại bảo ông, ông cùng Như Lai ngồi trong rừng Kỳ-đà, xem thấy vườn rừng, cho đến mặt trời mặt trăng, các thứ hình tượng sai khác, chắc chắn không có tánh thấy để ông chỉ ra được. Ông hãy phát minh trong các vật này, cái gì không phải là cái thấy?

A-nan thưa: – Con thật xem khắp rừng Kỳ-đà này, không biết trong đó cái gì không phải là cái thấy. Vì sao? Nếu cây không phải là cái thấy thì làm sao thấy cây? Nếu cây tức là cái thấy thì sao gọi là cây? Như thế cho đến hư không, nếu không phải là cái thấy thì làm sao thấy hư không? Nếu hư không là cái thấy thì sao gọi là hư không? Con lại suy nghĩ, trong muôn vật này, chín chắn phát minh, không có gì chẳng phải cái thấy.

Phật nói: – Đúng thế! Đúng thế!

Khi ấy trong đại chúng những người chưa vào hàng vô học, nghe Phật nói lời này mờ mịt không biết nghĩa trước sau thế nào, nên đều hoảng hốt, sợ mất điều trước đã gìn giữ. Đức Như Lai biết họ đang lo sợ nên sanh lòng thương xót, an ủi A-nan và đại chúng: – Này các thiện nam tử! Đấng Pháp vương vô thượng nói lời chân thật, như chỗ thấy mà nói, không dối không gạt, không phải như bốn thứ nghị luận bất tử rối loạn của nhóm Mạt-già-lê. Ông phải chín chắn suy nghĩ, chớ phụ lòng thương mến của ta.

Khi ấy, Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử, vì thương xót tứ chúng, từ chỗ ngồi trong đại chúng đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, chấp tay cung kính bạch Phật rằng:

– Bạch Thế Tôn, các đại chúng này không ngộ được chỗ Như Lai phát minh hai nghĩa “phải” và “chẳng phải”, nơi hai thứ tánh thấy và sắc không. Bạch Thế Tôn, như các vật tượng sắc không nơi tiền cảnh này là tánh thấy thì nên có chỗ chỉ ra được; nếu không phải là tánh thấy thì lẽ ra không thể thấy, mà nay không biết nghĩa ấy về đâu, nên mới kinh sợ, chứ chẳng phải do thiện căn đời trước mỏng ít. Cúi mong Như Lai mở lòng đại bi chỉ rõ cho biết các vật tượng này cùng với tánh thấy nguyên là vật gì, mà ở trong ấy không có các nghĩa “phải” và “chẳng phải”.

Phật bảo Văn-thù và đại chúng:

– Như Lai mười phương và đại Bồ-tát khi tự trụ trong chánh định, cái thấy và các vật bị thấy cùng với tướng tượng đều như hoa đốm trong hư không, vốn không thật có. Cái thấy này và các duyên vốn là thể giác nhiệm màu thanh tịnh sáng suốt, làm sao trong đó có “phải” và “chẳng phải”.

– Văn-thù! Nay ta hỏi ông, như ông là Văn-thù, lại có Văn-thù phải là Văn-thù và không phải Văn-thù chẳng?

– Bạch Thế Tôn! Đúng thế, con thật là Văn-thù, không có phải là Văn-thù. Vì sao? Nếu có phải là Văn-thù thì ắt thành hai Văn-thù. Tuy nhiên hiện nay chẳng phải là không Văn-thù. Trong đó thật không có hai tướng phải và chẳng phải.

Phật dạy: – Tánh thấy nhiệm màu sáng suốt này cùng với hư không và trần cảnh cũng lại như thế, vốn là chân tâm giác ngộ vô thượng thanh tịnh tròn sáng nhiệm màu, mà đối làm sắc không cùng với thấy nghe, như là mặt trăng thứ hai. Cái gì là phải mặt trăng, lại cái gì không phải mặt trăng? Nay Văn-thù! Chỉ một mặt trăng thật, trong đó tự không có phải mặt trăng hay không phải mặt trăng. Do đó nay ông xem cái thấy cùng với trần cảnh, các thứ phát minh ra gọi là vọng tưởng, không thể ở trong đó chỉ ra được cái phải và chẳng phải. Bởi do tánh giác chân thật sáng suốt nhiệm màu này hay khiến ông vượt ra ngoài nghĩa chỉ bày và không thể chỉ bày.

9. Tánh thấy không thuộc nhân duyên và tự nhiên

A-nan bạch Phật rằng: – Bạch Thế Tôn, thật như đấng Pháp vương nói, tánh giác duyên trù khắp các cõi nước mười phương, lặng lẽ thường trụ, tánh không sanh diệt. Vậy so với thuyết Minh đế của các Phạm chí Ta-tỳ-ca-la trước kia nói và các thuyết của chúng ngoại đạo Đầu Khôi v.v... nói có chân ngã đầy khắp cả mười phương, có gì sai khác?

Đức Thế Tôn ở trên núi Lăng-già, từng vì Bồ-tát Đại Huệ v.v... rộng nói nghĩa này: “Các ngoại đạo kia thường nói tự nhiên, còn ta nói nhân duyên, không phải là cảnh giới của họ.” Nay con xét tánh giác này tự nhiên, không sanh không diệt, xa lìa tất cả hư vọng điên đảo, dường như không phải nhân duyên, mà cùng giống thuyết tự nhiên của ngoại đạo kia. Xin Thế Tôn chỉ dạy thế nào để chúng con khỏi rơi vào các tà kiến, đạt được tâm tánh chân thật sáng suốt nhiệm màu.

Phật bảo A-nan: – Nay ta đã mở bày phương tiện như thế, chân thật dạy ông, ông vẫn còn chưa ngộ, lại lầm cho là tự nhiên. Nay A-nan, nếu hẳn là tự nhiên thì phải nêu rõ có thể tự nhiên. Ông hãy xét xem trong tánh thấy sáng suốt nhiệm màu này lấy gì làm tự thể? Cái thấy này dùng sáng làm tự thể hay dùng tối làm tự thể? Dùng rõ không làm tự thể hay dùng ngăn bít làm tự thể? Nay A-nan, nếu lấy sáng làm tự thể, lẽ ra không thấy tối, nếu lại lấy rõ làm tự thể, lẽ ra không thấy ngăn bít. Như thế cho đến lấy các tướng tối v.v... làm tự thể thì khi sáng, tánh thấy diệt mất, làm sao thấy sáng?

A-nan thưa: – Tánh thấy nhiệm màu này, chắc không phải tự nhiên. Nay con phát minh là nhân duyên sanh. Nhưng tâm vẫn chưa rõ, xin hỏi đức Như lai, nghĩa ấy thế nào cho hợp với tánh nhân duyên?

Phật bảo: – Ông nói nhân duyên, ta lại hỏi ông. Nay ông nhân thấy, tánh thấy hiện tiền. Vậy cái thấy này là nhân sáng có thấy hay nhân tối có thấy, nhân rỗng không có thấy hay nhân ngăn bít có thấy? Nay A-nan, nếu nhân sáng mà có thì lẽ ra chẳng thấy tối, nếu nhân tối mà có thì lẽ ra chẳng thấy sáng; như thế cho đến nhân rỗng không, nhân ngăn bít cũng đồng với sáng và tối.

Lại nữa A-nan, tánh thấy này lại duyên nơi sáng có thấy hay duyên tối có thấy, duyên rỗng không có thấy hay duyên ngăn bít có thấy? Nay A-nan, nếu duyên rỗng không có tánh thấy lẽ ra chẳng thấy ngăn bít, nếu duyên ngăn bít mà có thì lẽ ra chẳng thấy rỗng không. Như thế cho đến duyên nơi sáng duyên nơi tối cũng đồng với rỗng không và ngăn bít. Như thế nên biết tánh giác nhiệm màu sáng suốt không phải nhân, không phải duyên, cũng không phải tự nhiên, không phải chẳng tự nhiên, không có chẳng phải và không chẳng phải, không có phải và chẳng phải, lìa tất cả tướng, tức tất cả pháp.

Nay ông tại sao ở trong đó dụng tâm sai lầm, lấy các danh tướng hý luận thế gian mà phân biệt nó, như lấy bàn tay nắm bắt hư không, chỉ thêm tự nhọc nhằn. Hư không làm sao để cho ông nắm bắt?

A-nan bạch Phật rằng: – Bạch Thế Tôn, tánh giác nhiệm màu ắt không phải nhân, không phải duyên. Tại sao Thế Tôn thường chỉ dạy các thầy Tỳ-kheo, nói tánh thấy có đủ bốn thứ nhân duyên: nhân hư không, nhân ánh sáng, nhân tâm, nhân con mắt, nghĩa ấy thế nào?

Phật bảo: – A-nan, ta nói các tướng nhân duyên ở thế gian, chứ không phải là nghĩa đệ nhất. Nay A-nan, ta lại hỏi ông, những người thế gian nói “tôi hay thấy”, thế nào gọi là thấy, thế nào là chẳng thấy?

A-nan thưa rằng: – Người đời nhân nơi ánh sáng mặt trời, mặt trăng và đèn mà thấy được các tướng, gọi đó là thấy. Nếu không có ba thứ ánh sáng này thì không thể thấy.

– A-nan, nếu khi không sáng gọi là chẳng thấy, thì lẽ ra chẳng thấy tối. Nếu có thấy tối thì đây chỉ là không sáng, chứ sao gọi là không thấy?

Nay A-nan, nếu khi ở chỗ tối không thấy ánh sáng mà gọi là không thấy, nay khi ở chỗ sáng chẳng thấy tướng tối cũng gọi là không thấy. Như thế hai tướng sáng tối đều gọi là không thấy. Nếu hai tướng tự lẩn đoạt nhau, không phải tánh thấy của ông trong đó tạm không. Như thế ắt biết cả hai đều gọi là thấy, tại sao lại nói không thấy?

Thế nên A-nan, nay ông nên biết, khi thấy sáng, cái thấy không phải là sáng, khi thấy tối, cái thấy không phải là tối, khi thấy rỗng không, cái thấy không phải là rỗng không, khi thấy ngăn bít, cái thấy không phải là ngăn bít. Bốn nghĩa đó thành tựu. Ông lại nên biết, khi thấy cái thấy, thấy chẳng phải là cái thấy, thấy vẫn lìa xa cái thấy, cái thấy không thể kịp, thì làm sao lại nói là nhân duyên, tự nhiên và các tướng hòa hợp?

Các ông là hàng Thanh văn hẹp hòi không biết, không thể thông suốt được thật tướng thanh tịnh. Nay ta chỉ dạy, ông phải khéo suy nghĩ, không được lười trễ trên đường giác ngộ nhiệm màu.

10. Tánh thấy không phải là cái thấy

A-nan bạch Phật rằng: – Bạch Thế Tôn, như Phật Thế Tôn vì bọn chúng con nói nhân duyên và tự nhiên, các tướng hòa hợp cùng chẳng hòa hợp, tâm chúng con còn chưa được khai ngộ, mà nay lại nghe nói “thấy cái thấy chẳng phải cái thấy” (kiến kiến phi kiến) thì càng thêm mê muội. Cúi mong Ngài mở rộng lòng từ, bố thí con mắt đại trí tuệ, khai mở cho chúng con tâm giác ngộ sáng suốt thanh tịnh.

Nói lời ấy rồi buồn tủi khóc lóc, đành lễ chờ nghe lời Phật dạy.

Khi ấy Thế Tôn vì thương xót A-nan và đại chúng, nên sẽ diễn bày pháp đại Tổng trì, là con đường tu hành chánh định nhiệm màu, nên bảo A-nan: – Ông tuy nhớ giỏi nhưng chỉ thêm phần học rộng, đối với pháp Xa-ma-tha, quán chiếu vi mật, tâm vẫn chưa rõ. Nay ông lắng nghe, ta sẽ vì ông phân biệt chỉ bày, cũng khiến cho hàng hữu lậu ở tương lai được quả Bồ-đề.

Này A-nan, tất cả chúng sanh luân hồi trong thế gian, do hai thứ vọng kiến phân biệt điên đảo, ngay đó mà phát sanh, ngay nơi nghiệp mà luân chuyển. Thế nào là hai thứ thấy sai lầm? Một là thấy sai lầm theo nghiệp riêng của chúng sanh. Hai là thấy sai lầm theo nghiệp chung của chúng sanh.

Thế nào gọi là thấy sai lầm theo nghiệp riêng? Này A-nan, như người thế gian con mắt bị nhặm, ban đêm thấy ánh sáng ngọn đèn, riêng có một bóng tròn, năm sắc chồng lên nhau. Ý ông nghĩ sao? Bóng tròn hiện ra nơi ngọn đèn sáng ban đêm, đó là sắc của đèn hay sắc của cái thấy? Này A-nan, sắc này nếu là của đèn thì người không bệnh mắt tại sao chẳng đồng thấy, mà bóng tròn này chỉ có người bệnh mắt mới thấy? Nếu đó là sắc của cái thấy, cái thấy đã thành sắc rồi, vậy người bệnh mắt kia thấy bóng tròn thì gọi là cái gì?

Lại nữa A-nan, nếu bóng tròn này là ngọn đèn riêng có thì khi nhìn những vật bên cạnh như bình phong, màn, bàn ghế... cũng phải có bóng tròn phát ra. Nếu là cái thấy mà riêng có bóng tròn thì lẽ ra chẳng phải là mắt thấy, tại sao người nhặm mắt lại thấy bóng tròn? Thế nên phải biết, sắc thật ở nơi đèn, do cái thấy của con mắt bệnh thành ra có bóng tròn. Bóng tròn và cái thấy của con mắt nhặm đều là bệnh, còn cái thấy bệnh thì không phải bệnh.

Trợn không nên nói là đèn là thấy, trong ấy còn có chẳng phải đèn chẳng phải thấy. Giống như mặt trăng thứ hai, không phải là thể mặt trăng, cũng không phải là bóng mặt trăng.

Vì sao? Vì thấy mặt trăng thứ hai là do dục mắt mà thành. Những người có trí không nên nói mặt trăng do dục mắt thấy này là có hình tướng hay không có hình tướng, là cái thấy hay không là thấy. Đây cũng như thế, bóng tròn do mắt bệnh mà thành, nay muốn gọi cái gì là đèn, cái gì là thấy, hướng là phân biệt chẳng phải đèn chẳng phải thấy.

Thế nào gọi là thấy sai lầm theo nghiệp chung của chúng sanh? Này A-nan, cõi Diêm-phù-đề này trừ nước biển cả ra, trong đó đất bằng có ba ngàn châu. Châu lớn ở giữa, từ đông sang tây gồm chung có tới hai ngàn ba trăm nước lớn. Còn những châu nhỏ khác ở trong các biển, trong đó có châu hoặc có hai trăm, ba trăm nước, hoặc là mười, hai mươi cho đến ba mươi, bốn mươi, năm mươi nước. Này A-nan, lại nếu trong đây có một châu nhỏ chỉ có hai nước, mà riêng người trong một nước đồng cảm những duyên ác, thì những chúng sanh ở trong nước đó xem thấy tất cả những cảnh giới chẳng lành, hoặc là thấy hai mặt trời, hoặc thấy hai mặt trăng, cho đến các ác tướng như quầng sáng hay là quầng tối ở chung quanh mặt trời mặt trăng, hoặc thấy sao xẹt, hoặc bên cạnh mặt trời mặt trăng có những tướng giống như vòng ngọc đeo, hoặc là thấy sao chổi chuyển động, thấy cầu vòng v.v... Chỉ có người ở nước này thấy, còn những chúng sanh ở nước khác vốn không thấy mà cũng không nghe.

Này A-nan, nay ta vì ông lấy hai việc này kết hợp tới lui để chỉ rõ. A-nan, như chúng sanh kia vì thấy sai lầm theo nghiệp riêng nên thấy nơi ánh sáng của ngọn đèn hiện ra bóng tròn, tuy giống như cảnh hiện ở trước, nhưng cái thấy kia trợn do mắt bệnh nhặm mà thành. Mắt bệnh tức cái thấy lao nhọc, không phải do màu sắc tạo ra. Nhưng người thấy biết được bệnh, thấy đó trợn không có lỗi. Giống như hiện nay ông dùng mắt xem thấy núi sông cõi nước và chúng sanh, đều do cái thấy bệnh từ vô thủy mà thành.

Cái hay thấy và cảnh bị thấy dường như là cảnh trước mắt mà vốn là từ giác minh của ta, do thấy theo cảnh mà thành bệnh. Giác kiến tức là bệnh, còn bản giác minh tâm biết được các duyên thì

không bệnh. Biết được cái thấy biết bệnh, biết này không ở trong bệnh. Đây thật là tánh thấy hằng thấy vậy, sao gọi đó là thấy nghe hiểu biết được?

Thế nên nay ông thấy ta và ông cùng với mười loài chúng sanh ở thế gian, đều là cái thấy do mắt bệnh, không phải cái thấy bị bệnh. Tánh thấy chân thật kia không phải bệnh, nên chẳng gọi là thấy.

Này A-nan, như những chúng sanh kia thấy sai lầm theo nghiệp chung, so với một người thấy sai lầm do nghiệp riêng thì một người có bệnh mắt cũng đồng như người trong cõi nước kia. Người thấy bóng tròn kia là do bệnh mắt vọng sanh ra. Còn trong nước kia hiện ra những điềm không tốt là do nghiệp chung, nên chúng sanh đồng thấy các thứ chương ác. Cả hai đều do cái thấy hư vọng từ vô thủy sanh ra. Giống như ba ngàn châu trong cõi Diêm-phù-đề, gồm bốn biển lớn và thế giới Ta-bà, cùng mười phương các cõi nước hữu lậu và các chúng sanh, đồng là tâm giác ngộ sáng suốt vô lậu nhiệm mầu. Các sự thấy nghe hiểu biết là bệnh duyên hư dối, hòa hợp vọng sanh, hòa hợp vọng tử. Nếu hay xa lìa các duyên hòa hợp và chẳng hòa hợp, là diệt trừ các nhân sanh tử, tánh Bồ-đề viên mãn không sanh không diệt, bản tâm thanh tịnh, bản giác thường trụ.

11. Tánh thấy không thuộc nghĩa hòa hợp

Này A-nan, tuy ông trước ngộ bản giác sáng suốt nhiệm mầu, tánh nó không phải là nhân duyên, không phải tự nhiên, mà vẫn chưa rõ giác nguyên này không phải hòa hợp cũng không phải chẳng hòa hợp sanh.

Này A-nan, nay ta lại đem tiền trần mà hỏi ông. Nay ông vẫn lấy tất cả vọng tưởng hòa hợp các tánh nhân duyên ở thế gian, mà tự nghĩ lầm rằng chứng được tâm Bồ-đề là do hòa hợp mà có. Vậy hiện nay tánh thấy sáng suốt nhiệm mầu của ông là cùng với sáng hòa hay cùng tối hòa, cùng với thông hòa hay cùng bí hòa? Nếu cùng với sáng hòa thì khi ông thấy sáng, sáng phải hiện ở trước, vậy chỗ nào xen lẫn với cái thấy? Cái tướng thấy có thể nhận rõ, còn hình dạng cái xen lẫn thì thế nào? Nếu chẳng phải cái thấy thì làm sao thấy sáng? Còn chính là cái thấy thì làm sao thấy cái thấy?

Nếu cái thấy tròn đầy thì còn chỗ nào hòa với sáng? Còn nếu sáng tròn đầy thì chẳng thể hòa hợp với cái thấy.

Nếu cái thấy khác với sáng thì khi xen lẫn ắt mất cái tên tánh sáng kia, nếu xen lẫn làm mất tánh sáng, mà nói hòa với sáng là không đúng nghĩa. Cái tối, cùng các thứ thông và bí kia cũng lại như thế.

Lại nữa A-nan, hiện nay tánh thấy trong sạch mầu nhiệm của ông là cùng với sáng hợp hay cùng tối hợp, là cùng với thông hợp hay cùng bí hợp? Nếu cùng với sáng hợp thì đến khi tối, tướng sáng đã mất, cái thấy này không cùng tối hợp thì làm sao thấy tối?

Nếu khi thấy tối mà chẳng cùng tối hợp thì khi cùng với sáng hợp, lẽ ra không thấy sáng. Đã không thấy sáng thì làm sao hợp với sáng, biết rõ ràng là sáng chẳng phải tối. Các thứ tối, thông và bí cũng lại như thế.

A-nan bạch Phật rằng: – Bạch Thế Tôn, như con suy nghĩ thì nguồn giác nhiệm mầu này, cùng các duyên trần và tâm niệm nhớ nghĩ không phải hòa hợp chẳng?

Phật bảo: – Nay ông lại nói tánh giác không hòa hợp. Ta lại hỏi ông: tánh thấy nhiệm mầu này chẳng phải hòa hợp, là chẳng hòa với sáng hay chẳng hòa với tối, chẳng hòa với thông hay chẳng hòa với bí? Nếu chẳng hòa với sáng thì cái thấy cùng với sáng ắt có ranh giới. Ông hãy xem kỹ, chỗ nào là sáng, chỗ nào là thấy? Nơi cái thấy, nơi sáng, lấy từ đâu làm ranh giới? Này A-nan, nếu ở bên sáng ắt không có cái thấy, thì không đến với nhau, tự chẳng biết tướng sáng kia ở chỗ nào thì làm sao thành lập ranh giới được? Những cái tối, thông và bí kia cũng lại như thế.

Lại nữa, tánh thấy nhiệm màu nếu không phải hòa hợp, là không hợp với sáng hay không hợp với tối, không hợp với thông hay không hợp với bí? Nếu chẳng hợp với sáng thì cái thấy cùng với sáng có tánh trái nhau, như lỗ tai cùng với sáng rõ ràng là không xúc chạm nhau. Vả lại, cái thấy cũng chẳng biết được tướng sáng ở chỗ nào, làm sao phân biệt rõ được lý hợp và chẳng hợp? Đối với các thứ tối, thông và bí kia cũng lại như thế.

III. THU VỀ NHƯ LAI TẠNG

Này A-nan, ông vẫn chưa rõ tất cả phù trần là các tướng huyễn hóa, chính nơi đó sanh ra, rồi từ nơi đó mà diệt mất. Các thứ huyễn vọng gọi là tướng, nhưng tánh chân thật là thể giác sáng suốt nhiệm màu. Như thế cho đến ngũ ấm lục nhập, từ thập nhị xứ đến thập bát giới đều do nhân duyên hòa hợp hư dối có sanh, nhân duyên biệt ly hư dối gọi là diệt, mà chẳng biết sanh diệt đi lại vốn là Như Lai tạng thường trụ sáng suốt nhiệm màu, là diệu chân như tánh không động trù khắp. Trong tánh chân thường mà tìm cầu những thứ đi lại, mê ngộ, sanh tử, trọn không thể được.

1. Thu năm ấm

Này A-nan, thế nào là năm ấm vốn là Như Lai tạng diệu chân như tánh? A-nan, ví như có người dùng mắt trong trẻo xem hư không trong sáng thì chỉ thấy một khoảng không trong vắt, không có gì khác. Người kia vô cớ nhìn sững không chớp mắt, nhìn lâu nên phát sanh mỏi mệt, riêng thấy trong hư không có hoa đốm lăng xăng, lại có tất cả tướng lộn xộn, không có hình dáng cố định. Nên biết sắc ấm cũng lại như thế.

Này A-nan, các hoa đốm lăng xăng ấy chẳng phải từ hư không lại, chẳng phải từ con mắt ra. Như thế A-nan, nếu hoa đốm từ hư không đến, đã từ hư không đến thì lại trở vào hư không, nếu có ra vào tức chẳng phải là hư không. Hư không nếu chẳng trống rỗng thì không thể dung được những tướng hoa đốm khởi diệt trong ấy, như thân thể ông A-nan không thể dung chứa một A-nan nữa.

Nếu hoa đốm từ con mắt ra, đã từ mắt ra thì lại phải trở vào con mắt. Vì tánh hoa đốm này từ con mắt ra nên phải có cái thấy. Nếu có cái thấy thì khi ra ngoài làm hoa đốm trong hư không, quay trở lại phải thấy con mắt. Còn nếu không thấy thì khi ra đã che tối hư không, lúc quay trở về phải che con mắt. Lại khi thấy hoa đốm, lẽ ra con mắt không mờ, vì sao thấy hư không trong trẻo, mới gọi là con mắt trong sáng? Do đây nên biết, sắc ấm hư dối, vốn không phải nhân duyên, không phải là tánh tự nhiên.

Này A-nan, ví như có người tay chân yên ổn, thân thể điều hòa, chợt như quên mình, không thấy có gì là trái thuận. Người kia vô cớ đưa hai bàn tay xoa nhau trong hư không, ở trong lòng hai bàn tay đối sanh các tướng trơn, rít, lạnh, nóng... Nên biết thọ ấm cũng lại như thế.

Này A-nan, các cảm xúc giả dối ấy không từ hư không đến cũng chẳng từ bàn tay ra. Như thế A-nan, nếu từ hư không đến đã có thể xúc chạm bàn tay, tại sao không xúc chạm nơi thân? Chẳng lẽ hư không biết lựa chọn chỗ để xúc chạm. Nếu từ bàn tay ra thì đáng lẽ chẳng đợi hai tay hợp lại. Lại nữa, nếu từ trong bàn tay ra, thì khi hai tay hợp lại ắt có cảm xúc, khi tay rời ra cảm xúc phải trở vào, thì cánh tay, cổ tay, xương, tủy lẽ ra cũng phải biết dấu vết khi nó trở vào. Ắt có tâm cảm giác biết nó ra, biết nó vào. Tự có một vật qua lại trong thân thì đâu đợi hai tay hợp lại xoa mới biết, mà gọi là cảm xúc? Vậy nên phải biết, thọ ấm hư dối, vốn không phải nhân duyên cũng không phải tánh tự nhiên.

Này A-nan, ví như có người nghe nói về me chua, trong miệng chảy nước miếng. Nghĩ đến đứng trên bờ vực cao, dưới lòng bàn chân nghe rờn rợn. Nên biết tưởng ấm cũng lại như thế.

Này A-nan, lời nói về me đó không phải từ trái me sanh, cũng không phải từ miệng vào. Như thế A-nan, nếu từ me sanh thì me nên tự nói, đâu đợi người nói. Còn nếu từ miệng vào thì miệng nên tự nghe, đâu cần đến lỗ tai. Nếu riêng lỗ tai nghe thì nước miếng này sao chẳng từ trong lỗ tai chảy ra? Tưởng đứng trên bờ vực cheo leo cũng giống như lời nói me chưa. Vì thế nên biết tướng ấm hư vọng, vốn không phải nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

A-nan, ví như dòng thác, các lượn sóng tiếp nối nhau, lớp trước lớp sau không vượt thứ lớp. Nên biết hành ấm cũng lại như thế.

Này A-nan, tánh dòng nước như thế, không nhân nơi hư không sanh ra, không nhân nơi nước mà có, cũng không phải tánh nước, cũng chẳng lìa hư không và nước. Như thế A-nan, nếu nhân hư không mà sanh thì mười phương hư không vô tận thành dòng nước vô tận, tự nhiên thế giới đều bị chìm đắm. Nếu nhân nước có thì dòng thác này lẽ ra tánh nó không phải là nước, nay hiện tại nên có tướng dòng nước và tướng nước. Nếu dòng thác tức là tánh nước thì khi nước trong lặng, lẽ ra chẳng phải là thể của nước. Nếu lìa hư không và nước mà có thì không có cái gì ở ngoài hư không, và ngoài nước không thể có dòng thác. Vì thế nên biết hành ấm hư dối, vốn không phải nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

Này A-nan, ví như có người lấy bình Tần-già, bít hai lỗ lại, rồi vác bình chứa đầy hư không, đi xa ngàn dặm, đến cho một nước khác. Nên biết thức ấm cũng lại như thế.

Này A-nan, hư không đó không phải từ phương kia đến, cũng không phải đưa vào phương này. Như thế A-nan, nếu từ phương kia đến, trong bình đã chứa hư không đem đi, thì ở chỗ để bình trước đó nên thiếu một ít hư không. Còn nếu đem vào phương này thì khi giở nắp bình trút ra, đáng lẽ phải thấy hư không ra. Do đó nên biết thức ấm hư dối, vốn không phải nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

2. Thu lục nhập

Lại nữa A-nan, vì sao sáu nhập vốn là Như Lai tạng, diệu chân như tánh?

Này A-nan, con mắt kia nhìn sững nên sanh lao nhọc. Con mắt và sự lao nhọc đều là thể Bồ-đề, do nhìn sững phát ra tướng lao nhọc.

Nhân nơi hai thứ vọng trần sáng và tối phát sanh cái thấy ở trong, thu nạp các trần tướng, gọi đó là thấy. Cái thấy này lìa hai trần sáng và tối kia, rốt ráo không có tự thể.

Thật vậy A-nan, nên biết cái thấy này không phải từ sáng hay tối đến, không phải từ con mắt ra, cũng không phải từ hư không sanh. Vì sao? Nếu cái thấy từ sáng đến thì lúc tối đã theo sáng mà diệt, lẽ ra không thấy được tối. Nếu từ tối đến thì lúc sáng cũng theo tối mà diệt, lẽ ra không thấy sáng. Nếu từ con mắt sanh ắt không cần có sáng và tối. Như thế cái thấy vốn không tự tánh. Nếu từ hư không mà ra thì trước xem thấy trần cảnh, xoay trở lại phải thấy con mắt. Lại hư không tự xem, đâu quan hệ gì với con mắt của ông? Thế nên phải biết, nhãn nhập là hư vọng, vốn không phải nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

A-nan, ví như có người lấy hai ngón tay bít kín hai lỗ tai, do lỗ tai lao nhọc nên trong đầu phát ra có tiếng. Lỗ tai cùng với lao nhọc đồng là Bồ-đề, do chăm chú mà phát ra tướng lao nhọc.

Nhân hai thứ vọng trần động và tịnh mà phát ra cái nghe ở trong, thu nạp trần tượng, gọi đó là tánh nghe. Cái nghe này lìa hai trần động và tịnh kia, rốt ráo không có tự thể. Thật vậy A-nan, nên biết cái nghe này chẳng phải từ động hay tịnh đến, chẳng phải từ lỗ tai ra, cũng không phải từ hư không sanh. Vì sao? Nếu từ tịnh đến thì khi động liền theo đó mà diệt, lẽ ra không nghe được động. Nếu từ động đến thì khi tịnh liền theo đó mà diệt, lẽ ra không biết được tịnh.

Nếu từ lỗ tai mà sanh ắt không có động và tịnh, như vậy thể của cái nghe vốn không tự tánh. Nếu từ hư không mà ra thì đã có tánh nghe, tức không phải hư không. Lại nữa, hư không tự nghe thì đâu quan hệ gì với lỗ tai của ông. Thế nên phải biết, nhĩ nhập hư vọng, vốn không phải nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

Này A-nan, ví như có người nắm chặt lỗ mũi, lỗ mũi bị nắm lâu thành nhọc, ắt là trong mũi nghe có cảm xúc lạnh. Nhân có cảm xúc mà phân biệt được thông, bít, hư, thật, cho đến các mùi thơm, hôi. Mũi cùng với một nhọc đồng là Bồ-đề, do chăm chú mà phát ra tướng lao nhọc. Nhân hai thứ vọng trần thông và bít phát ra cái ngữ ở trong, thu nạp những trần tượng, gọi đó là tánh ngữ. Cái ngữ này lìa hai trần thông và bít kia, rốt ráo không có tự thể.

Nên biết cái ngữ ấy không phải từ thông và bít đến, không phải từ lỗ mũi ra, cũng không phải từ hư không sanh. Vì sao? Nếu từ thông đến, khi bít thì ngữ đã diệt, làm sao biết được bít. Nếu nhân bít mà có, khi thông thì không có ngữ, làm sao biết rõ được các mùi thơm hôi v.v... Nếu từ lỗ mũi sanh ắt không đợi đến thông và bít. Như thế cơ quan ngữ vốn không có tự tánh. Nếu từ hư không mà ra, cái ngữ này tự phải xoay lại ngữ lỗ mũi ông. Nếu hư không tự có cái ngữ thì đâu quan hệ gì lỗ mũi của ông? Thế nên phải biết, tỷ nhập này hư vọng, vốn không phải nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

Này A-nan, ví như có người dùng lưỡi liếm lên môi, liếm mãi khiến cho một nhọc. Người kia nếu bệnh thì thấy có vị đắng, người không bệnh có cảm giác hơi ngọt. Do vị đắng và ngọt mà hiển bày cái biết của căn lưỡi này. Khi không động thường có vị lạt. Cái lưỡi cùng với một nhọc đồng là Bồ-đề, do chú tâm mà phát ra tướng lao nhọc. Nhân hai thứ vọng trần đắng ngọt và lạt mà phát ra cái biết ở trong, thu nạp các trần tượng này gọi là biết vị. Tánh biết vị này lìa hai trần đắng ngọt và lạt kia, rốt ráo không có tự thể.

Thật vậy A-nan, nên biết cái nếm biết được đắng hay lạt không phải từ vị đắng ngọt đến, không nhân nơi vị ngọt mà có, lại không phải từ lưỡi ra, cũng chẳng do hư không sanh. Vì sao? Nếu từ vị đắng vị ngọt lại, thì khi vị lạt, ắt cái biết đã mất, làm sao biết được vị lạt? Nếu từ vị lạt ra, lúc vị ngọt, ắt cái biết đã mất, làm sao biết được hai tướng đắng và ngọt? Nếu từ lưỡi sanh, ắt không có các trần ngọt, lạt và đắng, thì căn biết vị này vốn không có tự tánh.

Nếu từ hư không ra thì hư không tự biết vị, chẳng phải là miệng ông biết. Lại hư không tự biết thì đâu quan hệ gì lưỡi của ông. Thế nên phải biết, thiệt nhập hư vọng, vốn không phải nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

Này A-nan, ví như có người dùng một tay lạnh xúc chạm một tay nóng. Nếu thể của lạnh mạnh, tay nóng phải lạnh theo. Nếu thể của nóng thắng thì tay lạnh trở thành nóng.

Như thế, do xúc chạm mà biết lúc hợp lại thì nên nhận biết rõ khi rời xa. Cái thể tương quan nếu thành thì nhân nơi nhọc mệt mà phát ra cảm xúc. Thân cùng với lao nhọc này đồng là Bồ-đề, do chăm chú mà phát ra tướng lao nhọc. Nhân nơi hai thứ vọng trần hợp và lìa phát ra cảm giác ở trong, thu nạp những trần tượng này, gọi là tánh biết cảm giác. Thể biết cảm giác này lìa hai trần hợp ly, trái thuận, rốt ráo không có tự thể.

Thật vậy A-nan, phải biết cảm giác này chẳng từ hợp ly đến, chẳng từ trái thuận có, chẳng từ trong thân ra, lại cũng chẳng phải từ hư không sanh. Vì sao? Nếu từ hợp đến thì khi ly nó đã diệt rồi, làm sao biết được ly. Hai tướng trái thuận cũng lại như thế. Nếu từ thân ra ắt không có bốn tướng hợp ly trái thuận, thì cái biết của thân ông vốn không có tự tánh. Nếu từ hư không ra thì hư không tự có tri giác, đâu quan hệ gì thân nhập của ông. Thế nên phải biết, thân nhập là hư vọng, vốn không phải nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

Này A-nan, ví như có người nhọc mệt thì ngủ, ngủ mãi giấc liền thức. Xem thấy trần cảnh thì nhớ, không nhớ gọi là quên. Những thứ sanh trụ diệt điên đảo kia, thu nạp chứa nhóm vào bên trong, không vượt thứ lớp nhau, gọi là căn ý biết.

Ý và mệt nhọc đồng là Bồ-đề, do chăm chú nên phát ra tướng lao nhọc. Nhân nơi hai thứ vọng trần sanh và diệt, nhóm hợp cái biết ở trong, thu nạp trần vào, có cái thấy nghe ngược dòng, mà dòng không đến nơi, gọi là tánh giác tri.

Tánh giác tri này là hai trần thức ngủ và sanh diệt, rốt ráo không có tự thể. Thật vậy A-nan, nên biết căn giác tri như thế không phải từ thức ngủ đến, không phải từ sanh diệt có, chẳng phải từ ý căn ra, cũng không phải từ hư không sanh. Vì sao? Nếu từ thức đến thì khi ngủ đã theo thức mà diệt, lấy gì làm ngủ? Nếu khi sanh mới có thì lúc diệt tức đồng với không, lấy cái gì nhận ra là diệt? Nếu từ diệt có thì khi sanh không có diệt, lấy cái gì biết là sanh? Nếu từ ý căn ra, thì hai tướng ngủ và thức tùy theo thân khai hợp, là hai tướng đó, giác tri này đồng với hoa đốm trong hư không, rốt ráo không tánh. Nếu từ hư không sanh thì tự hư không biết, đâu quan hệ gì với cái ý của ông. Thế nên phải biết, ý nhập là hư dối, vốn không phải nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

3. Thu mười hai xứ

Lại nữa A-nan, thế nào là mười hai xứ vốn là Như Lai tạng diệu chân như tánh?

Này A-nan, ông hãy xem rừng cây Kỳ-đà này và các ao suối. Ý ông nghĩ sao? Những thứ này từ sắc sanh ra cái thấy của con mắt, hay mắt sanh ra sắc tướng? Này A-nan, nếu lại từ mắt sanh ra sắc tướng, thì khi thấy hư không chẳng phải sắc, lẽ ra tánh sắc phải tiêu mất. Tánh sắc tiêu mất thì rõ ràng tất cả đều không. Sắc tướng đã không thì cái gì rõ được bản chất của hư không? Đối với hư không cũng lại như thế.

Lại nếu sắc trần sanh ra cái thấy của con mắt, thì khi xem hư không chẳng phải sắc, cái thấy ắt tiêu mất. Cái thấy mất thì tất cả là không, vậy cái gì rõ được sắc và không? Thế nên phải biết cái thấy, sắc tướng và hư không đều không có xứ sở, tức sắc tướng cùng với cái thấy, hai xứ đó là hư dối, vốn không phải nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

Này A-nan, ông lại nghe trong vườn Kỳ-đà này, khi dọn cơm xong liền đánh trống, khi họp chúng thì đánh chuông, tiếng chuông tiếng trống trước sau nối nhau. Ý ông nghĩ sao? Những âm thanh này là từ tiếng đến bên lỗ tai hay lỗ tai đến chỗ có tiếng? A-nan, lại nếu những tiếng này đến bên lỗ tai, như ta đi khắp thực nơi thành Thất-la-phệệt, tại rừng Kỳ-đà ắt không có ta. Những tiếng này đã đến chỗ tai A-nan thì Mục-kiền-liên, Ca-diếp lẽ ra không cùng nghe. Huống chi trong đây có tới một ngàn hai trăm năm mươi vị Sa-môn, một khi nghe tiếng chuông, đồng đến chỗ ăn cơm.

Lại nếu lỗ tai ông đến bên tiếng kia, như ta khi trở về ở trong rừng Kỳ-đà, thì tại thành Thất-la-phệệt không có mặt ta. Ông nghe tiếng trống, lỗ tai ông đã đến chỗ tiếng trống thì tiếng chuông đồng thời phát ra, đáng lẽ không đồng nghe. Huống gì trong đó còn có những thứ âm thanh của voi, ngựa, trâu, dê? Còn nếu không cái nào đến với cái nào thì cũng lại không nghe. Thế nên phải biết, cái nghe cùng với âm thanh đều không có xứ sở, tức cái nghe cùng với tiếng, hai xứ đều là hư dối, vốn không phải nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

Này A-nan, ông lại ngửi chiên-đàn trong lò này, hương này nếu đốt chừng một thù thì cả thành Thất-la-phệệt trong vòng bốn mươi dặm đồng thời đều ngửi được mùi thơm. Ý ông nghĩ sao? Mùi hương này sanh từ cây chiên-đàn hay sanh từ lỗ mũi của ông, hay sanh từ hư không?

Này A-nan, lại nếu mùi hương này sanh từ lỗ mũi ông, gọi là do mũi sanh thì phải từ lỗ mũi mà ra. Lỗ mũi không phải là chiên-đàn, vì sao trong mũi lại có mùi chiên-đàn? Gọi là ông ngửi mùi hương thì mùi hương phải vào trong mũi, còn từ trong lỗ mũi bay ra mùi hương, nói ngửi là không đúng nghĩa.

Nếu sanh từ hư không, tánh hư không là thường hằng thì mùi hương nên thường còn, đâu cần đốt cây khô chiên-đàn trong lò. Nếu sanh từ cây chiên-đàn thì chất hương này nhân đốt cây chiên-đàn mà thành khói, nếu lỗ mũi ngửi được mùi thơm là nhờ hơi khói xông đến mũi. Vì sao khói này bay lên hư không chưa được bao xa, thì trong vòng bốn mươi dặm đều đã ngửi được mùi thơm? Thế nên phải biết mùi hương, lỗ mũi cùng cái ngửi đều không có xứ sở, tức ngửi và mùi hương, hai xứ đó đều là hư dối, vốn không phải nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

Này A-nan, ông thường hai thời ở trong chúng mang bình bát đi khát thực, trong ấy hoặc gặp được tô lạc, đề hồ thì gọi là thượng vị. Ý ông nghĩ sao? Vị này sanh ra từ hư không, từ trong lưỡi hay do thức ăn? A-nan, nếu vị này sanh từ lưỡi của ông, trong miệng ông chỉ có một cái lưỡi, khi ấy lưỡi đã thành vị tô lạc, thì lúc gặp đường phèn lẽ ra vị không dời đổi, nếu không biến đổi thì không gọi là biết vị. Còn nếu biến đổi thì cái lưỡi chẳng phải nhiều thể, làm sao một cái lưỡi mà biết được nhiều vị? Nếu sanh từ thức ăn, thức ăn không có tánh biết, làm sao tự biết vị? Lại nếu thức ăn tự biết, đồng với người khác ăn, đâu có liên hệ gì đến ông mà gọi ông biết vị.

Nếu sanh từ hư không thì ông thử nếm hư không coi sẽ là vị gì. Hư không kia nếu là vị mặn, đã làm mặn được lưỡi ông thì lẽ ra cũng làm mặn luôn mặt ông. Như vậy người trong thế giới này giống như cá ở trong biển. Đã thường nhận cái mặn thì trọn không biết được vị lạt. Nếu không biết được lạt tức cũng không biết được mặn. Không có chỗ biết thì làm sao gọi là biết vị? Thế nên phải biết, vị, cái lưỡi và sự nếm đều không có chỗ nơi, tức nếm cùng vị trần, cả hai đều hư dối, vốn không phải nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

A-nan, ông thường sáng sớm lấy tay xoa đầu. Ý ông nghĩ sao? Do xoa mà có biết, là cái gì biết cảm xúc? Cái biết cảm xúc ở nơi tay hay ở đầu? Nếu ở tay thì đầu ắt không biết, làm sao thành xúc? Nếu ở đầu thì tay ắt vô dụng, sao gọi là xúc? Còn nếu mỗi bên đều có xúc thì ông A-nan lẽ ra có hai thân.

Nếu đầu và tay đều do một cảm xúc sanh ra thì tay với đầu chỉ có một thể. Nếu là một thể, nghĩa xúc ắt không thành. Còn nếu là hai thể thì xúc ở bên nào? Nếu ở bên năng thì không tại sở, mà tại sở thì không ở bên năng. Không lẽ hư không cùng với ông làm thành xúc. Thế nên phải biết, cảm xúc và thân đều không có xứ sở, tức thân cùng với xúc, cả hai đều hư dối, vốn không phải nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

Này A-nan, ông thường trong ý duyên với ba tánh thiện, ác và vô ký, sanh ra các pháp trần. Pháp này là từ tâm sanh ra hay là tâm riêng có nơi chốn? Này A-nan, nếu tức tâm thì pháp trần không phải là trần, không phải là chỗ duyên của tâm, thì làm sao thành xứ?

Nếu là tâm riêng có nơi chốn thì tự tánh pháp trần là có biết hay không biết? Nếu có biết thì gọi là tâm. Nếu khác với ông, cũng không phải trần cảnh thì giống như tâm lượng người khác. Nếu pháp trần tức là ông, cũng tức là tâm, thì làm sao tâm ông lại thành hai được?

Nếu không có biết, thì pháp trần này đã không phải sắc, thanh, hương, vị, ly, hợp, lạnh, nóng và tướng hư không, vậy nó sẽ ở chỗ nào? Nay nơi sắc và không trọn không chỉ bày được, chẳng lẽ ở nhân gian này lại có cái ngoài hư không? Nếu pháp trần là tâm thì chẳng phải sở duyên, xứ do đâu mà lập? Thế nên phải biết, pháp trần và tâm đều không chỗ nơi, thì ý căn cùng với pháp trần, cả hai đều hư dối, vốn không phải nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

4. Thu mười tám giới

Lại nữa A-nan, thế nào mười tám giới vốn là Như Lai tạng diệu chân như tánh?

Này A-nan, như ông đã rõ, con mắt và sắc trần làm duyên sanh ra nhãn thức. Thức này là nhân con mắt sanh ra, lấy mắt làm giới hay nhân nơi sắc trần sanh ra, lấy sắc trần làm giới?

Này A-nan, nếu nhân con mắt sanh, mà không có sắc và không thì không thể phân biệt, dù có thức của ông thì dùng vào việc gì?

Cái thấy của ông lại không phải xanh, vàng, đỏ, trắng, không có chỗ chỉ bày thì do đâu mà lập giới? Nếu nhân nơi sắc trần mà sanh, thì khi chỉ có hư không, không có sắc, thức của ông lẽ ra phải diệt, làm sao nhận biết đó là tánh hư không?

Nếu khi sắc trần biến đổi, ông cũng biết sắc tướng ấy biến đổi, thức của ông không đổi thì giới từ đâu mà lập? Nếu theo sắc biến đổi mà biến đổi, thì tướng giới tự không lập được, còn không biến đổi tức là thường hằng. Thức đã từ sắc sanh, lẽ ra chẳng biết hư không tại chỗ nào. Nếu gồm cả hai thứ, sắc trần và con mắt chung hợp sanh ra nhãn thức, hợp thì ở giữa lìa, lìa ra thì hợp hai bên, thế tánh lộn xộn làm sao thành giới? Thế nên phải biết, con mắt và sắc trần làm duyên sanh ra nhãn thức giới, ba chỗ đều không. Vậy cả ba thứ: con mắt, sắc trần và sắc giới, vốn không phải nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

Này A-nan, lại như ông đã rõ, nhĩ căn và thanh trần làm duyên sanh ra nhĩ thức. Thức này là nhân nhĩ căn sanh ra, lấy nhĩ căn làm giới hay nhân thanh trần sanh ra, lấy thanh trần làm giới? Này A-nan, nếu nhân nơi nhĩ căn sanh ra mà không có hai tướng động tịnh hiện tiền, thì cái biết của nhĩ căn không thành, ắt là không biết gì. Biết còn không thành thì thức có hình tướng gì?

Nếu cho là lỗ tai nghe, vì không có động tịnh thì cái nghe cũng không thành. Làm sao lấy lỗ tai có hình sắc lẫn lộn với xúc trần mà gọi là nhĩ thức giới? Vậy nhĩ thức giới lại từ đâu mà lập?

Nếu sanh ở thanh trần, thức nhân thanh trần mà có thì không quan hệ gì với cái nghe. Đã không nghe thì không biết tướng thanh trần ở chỗ nào. Nếu nhĩ thức từ thanh trần sanh, dù cho thanh trần nhân nghe mà có tướng thì cái nghe lẽ ra phải nghe được nhĩ thức. Nếu không nghe được thì không phải là giới, còn nếu nghe được thì nhĩ thức đồng với thanh trần. Nhĩ thức đã bị nghe thì cái gì biết nghe thức? Nếu không biết thì đồng như cây cỏ.

Không thể tiếng và nghe xen lẫn mà thành nhĩ thức giới ở giữa. Giới không có vị trí ở giữa thì tướng trong và ngoài lại từ đâu mà thành? Thế nên phải biết, tai và thanh trần làm duyên sanh ra nhĩ thức giới, ba chỗ đều không. Vậy cả ba thứ: tai, thanh trần và thanh giới, vốn không phải nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

Này A-nan, lại như ông đã rõ, tỷ căn và hương trần làm duyên sanh ra tỷ thức. Thức này là nhân tỷ căn sanh ra, lấy tỷ căn làm giới hay nhân hương trần sanh ra, lấy hương trần làm giới? Này A-nan, nếu nhân nơi tỷ căn sanh thì trong tâm ông lấy cái gì làm tỷ căn? Lấy cái hình thịt như tướng hai móng tay, hay lấy tánh biết người dao động làm tỷ căn?

Nếu lấy hình tướng mũi thịt thì chất thịt là thân và cái biết của thân là xúc, gọi là thân thì chẳng phải tỷ căn, gọi là xúc tức thuộc về xúc trần. Tỷ căn còn không có tên, làm sao mà lập giới?

Nếu ông lấy người biết làm tỷ căn thì trong tâm ông nghĩ lấy cái gì làm biết? Nếu lấy phần lỗ mũi thịt làm biết thì cái biết của da thịt vốn là xúc trần chứ không phải tỷ căn. Nếu lấy trống không làm biết thì trống không tự biết, da thịt lẽ ra không biết. Như thế hư không phải nên là ông. Thân ông nếu không biết thì ngày nay A-nan không còn nữa?

Nếu lấy mùi hương làm biết, biết thuộc về hương trần thì đâu có can dự gì với ông. Nếu mùi thơm hôi thật sanh ra từ mũi ông thì hai thứ mùi thơm hôi bốc lên kia, không phải sanh từ cây y-lan và cây chiên-đàn.

Nếu hai mùi thơm hôi không đến, ông tự ngửi lỗ mũi ông là thơm hay hôi? Nếu hôi thì không phải thơm, còn thơm thì không phải hôi. Nếu hai thứ thơm hôi đều có thể ngửi biết được, thì một người ông lẽ ra phải có hai lỗ mũi. Đối trước ta hỏi đạo phải có hai A-nan, vậy cái nào là thể của ông?

Nếu có một lỗ mũi, thơm hôi không hai thì hôi đã là thơm, thơm lại thành hôi, hai tánh chẳng có thì giới từ đâu mà lập? Nếu nhân hương trần sanh, tỷ thức nhân hương trần mà có, như con mắt có cái thấy nhưng không thể thấy được con mắt, thì tỷ thức nhân mùi hương mà có, lẽ ra chẳng biết được hương. Nếu biết được hương tức không phải từ hương trần sanh ra, còn không biết được hương thì chẳng phải là thức.

Nếu không ngửi biết có mùi hương thì giới của hương trần không thành. Tỷ thức không biết mùi hương thì tỷ thức giới ấy không nhân nơi hương trần mà kiến lập. Đã không có khoảng giữa thì trong và ngoài không thành. Tánh ngửi kia rất ráo là hư dối.

Thế nên phải biết, tỷ căn và hương trần làm duyên sanh ra tỷ thức giới, ba chỗ đều không, thì cả ba thứ tỷ căn, hương trần và hương giới, vốn không phải nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

Này A-nan, lại như ông đã rõ, thiết căn và vị trần làm duyên sanh ra thiết thức. Thức này là nhân thiết căn sanh ra, lấy thiết căn làm giới, hay nhân vị trần sanh ra, lấy vị trần làm giới? Này A-nan, nếu nhân thiết căn sanh thì các thứ trong thế gian như mía (ngọt), ô mai (chua), huỳnh liên (đắng), muối (mặn), tể tân, gừng, quế (cay), đều không có vị. Ông tự nếm cái lưỡi là ngọt hay đắng? Nếu tánh lưỡi là đắng thì cái gì đến nếm cái lưỡi? Lưỡi không tự nếm thì lấy cái gì mà hay biết? Tánh lưỡi không phải đắng, vị trần tự chẳng sanh, làm sao mà lập giới?

Nếu nhân nơi vị sanh thì thiết thức tự là vị, đồng với thiết căn, nên không tự nếm, làm sao biết rõ đây là vị hay không phải vị. Lại tất cả vị không phải một vật sanh, vị đã do nhiều thứ sanh thì thiết thức cũng nên có nhiều thể.

Nếu thức thể là một, thể ấy phải do vị sanh, thì mặn, lạt, ngọt, cay hòa hợp cùng sanh, các tướng khác nhau đồng là một vị, lẽ ra không có phân biệt. Đã không phân biệt thì không gọi là thức, làm sao gọi là vị thiết thức giới? Không lẽ hư không sanh ra tâm thức của ông. Thiết căn và vị trần hòa hợp, trong ấy vốn không có tự tánh, làm sao sanh ra thiết thức giới? Thế nên phải biết, thiết căn, vị trần làm duyên sanh ra thiết thức giới, ba chỗ đều không thì ba thứ thiết căn, vị trần và thiết thức giới, vốn không phải nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

Này A-nan, lại như ông đã rõ, thân căn với xúc trần làm duyên sanh ra thân thức. Thức này là nhân nơi thân sanh ra, lấy thân làm giới, hay nhân nơi xúc trần sanh ra, lấy xúc trần làm giới? Này A-nan, nếu nhân nơi thân sanh ra thì không có hai duyên giác quán hợp và ly, thân làm sao có chỗ biết?

Nếu nhân nơi xúc trần sanh, ắt không có thân ông, vậy có ai không thân mà biết được hợp và ly? Này A-nan, vật không biết cảm xúc, thân biết nên có cảm xúc. Cái biết nơi thân tức là cảm xúc, biết cảm xúc tức là thân. Tức cảm xúc không phải thân, tức thân không phải cảm xúc.

Hai tướng thân và xúc vốn không có chỗ nơi. Xúc hợp với thân tức là tự thể của thân, lìa thân thì như các tướng hư không v.v... Trong ngoài không thành thì thức ở giữa làm sao lập? Giữa không thể lập thì trong ngoài là tánh không. Vậy thức của ông từ đâu sanh mà lập giới? Thế nên phải biết, thân và xúc làm duyên sanh ra thân thức giới, ba chỗ đều không, thì thân cùng xúc và thân thức giới, ba thứ vốn không phải nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

Này A-nan, ông đã rõ ý căn và pháp trần làm duyên sanh ra ý thức. Thức này là nhân ý căn sanh ra, lấy ý làm giới, hay nhân pháp trần sanh ra, lấy pháp trần làm giới? Này A-nan, nếu nhân ý căn sanh ra thì trong ý ông ắt có chỗ suy nghĩ phát minh được ý của ông. Nếu không có pháp tiền trần thì ý không có thể sanh, là duyên trần, ý không hình tướng, thức dùng vào chỗ nào?

Lại thức tâm của ông cùng với các tư lương và tánh liễu biệt là đồng hay khác? Nếu đồng với ý căn tức là ý căn, làm sao do ý căn sanh ra? Nếu khác với ý căn, tức không đồng thì lẽ ra không có chỗ biết. Nếu không chỗ biết, làm sao nói từ ý căn sanh? Còn nếu có chỗ biết thì làm sao biết được ý? Chỉ hai tánh đồng và khác đã không thành, giới làm sao lập?

Nếu nhân pháp trần sanh thì các pháp thế gian chẳng là năm trần. Ông xem sắc pháp và thanh pháp, hương pháp, vị pháp cùng với xúc pháp, có tướng trạng phân biệt rõ ràng, do đối với năm căn, không nhiếp thuộc về ý.

Nếu ý thức của ông quyết định nương nơi pháp trần sanh, nay ông xem xét kỹ mỗi pháp có tướng trạng gì? Nếu là sắc không, động tịnh, thông bít, hợp ly, sanh diệt, vượt ngoài các tướng này thì trọn không có pháp nào. Sanh thì các pháp sắc không v.v... đều sanh, diệt ắt là các pháp sắc không v.v... đều diệt. Cái nhân đã không thì thức nhân đây sanh có hình tướng gì? Hình tướng không có thì làm sao lập thành giới?

Thế nên phải biết, ý căn và pháp trần làm duyên sanh ra ý thức giới, ba chỗ đều không, thì ba thứ ý căn, pháp trần và ý thức giới, vốn không phải nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

5. Thu bảy đại

A-nan bạch Phật rằng: – Bạch Thế Tôn, Như Lai thường nói nhân duyên hòa hợp, tất cả các thứ biến hóa trong thế gian đều nhân tứ đại hòa hợp mà phát sanh. Tại sao Như Lai bác bỏ hết cả hai lý nhân duyên và tự nhiên? Nay con không biết nghĩa này thuộc về đâu. Cúi mong Ngài thương xót chỉ bày cho chúng sanh nghĩa rốt ráo trung đạo, không còn các pháp hý luận.

Khi ấy, đức Thế Tôn bảo A-nan rằng:

– Ông trước đã chán lìa các pháp Tiểu thừa Thanh Văn Duyên giác, phát tâm siêng cầu Vô thượng Bồ-đề, nên nay ta vì ông mà chỉ dạy đệ nhất nghĩa đế. Tại sao ông lại đem vọng tưởng nhân duyên, hý luận của thế gian mà tự trói buộc? Ông tuy là đa văn, giống như người nói tên thuốc, đến khi thuốc thật ở trước mắt thì không thể phân biệt. Như Lai nói thật là đáng thương xót vậy! Nay ông lắng nghe, ta sẽ vì ông phân biệt chỉ bày, cũng khiến cho những người tu Đại thừa ở đời sau thông suốt được thật tướng.

A-nan lắng thính chờ nghe lời Phật chỉ dạy.

– Này A-nan, như lời ông đã nói, tứ đại hòa hợp phát sanh ra các thứ biến hóa trong thế gian. A-nan, nếu thể tánh các đại kia chẳng hòa hợp thì không thể cùng với những đại khác hòa lẫn nhau, cũng như hư không không hòa với các sắc tướng. Còn nếu hòa hợp thì đồng với biến hóa, trước sau thành nhau, sanh diệt tiếp nối, sanh rồi tử, tử rồi sanh, sanh sanh tử tử như vòng lửa quay chưa từng thôi dứt. A-nan, như nước thành băng, băng trở lại thành nước.

Ông xem tánh địa đại, lớn là địa cầu, nhỏ là hạt bụi, cho đến lân hư trần. Nếu phân tích hạt bụi thật nhỏ thì cái tướng bên bờ mé của sắc do bảy phần làm thành. Lại phân tích lân hư trần thì thật là hư không.

Này A-nan, nếu lân hư trần này phân tích thành hư không, thì nên biết hư không cũng sanh ra sắc tướng. Nay ông hỏi do hòa hợp mà sanh ra các tướng biến hóa ở thế gian. Ông hãy xem một lân hư

trần này dùng bao nhiêu hư không hòa hợp lại mà có? Chẳng lẽ lân hư trần hợp thành lân hư trần? Lại lân hư trần phân tích thành hư không, vậy dùng bao nhiêu sắc tướng hợp lại để thành hư không?

Nếu khi sắc hợp lại, thì hợp sắc tướng chẳng thể là hư không. Nếu khi hư không hợp lại, thì hợp hư không chẳng thể là sắc tướng. Sắc còn có thể chia chẻ chứ hư không làm sao mà hợp được? Ông vốn không biết trong Như Lai tạng, tánh sắc vốn là chân không, tánh không là chân sắc, thanh tịnh sẵn vậy, trùm khắp pháp giới. Tùy tâm chúng sanh ứng với chỗ hiểu biết, theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết lầm cho là nhân duyên và tánh tự nhiên, đều do thức tâm phân biệt tính toán, chỉ có lời nói, trọn không có nghĩa thật.

Này A-nan, tánh lửa không có ngã, do gá nơi các duyên. Ông xem trong thành, những nhà chưa ăn cơm, khi họ muốn nhóm lửa thì tay cầm cái kính lấy lửa, đưa lên trước mặt trời để lấy lửa. A-nan, gọi là hòa hợp đó, như ta cùng với ông và một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo nay hợp lại thành một chúng. Chúng tuy là một, gạn xét cội gốc, mỗi người đều có thân khác, đều có chỗ sanh, dòng họ, tên tuổi khác. Như ông Xá-lợi-phất dòng Bà-la-môn, ông Ưu-lâu-tần-loa dòng Ca-diếp-ba, cho đến A-nan là dòng Cù-đàm.

Này A-nan, nếu lửa này nhân hòa hợp mà có, thì khi tay người kia cầm kính đưa lên mặt trời lấy lửa, lửa này là từ trong kính mà ra hay từ bồi bay ra, hay từ mặt trời đến?

A-nan, nếu từ mặt trời đến, tự hay đốt được cái bồi trong tay ông, thì những chỗ nó đi qua như rừng cây, lẽ ra đều bị đốt cháy. Nếu từ trong kính ra, lửa ấy đã từ trong kính ra đốt bồi thì tại sao kính không bị chảy? Cho đến cái tay ông cầm kính còn không thấy nóng, làm sao kính chảy được. Nếu sanh từ bồi thì đâu cần nhờ ánh sáng mặt trời và kính tiếp nhau rồi sau mới sanh lửa.

Ông lại xét kỹ: kính thì nhân tay cầm, mặt trời từ trên trời soi đến, còn bồi vốn từ đất sanh, vậy lửa từ phương nào du lịch đến đây? Mặt trời và kính cách xa nhau, chẳng phải hòa chẳng phải hợp, không lẽ tánh lửa không từ đâu mà tự có? Ông vẫn không biết trong Như Lai tạng, tánh lửa là chân không, tánh không là thật lửa, thanh tịnh sẵn vậy, trùm khắp pháp giới, tùy tâm chúng sanh mà ứng với chỗ hiểu biết của họ.

A-nan, phải biết người thế gian, hễ một chỗ cầm kính thì một chỗ đó phát lửa, khắp cả pháp giới cầm kính thì cả thế gian lửa sanh. Lửa cháy khắp cả thế gian đâu có nơi chốn, chỉ theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết, lầm cho là nhân duyên và tánh tự nhiên, đều là do thức tâm phân biệt tính toán, chỉ có lời nói, trọn không có nghĩa thật.

Này A-nan, tánh nước không nhất định, chảy dừng không thường. Như trong thành Thất-la-phật, những vị đại huyễn sư như Ca-tỳ-la tiên, Chưốc-ca-la tiên và Bát-đầu-ma, Ha-tát-đa v.v... muốn tìm nước Thái âm tinh để hòa với thuốc huyễn thuật. Các vị huyễn sư ấy vào đêm trăng sáng, tay cầm ngọc phương chư hững lấy nước trong ánh trăng. Nước này từ trong hạt châu ra, do hư không tự có hay từ mặt trăng đến?

Này A-nan, nếu từ mặt trăng đến, thì từ phương xa còn có thể khiến hạt châu chảy ra nước, vậy những rừng cây nó đi qua lẽ ra đều phải tràn nước. Nếu nước tràn ra thì đâu đợi có hạt châu phương chư mới ra nước. Còn nếu không tràn nước thì rõ ràng nước không phải từ mặt trăng xuống.

Nếu từ hạt châu ra thì trong hạt châu này thường chảy ra nước, đâu đợi giữa đêm hững ánh sáng mặt trăng mới có nước. Nếu từ hư không sanh, tánh hư không vốn không ngăn mé, nước phải không có bờ bến, thì từ cõi người cho đến cõi trời đều bị chìm ngập, làm sao lại còn có thủy, lục, không hành?

Ông lại xét kỹ, mặt trăng từ trên trời cao, hạt châu thì nhân tay cầm, nường hạt châu để thau hứng nước là do người sắp đặt. Nước từ phương nào trôi chảy đến đây? Mặt trăng và hạt châu cách xa nhau, không phải hòa không phải hợp, không lẽ nước này không từ đâu mà tự có! Ông còn không biết trong Như Lai tạng, tánh nước là chân không, tánh không là thật nước, thanh tịnh sẵn vậy, trùm khắp pháp giới, tùy theo tâm của chúng sanh, ứng với chỗ hiểu biết của họ.

Nếu một chỗ cầm hạt châu thì chỗ đó có nước chảy ra, khắp cả pháp giới cầm hạt châu thì đầy cả pháp giới sanh nước. Nước sanh ra đầy cả thế gian thì đâu có nơi chốn, chỉ theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết, lầm cho là nhân duyên và tánh tự nhiên, đều do thức tâm phân biệt so tính, chỉ có lời nói, trọn không có nghĩa thật.

Này A-nan, tánh gió không có tự thể, động tịnh không thường. Ông thường khi sửa y vào trong đại chúng, góc y tăng-già-lê của ông chạm đến người bên cạnh thì có một chút gió phát nhẹ qua mặt người kia. Gió này phát ra từ góc ca-sa, từ hư không hay là sanh từ mặt người kia? Này A-nan, nếu gió này phát ra từ góc ca-sa thì ông đã đắp gió, lẽ ra cái y kia phải bay ra rời khỏi thân ông. Hiện nay ta ở trong hội nói pháp, rũ y xuống, ông xem cái y của ta gió ở chỗ nào? Chẳng lẽ ở trong y lại có chỗ chứa gió?

Nếu gió sanh từ hư không, khi y của ông không động, vì sao không phát gió? Tánh hư không thường trụ, lẽ ra gió phải thường sanh. Nếu khi không có gió, hư không phải diệt. Gió diệt mất thì có thể thấy, hư không diệt có tướng trạng gì? Nếu có sanh diệt thì không gọi là hư không, còn gọi là hư không thì làm sao nói gió từ đó ra được?

Nếu gió tự sanh nơi mặt người bị phất, đã từ mặt người kia sanh thì lẽ ra gió phải phất lại ông; vì sao tự ông sửa y, gió phất ngược lại người kia? Ông phải xem xét chín chắn, sửa y là ở ông, mặt thuộc về người kia, hư không lặng lẽ không có lay động. Gió từ phương nào chuyển động đến đây? Gió và hư không tánh cách biệt, chẳng phải hòa chẳng phải hợp, chẳng lẽ tánh gió không từ đâu mà tự có. Ông vẫn chẳng biết trong Như Lai tạng, tánh gió là chân không, tánh không là thật gió, thanh tịnh sẵn vậy, trùm khắp pháp giới, tùy theo tâm lượng của chúng sanh, ứng với chỗ hiểu biết của họ.

Này A-nan, như một mình ông đắp y có một chút động nhẹ thì có một chút gió nhẹ phát ra, khắp cả pháp giới đều phát thì đầy cả cõi nước sanh gió, trùm khắp thế gian nào có nơi chốn, chỉ theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết lầm cho là nhân duyên và tánh tự nhiên, đều là do thức tâm phân biệt so tính, chỉ có lời nói, trọn không có nghĩa thật.

Này A-nan, hư không không hình tướng, nhân nơi sắc mà hiển bày. Như trong thành Thất-la-phiệt, chỗ cách xa sông, những người dòng Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà-la cùng với Phả-la-đọa, Chiên-đà-la v.v... khi làm nhà mới thì đào giếng để lấy nước. Khi đào ra một thước đất, trong đó có một thước hư không. Như thế cho đến đào ra một trượng đất, trong khoảng đó lại có một trượng hư không. Hư không cạn hay sâu tùy theo chỗ đào nhiều hay ít. Hư không này là nhân đất mà ra hay nhân đào mà có, hay không nhân mà tự sanh?

Này A-nan, nếu hư không này không nhân mà tự sanh thì trước khi chưa đào đất sao có chương ngại, chỉ thấy toàn là đất, không một chút thông suốt?

Nếu nhân nơi đất ra, thì khi bỏ đất ra đáng lẽ phải thấy hư không vào. Nếu đất ra trước, không có hư không vào, thì làm sao nói hư không nhân đất mà ra? Nếu không ra vào thì lẽ ra hư không và đất vốn không khác nhau. Không khác thì đồng, vậy khi đào đất ra, hư không sao chẳng thấy ra?

Nếu nhân đào mà ra, đáng lẽ đào phải ra hư không, chẳng ra đất. Còn chẳng nhân đào mà ra thì đào tự ra đất, sao lại thấy hư không? Ông hãy xem xét chín chắn kỹ lưỡng, đào là từ tay người, tùy nơi mà vận chuyển, đất thì nhân đất liền dời đi. Như thế hư không nhân cái gì mà ra? Đào và hư không,

một bên rỗng một bên thật, không thể dùng chung với nhau được, không phải hòa không phải hợp, chẳng lẽ hư không không đâu mà tự ra?

Nếu hư không này tánh tròn đầy trùm khắp, vốn không dao động, phải biết hiện tiền hư không cùng đất nước lửa gió đều gọi là năm đại, tánh thật viên dung, đều là Như Lai tạng, vốn không sanh diệt.

Này A-nan, tâm ông mê muội, không ngộ được tứ đại vốn là Như Lai tạng. Phải xem xét hư không này là ra hay vào, hoặc chẳng ra vào? Ông hoàn toàn không biết trong Như Lai tạng, tánh giác là chân không, tánh không là chân giác, thanh tịnh sẵn vậy, trùm khắp cả pháp giới, tùy theo tâm chúng sanh, ứng với lượng hiểu biết của họ.

Này A-nan, như một cái giếng trống không thì hư không sanh trong một giếng. Mười phương hư không cũng lại như thế, tròn đầy cả mười phương, đâu có nơi chốn, chỉ theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết, lầm là nhân duyên và tánh tự nhiên, đều do thức tâm phân biệt so tính, chỉ có lời nói, trọn không có nghĩa thật.

Này A-nan, cái kiến giác vô tri, nhân nơi sắc và không mà có. Như nay ông ở trong rừng Kỳ-đà, sớm mai thì sáng, ban đêm thì tối. Nếu ở giữa đêm, có trăng thì sáng, không trăng thì tối. Những thứ tối sáng v.v... nhân cái thấy mà phân tích.

Cái thấy này lại cùng tướng sáng tối và hư không là đồng một thể hay chẳng đồng một thể? Hoặc đồng cũng chẳng đồng, hoặc khác cũng chẳng khác? Này A-nan, cái thấy này nếu cùng sáng tối và hư không vốn là một thể, thì hai thể sáng và tối nó tiêu diệt nhau, khi tối thì không sáng, khi sáng thì không tối, nếu cái thấy cùng với tối là một thể thì khi sáng cái thấy đã mất, nếu cái thấy thật là một thể với sáng thì khi tối đến cái thấy cũng phải mất. Mất thì làm sao thấy tối thấy sáng?

Nếu sáng và tối khác nhau, cái thấy không sanh diệt, thì làm sao thành một thể? Nếu cái thấy này cùng sáng và tối chẳng đồng một thể, thì lìa sáng tối và hư không, ông phân tích coi cái thấy này là hình tướng gì? Lìa sáng tối và hư không, cái thấy này vốn đồng như lông rùa sừng thỏ. Sáng tối và hư không, ba việc đều khác, từ cái nào mà lập ra cái thấy?

Sáng và tối trái nhau, làm sao nói là đồng? Lìa ba việc đó cái thấy vốn không, làm sao thành khác? Bên không, bên thấy vốn không có bờ mé, làm sao mà chẳng phải đồng? Thấy tối thấy sáng, tánh không dời đổi, làm sao chẳng phải khác?

Ông lại xét kỹ, chín chắn mà xem cho rõ ràng, quan sát thật kỹ lưỡng: sáng là từ mặt trời, tối là từ đêm không trăng, thông thuộc về hư không, bít thì quy về đất liền, như thế tánh thấy nhân đâu mà ra? Cái thấy có giác biết, hư không thì không biết gì, chẳng phải hòa, chẳng phải hợp, không lẽ tánh thấy không từ đâu mà tự có?

Nếu tánh thấy nghe biết tròn đầy trùm khắp, vốn không dao động, thì phải biết hư không vô biên chẳng động, cùng với những thứ dao động đất nước lửa gió kia đều gọi là sáu đại, tánh nó chân thật viên dung, đều là Như Lai tạng, vốn không sanh diệt.

Này A-nan, tánh ông chìm đắm, không ngộ được thấy nghe hiểu biết của ông vốn là Như Lai tạng. Ông phải xem xét, thấy nghe hiểu biết này là sanh hay diệt, là đồng hay khác, là chẳng sanh chẳng diệt, là chẳng đồng chẳng khác? Ông chưa từng biết trong Như Lai tạng, tánh kiến giác minh, giác tinh minh kiến (tánh thấy biết sáng suốt) thanh tịnh sẵn vậy, khắp cả pháp giới, tùy theo tâm của chúng sanh, ứng với chỗ hiểu biết của họ.

Như một căn thấy, thấy khắp cả pháp giới, cái biết nghe, ngửi, nếm, xúc chạm, cảm xúc, giác tri, diệu đức sáng rõ trùm khắp pháp giới, tròn đầy cả hư không mười phương, đâu có nơi chốn, theo nghiệp

mà phát hiện. Thế gian không biết lầm là nhân duyên và tánh tự nhiên, đều do thức tâm phân biệt so tính, chỉ có lời nói, trọn không có nghĩa thật.

Này A-nan, thức tánh không cội nguồn, nhân nơi sáu thứ căn trần mà đối sanh. Nay ông xem khắp Thánh chúng trong hội này, dùng mắt nhìn qua. Mắt kia nhìn khắp chỉ như bóng trong gương, không có phân tích riêng.

Trong thức của ông theo thứ lớp chỉ ra: đây là Văn-thù, đây là Phú-lâu-na, đây là Mục-kiền-liên, đây là Tu-bồ-đề, đây là Xá-lợi-phất... Cái thức hiểu biết này sanh ra từ cái thấy hay sanh nơi tướng, hay sanh nơi hư không, hay không có nhân đột nhiên mà phát sanh?

Này A-nan, nếu thức tánh của ông sanh từ trong cái thấy, như khi không có sáng tối cùng với sắc không, bốn thứ đã không có thì cái thấy của ông vốn cũng không có. Tánh thấy còn không có thì từ đâu mà thức phát ra?

Nếu thức tánh của ông sanh ra từ các tướng, không phải sanh từ nơi cái thấy, thì đã không thấy sáng cũng không thấy tối, sáng tối đã không thấy tức chẳng có sắc và không. Những tướng kia còn không thì thức từ đâu mà phát?

Nếu thức sanh từ hư không, chẳng phải các tướng, chẳng phải cái thấy. Nếu chẳng phải cái thấy thì không thể biện biệt, tự nó chẳng thể biết được sáng tối, sắc không. Không có sắc tướng thì duyên cũng mất, thấy nghe hiểu biết không có chỗ an lập.

Nơi hai thứ chẳng phải này, nếu là không thì thức đồng với không có, còn có thì thức chẳng đồng với vật. Dù cho thức của ông có phát ra thì phân biệt được gì?

Nếu không có nguyên nhân, thức bỗng nhiên phát ra, thì tại sao khi ở giữa trưa lại không riêng biết mặt trăng sáng.

Ông phải suy nghĩ chín chắn, xem xét kỹ lưỡng, cái thấy thì gá nơi con mắt ông, các tướng thuộc về tiền cảnh, cái có hình tướng thì thành có, không có tướng thì thành không. Như vậy thức duyên này nhân cái gì mà ra? Thức thì động, cái thấy thì lặng, chẳng phải hòa, chẳng phải hợp. Ngửi, nghe, cảm giác, hiểu biết cũng lại như thế. Không lẽ thức duyên không từ đâu mà ra.

Nếu thức tâm này vốn không từ đâu ra thì phải biết cái phân biệt rõ ràng (thức đại) và cái thấy nghe, cảm giác, hiểu biết (kiến đại) lặng lẽ trùm khắp, tánh nó không do đâu mà có. Hai đại đó cùng với hư không, đất, nước, lửa, gió, gọi chung là thất đại, tánh thật viên dung, đều là Như Lai tạng, vốn không sanh diệt.

Này A-nan, tâm ông thô phù không ngộ được, phát minh ra cái thấy nghe hiểu biết vốn là Như Lai tạng. Ông nên quán sát sáu thức tâm này là đồng hay khác, là không hay có, là chẳng đồng hay chẳng khác, là chẳng không hay chẳng có?

Ông vốn chẳng biết trong Như Lai tạng, tánh thức là rõ biết sáng suốt (minh tri), tánh biết sáng suốt (giác minh) là chân thức, tánh biết nhiệm mầu lặng lẽ trùm khắp pháp giới, bao gồm cả mười phương, đâu có phương hướng nơi chốn, chỉ theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết, lầm là nhân duyên và tánh tự nhiên, đều là thức tâm phân biệt so tính, chỉ có lời nói, trọn không có nghĩa thật.

IV. A-NAN GIÁC NGỘ PHÁT NGUYỆN

Khi ấy A-nan và đại chúng nhờ Phật Như Lai khéo léo chỉ bày, thân tâm rỗng rang, không còn ngăn ngại. Đại chúng ấy mỗi người tự biết tâm trùm khắp mười phương, thấy hư không mười phương

như xem chiếc lá hay đồ vật trong bàn tay. Tất cả sự vật có trong thế gian đều là tâm Bồ-đề sáng suốt nhiệm màu sẵn có.

Tâm tinh viên mãn trùm khắp cả mười phương, trở lại xem cái thân cha mẹ sanh ra, như thổi một hạt bụi nhỏ trong hư không mười phương, hoặc còn hoặc mất, cũng giống như hòn bọt nổi trôi trên biển cả lặng yên, dù nổi dù tan, không biết từ đâu. Tự biết được rõ ràng bản tâm nhiệm màu thường trụ không diệt.

A-nan chấp tay lễ Phật, được điều chưa từng có, ở trước Như Lai nói bài kệ tán thán Phật:

Diệu trạch tổng trì bất động tôn

Thủ Lăng Nghiêm Vương thế hy hữu

Tiêu ngã ức kiếp điên đảo tướng

Bất lịch tăng-kỳ hoạch Pháp thân.

Nguyện kim đắc quả thành Bảo vương

Hoàn độ như thị hằng sa chúng

Tương thử thâm tâm phụng trần sát

Thị tắc danh vi báo Phật ân.

Phục thỉnh Thế Tôn vị chứng minh

Ngũ trước ác thế thế tiên nhập

Như nhất chúng sinh vị thành Phật

Chung bất ư thử thủ Nê Hoàn.

Đại hùng đại lực đại từ bi

Hi cánh thâm trừ vi tế hoặc

Linh ngã tạo đẳng vô thượng giác

Ư thập phương giới tọa đạo tràng.

Thuấn-nhã-đa tánh khả tiêu vong

Thước-ca-la tâm vô động chuyển.

V. QUYẾT NGHỊ

1. Nguyên nhân vọng thấy có tướng thế giới và chúng sanh

Khi ấy Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử, ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai áo bên phải, quỳ gối phải sát đất, chấp tay cung kính bạch Phật rằng:

– Đức Thế tôn đại oai đức, khéo vì chúng sanh diễn bày đệ nhất nghĩa đế của Như Lai. Thế Tôn thường khen trong nhóm người nói pháp, con là bậc nhất, mà nay con nghe Như Lai nói pháp âm vi diệu, giống như người điếc ở cách xa ngoài trăm bước lắng nghe tiếng muỗi mòng, vốn đã không thấy, huống là được nghe. Phật tuy chỉ dạy rõ ràng, khiến con dứt trừ mê lầm, nhưng nay con vẫn chưa rõ được chỗ cứu cánh không còn nghi lầm nghĩa này.

Bạch Thế Tôn, như nhóm ông A-nan, tuy đã khai ngộ nhưng chưa trừ hết tập khí hữu lậu, còn chúng con ở trong hội này đã lên hàng vô lậu, tuy đã dứt hết các lậu, mà nay nghe pháp âm của Như Lai nói vẫn còn nhiều nghi ngờ.

Bạch Thế Tôn, nếu lại tất cả căn, trần, ấm, xứ, giới v.v... ở thế gian này đều là Như Lai tạng thanh tịnh bản nhiên, vì sao chột sanh các tướng hữu vi, núi sông đất liền, thứ lớp đối đãi, cuối rồi lại bắt đầu?

Lại, Như Lai nói đất nước lửa gió bản tánh viên dung trùm khắp pháp giới, lặng lẽ thường trụ. Bạch Thế Tôn, nếu tánh đất trùm khắp thì làm sao dung được nước? Còn tánh nước trùm khắp thì lửa không thể sanh. Lại làm sao rõ biết được hai tánh nước và lửa đều khắp cả hư không mà không lẫn diệt nhau?

Bạch Thế Tôn, tánh đất là chướng ngại, còn tánh hư không thì rộng suốt, làm sao cả hai đều trùm khắp pháp giới? Nay con không biết nghĩa này thế nào, cúi mong Như Lai mở rộng lòng từ bi vén đám mây mờ cho con và cả đại chúng.

Thưa lời ấy rồi, năm vóc gieo xuống đất, trông chờ lời dạy từ bi vô lượng của Như Lai.

Khi ấy đức Thế Tôn bảo ông Phú-lâu-na và các vị A-la-hán lậu tận vô học trong hội rằng: – Ngày nay Như Lai vì khắp hội chúng này, nói lên tánh chân thẳng nghĩa trong thẳng nghĩa, khiến cho ở trong hội, hàng định tánh Thanh văn và tất cả những vị A-la-hán chưa được hai Không, hướng về Thượng thừa, đều được cảnh giới Nhất thừa tịch diệt, là chỗ tu hành chân chánh, hoàn toàn tịch tĩnh. Nay ông lắng nghe, ta sẽ vì ông mà nói.

Phú-lâu-na v.v... im lặng cung kính, chờ nghe lời Phật dạy.

Phật bảo: – Nay Phú-lâu-na, như lời ông hỏi, thanh tịnh bản nhiên tại sao chột sanh núi sông đất liền? Ông chẳng thường nghe Như Lai tuyên nói tánh giác diệu minh, bản giác minh diệu sao?

Phú-lâu-na thưa: – Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Con thường nghe Phật giảng nói nghĩa này.

Phật bảo: – Ông gọi giác minh, là tánh này minh nên gọi là giác, hay là giác đó chẳng minh gọi là minh giác?

Phú-lâu-na thưa: – Nếu cái chẳng sáng này gọi là giác thì không có sở minh (chỗ soi sáng).

Phật bảo: – Nếu không có sở minh thì không có minh giác. Có sở minh thì chẳng phải giác, không sở thì chẳng phải minh. Nếu không minh thì lại chẳng phải tánh giác trạch minh.

Tánh giác hẳn là minh, do vọng minh lại tánh giác. Tánh giác không phải là sở minh, nhân minh mà lập sở. Sở đã vọng lập thì sanh ra vọng năng nơi ông.

Trong chỗ không đồng khác, bỗng nhiên thành khác. Khác với các khác kia, nhân nơi khác mà lập ra đồng. Đã phát minh ra đồng khác, nhân đây lại lập cái không đồng không khác. Như thế mà rối loạn, đối đãi nhau sanh ra lao nhọc. Lao nhọc lâu ngày phát ra các trần, tự làm vướng nhau, do đó mà dấy khởi trần lao phiền não. Dấy khởi làm thành thế giới, tĩnh lặng thì thành hư không. Hư không là đồng, thế giới là khác. Cái không đồng khác kia thật là pháp hữu vi.

Giác thì sáng suốt, hư không thì mờ tối, đối đãi nhau thành ra dao động, nên có phong luân gìn giữ thế giới.

Nhân hư không mà sanh ra dao động. Cái sáng kiên cố mà lập thành chướng ngại. Kim bảo kia do minh giác lập ra tính cứng chắc nên có kim luân bảo trì cõi nước.

Cái giác kiên cố thì thành kim bảo. Do dao động cái sáng mà có gió phát ra. Gió và các chất kim bảo ma sát nhau nên có lửa sáng làm thành tánh biến hóa.

Ánh sáng kim bảo sanh đượm ướt, lửa sáng xông lên nên có thủy luân, gồm cả thế giới mười phương. Lửa bốc lên, nước chảy xuống, giao nhau lập thành chất cứng, chỗ ướt là biển cả, chỗ khô là đất liền, cồn đảo. Do nghĩa ấy nên trong biển cả kia thường bốc lên hơi nóng, trong lục địa và cồn đảo thì có sông ngòi thường chảy. Thế nước yếu hơn thế lửa thì kết thành núi cao. Vậy nên đá núi khi chọi vào nhau thì nháng lửa, nung thì chảy ra nước.

Thế đất kém thế nước thì rút lên thành cây cỏ. Thế nên trong các rừng cây, gặp lửa đốt thì thành đất, ép thì thành nước. Do vọng tưởng xen lẫn mà phát sanh, thứ lớp làm hạt giống cho nhau. Bởi nhân duyên đó, thế giới tiếp nối.

Lại nữa, này Phú-lâu-na, minh vọng không phải gì khác mà do giác minh làm thành lỗi. Sở minh hư vọng đã lập thì minh lý (lý sáng) không vượt khỏi thứ lớp. Do nhân duyên đó, nghe không ngoài tiếng, thấy không khỏi sắc. Sáu thứ vọng sắc hương vị xúc v.v... thành tự. Do đó mà phân ra có thấy nghe hiểu biết.

Bởi đồng nghiệp trói buộc nhau, nên có hợp ly, có thành hình hay biến hóa. Có thấy ánh sáng thì sắc phát hiện. Có ánh sáng, khi thấy thì có các tướng. Nếu khác với cái thấy của mình thì thành ghét, còn đồng với cái tướng của mình thì thành yêu. Dòng ái chảy làm hạt giống, thu nhận các tướng làm thành thai.

Do giao cấu phát sanh, hấp dẫn đồng nghiệp. Cho nên có nhân duyên sanh ra yết-la-lam, át-bồ-đàm v.v... Thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hóa sanh tùy theo đó mà ứng hiện. Noãn chỉ do tướng sanh, thai nhân nơi tình mà có, thấp do hợp mà cảm, hóa do ly mà ứng.

Tình, tướng, hợp, ly thay đổi lẫn nhau. Những loài thọ nghiệp theo đó mà có lên xuống. Bởi những nhân duyên ấy mà chúng sanh tiếp nối.

Này Phú-lâu-na, tướng và ái trói buộc lẫn nhau, ái không thể lìa thì cha mẹ, con cháu trên thế gian này nương nhau sanh mãi không dứt. Những việc ấy là do dục tham làm gốc.

Tham, ái đồng tăng trưởng, tham không thể dừng thì các loài noãn sanh, hóa sanh, thấp sanh, thai sanh ở thế gian này, tùy theo sức mạnh yếu mà ăn nuốt lẫn nhau. Những điều ấy là do sát tham làm gốc.

Do người ăn thịt dê, dê chết thành người, người chết làm dê, như thế cho đến mười loài chúng sanh, sanh tử tử sanh, ăn nuốt lẫn nhau, ác nghiệp cùng sanh ra, tội đời vị lai. Những điều ấy là do đạo tham làm gốc.

Người mắc nợ mạng ta, ta trả nợ lại cho người, do nhân duyên ấy trải qua trăm ngàn kiếp thường ở trong sanh tử. Người yêu tâm của ta, ta mến sắc của người, do nhân duyên ấy trải qua trăm ngàn kiếp thường ở trong trói buộc. Chỉ ba thứ sát đạo dâm làm căn bản, do nhân duyên đó mà nghiệp quả tiếp nối.

Này Phú-lâu-na, ba thứ điên đảo như thế tiếp nối, đều từ giác minh do soi trở lại tánh mà rõ biết, nhân rõ biết mà phát ra tướng, từ vọng kiến sanh núi sông đất liền, các tướng hữu vi thứ lớp đối đãi, nhân hư vọng này mà sau rồi trở lại trước.

2. Giác chẳng sanh mê

Phú-lâu-na thưa: – Nếu diệu giác bản diệu giác minh này, cùng với tâm Như Lai không thêm không bớt, bỗng dưng sanh ra núi sông đất liền, các tướng hữu vi, vậy nay Như Lai đã được diệu không minh giác, khi nào lại sanh núi sông đất liền, những tập lậu hữu vi?

Phật bảo Phú-lâu-na: – Ví như có người mê, ở nơi xóm làng, lầm phương nam làm phương bắc, vậy lầm này là nhân mê có hay nhân ngộ mà ra?

Phú-lâu-na thưa: – Người lầm như thế không nhân mê cũng chẳng nhân ngộ. Vì sao? Mê vốn không có cội gốc, làm sao nhân mê được? Còn ngộ thì chẳng sanh mê, làm sao mà nhân ngộ?

Phật nói: – Người mê kia, chính khi đang mê bỗng có người ngộ tới chỉ bày khiến cho được ngộ. Nay Phú-lâu-na, ý ông nghĩ sao? Người này trước dù bị mê, giờ nơi xóm làng này lại còn sanh mê nữa chăng?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Phú-lâu-na, Như Lai mười phương cũng lại như thế. Mê này không có gốc, tánh rốt ráo là không. Xưa vốn không mê, mà in tưởng có mê có giác. Khi giác được cái mê rồi thì mê diệt, giác không sanh mê.

Cũng như người bị nhặm mắt thấy trong hư không có hoa đốm, bệnh nhặm khi đã được lành thì hoa đốm trong hư không kia liền diệt. Chợt có người ngu, ở nơi chỗ hoa đốm diệt trong hư không đó chờ đợi hoa đốm sanh trở lại. Ông xem người này là ngu si hay trí tuệ?

Phú-lâu-na thưa: – Hư không vốn không có hoa đốm, do hư vọng thấy có sanh diệt. Thấy hoa đốm diệt ở trong hư không đã là điên đảo rồi, lại muốn cho hoa đốm kia xuất hiện lại thì thật là kẻ cuồng si. Làm sao còn hỏi người điên cuồng như thế là ngu hay trí?

Phật bảo: – Ông đã hiểu như thế, vì sao còn hỏi tánh diệu giác minh không của chư Phật Như Lai đến bao giờ lại sanh ra núi sông đất liền?

Lại như quặng vàng xen lẫn với vàng ròng. Một khi đã luyện thành vàng ròng rồi thì không trở lại lẫn tạp nữa. Như cây đã đốt thành tro thì không trở lại làm cây. Bồ-đề Niết-bàn của chư Phật Như Lai cũng lại như thế.

3. Các đại viên dung

Này Phú-lâu-na, ông lại hỏi đất nước gió lửa bản tánh viên dung khắp cả pháp giới, nên nghi tánh nước và lửa sao không lẫn diệt nhau. Ông lại gạn hỏi hư không và đại địa cùng khắp pháp giới mà không dung hợp nhau.

Này Phú-lâu-na, ví như hư không, thể nó không phải các tướng, nhưng không ngăn các tướng phát huy.

Vì sao? Này Phú-lâu-na, hư không rộng lớn kia khi mặt trời soi thì sáng, mây tụ thì u tối, gió thổi thì động, dừng lặng thì trong, hơi ngưng đọng thì mờ đục, bụi đất nhóm thành mù, nước lóng đứng thành sáng. Ý ông nghĩ sao? Các tướng hữu vi khác nhau như thế, nhân nơi các tướng kia sanh hay nhân hư không mà có?

Phú-lâu-na, nếu do các tướng kia sanh ra, khi mặt trời soi, đã là mặt trời sáng thì thế giới mười phương đồng thành sắc mặt trời, tại sao trong hư không lại thấy vầng mặt trời tròn?

Nếu là hư không sáng thì hư không nên tự soi sáng. Tại sao lúc giữa đêm hay mây mù lại không chiếu sáng? Phải biết cái sáng ấy không phải mặt trời, không phải hư không mà chẳng khác mặt trời, chẳng khác hư không.

Xét xem các tướng vốn là hư dối, không thể chỉ bày, cũng như mong hoa đốm trong hư không kết thành quả hư không. Tại sao ông lại hỏi nghĩa các tướng kia lẫn diệt lẫn nhau?

Quán tánh các pháp vốn là chân, chỉ là tâm diệu giác minh. Tâm diệu giác minh vốn không phải là nước hay lửa, làm sao lại hỏi không dung nhau? Chân diệu giác minh cũng lại như thế.

Nếu ông phát minh hư không thì có hư không hiện, phát minh đất, nước, lửa, gió thì mỗi mỗi đều hiện. Nếu cùng phát minh thì cùng có hiện.

Tại sao đều hiện? Nay Phú-lâu-na, như trong hồ nước hiện bóng mặt trời, hai người đồng xem bóng mặt trời trong nước. Rồi một người đi về hướng đông, một người đi về hướng tây. Hai người đi, mỗi người đều có bóng mặt trời đi theo, một về phương đông, một về phương tây, không có chuẩn đích trước.

Không nên gạn hỏi mặt trời này là một, tại sao theo mỗi người đi? Mặt trời đã thành hai thì làm sao hiện chỉ là một? Hư dối xoay vần, không thể lấy gì làm bằng cứ được.

Nay Phú-lâu-na, ông cho là sắc-không lẫn diệt lẫn nhau nơi Như Lai tạng, Như Lai tạng thì tùy đó mà thành sắc-không khắp cả pháp giới. Thế nên trong ấy, gió thì động, hư không thì lặng, mặt trời thì sáng, mây thì tối.

Chúng sanh mê muội, trái với tánh giác, hợp theo trần tướng, nên phát ra trần lao, có các tướng thế gian.

4. Như Lai tạng là hai nghĩa phi và tức

Ta dùng tánh diệu minh không sanh không diệt hợp với Như Lai tạng, mà Như Lai tạng chỉ là tánh diệu giác minh, chiếu khắp pháp giới. Thế nên trong đó, một làm vô lượng, vô lượng làm một, trong nhỏ hiện lớn, trong lớn hiện nhỏ. Không rời đạo tràng mà hiện khắp thế giới mười phương, thân trùm cả hư không vô tận mười phương. Trên đầu một sợi lông hiện cõi Bảo vương, ngồi trong hạt bụi nhỏ chuyển bánh xe đại pháp. Diệt trần tướng, hợp tánh giác nên hiện bày tánh chân như diệu giác minh.

Nhưng Như Lai tạng vốn là tâm diệu viên, không phải là tâm, không phải hư không, không phải đất nước gió lửa, không phải mắt tai mũi lưỡi thân ý, không phải sắc thanh hương vị xúc pháp, không phải nhãn thức giới, như thế cho đến không phải ý thức giới. Không phải minh, vô minh, không phải hết minh, vô minh, như thế cho đến không phải lão tử, không phải hết lão tử. Không phải khổ tập diệt đạo, không phải trí, đắc. Không phải bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định, trí tuệ, không phải ba-la-mật-đa. Như thế cho đến không phải Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri. Không phải đại Niết-bàn, không phải thường lạc ngã tịnh. Do đó Như Lai tạng bản diệu minh tâm này đều chẳng phải pháp thế gian và xuất thế gian.

Tức Như Lai tạng vốn là tâm minh diệu, tức là tâm, tức là không, tức là đất nước gió lửa. Tức là nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý, tức là sắc thanh hương vị xúc pháp, tức là nhãn thức giới, như thế cho đến ý thức giới. Tức là minh, vô minh, tức hết minh, vô minh, như thế cho đến tức lão tử, tức hết lão tử. Tức là khổ, tập, diệt, đạo. Tức là trí, đắc. Tức là bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định, trí tuệ, tức ba-la-mật-đa. Như thế cho đến tức Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri. Tức đại Niết-bàn, tức thường lạc ngã tịnh. Do đó tất cả pháp thế gian và xuất thế gian đều tức là Như Lai tạng bản diệu minh tâm.

Lìa tức lìa phi, là tức là chẳng phải tức. Tại sao chúng sanh ở ba cõi trong thế gian và hàng Thanh văn Duyên giác xuất thế gian lại dùng tâm sở tri mà đo lường Vô thượng Bồ-đề của Như Lai, dùng ngôn ngữ thế gian mà vào tri kiến Phật?

Ví như đàn cầm, đàn sắt hay không hầu, tỳ bà, tuy có tiếng hay, nếu không có ngón tay khéo, trọn không thể phát ra tiếng hay được.

Ông cùng chúng sanh cũng lại như thế. Tâm giác chân thật quý báu mỗi người đều tròn đủ. Nhưng như ta ấn ngón tay thì hải ấn phát quang, còn các ông vừa dấy tâm thì trần lao khởi trước. Do không siêng cầu đạo giác vô thượng, ưa thích Tiểu thừa, được chút ít đã cho là đủ.

5. Mê vốn không nhân, hết mê là Bồ-đề

Phú-lâu-na thưa: – Tâm giác quý báu thanh tịnh chân thật nhiệm màu tròn sáng của con cùng Như Lai đều viên mãn không hai. Nhưng con trước kia bị vọng tưởng vô thủy nên ở lâu trong luân hồi. Nay nhờ Phật chỉ dạy vẫn chưa được cứu cánh. Đức Thế Tôn thì tất cả vọng tưởng đều hoàn toàn dứt sạch, chỉ còn tánh diệu chân thường. Dám hỏi Như Lai, tất cả chúng sanh nhân đâu mà có vọng, tự che lấp tánh diệu minh để phải chịu chìm đắm luân hồi như vậy.

Phật bảo Phú-lâu-na: – Tuy ông đã trừ được nghi nhưng còn sót lại những mê lầm chưa dứt hết. Nay ta lấy những việc hiện tiền của thế gian để hỏi lại ông. Ông há chẳng nghe trong thành Thất-la-phiệt có Diễn-nhã-đạt-đa, một sáng sớm lấy gương soi mặt, chợt ưa thích cái đầu trong gương, lông mày con mắt có thể thấy. Rồi giận trách cái đầu của mình sao không thể thấy được mặt mày mình, cho là yêu quái, bỗng dưng phát cuồng bỏ chạy? Ý ông nghĩ sao? Người này do nhân gì vô cớ phát cuồng bỏ chạy?

Phú-lâu-na thưa: – Do tâm người này cuồng, không có lý do nào khác.

Phật bảo: – Tánh diệu giác minh viên vốn tròn sáng nhiệm màu. Đã gọi là vọng thì sao có nhân?

Nếu có nguyên nhân thì sao gọi là vọng? Tự các vọng tưởng lần lượt làm nhân cho nhau. Từ mê tích chứa mê, do đó trải qua số kiếp nhiều như bụi. Tuy được Phật chỉ bày mà vẫn không biết trở lại. Như thế nguyên nhân của mê là do mê tự có. Biết mê không nhân thì vọng không có chỗ nương tựa. Sanh còn không có, muốn diệt cái gì?

Người được Bồ-đề, như người khi thức nói việc trong mộng, tâm dù tỉnh sáng nhưng đâu có nhân duyên gì để lấy vật trong mộng. Huống nữa mê không có nhân, vốn không thật có. Như trong thành kia, Diễn-nhã-đạt-đa đâu có nhân duyên gì tự sợ cái đầu mà bỏ chạy. Bỗng nhiên hết điên cuồng, cái đầu chẳng phải từ ngoài mà được. Dù chưa hết cuồng, cái đầu cũng đâu có mất!

Này Phú-lâu-na, tánh của vọng như thế, đâu nhân cái gì mà có! Ông chỉ không theo phân biệt ba thứ tương tục: thế gian, nghiệp quả, chúng sanh. Vì ba duyên đoạn nên ba nhân chẳng sanh, ắt tánh cuồng Diễn-nhã-đạt-đa trong tâm ông tự hết. Hết cuồng tức tâm Bồ-đề thù thắng thanh tịnh sáng suốt vốn trùm khắp pháp giới, không từ người khác mà được, thì đâu nhờ siêng năng khó nhọc tu chứng.

Ví như có người trong áo mình có buộc một hạt châu như ý mà không tự hay biết, chịu nghèo khổ đi tha phương lang thang xin ăn. Tuy thật nghèo khổ nhưng hạt châu chưa từng mất. Chợt có người trí chỉ cho hạt châu kia, thì chỗ mong muốn đều được như ý, trở nên rất giàu có, mới biết hạt thần châu không phải từ ngoài mà được.

6. Phá nhân duyên và tự nhiên

Liền khi ấy, A-nan ở trong đại chúng đánh lễ dưới chân Phật, đứng dậy bạch Phật: – Đức Thế Tôn hiện nói nghiệp sát đạo dâm, vì ba duyên đoạn nên ba nhân chẳng sanh, tánh cuồng Diễn-nhã-đạt-đa trong tâm tự hết, cuồng hết tức là Bồ-đề, không từ người khác được. Đây là nghĩa nhân duyên rõ ràng minh bạch, tại sao Như Lai lại vội bỏ lý nhân duyên?

Con từ nhân duyên mà tâm được khai ngộ. Bạch Thế Tôn, nghĩa này đâu riêng chúng con là hàng nhỏ tuổi hữu học Thanh văn, mà nay trong hội này các ngài Đại Mục-kiền-liên, Xá-lợi-phất, Tu-bồ-đề v.v... đều từ hàng trưởng lão Phạm chí, nghe Phật nói nhân duyên mà phát tâm khai ngộ, được thành vô lậu. Nay Phật nói Bồ-đề không từ nhân duyên thì thuyết tự nhiên của nhóm Câu-xá-lê trong thành Vương Xá lại thành nghĩa đệ nhất. Vậy cúi mong đức Thế Tôn thương xót vạch bày chỗ mê lầm đó.

Phật bảo A-nan: – Như Diễn-nhã-đạt-đa trong thành, nếu nhân duyên tánh cuồng được diệt trừ thì tánh chẳng cuồng tự nhiên xuất hiện. Lý nhân duyên và tự nhiên, cùng tốt là như thế.

Này A-nan, đầu Diễn-nhã-đạt-đa vốn là tự nhiên. Trước tự nó sẵn như thế, nếu không sẵn vậy thì chẳng gọi là tự. Vậy do nhân duyên gì mà sợ đầu phát cuồng bỏ chạy?

Nếu cái đầu là tự nhiên, do nhân duyên phát cuồng, thì sao chẳng tự nhiên do nhân duyên mà mất? Đầu vốn không mất, cuồng sợ là hư dối phát ra. Vốn không từng biến đổi, đâu nhờ đến nhân duyên.

Nếu tánh cuồng vốn là tự nhiên thì trước đã sẵn có cuồng sợ. Vậy khi chưa cuồng, cuồng núp ở chỗ nào? Nếu chẳng cuồng là tự nhiên, thì đầu vốn không hư dối, sao lại phát cuồng bỏ chạy? Nếu ngộ được cái đầu sẵn có, biết được do cuồng mà chạy thì nghĩa nhân duyên và tự nhiên đều là hý luận.

Thế nên ta nói, vì ba duyên đoạn tức là tâm Bồ-đề, tâm Bồ-đề sanh thì tâm sanh diệt diệt, đây cũng chỉ là sanh diệt. Diệt sanh đều hết mới đến chỗ vô công dụng đạo. Nếu có tự nhiên, như thế rõ ràng tâm tự nhiên sanh thì tâm sanh diệt diệt, đây cũng là sanh diệt. Phải không sanh diệt mới gọi là tự nhiên.

Ví như các tướng thế gian hòa hợp lẫn nhau thành một thể, gọi là tánh hòa hợp, còn cái không hòa hợp thì gọi là tánh bản nhiên. Bản nhiên không phải có sẵn, hòa hợp không phải hợp. Hợp và sẵn đều lìa, lìa và hợp đều chẳng phải. Câu nói này mới gọi là pháp không hý luận.

Bồ-đề Niết-bàn còn xa xôi, nếu ông chẳng trải qua nhiều kiếp siêng năng khổ nhọc tu chứng, thì tuy có ghi nhớ diệu lý thanh tịnh trong mười hai bộ kinh của các đức Như Lai ở mười phương nhiều như số cát sông Hằng, cũng chỉ tăng thêm hý luận mà thôi.

Tuy ông bàn luận về nhân duyên, tự nhiên, quyết định rõ ràng, người thế gian gọi ông là đa văn bậc nhất, nhưng dùng sự học rộng tích lũy nhiều kiếp này cũng không thể thoát khỏi nạn Ma-đăng-già. Phải đợi ta dùng thần chú Phật đánh, lửa dâm trong lòng Ma-đăng-già liền hết, chứng được A-na-hàm. Ở trong pháp của ta thành rừng tinh tấn, sông ái khô cạn, khiến ông được giải thoát. Thế nên A-nan, tuy ông trải qua nhiều kiếp nhớ giữ bí mật diệu nghiêm của Như Lai, không bằng một ngày tu nghiệp vô lậu, xa lìa hai khổ yêu và ghét ở thế gian.

Như Ma-đăng-già xưa là dâm nữ, do sức thần chú mà tiêu được ái dục. Nay ở trong pháp Phật gọi là tánh Tỳ-kheo-ni, cùng với mẹ La-hầu-la là Da-du-đà-la đồng ngộ được nhân đời trước, biết nhiều đời do tham ái mà khổ. Do một niệm huân tu pháp thiện vô lậu, người thì được ra khỏi vòng trói buộc, người được Phật thọ ký. Tại sao ông còn tự khinh mình, vẫn bị ngăn trệ trong vòng thấy nghe?

A-nan và cả đại chúng nghe Phật chỉ dạy, nghi lầm tiêu trừ, tâm ngộ được thật tướng, thân ý nhẹ nhàng, được điều chưa từng có. Lại rơi lễ đánh lễ dưới chân Phật, quỳ gối chấp tay bạch Phật rằng:

– Đấng Bảo Vương Thanh Tịnh Đại Bi Vô Thượng khéo khai mở tâm chúng con, hay dùng các thứ nhân duyên phương tiện như thế, khuyến khích dẫn dắt những người chìm trong tối tăm ra khỏi biển khổ.

Bạch Thế Tôn, nay con tuy nhờ được nghe pháp âm như thế, biết Như Lai tằng diệu giác minh tâm trùm khắp cả thế giới ở mười phương, gồm chứa các cõi Diệu giác vương thanh tịnh bảo nghiêm, quốc độ của chư Phật mười phương, Như Lai lại trách con nghe nhiều mà không có công phu, không kịp thời tu tập.

Nay con vẫn như người khách lang thang chợt được nhà vua tặng cho ngôi nhà đẹp, tuy được ngôi nhà lớn, cần phải biết cửa vào. Cúi mong đức Như Lai mở lòng đại bi chỉ cho chúng con là những kẻ còn mờ tối ở trong hội, từ bỏ pháp Tiểu thừa, rốt ráo được Niết-bàn vô dư của Như Lai, đó là con đường phát tâm từ xưa đến nay, khiến cho hàng hữu học biết cách để nhiếp phục tâm phan duyên lâu đời, được pháp tổng trì, vào tri kiến Phật.

Thưa lời đây rồi, năm vóc gieo xuống đất, ở trong hội nhất tâm chờ nghe lời chỉ dạy của đức Phật.

I. HAI NGHĨA QUYẾT ĐỊNH CỦA NGƯỜI MỚI PHÁT TÂM

Khi ấy, đức Thế Tôn vì thương xót hàng Thanh văn Duyên giác trong hội, đối với tâm Bồ-đề chưa được tự tại, và những chúng sanh phát tâm Bồ-đề trong đời mạt pháp sau này khi Phật đã diệt độ, mà mở bày con đường tu hành sâu mầu của pháp Vô thượng thừa.

Phật chỉ dạy A-nan và cả đại chúng:

– Các ông quyết định phát tâm Bồ-đề, đối với pháp tam-ma-đề nhiệm mầu của chư Phật Như Lai không sanh lòng mỏi mệt, trước cần phải rõ hai nghĩa quyết định lúc bắt đầu phát tâm cầu giác ngộ.

1. Nhân quả tương ưng

Thế nào là hai nghĩa quyết định của người mới phát tâm? A-nan, nghĩa quyết định thứ nhất là, nếu các ông muốn xả bỏ pháp Thanh văn, tu Bồ-tát thừa vào tri kiến Phật, phải nên xét kỹ chỗ nhân phát tâm cùng với chỗ quả giác ngộ là đồng hay khác.

Này A-nan, nếu ở nơi nhân dùng tâm sanh diệt làm gốc tu hành mà cầu Phật thừa chẳng sanh chẳng diệt thì thật là vô lý. Do nghĩa ấy, ông phải xem xét rõ các pháp tạo tác của khí thể gian đều theo sự đổi thay hoại diệt.

Này A-nan, ông xem những pháp tạo tác ở thế gian, có cái gì không hoại, nhưng trọn không nghe nói hư không bị hư hoại. Vì sao? Vì hư không không phải pháp tạo tác, do đó, trước sau không bị hoại diệt.

Trong thân ông, tướng cứng là đất, ẩm ướt là nước, hơi ấm là lửa, dao động là gió. Do bốn thứ trói buộc này, phân chia Diệu giác minh tâm trong lặng trùm khắp của ông thành thấy nghe hiểu biết, từ đầu đến cuối tạo nên năm lớp vẫn đục.

Thế nào là vẫn đục? Này A-nan, ví như nước trong vốn sẵn là trong sạch, các thứ bụi đất tro cát kia bản chất là ngăn ngại. Hai pháp thể như vậy, tánh không hợp nhau. Có người thể gian lấy đất bụi kia để vào nước trong thì đất mất tánh chất ngăn ngại, còn nước mất tánh trong sạch. Tướng trạng như vậy gọi đó là vẫn đục. Năm lớp trước của ông cũng lại như thế.

Này A-nan, ông thấy hư không khắp cả mười phương thế giới mà chẳng phân ra hư không và cái thấy. Có hư không mà không hình thể, có thấy mà không giác, hai thứ đan dệt với nhau mà vọng thành, ấy là lớp thứ nhất gọi là kiếp trước.

Thân ông hiện nắm giữ bốn đại làm thể. Thấy nghe hiểu biết bị che lấp khiến thành ngăn ngại, còn đất nước gió lửa lại trở thành có hiểu biết. Hai thứ cùng đan dệt với nhau mà vọng thành, ấy là lớp thứ hai gọi là kiến trực.

Lại nữa, trong tâm ông do nhớ, biết, học tập, tánh phát ra thấy biết, dung hợp với sáu trần hiện tại. Là trần thì không có tướng, là hiểu biết thì không có tánh. Hai thứ đan dệt với nhau mà vọng thành, đó là lớp thứ ba gọi là phiền não trực.

Lại, ông sớm chiều sanh diệt không dừng, cái thấy biết thì muốn lưu lại ở thế gian, mà nghiệp vận chuyển thường đổi dời nơi các cõi. Hai thứ đan dệt với nhau mà vọng thành, đó là lớp thứ tư gọi là chúng sanh trực.

Thấy nghe của các ông, tánh vốn không khác, do các trần làm ngăn cách, vô cơ sanh ra khác. Trong tánh thì biết nhau, nhưng trong dụng lại trái nhau. Đồng và khác mất đi chuẩn đích, đan dệt nhau vọng thành lớp thứ năm, gọi là mạng trực.

Này A-nan, nay ông muốn khiến thấy nghe hiểu biết xa hợp với Thường Lạc Ngã Tịnh của Như Lai, trước phải chọn ra cội gốc sanh tử, nương nơi tánh chẳng sanh diệt, thành tựu tánh lặng lẽ trùm khắp. Dùng tánh lặng lẽ xoay cái sanh diệt hư vọng kia trở về bản giác. Được tánh giác không sanh diệt sáng suốt sẵn có làm tâm tu nhân, sau sẽ thành tựu viên mãn quả địa tu chứng.

Như lỏng nước đục, đựng trong một món đồ để yên, để yên lâu không động thì cát đất tự chìm xuống, nước trong hiện ra, gọi là bước đầu hàng phục khách trần phiền não.

Kể lọc bỏ bùn đất, còn toàn là nước trong, gọi là hằng đoạn cội gốc vô minh.

Tướng sáng suốt tinh thuần, tất cả biến hiện mà không bị phiền não, đều hợp với diệu đức thanh tịnh của Niết-bàn.

2. Cội gốc phiền não

Nghĩa thứ hai là, các ông ắt muốn phát tâm Bồ-đề, đối với Bồ-tát thừa sanh đại đồng mãnh, quyết định dẹp bỏ các tướng hữu vi, phải nên xét kỹ cội gốc phiền não. Cội gốc này phát nghiệp và nhuận sanh, từ vô thủy đến nay, ai làm ai chịu? Này A-nan, ông tu đạo Bồ-đề, nếu không xem xét cội gốc phiền não thì không thể nào biết căn trần hư dối điên đảo ở chỗ nào. Chỗ điên đảo còn không biết thì làm sao mà hàng phục để được quả vị Như Lai!

Này A-nan, ông xem ở thế gian, người mở gút, nếu không thấy được chỗ thắt gút, làm sao biết mở?

Chẳng từng nghe nói hư không bị ông làm cho tiêu hoại. Vì sao? Vì hư không không có hình tướng nên không có thắt mở. Hiện nay, mắt tai mũi lưỡi thân ý của ông, sáu thứ đó làm môi giới cho giặc, tự cướp gia bảo của ông. Do đây từ vô thủy chúng sanh trong thế giới sanh ra những trói buộc nơi khí thế gian, không thể nào vượt khỏi được.

Này A-nan, thế nào gọi là chúng sanh và thế giới? Thế là đời đổi, giới là phương vị (chỗ nơi). Nay ông nên biết các phương: đông, tây, nam, bắc, đông nam, tây nam, đông bắc, tây bắc, phương trên, phương dưới là giới. Quá khứ, hiện tại, vị lai là thế. Phương vị có mười, số lưu chuyển của thời gian có ba. Tất cả chúng sanh đan dệt các hư dối mà cùng thành, trong thân đổi dời, thế và giới liên quan nhau. Tánh giới này tuy đặt ra có mười phương, định vị rõ ràng, nhưng người thế gian chỉ nói phương đông, phương tây, phương nam, phương bắc. Phương trên, phương dưới vị trí không rõ ràng, còn ở giữa thì không có chỗ nhất định.

Số bốn ắt đã rõ, hợp cùng với thế, ba nhân bốn, bốn nhân ba, xoay vần thành mười hai. Chuyển biến ba lớp: từ một thành mười, thành trăm, thành ngàn. Tổng quát trước sau, trong sáu căn, mỗi căn có một ngàn hai trăm công đức.

Này A-nan, trong sáu căn đó, ông lại xét định xem chỗ hơn kém. Như con mắt xem thấy phía sau tối, phía trước sáng, phía trước hoàn toàn sáng, phía sau hoàn toàn tối. Nhìn sang hai bên phải trái thì được hai phần ba. Nói chung, công đức tạo thành không được hoàn toàn: ba phần là công, còn một phần không có đức. Nên biết nhãn căn chỉ có tám trăm công đức.

Như lỗ tai nghe khắp mười phương không sót, động thì như có gần có xa, tĩnh thì không bờ mé. Nên biết nhĩ căn tròn đầy một ngàn hai trăm công đức.

Như lỗ mũi ngửi mùi, hơi thở ra vào thông suốt. Có ra có vào mà thiếu khoảng giữa. Nghiệm xét căn mũi ba phần thiếu một. Nên biết tỷ căn chỉ có tám trăm công đức.

Như cái lưỡi tuyên nói tốt cùng trí tuệ thế gian và xuất thế gian. Lời nói có chừng hạn nhưng nghĩa lý thì không cùng tận. Nên biết thiệt căn tròn đủ một ngàn hai trăm công đức.

Như thân cảm giác xúc chạm, biết sự trái thuận, khi hợp thì hay biết, lúc lìa ra không biết. Lìa ra chỉ có một, hợp thì có hai. Nghiệm xét thân căn, ba phần thiếu một. Nên biết thân căn chỉ có tám trăm công đức.

Như ý căn thâm lặng dung chứa tất cả pháp thế gian, xuất thế gian trong mười phương ba đời. Dù phàm hay thánh cũng đều bao dung, tốt cùng không có bờ mé. Nên biết ý căn tròn đủ một ngàn hai trăm công đức.

Này A-nan, nay ông muốn ngược dòng sanh tử, trở lại cùng tột cội gốc lưu chuyển, đến chỗ không sanh diệt, thì phải nghiệm xét sáu căn đang thọ dụng này, cái gì hợp, cái gì ly, cái gì sâu, cái gì cạn, cái gì viên thông, cái gì không viên mãn. Nếu hay nơi đây ngộ được căn viên thông, ngược dòng nghiệp hư dối đoạn diệt từ vô thủy, được theo tính viên thông thì cùng với sự tu tập nơi căn không viên thông kết quả gấp bội, một ngày bằng một kiếp.

Nay ta hiển bày đầy đủ số lượng những công đức vốn có của sáu căn lặng lẽ tròn sáng như thế. Tùy ông khéo chọn lựa cái nào có thể vào, ta sẽ phát minh khiến cho ông tăng tiến.

Các đức Như Lai trong mười phương đối với mười tám giới, mỗi giới tu hành đều được viên mãn Vô thượng Bồ-đề, ở trong các giới kia cũng không có hơn kém. Chỉ vì ông hạ liệt, chưa thể ở trong đó được tròn đủ tuệ tự tại, nên ta mới nêu bày khiến cho ông chỉ cần thâm nhập nơi một căn. Vào được một căn không còn vọng tưởng, thì sáu căn hiểu biết kia đồng thời được thanh tịnh.

A-nan bạch Phật rằng: – Bạch Thế Tôn, thế nào là ngược dòng vào sâu trong một căn, hay khiến cho sáu căn đồng thời thanh tịnh?

Phật bảo A-nan: – Nay ông đã được quả Tu-đà-hoàn, đã diệt trừ những mê lầm kiến chấp của chúng sanh và thế gian trong ba cõi, do thấy đạo mà dứt (kiến sở đoạn), nhưng vẫn chưa biết những tập khí hư vọng chứa nhóm trong căn từ vô thủy. Những tập khí hư vọng kia, phải nhân tu mới đoạn được (tu sở đoạn). Huống nữa, trong đây sự phân chia số mục sanh trụ diệt còn rất nhiều.

Nay ông hãy xem xét, sáu căn hiện tiền là một hay là sáu? Này A-nan, nếu nói là một thì lỗ tai sao chẳng thấy, con mắt sao chẳng nghe, đầu sao chẳng đi, chân sao chẳng nói? Nếu sáu căn này quyết định thành sáu, thì như nay ta ở trong hội vì các ông tuyên dương pháp môn vi diệu, vậy trong sáu căn của ông, cái nào đến lãnh thọ?

A-nan thưa: – Con dùng lỗ tai để nghe.

Phật bảo: – Tai ông tự nghe, đâu quan hệ gì đến thân và miệng, mà miệng lại hỏi nghĩa, còn thân đứng lên cung kính?

Thế nên phải biết: chẳng phải một mà trọn là sáu, chẳng phải sáu mà trọn là một. Rốt cuộc các căn của ông vốn chẳng phải một hay là sáu.

A-nan, nên biết căn ấy chẳng phải một chẳng phải sáu. Do từ vô thủy đến nay điên đảo trầm luân, nên nơi tánh viên trạch (lặng lẽ trùm khắp) sanh ra nghĩa một và sáu. Ông đã chứng quả Tu-đà-hoàn, tuy đã tiêu được chấp sáu nhưng vẫn chưa quên một. Như hư không rộng lớn lẫn trong các món đồ, do hình trạng các đồ vật sai khác mà nói hư không khác nhau. Nếu bỏ các đồ vật, xem hư không, thì nói hư không là một. Hư không rộng lớn kia làm sao vì ông mà thành đồng hay chẳng đồng, huống nữa lại gọi là một, chẳng phải một! Ất ông biết rõ sáu căn thọ dụng cũng lại như thế.

Do hai thứ sáng tối hiển bày nhau, ở trong tánh diệu viên làm dính khắn tánh trong lặng phát ra cái thấy. Tánh thấy đó soi rọi nơi sắc, kết với sắc thành căn. Gốc của căn gọi là tứ đại thanh tịnh, nhân đó gọi hình thể con mắt giống như trái nho. Căn thô phù do bốn trần hợp thành này giống ruồi chạy theo sắc.

Do hai thứ động tịnh đối chọi nhau, ở trong tánh diệu viên làm dính khắn tánh trong lặng phát ra cái nghe. Tánh nghe soi rọi nơi tiếng, quyện với tiếng làm thành căn. Gốc của căn gọi là tứ đại thanh tịnh, nhân đó gọi hình thể lỗ tai giống như lá non cuộn lại. Căn thô phù do bốn trần hợp thành này giống ruồi chạy theo tiếng.

Do hai thứ thông bít phát hiện nhau, ở trong tánh diệu viên làm dính khắn tánh trong lặng phát ra cái ngửi. Tánh ngửi ánh hiện nơi mùi hương, thu nhận mùi mà thành căn. Gốc của căn gọi là tứ đại thanh tịnh, nhân đó gọi hình thể lỗ mũi giống như hai ngón tay duỗi xuống. Căn thô phù do bốn trần hợp thành này giống ruồi chạy theo mùi.

Do hai thứ lạt và có vị (đắng, ngọt, cay...) xen lẫn nhau, nơi tánh diệu viên làm dính khắn tánh trong lặng phát ra cái nếm. Tánh nếm rọi sáng nơi vị, kết với vị mà thành căn. Gốc của căn gọi là tứ đại thanh tịnh, nhân đó gọi hình thể của lưỡi giống như trắng lưỡi liềm đầu thàng. Căn thô phù do bốn trần hợp thành này giống ruồi chạy theo vị.

Do hai thứ lìa hợp cọ xát nhau, nơi tánh diệu viên làm dính khắn tánh trong lặng phát ra cảm giác. Tánh của cảm giác này soi sáng nơi xúc, nắm xúc thành căn. Gốc của căn gọi là tứ đại thanh tịnh, nhân đó gọi thân thể như dằm cái trống cơm. Căn thô phù do bốn trần hợp thành này giống ruồi chạy theo xúc.

Do hai thứ sanh diệt tiếp nối nhau, nơi tánh diệu viên làm dính khắn tánh trong lặng phát ra cái biết. Tánh biết này soi sáng nơi pháp, gom pháp trần thành căn. Gốc của căn gọi là tứ đại thanh tịnh, nhân đó gọi ý suy nghĩ như cái thấy trong nhà tối. Căn thô phù do bốn trần hợp thành này giống ruồi chạy theo pháp trần.

A-nan, như thế sáu căn do tánh giác minh kia soi lại minh giác, làm mất cái rõ biết trong sáng kia, dính khắn với vọng mà phát sáng. Thế nên nay ông lìa tối và sáng thì không có cái thể thấy, lìa động và tịnh vốn không có nghe, không có thông và bít thì tánh ngửi không sanh, không có vị và lạt thì cái nếm không từ đâu ra, không có ly và hợp thì cảm xúc vốn không, không có sanh và diệt thì cái rõ biết nương gá vào đâu!

Ông chỉ không theo động tịnh, hợp ly, có vị và lạt, thông bít, sanh diệt, sáng tối, mười hai tướng hữu vi như thế, tùy nhỏ được một căn khỏi dính khắn, nhiếp phục vào trong, nhiếp phục trở về tánh chân thật ban đầu, phát ra tánh sáng suốt sẵn có. Tánh sáng suốt được phát minh thì năm căn bị dính

khắc khác liền được nhỏ sạch, hoàn toàn giải thoát. Không do nơi tiền trần mà khởi thấy biết, cái sáng không theo căn, chỉ nương nơi căn mà sáng phát ra, do đó sáu căn có thể dùng thay lẫn nhau.

A-nan, ông há không biết hiện nay trong hội này, ông A-na-luật-đà không con mắt mà vẫn thấy. Ròng Bạt-nan-đà không có tai mà vẫn nghe. Thần nữ Căng-già (thần sông Hằng) không có mũi mà vẫn ngửi được hương. Ông Kiều-phạm-bát-đề lưỡi khác người mà biết vị. Thần Thuấn-nhã-đa không thân mà có cảm xúc, ở trong ánh sáng của Như Lai khiến tạm hiện ra thân, chứ bản chất là gió, vốn không có hình thể. Trong hội này, những vị Thanh văn đã được tịch tịnh trong diệt tận định, như ông Ma-ha Ca-diếp từ lâu đã diệt sạch ý căn mà vẫn rõ biết tròn sáng, không nhân nơi tâm niệm.

Này A-nan, nay các căn của ông nếu đã nhỏ sạch hoàn toàn thì cái sáng suốt bên trong phát sáng. Như thế các trần thô ở bên ngoài và các tướng biến hóa trong thế gian, giống như nước sôi làm tiêu băng, liền khi ấy hóa thành tri giác Vô thượng.

Này A-nan, như người thế gian kia tự cái thấy nơi con mắt, nếu bảo họ nhắm mắt lại thì tướng tối hiện ở trước, sáu căn tối mù, đầu và chân giống nhau. Người kia lấy tay sờ khắp ngoài thân, tuy không thấy được mà một khi sờ đầu, chân đều biện biệt rõ, tri giác là đồng.

Duyên của cái thấy nhân nơi sáng, nên khi tối thành không thấy. Nếu chẳng có sáng mà tự phát cái thấy thì các tướng tối trọn không thể làm mờ tối được. Căn trần đã tiêu thì làm sao tánh giác minh không thành nhiệm màu cùng khắp?

3. Thể nghiệm tánh chân thường

A-nan bạch Phật rằng: – Bạch Thế Tôn, như lời Phật đã dạy, muốn cầu quả thường trụ, chỗ phát tâm tu nhân, cần phải hợp với tên gọi của quả vị. Bạch Thế Tôn, như trong quả vị Bồ-đề, Niết-bàn, chân như, Phật tánh, yêm-ma-la thức, Không Như Lai tạng, Đại viên cảnh trí, bảy thứ tên gọi tuy có khác mà thể tánh thanh tịnh viên mãn, bền chắc như Kim cang vương, thường trụ không hoại diệt.

Nếu thấy nghe này lìa sáng tối, động tịnh, thông bí, rốt ráo không có tự thể, cũng như tâm niệm rời tiền trần vốn không thể có, tại sao lại đem cái rốt ráo đoạn diệt này dùng làm nhân tu mà muốn được bảy quả thường trụ của Như Lai?

Bạch Thế Tôn, nếu lìa sáng tối thì cái thấy rốt ráo là không, như không có tiền trần thì tự tánh của niệm bị diệt mất, tới lui xoay vần, suy xét thật kỹ, vốn không có tâm và tâm sở của con, vậy đem cái gì để lập làm nhân mà cầu quả Vô thượng giác? Như Lai trước có nói tánh trong lặng tròn đầy thường hằng; lời nói trái hẳn lẽ thật, rốt cuộc thành hý luận, làm sao được gọi là lời nói chân thật của Như Lai? Vậy cúi mong Ngài khởi lòng đại từ khai mở chỗ mê lầm cho chúng con.

Phật bảo A-nan: – Ông học rộng nghe nhiều nhưng các lậu hoặc chưa sạch, trong tâm chỉ biết suông cái nhân điên đảo, còn điên đảo thật ở trước mắt còn chưa thể biết. Ta e ông vẫn chưa thành tâm tin phục, nay thử đem các việc trần tục để trừ nghi cho ông.

Liền đó Như Lai bảo La-hầu-la đánh một tiếng chuông, hỏi A-nan rằng: – Nay ông có nghe chăng?

A-nan và đại chúng đều thưa: – Con có nghe.

Chuông dứt không còn tiếng, Phật lại hỏi rằng: – Nay ông nghe chăng?

A-nan và đại chúng đều thưa: – Không nghe.

Khi ấy La-hầu-la lại đánh một tiếng chuông, Phật lại hỏi: – Nay ông có nghe chăng?

A-nan và đại chúng thưa: – Luôn nghe.

Phật bảo A-nan: – Thế nào là ông có nghe? Thế nào là ông không nghe?

A-nan và đại chúng đều bạch Phật rằng: – Tiếng chuông nếu đánh lên thì con được nghe, đánh lâu tiếng chuông hết, âm hưởng đều dứt thì gọi là không nghe.

Như Lai lại bảo La-hầu-la đánh một tiếng chuông, hỏi A-nan: – Hiện giờ có tiếng chẳng?

A-nan và đại chúng đều thưa: – Có tiếng.

Giây lâu tiếng dứt, Phật lại hỏi: – Hiện giờ có tiếng chẳng?

A-nan và đại chúng thưa: – Không tiếng.

Lát sau La-hầu-la lại đánh một tiếng chuông, Phật lại hỏi: – Hiện giờ có tiếng chẳng?

A-nan và đại chúng đều thưa: – Có tiếng.

Phật hỏi A-nan: – Ông cho thế nào là có tiếng, thế nào là không tiếng?

A-nan và đại chúng đều bạch Phật rằng: – Tiếng chuông nếu đánh lên thì gọi là có tiếng, đánh lâu tiếng hết, âm hưởng đều dứt thì gọi là không tiếng.

Phật bảo A-nan và cả đại chúng: – Nay tại sao các ông nói rối loạn như vậy?

A-nan và đại chúng đồng thời bạch Phật: – Nay vì sao Thế Tôn bảo chúng con nói rối loạn?

Phật bảo: – Ta hỏi ông về nghe thì ông đáp rằng nghe. Lại hỏi ông về tiếng thì ông đáp là tiếng. Chỉ nghe với tiếng mà ông trả lời không nhất định, như vậy làm sao chẳng gọi là rối loạn?

A-nan, tiếng chuông dứt không còn âm hưởng, ông nói rằng không nghe. Nếu thật là không nghe thì tánh nghe đã diệt, đồng với cây khô, đến khi tiếng chuông lại đánh lên, ông làm sao mà biết tiếng? Biết có biết không, tự là thanh trần hoặc có hoặc không, đâu phải tánh nghe kia vì ông mà thành có thành không. Tánh nghe thật là không thì ai biết không tiếng?

Thế nên A-nan, tiếng ở trong cái nghe tự có sanh diệt, chẳng phải vì ông nghe tiếng sanh, tiếng diệt khiến cho tánh nghe của ông thành có, thành không. Ông còn điên đảo lầm tiếng là nghe, đâu có lạ gì mê mờ cho thường là đoạn. Trọn không nên nói lìa các thứ động tịnh, bít lấp, khai thông, nói cái nghe không tánh.

Như người ngủ mê trên giường, trong lúc người kia đang ngủ, trong nhà có người giã gạo, đập sợi. Người kia trong mộng nghe tiếng giã tiếng đập tưởng là tiếng gì khác, cho là tiếng đánh trống hay tiếng đánh chuông. Chính khi đang mộng, họ lấy làm lạ sao tiếng chuông vang như tiếng cây tiếng đá. Khi ấy chợt thức giấc mới biết đó là tiếng chày, tự nói với người trong nhà là khi tôi còn ở trong mộng lầm tiếng giã gạo cho là tiếng trống.

A-nan, người ấy trong mộng đâu có nhớ động tịnh, mở đóng, thông bít. Thân người kia tuy nằm ngủ nhưng tánh nghe không mờ. Dù thân ông có tiêu tan, mạng căn có diệt mất, tánh này làm sao vì ông mà tiêu diệt? Do các chúng sanh từ vô thủy đến nay theo các thứ sắc thanh, chạy đuổi theo vọng niệm mà lưu chuyển, không từng khai ngộ tánh thanh tịnh nhiệm mầu thường trụ, không theo chỗ thường trụ mà đuổi theo các thứ sanh diệt. Do đó mà đời đời bị tạp nhiễm nên phải lưu chuyển.

Nếu bỏ cái sanh diệt, giữ chân thường thì tánh sáng thường hằng hiện tiền, căn trần thức tâm liền đó tiêu mất. Tướng của vọng tưởng là trần, thức tình là cấu nhiễm, cả hai đều xa lìa thì pháp nhãn của ông liền đó được trong sáng, làm sao mà không thành tri giác Vô thượng?

II. SÁU CĂN LÀ ĐẦU GÚT SANH TỬ VÀ BỒ-ĐỀ

A-nan bạch Phật rằng: – Bạch Thế Tôn, Như Lai tuy nói nghĩa quyết định thứ hai, nay xem trong thế gian, người mở gút nếu không biết chỗ đầu gút kia thì con tin rằng người ấy cuối cùng không thể mở được. Bạch Thế Tôn, con và hàng Thanh văn hữu học trong hội cũng lại như thế, từ vô thủy đến nay cùng với các vô minh đồng sanh đồng diệt. Tuy được căn lành nghe hiểu Phật pháp như thế, gọi là hàng xuất gia, mà giống như người bị bệnh sốt rét cách ngày.

Cúi mong đấng Đại từ thương xót kẻ chìm đắm! Ngày nay chỉ ra nơi thân tâm con thế nào là gút? Từ chỗ nào mở ra? Cũng khiến cho những chúng sanh khổ nạn ở đời vị lai được khỏi luân hồi, không rơi vào ba cõi.

Thưa lời ấy rồi, khắp cả đại chúng năm vóc gieo xuống đất, nước mắt rơi như mưa, thành kính chờ mong đức Như Lai chỉ bày pháp môn vô thượng.

Khi ấy đức Thế Tôn thương xót A-nan và hàng hữu học trong hội chúng, cũng vì tất cả chúng sanh đời vị lai muốn tu nhân xuất thế, làm con mắt cho đời sau, Phật duỗi cánh tay sáng chói như vàng Diêm-phù-đàn xoa đánh A-nan. Liền khi ấy khắp cả thế giới chư Phật trong mười phương, sáu thứ chấn động. Các đức Như Lai số như vi trần, ở thế giới đó, mỗi vị có hào quang báu từ nơi đánh phát ra. Hào quang ấy từ thế giới kia đồng thời phóng đến rừng Kỳ-đà, chiếu trên đánh đức Như Lai. Cả đại chúng đây được điều chưa từng có.

Khi ấy A-nan và cả đại chúng đều nghe chư Phật mười phương như số vi trần, tuy khác miệng nhưng đồng lời, bảo A-nan rằng: – Lành thay, A-nan! Ông muốn biết rõ câu sanh vô minh, cái gốc cột trói khiến ông luân chuyển sanh tử, chỉ là sáu căn của ông chứ không phải vật gì khác. Ông lại muốn biết Bồ-đề vô thượng khiến ông chóng chứng an lạc giải thoát, tịch tịnh diệu thường, cũng là sáu căn của ông, lại không vật gì khác.

A-nan tuy nghe pháp âm như thế mà tâm vẫn chưa sáng, cúi đầu bạch Phật:

– Tại sao khiến con luân hồi sanh tử hay an lạc diệu thường đều là sáu căn, không phải vật gì khác?

Phật bảo A-nan: – Căn và trần đồng một nguồn, trói buộc hay cởi mở không hai. Thức tánh hư dối giống như hoa đốm ở hư không.

Này A-nan, do trần mà phát ra cái biết, nhân căn mà có tướng. Tướng và kiến (cái thấy) không có tánh, giống như bó lau. Thế nên nay ông thấy biết mà lập thấy biết là gốc vô minh, thấy biết mà không lập thấy biết, đây tức là Niết-bàn vô lậu chân thật thanh tịnh. Tại sao trong ấy lại còn có vật nào khác!

Khi ấy đức Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà nói kệ rằng:

Chân tánh hữu vi không,

Duyên sanh nên như huyễn.

Vô vi không khởi diệt,

Chẳng thật, như không hoa.

Nói vọng để bày chân,

Vọng, chân đều là vọng.

Còn không chân, phi chân,

Sao có kiến, sở kiến?

Khoảng giữa không tánh thật

Thế nên như bó lau,

Cột mở đồng một nhân,

Thánh phàm không hai lối.

Ông xem tánh bó lau,

Không cả hai không có.

Mê tối là vô minh

Phát sáng liền giải thoát.

Cột mở nhân thứ lớp,

Sáu mở, một cũng mất.

Chọn lựa căn viên thông

Vào dòng thành Chánh giác.

Thức đà-na vi tế,

Tập khí như dòng thác,

Sợ làm chân, phi chân,

Ta thường không diễn nói.

Tự tâm chấp tự tâm

Chẳng huyễn thành pháp huyễn.

Không chấp không phi huyễn,

Phi huyễn còn chẳng sanh,

Pháp huyễn làm sao lập?

Ấy gọi Diệu liên hoa

Bảo giác Kim cang vương

Như huyễn tam-ma-đề,

Búng tay vượt vô học.

Đây là pháp vô tỷ,

Một đường đến Niết-bàn

Của chư Phật mười phương.

III. CỘT KHĂN CHỈ GÚT

Khi ấy A-nan và đại chúng nghe lời chỉ dạy từ bi vô thượng của Phật Như Lai, kệ tụng đều thông suốt, diệu lý thấu triệt, tâm mắt được mở sáng, khen ngợi là pháp chưa từng có.

A-nan chấp tay đánh lễ bạch Phật:

– Nay con nghe Phật vì lòng đại bi vô ngại dạy câu pháp chân thật, chỉ ra tánh tịnh diệu thường, nhưng tâm vẫn còn chưa thấu suốt được nghĩa sáu mở thì một cũng mất và thứ lớp mở cột. Vậy cúi mong đấng Đại từ lại thương xót chúng con trong hội này và những chúng sanh đời sau, bố thí pháp âm để rửa sạch những cấu nhiễm sâu nặng.

1. Cột gút

Liền khi đó Như Lai ngồi trên tòa sư tử, sửa Niết-bàn-tăng, vén y tăng-già-lê, vịn bàn bảy báu, đưa tay lên bàn lấy khăn hoa do trời Dạ-ma (Kiếp-ba-la) dâng cúng. Trước đại chúng, Ngài cột thành một gút, đưa lên cho A-nan xem và hỏi: – Đây gọi là gì?

A-nan và đại chúng đều bạch Phật rằng: – Đây gọi là gút.

Khi ấy đức Như Lai ở trên khăn hoa lại cột chồng thêm một gút nữa, rồi hỏi A-nan:

– Đây gọi là gì?

A-nan và đại chúng lại bạch Phật:

– Đây cũng gọi là gút.

Như thế thứ lớp Phật cột chồng lên khăn hoa, tổng số thành sáu gút. Mỗi khi cột xong một gút, Phật đều cầm cái gút đã cột trong tay đưa lên hỏi A-nan: Đây gọi là gì? A-nan và đại chúng cũng lại thứ lớp đáp lời Phật như vậy: Đây gọi là gút.

Phật bảo A-nan: – Khi ta mới cột khăn, ông gọi là gút. Khăn hoa này trước thật chỉ có một tấm vải, cột đến lần thứ hai thứ ba, tại sao ông cũng gọi là gút?

A-nan bạch Phật rằng: – Bạch Thế Tôn! Cái khăn hoa báu do đan dệt mà thành này, tuy vốn là một thể, nhưng theo con suy nghĩ, Như Lai cột một lần được gọi là một gút, nếu cột tới trăm lần thì trọn gọi là trăm gút. Huống chi khăn này chỉ có sáu gút, không đến bảy mà cũng chẳng dừng ở năm. Tại sao Như Lai chỉ nhận cái ban đầu là gút, còn cái thứ hai thứ ba... chẳng gọi là gút?

Phật bảo A-nan: – Ông biết khăn hoa báu này vốn chỉ là một, khi ta cột sáu lần gọi là sáu gút. Ông xem xét kỹ, thể của khăn là đồng, nhân cột các gút mà có khác. Ý ông nghĩ sao? Cái gút ban đầu khi cột thành gọi là gút thứ nhất, như thế cột đến gút thứ sáu, nay ta muốn gọi gút thứ sáu là gút thứ nhất, được chăng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn! Nếu còn sáu gút thì cái gọi là thứ sáu này trọn không phải là cái thứ nhất. Dù cho con trọn đời biện minh lẽ này, làm sao khiến cho sáu gút này đổi tên được?

Phật bảo: – Đứng thế! Sáu gút chẳng đồng nhau, tuy tìm xét nhân ban đầu là từ một cái khăn tạo ra, nhưng khiến cho các gút lẫn lộn thì trọn không thể được. Sáu căn của ông cũng lại như thế, trong thể rốt ráo đồng sanh ra rốt ráo khác.

2. Mở gút

Phật bảo A-nan: – Chắc hẳn ông không muốn sáu gút này thành, nhưng lại mong thành một thể, làm sao có thể được?

A-nan thưa: – Những gút này nếu còn thì phải quấy đua nhau khởi. Ở trong ấy tự sanh gút này không phải gút kia, gút kia không phải là gút này. Ngày nay Như Lai mở hết các gút, gút nếu chẳng sanh thì không còn kia đây nữa. Còn chẳng gọi là một, sáu làm sao thành?

Phật bảo: – Nghĩa mở sáu gút, một mắt cũng lại như thế. Do ông từ vô thủy tâm tánh cuồng loạn, vọng phát sanh thấy biết. Bởi phát vọng không dừng nên cái thấy lao nhọc phát ra các trần cảnh, như con mắt mỗi một ắt thấy có hoa đốm lằng xằng. Trong chỗ lặng lẽ trong sáng kia, không nhân gì mà dấy khởi lộn xộn, tất cả tướng thế gian, nào là núi sông, đất đai, sanh tử, Niết-bàn đều là tướng hoa đốm, do cuồng nhọc điên đảo mà sanh.

A-nan thưa: – Lao nhọc này giống như cái gút, làm sao cởi bỏ?

Đức Như Lai đưa tay cầm cái khăn có gút, kéo mối bên trái, hỏi A-nan rằng:

– Thế này mở được chăng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

Phật lại lấy tay kéo đầu mối bên phải rồi hỏi A-nan: – Thế này mở được chăng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

Phật bảo A-nan: – Nay ta lấy tay kéo mối bên trái, bên phải trọn không thể mở gút, ông thử dùng cách nào để mở được?

A-nan bạch Phật rằng: – Bạch Thế Tôn, phải ngay giữa gút mà mở thì bung ra ngay.

Phật bảo A-nan: – Đúng vậy! Đúng vậy! Nếu muốn mở gút phải mở ngay giữa lòng gút.

Này A-nan, ta nói Phật pháp từ nhân duyên sanh, không phải lấy những tướng thô phù hòa hợp của thế gian mà nói. Như Lai phát minh các pháp thế gian và xuất thế gian, biết rõ nhân gốc kia theo duyên gì mà phát ra. Như thế cho đến một hạt mưa ở ngoài thế giới hằng sa cũng có thể biết rõ số mục. Hiện tiền các thứ, cây tùng thì thẳng, cây gai thì cong, cò thì trắng, quạ thì đen, đều rõ nguyên do của nó.

Thế nên A-nan, tùy trong tâm ông chọn lựa sáu căn. Gút căn nếu mở được thì trần tướng tự diệt, các vọng đều tiêu mất, còn đợi gì mà chẳng phải chân!

Này A-nan, nay ta hỏi ông, cái khăn kiếp-ba-la này hiện có sáu gút, nếu đồng thời mở ra có thể đồng thời trừ dẹp được chăng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn! Những gút này trước do thứ lớp mà cột, nay cần phải theo thứ lớp để mở. Sáu gút tuy đồng thể nhưng khi cột không cùng lúc thì khi mở gút làm sao đồng trừ dẹp được!

Phật bảo: – Cởi mở sáu căn này cũng lại như vậy. Căn này khi bắt đầu mở, trước được nhân không, tánh không tròn sáng thì giải thoát được pháp chấp. Giải thoát pháp chấp rồi, cả hai nhân pháp đều không, tức chẳng sanh. Đó gọi là Bồ-tát từ tam-ma-địa chứng được vô sanh nhẫn.

IV. HỎI ĐẠI CHÚNG VỀ VIÊN THÔNG

A-nan và đại chúng nhờ Phật chỉ bày, tuệ giác được viên thông, không còn gì nghi hoặc, đồng thời chấp tay đánh lễ sát hai chân Phật và bạch Phật rằng:

– Ngày nay chúng con thân tâm rỗng suốt, vui mừng được điều vô ngại. Tuy ngộ biết nghĩa một và sáu đều mất, nhưng vẫn chưa thấu suốt được bản căn viên thông. Bạch Thế Tôn! Chúng con trôi giạt bơ vơ từ nhiều kiếp, tâm nghĩ do đâu mà được dự vào dòng dõi nhà Phật, như đứa bé mất sữa chợt gặp mẹ hiền. Nếu nhân cơ hội này mà được thành đạo, chỗ được nghe những lời dạy sâu kín lại đồng với bản ngộ, thì cùng với người lúc chưa nghe cũng không có sai khác. Cúi mong đấng Đại bi thương chúng con, ban cho pháp trang nghiêm bí mật, thành tựu lời chỉ bày rốt sau của Như Lai.

Thưa lời đây rồi, năm vóc gieo xuống đất, lui ẩn nơi chỗ vi diệu sâu kín, chờ mong được Phật thăm truyền.

Khi ấy đức Thế Tôn bảo khắp các vị đại Bồ-tát và các vị vô lậu đại A-la-hán ở trong chúng rằng: – Các ông là hàng Bồ-tát và A-la-hán sanh trong pháp của ta, được thành tựu vô học. Nay ta hỏi các ông, lúc ban đầu phát tâm, các ông ngộ trong mười tám giới, cái nào là viên thông? Từ phương tiện gì được vào chánh định?

1. Viên thông về thanh trần

Ông Kiều-trần-na trong nhóm năm vị Tỳ-kheo liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chân Phật, bạch Phật rằng: – Con nơi Lộc Uyển và Kê Viên được gặp đức Như Lai khi mới thành đạo, chúng con nhân nghe pháp âm của Phật, ngộ được pháp Tứ đế. Phật hỏi trong hàng Tỳ-kheo thì con được gọi là nhận hiểu trước tiên, Như Lai mới ấn chứng cho con tên là A-nhã-đa (Giải đệ nhất). Do diệu âm sâu kín tròn đủ, con từ nơi âm thanh mà được quả A-la-hán. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, âm thanh là trên hết.

2. Viên thông về sắc trần

Ông Ưu-ba-ni-sa-đà liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chân Phật, bạch Phật rằng: – Con cũng được gặp Phật khi mới thành đạo. Con quán tướng bất tịnh, sanh lòng rất nhàm chán muốn xa lìa, ngộ được tánh các sắc; do từ quán bất tịnh, tướng xương trắng, vi trần, đều trở về hư không, sắc và không không hai, thành được đạo vô học. Như Lai ấn chứng cho con tên là Ni-sa-đà. Do trần sắc đã hết thì diệu sắc sâu kín tròn đủ. Con từ sắc tướng mà được quả A-la-hán. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con thì nhân nơi sắc trần là trên hết.

3. Viên thông về hương trần

Đồng tử Hương Nghiêm liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chân Phật, bạch Phật rằng: – Con nghe đức Như Lai dạy con phải quán sát kỹ các tướng hữu vi. Khi ấy con từ giả Phật, đêm về ngồi yên ở phòng thanh trai, thấy các thầy Tỳ-kheo đốt hương trầm thủy, mùi hương lặng lẽ bay vào trong mũi con. Con quán mùi hương này không phải từ cây, không phải từ hư không, không phải từ khói, cũng không phải từ lửa, đi không dính mắc chỗ nào, đến cũng không từ đâu. Do đây mà ý niệm được tiêu sạch, phát minh tánh vô lậu. Như Lai ấn chứng cho con hiệu là Hương Nghiêm. Hương trần đã tiêu diệt, diệu hương sâu kín tròn đủ. Con do mùi hương trang nghiêm được chứng A-la-hán. Phật hỏi về viên thông thì như chỗ chứng của con, lấy mùi hương để trang nghiêm là trên hết.

4. Viên thông về vị trần

Hai vị Pháp vương tử là Dục Vương và Dục Thượng, cùng với năm trăm vị Phạm thiên ở trong hội, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chân Phật, bạch Phật rằng: – Chúng con từ kiếp vô thủy làm lương y ở thế gian, trong miệng thường nếm vàng, đá, cỏ, cây ở thế giới Ta-bà này, danh số có tới mười muôn tám ngàn vị. Như thế thấy đều biết các vị đắng, chua, mặn, lạt, ngọt, cay v.v... cùng với các thứ vị câu sanh hòa hợp, biến đổi là lạnh, là nóng, có độc, không độc, con đều biết rõ cả.

Chúng con vâng theo lời dạy của Như Lai, rõ biết tánh của vị chẳng phải không, chẳng phải có, chẳng phải tức nơi thân tâm, chẳng phải lìa thân tâm.

Do phân biệt nhân của vị trần, từ đây mà được khai ngộ, nhờ Phật Như Lai ấn chứng cho anh em chúng con danh hiệu Bồ-tát Dục Vương và Dục Thượng, nay trong hội này làm Pháp vương tử. Chúng con nhân nơi vị mà được giác ngộ sáng suốt, tiến lên bậc Bồ-tát. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, nhân vị trần là hơn cả.

5. Viên thông về xúc trần

Bạt-đà-bà-la cùng đồng bạn là mười sáu vị khai sĩ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ nơi chân Phật, bạch Phật rằng:

– Trước kia ở chỗ đức Phật Oai Âm Vương, chúng con do nghe pháp mà xuất gia. Vào giờ tắm của chúng Tăng, con theo thường lệ vào nhà tắm, chợt ngộ được nhân của nước không phải rửa bụi cũng không phải rửa thân, trong khoảng giữa đó an nhiên, được không có gì. Do chỗ tu tập xưa không quên, cho đến ngày nay theo Phật xuất gia được quả vô học. Đức Phật ấy gọi con là Bạt-đà-bà-la, do diệu xúc phát sáng, được ở trong hàng Phật tử. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, nhân xúc trần là hơn cả.

6. Viên thông về pháp trần

Ma-ha Ca-diếp và Tỳ-kheo-ni Tử Kim Quang liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ nơi chân Phật, bạch Phật rằng: – Ở kiếp xa xưa trong thế giới này có đức Phật ra đời tên là Nguyệt Đăng, chúng con được thân cận nghe pháp, tu học. Sau khi Phật diệt độ, chúng con cúng dường xá-lợi, đốt đèn sáng liên tục, dùng vàng tía sáng bóng để tô thếp hình tượng Phật. Từ đó đến nay đời nào sanh ra thân thể cũng thường sáng ngời, viên mãn như vàng tía. Tỳ-kheo-ni Tử Kim Quang này là quyến thuộc của con, đồng thời phát tâm.

Con quán sát sáu trần ở thế gian đều biến đổi, chỉ dùng không tịch tu mà được diệt tận, thân tâm mới có thể vượt trăm ngàn kiếp như là khảy móng tay. Con do quán pháp không mà thành A-la-hán. Thế Tôn bảo con là người tu hạnh đầu-đà bậc nhất, diệu pháp khai sáng tiêu diệt các lậu. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, nhân pháp trần là hơn cả.

7. Viên thông về nhãn căn

A-na-luật-đà liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ nơi chân Phật, bạch Phật rằng:

– Khi con mới xuất gia thường thích ngủ nghỉ, Như Lai quở con là loài súc sanh. Con nghe Phật quở khóc lóc tự trách, suốt bảy ngày không ngủ, mù cả hai mắt. Đức Thế Tôn dạy con tu chánh định Kim cang nhạo kiến chiếu minh. Con không do con mắt mà xem thấy mười phương, rỗng suốt tinh tường, như xem trái cây ở trong lòng bàn tay. Như Lai ấn chứng cho con thành A-la-hán. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, xoay cái thấy trở về nguồn gốc, đây là đệ nhất.

8. Viên thông về tỷ căn

Châu-lợi-bàn-đặc liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ nơi chân Phật, bạch Phật rằng: – Do con thiếu sự trì tụng, không có tánh đa văn, lúc đầu con gặp Phật, nghe pháp xuất gia, cố ghi nhớ một câu kệ của Như Lai, mà trong một trăm ngày nhớ được câu trước thì quên câu sau, nhớ sau thì quên trước, Phật thương con ngu tối mới dạy con an cư điều hòa hơi thở ra vào. Khi ấy con quán hơi thở vi tế, cùng tột sanh trụ diệt biến đổi trong từng sát-na, tâm con rỗng suốt, được đại vô ngại, cho đến sạch hết các lậu, thành A-la-hán. Dưới tòa của Phật được ấn chứng thành bậc vô học. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, xoay hơi thở trở về không, đây là trên hết.

9. Viên thông về thiệt căn

Kiều-phạm-bát-đề từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ nơi chân Phật, bạch Phật rằng:

– Con mắc khẩu nghiệp từ kiếp quá khứ, do khinh chê chế giễu các vị Sa-môn nên nhiều đời sanh ra bị bệnh lở loét giống lở trâu. Như Lai chỉ dạy con pháp môn tâm địa “một vị trong sạch”. Con diệt được thức tâm, vào chánh định, quán cái biết vị không phải thân thể, không phải vật, liền đó được vượt khỏi các lậu của thế gian. Trong thì giải thoát thân tâm, ngoài thì vượt khỏi thế giới, xa lìa ba

cõi, như chim ra khỏi lồng. Xa lìa cấu nhiễm, tiêu diệt hết các trần, được pháp nhãn thanh tịnh, thành A-la-hán. Chính Như Lai ấn chứng cho con được đạo vô học. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, xoay các vị trở về tánh biết, đây là bậc nhất vậy.

10. Viên thông về thân căn

Tất-lăng-già-bà-ta liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ nơi chân Phật, bạch Phật rằng: – Khi con mới phát tâm theo Phật vào đạo, thường nghe Như Lai nói các việc không vui ở thế gian. Lúc con đi khất thực trong thành, tâm suy nghĩ về pháp môn Phật dạy, bất chợt giữa đường bị gai độc đâm vào chân, toàn thân đau nhức. Con nghĩ có cái biết, biết được cái rất đau này. Tuy biết được cảm giác đau nhức, nhưng tâm biết thanh tịnh không đau mà biết được đau. Con lại suy nghĩ, như thế một thân đau thể lại có hai cái biết. Nhiếp niệm chưa bao lâu, thân tâm con bỗng nhiên rỗng không. Trong khoảng hai mươi mốt ngày, các lậu đều dứt sạch, thành A-la-hán. Chính Phật ấn ký cho con thành bậc vô học. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, thuần một tánh biết thì quên thân, đây là bậc nhất vậy.

11. Viên thông về ý căn

Tu-bồ-đề liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ nơi chân Phật, bạch Phật rằng:

– Từ nhiều kiếp đến nay, tâm con được vô ngại, tự nhớ thọ sanh nhiều như số cát sông Hằng. Khi còn trong thai mẹ, con liền biết được lý không tịch. Như thế cho đến mười phương đều thành rỗng không, cũng khiến cho chúng sanh chứng được tánh không. Nhờ Như Lai chỉ dạy con phát minh tánh giác là chân không, tánh không tròn sáng, được quả A-la-hán, chóng vào biển Không Bảo Minh của Như Lai, thấy biết đồng như Phật. Phật ấn chứng cho con thành bậc vô học, về tánh rỗng không giải thoát, con là bậc nhất vậy. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, các tướng đều vào Không, năng không và sở không đều hết, xoay các pháp trần trở về Không, đó là trên hết.

12. Viên thông về nhãn thức

Xá-lợi-phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ nơi chân Phật, bạch Phật rằng:

– Từ nhiều kiếp đến nay, tâm thấy (nhãn thức) của con thanh tịnh. Tuy con thọ sanh nhiều đời như số cát sông Hằng như vậy, nhưng đối với tất cả sự biến hóa của thế gian hay xuất thế gian, một phen thấy liền được thông suốt không chướng ngại. Ở giữa đường con gặp anh em Ca-diếp-ba, cùng đi theo nghe họ tuyên nói về lý nhân duyên, con ngộ được tâm không bờ mé. Con theo Phật xuất gia, kiến giác tròn sáng, được đại vô úy, thành A-la-hán, làm trưởng tử của Phật, từ miệng Phật sanh, do pháp Phật hóa sanh. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, do tâm thấy phát sáng, sáng cùng tột tri kiến, đây là bậc nhất vậy.

13. Viên thông về nhĩ thức

Bồ-tát Phổ Hiền liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ nơi chân Phật, bạch Phật rằng:

– Con đã từng làm Pháp vương tử của các đức Như Lai nhiều như số cát sông Hằng. Như Lai mười phương dạy những đệ tử có căn cơ Bồ-tát, tu hạnh Phổ Hiền, do tên con mà lập hạnh. Bạch Thế Tôn! Con dùng tâm nghe (nhĩ thức) phân biệt những thấy biết của chúng sanh. Nếu ở phương khác, cách ngoài thế giới như cát sông Hằng, có một chúng sanh trong tâm phát minh hạnh Phổ Hiền, khi ấy con liền cõi voi sáu ngà, phân thân thành trăm ngàn, đến chỗ người kia. Dù người kia nghiệp chướng sâu dày chưa thể thấy được con, con cũng thầm xoa đánh, ủng hộ an ủi họ, khiến cho họ thành tựu được hạnh Phổ Hiền. Phật hỏi về viên thông, con nói về bản nhân của con, do tâm nghe mà được phát minh, phân biệt tự tại, đây là bậc nhất vậy.

14. Viên thông về tỷ thức

Tôn-đa-la-nan-đa liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ nơi chân Phật, bạch Phật rằng: – Khi con mới xuất gia theo Phật vào đạo, tuy giữ đủ giới luật, nhưng khi tu chánh định, tâm con thường tán loạn, chưa được vô lậu. Thế Tôn dạy con và Câu-hy-la quán chót mũi trắng. Ban đầu con quán sát kỹ, trải qua hai mươi mốt ngày, thấy hơi thở trong mũi ra vào như khói. Thân tâm bên trong sáng suốt, soi khắp cả thế giới, trong sạch rỗng không giống như lưu ly. Tướng khói dần tiêu mất, hơi thở ở mũi thành màu trắng. Tâm con khai ngộ, các lậu hết sạch. Các hơi thở ra vào hóa thành hào quang sáng, soi khắp cả thế giới mười phương, được quả A-la-hán. Thế Tôn ấn ký cho con sẽ được quả Bồ-đề. Phật hỏi về viên thông, con do tiêu dung được hơi thở, dừng lặng lâu được phát sáng, sáng suốt tròn đầy, diệt hết các lậu, đây là bậc nhất vậy.

15. Viên thông về thiệt thức

Phú-lâu-na-di-đa-la-ni Tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ nơi chân Phật, bạch Phật rằng: – Từ nhiều kiếp đến nay, con có biện tài vô ngại, tuyên nói về lý khổ, không, trống rỗng được thật tướng. Như thế cho đến pháp môn bí mật của Như Lai nhiều như số cát sông Hằng, con ở trong chúng khéo léo chỉ bày, được không chút sợ sệt. Thế Tôn biết con có đại biện tài, nên đem âm thanh pháp luân dạy con tuyên dương. Con ở trước Phật, giúp Phật chuyển pháp luân, nhân phát tiếng sư tử rống mà thành A-la-hán. Thế Tôn ấn chứng cho con là thuyết pháp hơn cả. Phật hỏi về viên thông, con dùng pháp âm để hàng phục ma oán, tiêu diệt các lậu, đây là đệ nhất vậy.

16. Viên thông về thân thức

Ưu-ba-ly liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ nơi chân Phật, bạch Phật rằng:

– Chính con theo Phật vượt thành xuất gia. Chính con xem thấy Như Lai sáu năm siêng tu khổ hạnh. Chính con thấy Như Lai hàng phục ma quân, chế phục các ngoại đạo, giải quyết khỏi các lậu tham dục ở thế gian. Con nhờ Phật dạy rằng, như thế cho đến ba ngàn oai nghi tám muôn tế hạnh, tánh nghiệp giá nghiệp thấy đều thanh tịnh. Thân tâm được tịch diệt, thành quả A-la-hán. Con là người kỳ cương ở trong chúng của Như Lai. Chính Như Lai ấn chứng cho tâm con, về trì giới tu thân, con là trên hết trong chúng. Phật hỏi về viên thông, con do giữ thân, thân được tự tại, kể đó giữ tâm, tâm được thông suốt. Về sau, tất cả thân tâm đều thông suốt, đây là bậc nhất.

17. Viên thông về ý thức

Đại Mục-kiền-liên liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật, bạch Phật rằng: – Lúc ban đầu, con đang đi khát thực ngoài đường bỗng gặp ba anh em ông Ca-diếp-ba là Ưu-lâu-tần-loa, Già-gia và Na-đề tuyên nói nghĩa nhân duyên sâu xa của Như Lai. Con chóng phát tâm, được rất thông suốt. Như Lai ban cho con chiếc y ca-sa để đắp vào thân, râu tóc tự rụng. Con dạo đi mười phương được không chướng ngại, thần thông phát sáng, trong chúng, con được suy tôn là bậc nhất, thành quả A-la-hán. Đây chỉ có Thế Tôn, mà Như Lai mười phương đều khen thần lực của con, tròn sáng thanh tịnh, được tự tại không sợ sệt. Phật hỏi về viên thông, con do xoay tâm về chỗ yên lặng, tâm phát ra sáng suốt, như là lóng dòng nước đục, lâu ngày thành trong sáng, đây là bậc nhất.

18. Viên thông về hỏa đại

Ô-sô-sắc-ma đối trước đức Như Lai chắp tay đánh lễ nơi chân Phật, bạch Phật rằng: – Con thường nhớ trước kia nhiều kiếp lâu xa, tánh nhiều tham dục. Có đức Phật ra đời hiệu là Không Vương, nói người nhiều tham dục sẽ thành đồng tử lửa lớn, dạy con quán khắp thân, các hơi lạnh nóng nơi trăm vóc tứ chi. Nhờ quán vậy, thần quang bên trong ngưng đọng, hóa tâm đa dâm thành lửa trí tuệ. Từ đó chư Phật đều gọi con tên là Hỏa Đầu. Con do sức Hỏa quang tam-muội mà thành A-la-hán, trong tâm

phát đại nguyện: khi chư Phật thành đạo, con sẽ thân cận làm lực sĩ để hàng phục ma oán. Phật hỏi về viên thông, con do quán kỹ các cảm xúc hơi ấm nơi thân tâm, lưu thông không chướng ngại, các lậu đã tiêu hết, sanh ra ngọn lửa trí tuệ quý báu lớn, lên bậc Vô thượng giác, đây là bậc nhất vậy.

19. Viên thông về địa đại

Bồ-tát Trì Địa liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật, bạch Phật rằng: – Con nhớ thuở xưa khi đức Như Lai Phổ Quang ra đời, con là Tỳ-kheo, thường ở nơi tất cả những con đường quan yếu, bến đò và những chỗ đất hiểm trở eo hẹp, có các việc trở ngại, làm tổn hại ngựa xe, con đều đắp cho bằng phẳng, hoặc là bắc cầu, hoặc gánh đất cát.

Như thế siêng năng khổ nhọc, trải qua vô lượng đức Phật ra đời. Hoặc có chúng sanh ở chỗ chợ búa cần người khuân vác đồ vật, trước tiên con vì họ mang vác đến nơi, để đồ vật xuống liền đi, không lấy tiền thù lao. Khi đức Phật Tỳ-xá-phù ra đời, người đời phần nhiều bị đói kém, con gánh vác giùm, chẳng kể xa gần chỉ lấy một tiền. Hoặc có xe, trâu bị mắc lầy, con dùng thần lực đẩy bánh xe lên, cho thoát khổ não.

Vị Đại vương trong nước thời đó thiết trai cúng dường Phật, khi ấy con làm đường bằng phẳng chờ Phật đi qua. Đức Phật Tỳ-xá-phù xoa đánh đầu con, bảo rằng: “Phải bình đất tâm thì tất cả đất trong thế giới đều bình.” Tâm con liền được khai mở, thấy vi trần nơi thân cùng với vi trần tạo thành thế giới đều bình đẳng không sai biệt. Tự tánh vi trần không xúc chạm nhau, cho đến đao binh cũng không thể xúc chạm. Con nơi pháp tánh ngộ được vô sanh nhẫn thành A-la-hán, ngày nay hồi tâm vào vị Bồ-tát.

Khi nghe chư Phật nói về tri kiến Phật trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa, con sáng tỏ chứng ngộ trước tiên, nên làm thượng thủ. Phật hỏi về viên thông, con do quán sát kỹ hai thứ vi trần nơi căn thân và thế giới đều bình đẳng không sai biệt, vốn là Như Lai tạng; do hư vọng mà phát sanh ra trần, trần tiêu hết thì trí tuệ tròn đủ, thành tựu đạo Vô thượng, đây là bậc nhất vậy.

20. Viên thông về thủy đại

Đồng tử Nguyệt Quang liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật, bạch Phật rằng: – Con nhớ nhiều kiếp xa xưa như số cát sông Hằng, có đức Phật ra đời hiệu là Thủy Thiên, dạy các Bồ-tát tu tập quán về nước để vào chánh định. Quán tánh nước ở trong thân không lẩn đoạt nhau. Ban đầu từ nước mũi, nước miếng, như thế tất cả các thứ thân dịch, tinh huyết, đại tiểu tiện, xoay vần trong thân, đồng là một tánh nước. Thấy nước trong thân cùng với nước trong các biển Hương Hải, nơi cõi Phù Tràng Vương ở ngoài thế giới, đều bình đẳng không có sai biệt.

Khi ấy con mới thành tựu pháp quán này, chỉ thấy được nước mà chưa được không thân. Con đang làm Tỳ-kheo, ngồi thiền trong thất, có đứa đệ tử ngó qua cửa sổ nhìn vào thất, thấy khắp cả thất chỉ toàn nước trong, trọn không thấy gì khác. Nó nhỏ dại không biết, lấy hòn gạch ném vào trong nước nghe tiếng bồm, ngó qua rồi bỏ đi. Sau khi con xuất định, chợt thấy đau tim, như ngài Xá-lợi-phất bị quỷ Vi Hại đánh.

Con tự suy nghĩ, nay mình đã được đạo A-la-hán, đã lâu xa lìa duyên bệnh, tại sao ngày nay chợt sanh ra đau tim, không lẽ bị thối thất chăng? Khi ấy, chú đệ tử nhỏ liền đến gặp con thuật lại việc như trên. Con liền bảo rằng: Nếu sau ngươi lại thấy nước thì mở cửa vào, lấy hòn gạch trong nước ra. Chú đệ tử nhỏ vâng lời. Sau đó khi con nhập định, lại thấy nước và hòn gạch rõ ràng, chú đệ tử liền mở cửa vào lấy hòn gạch ra. Sau khi xuất định, thân con trở lại như cũ.

Con được gặp vô lượng đức Phật, như thế cho đến đức Phật Sơn Hải Tự Tại Thông Vương, mới được quên thân, cùng với nước của các biển Hương Thủy ở thế giới mười phương, tánh hợp với chân

không, không hai không khác. Nay ở nơi Như Lai được tên là Đồng Chân, dự vào hội Bồ-tát. Phật hỏi về viên thông, con do quán tánh nước một vị lưu thông, được vô sanh nhẫn, viên mãn đạo Bồ-đề, đây là bậc nhất vậy.

21. Viên thông về phong đại

Lưu Ly Quang pháp vương tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật, bạch Phật rằng: – Con nhớ thuở xưa trải qua số kiếp như cát sông Hằng, có đức Phật ra đời hiệu là Vô Lượng Thanh, chỉ dạy Bồ-tát về bản giác sáng suốt nhiệm màu, quán thấy thế giới này và thân chúng sanh đều là do sức gió vọng duyên chuyển. Con khi ấy quán sát sự an lập của thế giới, quán sự chuyển đổi của thời gian, quán sự động dừng nơi thân, quán những động niệm nơi tâm. Quán các thứ động không hai, bình đẳng không sai khác.

Khi ấy con giác ngộ rõ ràng các thứ động này, đến không từ đâu, đi không chỗ đến. Những chúng sanh điên đảo như số vi trần trong mười phương, đều đồng một hư vọng. Như thế cho đến có những chúng sanh trong một thế giới của tam thiên đại thiên thế giới, như trong một món đồ chứa hàng trăm muối mè kêu vo ve loạn xạ, ở trong phân tặc mà âm ỉ cuồng náo.

Con gặp Phật chưa bao lâu, được vô sanh nhẫn. Khi ấy tâm con được khai ngộ, mới thấy cõi Phật Bất Động ở phương đông, làm Pháp vương tử phụng thờ chư Phật mười phương, thân tâm con phát sáng, rỗng suốt không ngăn ngại. Phật hỏi về viên thông, con do quán sát sức gió không có chỗ nương, ngộ được tâm Bồ-đề, vào chánh định, hợp với một diệu tâm của chư Phật mười phương đã truyền, đây là bậc nhất vậy.

22. Viên thông về không đại

Bồ-tát Hư Không Tạng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật, bạch Phật rằng: – Con ở chỗ Phật Định Quang Như Lai chứng được vô biên thân. Khi ấy tay con cầm bốn hạt châu báu lớn chiếu sáng cõi Phật khắp mười phương như số vi trần, hóa thành hư không. Lại nơi tự tâm hiện ra Đại viên cảnh, trong phóng ra mười thứ hào quang báu vi diệu, chiếu tột cùng hư không khắp mười phương. Các cõi Tràng Vương đều hiện trong gương và nhập vào thân con. Thân con đồng như hư không, không có chướng ngại nhau. Thân con hay khéo vào các cõi nước như số vi trần, làm nhiều Phật sự, được đại tùy thuận.

Thần lực lớn này là do con quán kỹ tứ đại không có chỗ nương, vọng tưởng sanh diệt và hư không không có hai, cõi Phật cũng vốn đồng, con do phát minh được tánh đồng mà chứng vô sanh pháp nhẫn. Phật hỏi về viên thông, con do quán sát hư không vô biên mà vào chánh định, diệu lực được tròn sáng, đây là bậc nhất.

23. Viên thông về thức đại

Bồ-tát Di-lặc liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật, bạch Phật rằng:

– Con nhớ thuở xưa trải qua số kiếp như vi trần, có đức Phật ra đời hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh. Con được theo đức Phật kia xuất gia, nhưng tâm con còn nặng danh lợi thế gian, ưa giao du với nhà quyền quý. Khi ấy đức Thế Tôn dạy con tu tập về định Duy tâm thức, được chánh định. Trải nhiều kiếp đến nay, dùng chánh định này thờ phụng chư Phật nhiều như số cát sông Hằng, tâm cầu danh thế gian tiêu diệt không còn.

Đến khi đức Phật Nhiên Đăng ra đời, con mới thành tựu được chánh định Vô thượng diệu viên thức tâm. Cho đến cõi nước của chư Phật cùng tận hư không, sạch dơ, có không đều do tâm thức của con biến hóa hiện ra. Bạch Thế Tôn! Vì con rõ Duy tâm thức như thế, từ thức tánh lưu xuất vô lượng Như Lai. Nay được Phật thọ ký, kể đây sẽ được bổ xứ làm Phật cõi này. Phật hỏi về viên thông, con nhờ

quán sát kỹ mười phương đều do thức, thức tâm tròn sáng, vào được tánh viên thành thật, xa lìa tánh y tha khởi và biến kế chấp, được vô sanh nhẫn, đây là bậc nhất.

24. Viên thông về kiến đại

Đại Thế Chí pháp vương tử cùng với năm mươi hai vị Bồ-tát đồng tu, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật, bạch Phật rằng: – Con nhớ những kiếp xa xưa nhiều như số cát sông Hằng, có đức Phật ra đời hiệu là Vô Lượng Quang, tiếp tục có mười hai đức Như Lai ra đời trong một kiếp, đức Phật rốt sau hiệu là Siêu Nhật Nguyệt Quang, Ngài dạy con niệm Phật tam-muội.

Ví như có hai người, một người chuyên nhớ, một người chuyên quên. Hai người như thế dù gặp nhau cũng như không gặp, dù thấy cũng như không thấy. Nếu hai người cùng nhớ nhau, cả hai nhớ nhau sâu đậm, như thế từ đời này cho đến đời khác, giống như hình với bóng không hề cách xa. Chư Như Lai mười phương thương xót nhớ nghĩ đến chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu con trốn đi xa thì mẹ tuy nhớ có làm được gì? Nếu con nhớ mẹ như khi mẹ nhớ con thì con với mẹ trải qua nhiều đời không xa rời nhau. Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật thì hiện giờ và đời sau nhất định sẽ thấy Phật, cách Phật không xa, không nhờ phương tiện mà tự tâm được khai mở. Như người ướp hương, thân có mùi thơm. Đây gọi là dùng hương quang để trang nghiêm.

Bản nhân của con do tâm niệm Phật vào được vô sanh nhẫn. Nay ở thế giới này con nhiếp độ những người niệm Phật trở về cõi Tịnh độ. Phật hỏi về viên thông, con không có chọn lựa, đều do nhiếp sáu căn, niệm thanh tịnh liên tục được vào chánh định, đây là bậc nhất.

25. Viên thông về nhĩ căn

Khi ấy Bồ-tát Quán Thế Âm liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật, bạch Phật rằng: – Bạch Thế Tôn, con nhớ thuở xưa vô số kiếp như cát sông Hằng, khi đó có đức Phật ra đời hiệu là Quán Thế Âm. Con ở chỗ đức Phật kia phát tâm Bồ-đề, đức Phật kia dạy con tu từ văn, tư, tu mà vào chánh định.

Ban đầu ở trong tánh nghe, vào dòng rồi thì quên tiếng, chỗ vào đã lặng lẽ thì hai tướng động tịnh rõ ràng chẳng sanh. Như thế lần lần tăng lên, năng văn và sở văn đều hết. Không dừng ở chỗ hết năng văn sở văn mà tiến đến năng giác sở giác cũng không. Không giác tròn đầy cùng tột thì năng không và sở không đều diệt. Sanh diệt đã diệt thì tịch diệt hiện tiền. Bỗng nhiên vượt khỏi thế gian và xuất thế gian, mười phương đều tròn sáng, được hai việc thù thắng. Một là trên hợp với tâm bản giác sâu màu của chư Phật mười phương, cùng với chư Phật Như Lai đồng một sức từ. Hai là dưới hợp tất cả chúng sanh trong sáu đường ở khắp mười phương, cùng các chúng sanh đồng một bi nguyện.

a. Ba mươi hai ứng thân

Bạch Thế Tôn, do con cúng dường đức Quán Âm Như Lai, nhờ đức Như Lai kia trao cho con chánh định Kim cang như huyễn văn huân văn tu, cùng với Phật Như Lai đồng một từ lực, khiến thân con thành ba mươi hai ứng thân vào các cõi nước.

Bạch Thế tôn, nếu các vị Bồ-tát vào chánh định, tiến tu vô lậu, thắng giải hiện được tròn đủ, con liền hiện thân Phật, vì họ nói pháp khiến cho được giải thoát.

Nếu các hàng hữu học tâm lặng lẽ sáng suốt nhiệm màu, chỗ thắng diệu hiển hiện tròn đủ, con liền ở trước họ hiện thân Độc giác, vì họ nói pháp khiến cho được giải thoát.

Nếu các hàng hữu học đoạn mười hai nhân duyên, do các duyên đã đoạn mà được thắng tánh, chỗ thắng diệu hiển hiện tròn đủ, con liền ở trước họ hiện thân Duyên giác, vì họ nói pháp khiến cho được giải thoát.

Nếu các hàng hữu học được pháp không của Tứ đế, tu Đạo đế, nhập được Diệt đế, thắng tánh hiển hiện tròn đủ, con liền ở trước họ hiện thân Thanh văn, vì họ nói pháp khiến cho được giải thoát.

Nếu các chúng sanh muốn tâm được sáng suốt giác ngộ, không phạm những dục trần, muốn thân được thanh tịnh, con liền ở trước họ hiện thân Phạm vương, vì họ nói pháp khiến cho được giải thoát.

Nếu các chúng sanh muốn làm Thiên chủ để thống lãnh chư thiên, con liền ở trước họ hiện thân Đế-thích, vì họ nói pháp khiến cho được thành tựu.

Nếu các chúng sanh muốn thân tự tại dạo đi khắp mười phương, con liền ở trước họ hiện thân trời Tự Tại, vì họ nói pháp khiến cho được thành tựu.

Nếu các chúng sanh muốn thân tự tại bay đi trong hư không, con liền ở trước họ hiện thân trời Đại Tự Tại, vì họ nói pháp khiến cho được thành tựu.

Nếu các chúng sanh ưa thống lãnh quý thần, cứu hộ cõi nước, con liền ở trước họ hiện thân Thiên đại tướng quân, vì họ nói pháp khiến cho được thành tựu.

Nếu các chúng sanh ưa thống lãnh thế giới, bảo hộ chúng sanh, con liền ở trước họ hiện thân Tứ thiên vương, vì họ nói pháp khiến cho được thành tựu.

Nếu các chúng sanh ưa sanh ở thiên cung, sai sử quý thần, con liền ở trước họ hiện thân thái tử cõi Tứ thiên vương, vì họ nói pháp khiến cho được thành tựu.

Nếu các chúng sanh ưa làm vua cõi người, con liền ở trước họ hiện thân vua, vì họ nói pháp khiến cho được thành tựu.

Nếu các chúng sanh ưa làm chủ gia tộc lớn, được người đời kính nhường, con liền ở trước họ hiện thân trưởng giả, vì họ nói pháp khiến cho được thành tựu.

Nếu các chúng sanh ưa bàn nói những lời hay, tự ở yên thanh tịnh, con liền ở trước họ hiện thân cư sĩ, vì họ nói pháp khiến cho được thành tựu.

Nếu các chúng sanh ưa trị nước, phân chia các bang các ấp, con liền ở trước họ hiện thân tể quan, vì họ nói pháp khiến cho được thành tựu.

Nếu các chúng sanh ưa các số thuật, ở yên gìn giữ Vệ-đà, con liền ở trước họ hiện thân Bà-la-môn, vì họ nói pháp khiến cho được thành tựu.

Nếu có người nam ưa học hạnh xuất gia, giữ các giới luật, con liền ở trước họ hiện thân Tỳ-kheo, vì họ nói pháp khiến cho được thành tựu.

Nếu có người nữ muốn học hạnh xuất gia, giữ gìn các cấm giới, con liền ở trước họ hiện thân Tỳ-kheo ni, vì họ nói pháp khiến cho được thành tựu.

Nếu có người nam ưa giữ năm giới, con liền ở trước họ hiện thân ưu-bà-tắc, vì họ nói pháp khiến cho được thành tựu.

Nếu có người nữ tự giữ gìn năm giới, con liền ở trước họ hiện thân ưu-bà-di, vì họ nói pháp khiến cho được thành tựu.

Nếu có người nữ lập thân trong nội chính để sửa trị nước nhà, con liền ở trước họ hiện thân nữ chúa hoặc quốc phu nhân, mệnh phụ, người giàu có, vì họ nói pháp khiến cho được thành tựu.

Nếu có chúng sanh muốn không hoại nam căn, con liền ở trước họ hiện thân đồng nam, vì họ nói pháp khiến cho được thành tựu.

Nếu có người nữ trinh bạch ưa giữ thân trong sạch, chẳng muốn người xâm phạm, con liền ở trước họ hiện thân đồng nữ, vì họ nói pháp khiến cho được thành tựu.

Nếu có chư thiên muốn ra khỏi loài trời, con liền ở trước họ hiện thân trời, vì họ nói pháp khiến cho được thành tựu.

Nếu có các loài rồng muốn thoát khỏi loài rồng, con liền ở trước họ hiện thân rồng, vì họ nói pháp khiến cho được thành tựu.

Nếu có các dục-xoa muốn thoát khỏi gốc dục-xoa, con liền ở trước họ hiện thân dục-xoa, vì họ nói pháp khiến cho được thành tựu.

Nếu có càn-thát-bà muốn ra khỏi dòng càn-thát-bà, con liền ở trước họ hiện thân càn-thát-bà, vì họ nói pháp khiến cho được thành tựu.

Nếu có a-tu-la muốn ra khỏi loài a-tu-la, con liền ở trước họ hiện thân a-tu-la, vì họ nói pháp khiến cho được thành tựu.

Nếu có các khẩn-na-la muốn ra khỏi loài khẩn-na-la, con liền ở trước họ hiện thân khẩn-na-la, vì họ nói pháp khiến cho được thành tựu.

Nếu có các ma-hô-la-già muốn ra khỏi loài ma-hô-la-già, con liền ở trước họ hiện thân ma-hô-la-già, vì họ nói pháp khiến cho được thành tựu.

Nếu có các chúng sanh muốn làm người, tu hành để được làm người, con liền ở trước họ hiện thân người, vì họ nói pháp khiến cho được thành tựu.

Nếu có phi nhân có hình, không hình, có tướng, không tướng muốn ra khỏi loài của họ, con liền ở trước họ hiện các thân kia, vì họ nói pháp khiến cho được thành tựu.

Ấy gọi là ba mươi hai ứng thân thanh tịnh nhiệm màu, vào trong các cõi nước, đều do chánh định Văn huân văn tu, sức màu vô tác, thành tựu tự tại.

b. Mười bốn công đức vô úy

Bạch Thế Tôn, lại con do sức màu vô tác của chánh định Kim cang văn huân văn tu này, cùng với mười phương ba đời tất cả chúng sanh trong sáu đường đồng một bi ngưỡng, khiến các chúng sanh ở nơi thân tâm con được mười bốn thứ công đức vô úy.

Một là, do con không tự quán âm thanh mà dùng quán để quán trở lại tánh nghe của mình, khiến cho những chúng sanh khổ não trong mười phương kia quán âm thanh liền được giải thoát.

Hai là, do con xoay thấy biết trở lại, khiến các chúng sanh dù vào trong lửa lớn, lửa cũng không thể đốt cháy.

Ba là, do con quán cái nghe xoay trở lại tánh nghe, khiến các chúng sanh bị nước lớn cuốn trôi, nước không thể làm chìm.

Bốn là, do con đoạn diệt các vọng tưởng, tâm không sát hại, khiến cho chúng sanh vào trong các nước quý, quý cũng không thể hại.

Năm là, do con huân cái nghe thành tựu tánh nghe, sáu căn đều được tiêu dung, đồng với tiếng và cái nghe, hay khiến cho chúng sanh đang khi bị hại, đao kiếm kia gãy từng đoạn, hoặc khiến cho binh khí của kẻ hại như chặt dưới nước, cũng như thổi ánh sáng, tánh nghe không dao động.

Sáu là, do con huân tánh nghe được thuần thực sáng suốt, sáng khắp cả pháp giới thì các tối tăm không thể còn. Hay khiến cho chúng sanh, các loài quỷ được-xoa, la-sát, cư-bàn-trà, tỳ-xá-giá, phú-đơn-na v.v... tuy ở gần bên cạnh mà mắt chúng không thể xem thấy.

Bảy là, do các âm thanh hoàn toàn tiêu hết, quán cái nghe xoay trở vào, lia các trần cảnh hư vọng, hay khiến cho chúng sanh, gông cùm xiềng xích không thể trói buộc.

Tám là, do con diệt các âm thanh ở ngoài, tánh nghe được tròn đầy nên phát sanh sức từ cùng khắp, hay khiến cho chúng sanh khi đi qua những con đường hiểm, giấc không thể cướp.

Chín là, do con huân cái nghe lia các trần, không bị sắc trần cướp hại, hay khiến cho tất cả chúng sanh có nhiều dâm dục xa lìa tham dục.

Mười là, do con thuần thực được các âm thanh, không theo trần cảnh, căn và cảnh viên dung, không còn năng đối sở đối, hay khiến cho tất cả chúng sanh sân giận xa lìa được các nóng giận.

Mười một là, do con tiêu hết các trần, xoay về tánh giác tròn sáng nên thân tâm và pháp giới đều như lưu ly sáng suốt không chướng ngại, hay khiến cho tất cả những kẻ ngu tối ám chướng xa lìa được sự si mê tăm tối.

Mười hai là, do con tiêu dung các hình tướng, trở về tánh nghe, không rời khỏi đạo tràng mà lẫn vào trong thế gian nhưng không làm hoại thế giới, cúng dường chư Phật Như Lai ở khắp mười phương như số vi trần, gần bên mỗi đức Phật làm Pháp vương tử, hay khiến cho những chúng sanh không con ở trong pháp giới muốn cầu con trai liền sanh được con trai có phước đức trí tuệ.

Mười ba là, do sáu căn được viên thông, soi sáng không hai, trùm cả mười phương thế giới, lập thành Đại viên cảnh Không Như Lai tạng, vâng theo pháp môn bí mật của Như Lai ở mười phương như số vi trần, nhận lãnh không thiếu sót, hay khiến những chúng sanh không con trong pháp giới muốn cầu con gái liền sanh được con gái, có tướng tốt đoan chánh, phước đức nhu thuận, mọi người đều yêu kính.

Mười bốn là, trong tam thiên đại thiên thế giới này có trăm ức mặt trời mặt trăng, có những vị Pháp vương tử hiện ở thế gian, nhiều như số cát sáu mươi hai sông Hằng, tu theo Phật pháp, làm gương mẫu để giáo hóa chúng sanh, tùy thuận chúng sanh, phương tiện và trí tuệ mỗi vị không đồng nhau. Do con được bản căn viên thông, phát ra tánh nhiệm màu của nhĩ căn, về sau thân tâm nhiệm màu dung chứa khắp cả pháp giới, hay khiến cho chúng sanh trì danh hiệu con, với người trì danh hiệu tất cả các vị Pháp vương tử nhiều như số cát sáu mươi hai sông Hằng kia, hai người đó phước đức bằng nhau không khác.

Bạch Thế Tôn, một danh hiệu của con cùng với nhiều danh hiệu các Bồ-tát kia không khác, là do con tu tập được tánh viên thông chân thật.

Đây gọi là mười bốn sức bố thí vô úy đem phước đầy đủ cho chúng sanh.

c. Bốn đức không thể nghĩ bàn

Bạch Thế Tôn, do con được viên thông, tu chứng đạo Vô thượng, lại khéo được bốn đức vô tác nhiệm màu không thể nghĩ bàn.

Một là, ban đầu do con đạt được tâm nghe rất màu nhiệm, tâm đó tinh thuần, bỏ cái nghe; thấy nghe hiểu biết không còn phân cách, thành một Bảo giác thanh tịnh viên dung. Cho nên con có thể hiện ra rất nhiều hình dung nhiệm màu, hay nói vô số thần chú bí mật. Trong ấy hoặc hiện một đầu, ba đầu, năm đầu, bảy đầu, chín đầu, mười một đầu, như thế cho đến một trăm lẻ tám đầu, ngàn đầu, muôn đầu, tám muôn bốn ngàn đầu kiên cố. Hoặc hai tay, bốn tay, sáu tay, tám tay, mười tay, mười hai tay, mười bốn, mười sáu, mười tám, hai mươi, cho đến hai mươi bốn tay, như thế nhần đến một trăm lẻ tám tay, ngàn tay, muôn tay, tám muôn bốn ngàn tay bất ẩn. Hoặc hai mắt, ba mắt, bốn mắt, chín mắt, như thế cho đến một trăm lẻ tám mắt, một ngàn mắt, một muôn mắt, tám muôn bốn ngàn mắt báu thanh tịnh. Hoặc hiện từ, hoặc uy, hoặc định, hoặc tuệ, để cứu hộ chúng sanh được đại tự tại.

Hai là, do cái nghe và suy nghĩ của con thoát khỏi sáu trần, như tiếng qua tường vách không bị chướng ngại, nên con khéo hay hiện mỗi mỗi thân hình, tụng mỗi mỗi chú. Hình kia chú kia hay dùng sức vô úy bố thí cho các chúng sanh. Thế nên cõi nước ở mười phương như số vi trần, đều gọi con là người bố thí vô úy.

Ba là, do con tu tập bản căn (nhĩ căn) thanh tịnh vốn màu nhiệm viên thông, nên dạo đi trong thế giới nào đều khiến chúng sanh xả trần bảo nơi thân để cầu con thương xót.

Bốn là, con được tâm Phật, chứng được cứu cánh, hay dùng các thứ trân bảo cúng dường chư Như Lai ở mười phương, cả đến những chúng sanh trong sáu đường ở khắp pháp giới, nếu cầu vợ được vợ, cầu con được con, cầu chánh định được chánh định, cầu sống lâu được sống lâu, như thế cho đến cầu Đại Niết-bàn được Đại Niết-bàn.

Phật hỏi về viên thông, con từ nơi nhĩ căn được chánh định chiếu soi tròn đầy, duyên tâm tự tại, nhân tướng nhập lưu mà được chánh định, thành tựu quả Bồ-đề, đây là bậc nhất.

Bạch Thế Tôn, đức Phật kia (đức Phật Quán Thế Âm) khen ngợi con khéo được pháp môn viên thông, ở trong đại hội thọ ký cho con hiệu là Quán Thế Âm. Do con quán tánh nghe tròn sáng khắp mười phương, nên danh Quán Âm cũng khắp cả thế giới mười phương.

V. CHỈ PHÁP VIÊN TU

1. Phóng quang hiện diễm lành

Khi ấy đức Thế Tôn nơi tòa sư tử, từ năm vóc của Ngài đồng phóng hào quang báu, xa rọi đến trên đánh chư Như Lai mười phương nhiều như số vi trần và trên đánh các vị Pháp vương tử, các vị Bồ-tát. Chư Phật kia cũng từ năm vóc đồng phóng hào quang báu, từ các cõi nước như vi trần kia rọi đến trên đánh Phật, cùng rọi trên đánh những vị đại Bồ-tát và A-la-hán trong chúng hội. Rừng cây, ao hồ đều diễn nói pháp. Hào quang xen lẫn nhau như lưới tơ báu. Cả đại chúng nơi đây được điều chưa từng có, tất cả đều được Kim cang tam-muội.

Liền khi đó trời mưa hoa sen trăm báu, màu xanh vàng đỏ trắng xen lẫn nhau, hư không mười phương thành sắc bảy báu. Thế giới Ta-bà này, đất liền, núi sông đều đồng thời chẳng hiện, chỉ thấy có các cõi nước mười phương như số vi trần hợp thành một thế giới. Những tiếng ca hát chúc tụng tự nhiên cất lên.

2. Bồ-tát Văn-thù chọn căn viên thông

Khi ấy đức Như Lai bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử rằng: – Nay ông xem trong hai mươi lăm vị vô học thuộc hàng Bồ-tát và A-la-hán, mỗi người trình bày phương tiện ban đầu đưa đến thành đạo, đều nói tu tập pháp chân thật viên thông. Những phương tiện tu hành kia trước sau khác nhau, thật không có hơn kém. Nay ta muốn khiến A-nan được khai ngộ, trong hai mươi lăm hạnh đó,

hạnh nào sẽ thích hợp với căn cơ kia? Cùng với sau khi ta diệt độ, chúng sanh ở thế giới này muốn vào Bồ-tát thừa cầu đạo Vô thượng, dùng cửa phương tiện nào được dễ thành tựu?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi vâng lời chỉ dạy từ bi của Phật, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ nơi chân Phật, nương oai thần của Phật, nói kệ đáp lại:

*Biển giác tánh lặng tròn,
Tròn lặng, giác vốn màu.
Nguyên minh, chiếu sanh sở,
Sở lập, tánh chiếu mất.
Mê vọng có hư không,
Nương không, lập thế giới.
Tưởng lặng thành cõi nước,
Hiểu biết là chúng sanh.
Hư không sanh trong giác
Như bọt nổi trong biển.
Cõi hữu lậu vi trần
Đều nương không mà sanh.
Bọt tan, hư không mất,
Huống lại là ba cõi.
Về nguồn, tánh không hai,
Phương tiện có nhiều cửa.
Tánh thánh đâu chẳng thông,
Thuận nghịch đều phương tiện.
Sơ tâm vào chánh định
Nhanh chậm không giống nhau.*

a. Lựa ra những căn không viên thông

Sáu trần:

*Sắc tướng kết thành trần,
Tinh thuần không thể thấu.
Làm sao không rõ suốt
Tu hành được viên thông?
Âm thanh lẫn ngôn ngữ,
Chỉ nương tên, câu, vị.
Một chẳng gồm tất cả
Sao tu được viên thông?
Hương do hợp mới biết
Lúc lia vốn chẳng có
Chỗ hay biết không thường,
Làm sao được viên thông?
Tánh vị không có sẵn,
Cần nếm mới có vị,
Cảm giác không hằng nhất,
Làm sao được viên thông?
Xúc do chỗ chạm biết
Không chạm không rõ xúc.
Tánh hợp lia chẳng định
Làm sao được viên thông?
Pháp gọi là nội trần,
Nương trần ấy có sở,
Năng sở không dung khắp,
Làm sao được viên thông?*

Năm căn:

Cái thấy tuy rộng suốt,
Thấy trước chẳng thấy sau,
Bốn phía thiếu một nửa
Làm sao được viên thông?
Mũi thở ra vào thông,
Hiện tiền không khoảng giữa,
Tách rời không dung nhập,
Làm sao được viên thông?
Lưỡi không vị, không duyên,
Nhân vị sanh rõ biết,
Vị mất, cái biết không,
Làm sao được viên thông?
Thân cùng sở xúc đồng,
Đều chẳng biết thông suốt,
Chừng hạn, không thâm hợp,
Làm sao được viên thông?
Ý căn xen loạn tưởng,
Dừng lặng trọn chẳng thấy.
Tưởng niệm không giải thoát,
Làm sao được viên thông?

Sáu thức:

Nhãn thức lẫn ba hòa,
Tìm gốc không có tướng,
Tự thể không nhất định,
Làm sao được viên thông?
Tâm nghe suốt mười phương
Sanh từ sức nguyện lớn,
Sơ tâm không thể vào,
Làm sao được viên thông?
Tưởng mũi, phương tiện tạm,
Chỉ để nhiếp tâm trụ.
Trụ thành tâm sở trụ
Làm sao được viên thông?
Thuyết pháp dùng lời tiếng,
Trước người được khai ngộ.
Câu chữ chẳng vô lậu,
Làm sao được viên thông?
Giữ giới chỉ buộc thân,
Không thân chẳng chỗ buộc,
Vốn chẳng khắp tất cả,
Làm sao được viên thông?
Thần thông, nhân đời trước,
Dính gì pháp phân biệt.
Niệm duyên chẳng lìa vật
Làm sao được viên thông?

Bảy đại:

Nếu quán tánh của đất,
Cứng ngại không thông suốt,
Hữu vi chẳng tánh thánh
Làm sao được viên thông?

Nếu quán tánh của nước,
Tưởng niệm không chân thật,
Như như chẳng giác quán,
Làm sao được viên thông?
Nếu quán tánh của lửa,
Chán có, chẳng thật là,
Cách không hợp sơ tâm,
Làm sao được viên thông?
Nếu quán tánh của gió,
Động tịch là đối đãi,
Chẳng phải Vô thượng giác
Làm sao được viên thông?
Nếu quán tánh của không,
Mờ tối không có giác,
Không giác, khác Bồ-đề,
Làm sao được viên thông?
Nếu quán tánh của thức,
Quán thức chẳng thường trụ,
Còn tâm là hư vọng
Làm sao được viên thông?
Các hạnh là vô thường
Tánh niệm vốn sanh diệt
Nhân quả nay cảm ứng
Làm sao được viên thông?
Nay con bạch Thế Tôn
Phật xuất hiện Ta-bà,
Chân giáo thể phương này,
Thanh tịnh nơi tiếng, nghe.
Muốn vào được chánh định,
Thật do nơi nghe vào.
Lìa khổ được giải thoát,
Hay thay! Quán Thế Âm,
Trong hàng sa số kiếp
Vào cõi Phật vi trần,
Được sức đại tự tại,
Vô úy thí chúng sanh.
Diệu âm, Quán thế âm,
Phạm âm, Hải triều âm,
Cứu đời thầy an ổn,
Xuất thế, được thường trụ.

b. Nhĩ căn viên thông nhất
Nay con bạch Như Lai,
Như Quán Âm đã nói:
Ví như người chỗ vắng,
Mười phương đồng đánh trống,
Mười chỗ đồng thời nghe,
Đây viên thông chân thật.
Mắt bị ngăn chẳng thấy,
Miệng, mũi cũng như thế.
Thân do hợp mới biết,
Tâm lăng xăng không mối.

Cách vách vẫn nghe tiếng,
Xa gần đều nghe được,
Năm căn không thể bằng,
Đây viên thông chân thật.
Âm thanh có động tịnh,
Trong nghe thành có không,
Không tiếng gọi không nghe,
Chẳng phải không tánh nghe.
Không tiếng đã không diệt,
Có tiếng cũng chẳng sanh.
Sanh diệt thấy trọn lìa,
Đây hẳn thường chân thật.
Dù là trong mộng tưởng,
Không chẳng nghĩ mà không,
Giác quán ngoài suy nghĩ,
Thân tâm không bị kịp.
Nay cõi Ta-bà này,
Dùng tiếng luận bàn rõ,
Chúng sanh quên gốc nghe
Theo tiếng nên lưu chuyển.
A-nan dù nhớ giỏi,
Không khỏi mắc tà niệm
Đâu chẳng theo chỗ chìm,
Xoay dòng được không vọng.
A-nan! Ông lắng nghe,
Tôi nương oai lực Phật
Tuyên nói Kim cang vương
Như huyền chẳng nghĩ bàn
Chân tam-muội, Phật mẫu.
Ông nghe môn bí mật
Chư Phật như vi trần,
Trước không trừ dục lậu
Chứa nghe thành lỗi lầm.
Dùng nghe nhớ lời Phật,
Sao không nghe tánh nghe?
Nghe chẳng tự nhiên sanh,
Nhân tiếng có danh tự.
Xoay nghe thoát được tiếng,
Hay thoát, gọi tên gì?
Một căn đã về nguồn,
Sáu căn thành giải thoát.
Thấy nghe, bệnh mắt huyền,
Ba cõi như không hoa.
Nghe lại, bệnh mắt trừ,
Trần tiêu, giác viên tịnh.
Sạch tốt, sáng thông suốt,
Tịch chiếu trùm hư không.
Trở lại xem thế gian
Giống như việc trong mộng.
Ma-đăng-già trong mộng,
Ai giữ được thân ông?

Huyễn sư giỏi ở đời
Huẩn tạo ra nam nữ.
Tuy thấy các căn động,
Cốt do một máy giặt.
Máy dừng, về yên lặng,
Các huẩn thành không tánh.
Sáu căn cũng như thế,
Vốn nương một tinh minh
Phân thành sáu hòa hợp,
Một thôi dứt trở về
Sáu dụng không thành lập.
Trần cấu liền đó tiêu,
Thành tròn sáng sạch màu,
Còn trần còn hữu học
Sáng tốt là Như Lai.
Đại chúng và A-nan,
Xoay ngược lại máy nghe
Nghe lại tự tánh nghe,
Tánh thành đạo Vô thượng.
Viên thông thật như vậy.
Đường vào cửa Niết-bàn
Của chư Phật vi trần.
Chư Như Lai quá khứ
Từ cửa này thành tựu.
Chư Bồ-tát hiện tại
Nay đều vào viên minh.
Người tu học vị lai
Phải y pháp như thế.
Tôi cũng trong ấy chứng,
Không chỉ Quán Thế Âm.
Thật như Phật Thế Tôn
Hỏi con các phương tiện,
Để cứu người mạt pháp
Cầu ra khỏi thế gian,
Thành tựu tâm Niết-bàn,
Quán Thế Âm bậc nhất.
Còn các phương tiện khác
Đều nhờ oai thần Phật.
Ngay sự, bỏ trần lao,
Chẳng phải thường tu học.
Sâu cạn đồng nói pháp.
Đảnh lễ Như Lai tạng
Vô lậu chẳng nghĩ bàn,
Nguyện gia bị đời sau
Nơi môn này không lầm.
Phương tiện dễ thành tựu
Đem chỉ dạy A-nan,
Người trầm luân mạt kiếp
Chỉ dùng căn này tu,
Viên thông hơn tất cả,
Tâm chân thật như thế.

Khi ấy A-nan và đại chúng thân tâm sáng tỏ, nhận được sự chỉ bày rõ ràng, xem Đại Niết-bàn và Bồ-đề của Phật cũng giống như người có việc đi xa chưa trở về được, nhưng đã biết rõ con đường về nhà rồi. Khắp cả đại chúng, thiên long bát bộ, hàng Nhị thừa hữu học và tất cả những người mới phát tâm Bồ-tát, số lượng bằng mười số cát sông Hằng đều được bản tâm, xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh.

Tánh Tỳ-kheo-ni nghe nói bài kệ rồi, liền được quả A-la-hán. Chúng sanh vô lượng đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

VI. KHUÔN PHÉP TU HÀNH

A-nan chỉnh sửa y phục, ở trong đại chúng chấp tay đánh lễ Phật, dấu tâm tròn sáng, buồn vui lẫn lộn, vì muốn làm lợi ích cho các chúng sanh đời sau, cúi đầu bạch Phật: – Bạch Thế Tôn đấng Đại bi, nay con đã ngộ được pháp môn thành Phật, trong ấy tu hành, không còn nghi ngờ gì nữa. Con thường nghe Như Lai nói thế này: mình chưa được độ, trước lo độ người là Bồ-tát phát tâm; còn chính mình đã được giác ngộ viên mãn, rồi hay giác ngộ cho người khác là Phật ra đời. Con tuy chưa được độ mà nguyện độ tất cả chúng sanh ở đời mạt pháp.

Bạch Thế Tôn, các chúng sanh này cách Phật dần xa, tà sư nói pháp nhiều như số cát sông Hằng. Muốn nhiếp tâm người kia vào chánh định, làm sao khiến họ an lập được đạo tràng, xa lìa các ma sự, đối với tâm Bồ-đề được không thối chuyển?

Khi ấy đức Thế Tôn ở trong đại chúng khen ngợi A-nan: – Lành thay! Lành thay! Như lời ông hỏi về cách an lập đạo tràng để cứu độ chúng sanh chìm đắm ở trong đời mạt kiếp. Nay ông lắng nghe, ta sẽ vì ông mà nói.

A-nan và đại chúng lặng yên chờ nghe Phật dạy.

1. Nghĩa quyết định về đoạn tâm dâm

Phật bảo A-nan: – Ông thường nghe ta ở trong giới luật tuyên nói tu hành có ba nghĩa quyết định, đó là: nhiếp tâm là giới, nhân giới sanh định, nhân định phát tuệ. Đây gọi là ba Vô lậu học.

Này A-nan, thế nào là nhiếp tâm, ta gọi là Giới?

Nếu chúng sanh trong sáu đường ở các thế giới, tâm họ chẳng khởi dâm dục thì không theo đó mà sanh tử tiếp nối.

Ông tu chánh định, vốn để ra khỏi trần lao, nếu tâm dâm dục không trừ thì không thể ra khỏi được.

Dù có nhiều trí tuệ, thiền định hiện tiền, nếu như chẳng đoạn tâm dâm thì chắc hẳn rơi vào đường ma. Hạng trên là ma vương, hạng giữa là ma dân, hạng thấp là ma nữ.

Những loại ma kia cũng có đồ chúng. Mỗi mỗi loại ma đều tự cho là đã thành đạo Vô thượng rồi.

Sau khi ta diệt độ, trong thời mạt pháp, có nhiều loại ma dâm này hưng thịnh ở thế gian. Phần nhiều làm việc tham dâm mà cho là thiện tri thức, khiến các chúng sanh rơi vào hầm ái kiến, mất con đường Bồ-đề.

Ông dạy người đời tu về chánh định, trước phải đoạn tâm dâm. Đây gọi là lời dạy sáng suốt thanh tịnh, quyết định đệ nhất của Như Lai, Phật Thế Tôn trước.

Thế nên A-nan, nếu người không đoạn dâm mà tu thiền định thì giống như nấu cát đá mà muốn thành cơm. Dù trải qua trăm ngàn kiếp cũng chỉ gọi là cát đá nóng thôi. Vì sao? Vì đó là cát đá, không phải là bản nhân của cơm. Ông dùng thân dâm để cầu diệu quả Phật thì dù được diệu ngộ cũng đều

là gốc dâm mà thôi. Cội gốc đã thành dâm thì phải luân chuyển trong ba đường, ắt không thể ra khỏi, vậy quả Niết-bàn của Như Lai do con đường nào mà tu chứng? Hẳn phải khiến thân tâm đều đoạn hết gốc dâm, tánh đoạn cũng không thì đối với Bồ-đề Phật, người này có thể hy vọng được.

Như lời ta nói đây gọi là Phật nói, không như lời nói này tức là ma Ba-tuần nói.

2. Nghĩa quyết định về đoạn tâm giết hại

Này A-nan, lại chúng sanh trong sáu đường trên các thế giới, không có tâm sát hại thì không theo đó mà tiếp tục sanh tử. Ông tu chánh định vốn muốn ra khỏi trần lao, không trừ tâm sát hại thì không thể ra khỏi trần lao. Dù có nhiều trí tuệ, thiền định hiện tiền, nếu không dứt trừ tâm sát ắt rơi vào thần đạo. Người bậc trên thành đại lực quý, bậc giữa làm phi hành được-xoa, các loài quý soái v.v..., bậc dưới làm địa hành la-sát.

Các loài quý thần kia cũng có đồ chúng, mỗi mỗi đều tự cho là đã thành đạo Vô thượng. Sau khi ta diệt độ, ở trong đời mạt pháp, phần nhiều các loại quý thần này hưng thịnh ở thế gian, tự nói ăn thịt được đạo Bồ-đề.

Này A-nan, ta cho phép các thầy Tỳ-kheo ăn ngũ tịnh nhục. Thịt này đều do thần lực của ta biến hóa mà sanh ra, vốn không có mạng căn. Xứ Bà-la-môn các ông đất phần nhiều nóng ướt, lại thêm cát sỏi nên rau cỏ không thể sanh sống. Ta do lòng đại bi, dùng sức thần lực mà gia bị. Nhân lòng đại từ bi giả gọi là thịt, các ông mới được cái vị kia.

Tại sao sau khi Như Lai diệt độ, người ăn thịt chúng sanh mà gọi là Thích tử! Các ông phải biết, người ăn thịt ấy dù tâm được khai mở, giống như được chánh định, đều là đại la-sát. Khi báo thân mạng chung, ắt chìm trong biển khổ sanh tử, không phải là đệ tử của Phật. Người như thế giết nhau, ăn nuốt lẫn nhau chưa thôi dứt, làm sao người ấy được ra khỏi tam giới?

Ông dạy người đời tu chánh định, kể đó phải dứt trừ sát sanh. Đây gọi là lời dạy rõ ràng, thanh tịnh, quyết định thứ hai của Như Lai, Phật Thế Tôn trước. Thế nên A-nan, nếu người không dứt trừ giết hại mà tu thiền định, cũng giống như có người tự bít kín lỗ tai của mình rồi lớn tiếng kêu to mà mong người khác chẳng nghe. Những người này gọi là muốn ẩn mà càng lộ ra.

Những Tỳ-kheo thanh tịnh và các vị Bồ-tát đi trên con đường nhỏ còn không đạp cỏ tươi, huống là lấy tay nhổ. Tại sao người có lòng đại bi lại lấy máu thịt của chúng sanh mà ăn cho no?

Nếu các vị Tỳ-kheo không mặc tơ lụa phương đông và dùng những giày dép, áo lông cừu, sữa, tô lạc, đề-hồ v.v... cõi này, những Tỳ-kheo như thế ở trong đời này thật là giải thoát, trả xong nợ đời trước rồi thì không còn đi trong tam giới nữa.

Vì sao? Dùng những phần của thân chúng sanh đều chịu duyên nợ với chúng. Như những người ăn trăm thứ cốc gạo ở trong đất thì chân họ cũng không rời đất. Quyết khiến thân tâm đối với các chúng sanh, hoặc toàn thân hoặc bộ phận của thân, hai đường thân tâm đều không mặc, không ăn, ta nói người ấy thật là giải thoát.

Như lời ta nói đây gọi là Phật nói, không như lời nói này tức là ma Ba-tuần nói.

3. Nghĩa quyết định về đoạn tâm trộm cắp

Lại nữa này A-nan, chúng sanh trong sáu đường trên các thế giới, tâm họ không trộm thì không theo đó mà tiếp tục sanh tử. Ông tu chánh định vốn muốn ra khỏi trần lao, nếu không trừ tâm trộm thì không thể ra khỏi trần lao được. Dù có nhiều trí tuệ, thiền định hiện tiền, nếu không dứt trừ tâm trộm cắp ắt rơi vào đường tà. Hạng trên làm tinh linh, hạng giữa làm yêu mị, còn hạng dưới làm

người tà, bị các loài quỷ mị dựa. Những bọn tà kia cũng có đồ chúng, mỗi mỗi tự bảo là thành đạo Vô thượng.

Sau khi ta diệt độ, trong đời mạt pháp, phần nhiều loài yêu tà này hưng thịnh ở thế gian. Chúng ẩn nấp gian dối xưng là thiện tri thức, mỗi người tự nói đã được pháp thượng nhân, lừa gạt người không biết, khủng bố khiến cho tâm sợ sệt. Chỗ họ đi qua, những nhà kia thường hao tài tổn của.

Ta dạy các thầy Tỳ-kheo theo thứ lớp đi khát thực, khiến bỏ lòng tham để thành đạo Bồ-đề.

Các thầy Tỳ-kheo không tự nấu ăn, gửi đồi tàn này làm người khách tạm ở trong tam giới, hiện thân một lần qua lại, đi rồi không trở lại. Tại sao kẻ giả mạo mượn y phục của ta mà mua bán Như Lai? Tạo các thứ nghiệp đều nói là Phật pháp, lại chê bai những người xuất gia thọ giới Cụ túc làm Tỳ-kheo là đạo Tiểu thừa. Do đó làm vô lượng chúng sanh nghi lầm, đọa trong địa ngục Vô gián.

Sau khi ta diệt độ, nếu có những Tỳ-kheo phát tâm quyết định tu thiền định, hay ở trước hình tượng Như Lai, đốt thân làm một ngọn đèn, hoặc đốt một ngón tay, hay ở trên thân đốt một liều hương. Ta nói người ấy, nợ trước từ vô thủy một lúc đều trả xong, từ biệt thế gian, vĩnh viễn thoát khỏi các lậu.

Người ấy tuy chưa sáng tỏ con đường Vô thượng giác, nhưng đối với pháp đã có tâm quyết định. Nếu chẳng làm cái nhân nhỏ xả thân này thì dù có thành tựu vô vi ắt cũng còn trở lại sanh làm người để trả nợ đời trước, như ta bị nạn mã mạch, thật không sai khác. Ông dạy người thế gian tu về chánh định, sau phải dứt trừ trộm cắp. Đây gọi là lời dạy rõ ràng, thanh tịnh, quyết định thứ ba của Như Lai, Phật Thế Tôn trước.

Thế nên A-nan, nếu không dứt trừ trộm cắp mà tu thiền định thì giống như có người rót nước vào cái chén lủng, mong cho nó được đầy, dù trải qua số kiếp như vi trần, trọn không thể đầy được.

Nếu các Tỳ-kheo, ngoài y bát ra, một phân một tấc gì cũng không được tích chứa. Khất thực phần còn dư nên bố thí cho các chúng sanh đói. Ở những chỗ chúng tăng nhóm họp đông đảo thì nên chấp tay lễ chúng. Nếu có người đánh chửi mình thì coi như là khen ngợi.

Quyết buông bỏ cả thân và tâm. Xem thân thịt xương máu mình cùng giống với chúng sanh. Không đem lời dạy bất liễu nghĩa của Như Lai lại làm chỗ hiểu của mình, khiến người mới học lầm lạc. Phật ẩn chứng người này được chánh định chân thật. Như lời ta nói gọi là Phật nói, không như lời này tức là ma Ba-tuần nói.

4. Nghĩa quyết định về đoạn trừ đại vọng ngữ

Này A-nan, như thế những chúng sanh trong sáu đường trên các thế giới, tuy thân tâm không sát sanh, trộm cắp, dâm dục, ba hạnh đã tròn, nếu đại vọng ngữ tức chánh định không được thanh tịnh, thành ma ái kiến, mất hạt giống Như Lai. Nghĩa là chưa được nói đã được, chưa chứng nói đã chứng. Hoặc mong người thế gian tôn trọng mình bậc nhất, ở trước người, nói: Nay ta đã được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, đạo A-la-hán, thừa Bích-chi Phật, hoặc các vị Bồ-tát Thập địa, trước Thập địa v.v... Mong những người kia lễ bái, tham sự cúng dường của họ. Đây là một kẻ ngu si, tiêu diệt hạt giống Phật. Như người dùng dao chặt cây đa-la, Phật ẩn ký người này mất hẳn căn lành, không còn chánh tri kiến, chìm trong ba biển khổ, không thành được chánh định.

Ta dạy các Bồ-tát và A-la-hán sau khi ta diệt độ, ứng thân sanh trong đời mạt pháp kia, hiện các hình tướng để độ những người trầm luân. Hoặc làm Sa-môn, bạch y cư sĩ, vua quan, đồng nam đồng nữ, như thế cho đến làm dân nam dân nữ, quả phụ, kẻ gian dối, trộm cắp, đồ tể, buôn bán, cùng làm việc với họ, nhưng tán thán Phật thừa khiến cho thân tâm những người kia được vào chánh định. Trọn không tự nói ta thật là Bồ-tát, thật là A-la-hán, tiết lộ mật nhân của Phật, khinh xuất nói với

những người chưa học, chỉ trừ khi sắp chết thắm có những lời di chúc, làm sao nói người này lừa gạt chúng sanh, thành tội đại vọng ngữ?

Ông dạy người đời tu chánh định, về sau lại đoạn trừ các đại vọng ngữ. Ấy gọi là lời dạy rõ ràng, thanh tịnh, quyết định thứ tư của Như Lai, Phật Thế Tôn trước. Thế nên A-nan, nếu không đoạn đại vọng ngữ kia thì như kẻ lấy phân người làm hình chiên-đàn, mong muốn có mùi thơm, điều đó không bao giờ được.

Ta dạy các thầy Tỳ-kheo tâm ngay thẳng là đạo tràng. Nơi bốn oai nghi, trong tất cả hạnh còn không được giả dối, thì làm sao tự xưng đã được pháp thượng nhân?

Ví như người nghèo khó mà dối xưng mình là đế vương, tự chuốc tội tru diệt, hưởng là Pháp vương, vì sao mà dám dối xưng? Nhân không chân chánh thì phải chuốc lấy quả cong vạy. Những người đó mà cầu Bồ-đề của Phật thì giống như người muốn cắn rốn mình, làm sao mà thành tựu! Nếu các Tỳ-kheo tâm như sợi dây đàn thẳng, tất cả đều chân thật vào chánh định, hằng không có các ma sự. Ta ấn chứng cho người này sẽ thành tựu tri giác Vô thượng của Bồ-tát. Như lời ta nói gọi là Phật nói, không như lời này tức là ma Ba-tuần nói.

Này A-nan, nay ông hỏi pháp nhiếp tâm, ta trước đã nói người muốn vào chánh định, tu học diệu môn, cầu đạo Bồ-tát, đầu tiên cần phải giữ bốn thứ luật nghi này trong sạch như băng tuyết, tự không thể sanh tất cả cảnh lá. Ba nghiệp của tâm, bốn nghiệp của miệng, hẳn không có nhân để sanh.

Này A-nan, bốn việc như thế nếu không thiếu sót, tâm còn không duyên nơi sắc hương vị xúc, thì tất cả ma sự làm sao phát sanh.

Nếu người có các tập khí đời trước không thể diệt trừ, ông dạy người ấy nhất tâm tụng Vô thượng thần chú Phật Đảnh Quang Minh Ma-ha Tát-đát-đa Bát-đát-la của ta. Đây là tâm chú từ Vô kiến đánh tướng của Như Lai, cũng là tâm Phật vô vi, từ đánh mà phát sáng, ngồi trên hoa sen báu nói ra.

Vả lại, đời trước ông cùng Ma-đăng-già có nhân duyên nhiều kiếp, tập khí ân ái chẳng phải một đời hay một kiếp. Ta một phen tuyên dương thần chú này thì Ma-đăng-già thoát hẳn tâm ái, thành quả A-la-hán. Ma-đăng-già là dâm nữ, không có tâm tu hành, nhờ sức thần chú thầm giúp mà chóng chứng quả vô học. Vậy thì các ông hàng Thanh văn ở trong hội, cầu Tối thượng thừa quyết định thành Phật, ví như người tung bụi theo gió xuôi, có gì khó khăn?

Nếu ở đời mật pháp, có người muốn ngồi đạo tràng tu tập, trước phải giữ cấm giới của Tỳ-kheo cho thanh tịnh. Cần phải lựa chọn một vị Sa-môn giới đức thanh tịnh đệ nhất để làm thầy mình. Nếu người kia không gặp được một vị tăng thật thanh tịnh thì giới luật nghi của người ấy ắt không thành tựu. Sau khi giới đã thành, mặc y mới sạch sẽ, đốt hương, ở chỗ yên lặng tụng thần chú từ tâm Phật nói ra một trăm lẻ tám biến. Sau đó mới kết giới, dựng lập đạo tràng cầu Vô thượng Như Lai hiện đang ở các cõi nước mười phương phóng ánh sáng đại bi đến rọi trên đánh đầu mình.

Này A-nan, những Tỳ-kheo hoặc Tỳ-kheo-ni, cư sĩ thí chủ thanh tịnh trong đời mật pháp như thế, tâm đã diệt tham dâm, giữ giới Phật được thanh tịnh, ở trong đạo tràng phát hạnh nguyện Bồ-tát. Ra vào, tắm gội, sáu thời hành đạo như thế, không ngủ nghỉ, trải qua hai mươi một ngày. Ta tự hiện thân đến trước người kia, xoa đánh an ủi, khiến người đó được khai ngộ.

I. PHÉP TẮC LẬP ĐẠO TRÀNG

A-nan bạch Phật: – Bạch Thế Tôn, con nhờ lời từ bi dạy bảo vô thượng của đức Như Lai mà tâm đã khai ngộ, tự biết con đường tu chứng thành quả vô học. Song những người tu hành trong đời mật

pháp, muốn kiến lập đạo tràng phải kiết giới thế nào để phù hợp với quy tắc thanh tịnh của chư Phật Thế Tôn?

Phật bảo A-nan: – Nếu ở trong đời mạt pháp, người muốn lập đạo tràng, trước phải tìm con bạch ngưu có sức mạnh ở núi Tuyết. Con trâu trắng này ăn cỏ thơm ngon tươi tốt ở trong núi Tuyết và chỉ uống nước trong ở núi Tuyết, nên phân nó rất mịn nhuyễn. Lấy phân bạch ngưu hòa hợp với hương chiên-đàn để quét trên mặt đất. Nếu không phải bạch ngưu ở núi Tuyết thì phân nó hôi nhơ, không thể tô quét trên đất được.

Phải riêng ở nơi đồng bằng, đào bỏ các lớp đất trên mặt, lấy thứ đất màu vàng từ năm thước trở xuống. Rồi lấy mười thứ hương là chiên-đàn, trầm thủy, tô hợp, huân lục, uất kim, bạch giao, thanh mộc, linh lăng, cam tùng và kê thiết nghiền nhỏ làm bột, trộn với đất ấy thành bùn, dùng để tô lên mặt đất nơi đạo tràng, mỗi bề một trượng sáu, thành cái đàn bát giác.

Chính giữa đàn tràng nên đặt một hoa sen làm bằng vàng, bạc, đồng, gỗ. Giữa hoa sen để cái bát, trong bát trước đựng đầy nước mù sương tháng tám và trong nước ấy tùy ý cắm hoa lá hiện có. Rồi lấy tám mặt gương tròn, mỗi cái để mỗi góc, chung quanh hoa sen và bát hoa. Bên ngoài những gương ấy đặt mười sáu hoa sen và giữa các hoa sen để thêm mười sáu lư hương cho trang nghiêm. Trong lư hương đốt thuần hương trầm thủy, không cho thấy lửa.

Lấy sữa bạch ngưu đựng trong mười sáu cái bình, dùng sữa làm bánh nướng với các thứ đường cát, bánh rán, bột sữa, hương tô hợp, mật gừng, bơ tốt, mật tốt, mỗi thứ mười sáu chén đặt vòng quanh ở ngoài hoa sen để cúng dường chư Phật và chư vị đại Bồ-tát. Mỗi khi dùng cơm hoặc lúc giữa đêm, lấy nửa thăng mật và ba cáp bơ, trước đàn để riêng một lò lửa nhỏ, dùng hương đầu-lâu-bà nấu lấy nước thơm rửa sạch than, rồi đốt than đỏ hừng và rót mật, bơ vào trong lò đốt đến hết khói để cúng dường chư Phật Bồ-tát.

Bốn phía bên ngoài treo phan và hoa khắp cả, trong nhà đàn tràng, nơi bốn vách trưng bày hình tượng của Như Lai mười phương và chư Bồ-tát. Chính giữa đàn đặt tượng Phật Lô-xá-na, Phật Thích-ca, Phật Di-lặc, Phật A-súc, Phật Di-đà và hình tượng đại biến hóa của đức Quán Thế Âm; hai bên trái phải đàn lại để thêm các vị Kim Cang Tạng Bồ-tát; những tượng Đế-thích, Phạm vương, Ô-sô-sắt-ma, Lam-địa-ca, Quân-trà-lợi, Tỳ-cu-tri và Tứ thiên vương, Tàn-na, Dạ-ca v.v... an trí ở hai bên cửa. Lại lấy tám tấm gương treo úp trên hư không, mặt gương này đối chiếu với tám gương trước đã đặt trong đàn, làm cho các hình ảnh lớp lớp lồng nhau.

Trong bảy ngày đầu, chí thành đánh lễ danh hiệu Như Lai mười phương, chư vị đại Bồ-tát và A-la-hán. Thường trong sáu thời đi quanh đàn tụng chú, chí tâm hành đạo, mỗi thời thường tụng một trăm lễ tám biến. Trong bảy ngày tuần thứ hai, một bề chuyên tâm phát nguyện Bồ-tát, tâm không gián đoạn, trong luật nghi, ta trước đã có dạy phát nguyện. Trong bảy ngày tuần thứ ba, cả mười hai thời một bề trì chú Bát-đát-ra của Phật, đến ngày thứ bảy thì Như Lai mười phương đồng thời xuất hiện trong chỗ ánh sáng các mặt gương giao xen, được Phật xoa đánh. Liền ở nơi đạo tràng đó tu pháp chánh định, có thể khiến cho người tu học như vậy trong đời mạt pháp, thân tâm được sáng suốt trong sạch như ngọc lưu ly.

A-nan, nếu vị giới sư truyền giới cho Tỳ-kheo này, hay trong mười vị Tỳ-kheo đồng hội, trong ấy có một người giới hạnh không được thanh tịnh, đạo tràng như thế phần nhiều không được thành tựu.

Từ hai mươi mốt ngày về sau, ngồi nghiêm trang, an cư trải qua một trăm ngày, nếu người lợi căn không rời khỏi chỗ ngồi, liền được quả Tu-đà-hoàn. Dù thân tâm người ấy chưa thành tựu quả thánh, nhưng đã quyết định tự biết sẽ thành Phật, không sai.

Ông hỏi phương pháp kiến lập đạo tràng là như vậy.

II. TUYÊN THUYẾT THẦN CHÚ

A-nan đánh lễ nơi chân Phật, bạch đức Phật rằng: – Từ khi xuất gia, con ý lại lòng thương yêu của Phật, chỉ lo học nhiều nêu chưa chứng được pháp vô vi, mới gặp tà thuật của Phạm Thiên kia bắt giữ. Tâm con tuy sáng suốt mà sức chẳng tự do, nhờ gặp ngài Văn-thù khiến con được giải thoát. Tuy con thầm nhờ sức thần chú Phật đánh của Như Lai, nhưng chính mình chưa được nghe. Cúi mong Phật mở lòng đại từ nói lại thần chú ấy, để cứu giúp những người tu hành trong hội này và ở đời mạt pháp tương lai, những người còn trong luân hồi, nhờ mật âm của Phật mà thân ý được giải thoát.

Lúc ấy tất cả đại chúng trong hội thấy đều làm lễ, chờ nghe những câu chú bí mật của Như Lai.

Khi ấy từ trên nhục kế của đức Thế Tôn phóng ra hào quang trăm báu, trong hào quang hiện ra hoa sen báu ngàn cánh, có hóa thân đức Như Lai ngồi trong hoa sen báu, trên đánh phóng ra mười đạo hào quang trăm báu, mỗi mỗi hào quang đều hiện ra những vị Kim Cang Mật Tích, bằng mười số cát sông Hằng, bưng núi cầm chày đầy khắp cõi hư không. Đại chúng ngược lên xem, vừa mừng vừa sợ, cầu xin Phật thương xót che chở, một lòng lắng nghe, đức Như Lai phóng quang nơi vô kiến đánh tướng của Phật, tuyên nói thần chú:

1. Đệ nhất

Nam mô tát đa tha, tô già đa da a ra ha đế, tam-miêu tam bồ-đà-tỏa. Tát đất tha Phật đà cu tri sắc ni sam. Nam mô tát bà bột đà bột địa, tát đa bệ tệt. Nam mô tát đa nẫm tam miêu tam bồ đà, cu tri nẫm. Ta xá ra bà, ca tăng già nẫm.

Nam mô Lô kê A-la-hán đa nẫm. Nam mô tô lô đa ba na nẫm. Nam mô ta yết rị đà già di nẫm. Nam mô lô kê tam miêu già đa nẫm. Tam miêu già bà ra đế ba đa na nẫm. Nam mô đề bà ly sắc nỏa. Nam mô tát đà da tỳ địa da đà ra ly sắc nỏa.

Xá ba noa yết ra ha, ta ha ta ra ma tha nẫm. Nam mô bạt ra ha ma ni. Nam mô nhờn đà ra da. Nam mô bà già bà đế Lô đà ra da. Ô ma bát đế, Ta hê dạ da. Nam mô bà già bà đế. Na ra dả noa da. Bàn giá ma-ha tam mộ đà ra. Nam mô tất yết rị đa da.

Nam mô bà già bà đế, Ma ha ca ra da. Địa rị bác lặc na già ra. Tỳ đà ra ba noa ca ra da. A địa mục đế. Thi ma xá na, nê bà tất nê. Ma đất rị già noa. Nam mô tất yết rị đa da. Nam mô bà già bà đế. Đa tha già đa câu ra da. Nam mô bát đầu ma câu ra da.

Nam mô bạc xà ra câu ra da. Nam mô ma ni câu ra da. Nam mô già xà câu ra già, Nam mô bà già bà đế, Đế rị trà du ra tây na, Ba ra ha ra noa ra xà da, Đa tha già đa da. Nam mô bà già bà đế. Nam mô A di đà bà da, Đa tha dà đa da, A ra ha đế, Tam miêu tam-bồ-đà da.

Nam mô bà già bà đế, A xô bệ da, Đa tha già đa da, A ra ha đế, Tam-miêu tam-bồ-đà da. Nam mô bà già bà đế, Bệ xa xà da, câu lô phê trụ rị da, Bát ra bà ra xà da, Đa tha già đa da. Nam mô bà già bà đế, Tam bồ sư bí đa, Tát lân nại ra lặc xà da, Đa tha già đa da, A ra ha đế, Tam-miêu tam-bồ-đà da.

Nam mô bà già bà đế, Xá kê dã mẫu na duệ, Đa tha già đa da, A ra ha đế, Tam-miêu tam-bồ-đà da. Nam mô bà già bà đế, Lặc đất na kê đô ra xà da, Đa tha già đa da, A ra ha đế, Tam-miêu tam-bồ-đà da, Đế biều, nam mô tát yết rị đa, Ế đàm bà giá bà đa, Tát đác tha già đô sắc ni sam, Tát đác đa bát đác lam.

Nam mô a bà ra thị đàm, Bác ra đế dương kỳ ra, Tát ra bà bộ đa yết ra ha, Ni yết ra ha yết ca ra ha ni, Bạt ra bí địa da sát đà nễ, A ca ra mật rị trụ, Bát rị đất ra da nảnh yết rị, Tát ra bà bàn đà na mục xoa ni, Tát ra bà đột sắc tra.

Đột tất phạp bát na nể phạp ra ni, Giả đô ra thất đế nể, Yết ra ha ta ha tát ra nhã xà, Tỳ đa băng ta na yết rị, A sắc tra băng xá đế nể, Na xoa sát đác ra nhã xà, Ba ra tát đà na yết rị, A sắc tra nể, Ma ha yết ra ha nhã xà, Tỳ đa băng tát na yết rị, Tát bà xá đô lô nể bà ra nhã xà.

Hồ lam đột tất phạp, nan giá na xá ni, Bí sa xá tất đác ra, A kiết ni ô đà ca ra nhã xà, A bát ra thị đa câu ra Ma ha bác ra chiến trì, Ma ha điệp đa, Ma ha đế xà, Ma ha thuế đa xà bà ra, Ma ha bạt ra bàn đà ra bà tất nể, A rị đa đa ra, Tỳ rị câu tri, Thệ bà tỳ xà da, Bạt xà ra ma lễ đế, Tỳ xá lô đa.

Bột đằng đồng ca, Bạt xà ra chế hắc na a giá, Ma ra chế bà bát ra chất đa, Bạt xà ra thiện trì, Tỳ xá ra giá, Phiến đa xá bệ đề bà bồ thị đa, Tô ma lô ba, Ma ha thuế đa, A rị đa đa ra, Ma ha bà ra a bác ra, Bạt xà ra thương yết ra chế bà, Bạt xà ra câu ma rị, Câu lam đà rị.

Bạt xà ra hất tát đa giá Tỳ địa gia kiền giá na ma rị ca, Khuất tô mẫu bà yết ra đá na, Bệ lô giá na câu rị da, Dạ ra thổ sắc ni sam, Tỳ chiếc lam bà ma ni giá, Bạt xà ra ca na ca ba ra bà, Lô xà na bạt xà ra đốn trị giá, Thuế đa giá ca ma ra Sát xa thi ba ra bà, Ế đế di đế, Mẫu đà ra yết noa, Ta bệ ra sám, Quật phạm đô, Ấn thổ na mạ mạ tỏa.

2. Đệ nhị

Ô hồng, Rị sắc yết noa, Bác lặc xá tất đa, Tát đác tha già đô sắc ni sam. Hồ hồng, Đô lô ung Chiêm bà na. Hồ hồng, Đô lô ung Tất đam bà na. Hồ hồng, Đô lô ung Ba ra sắc địa da tam bác xoa noa yết ra.

Hồ hồng, Đô lô ung, Tát bà được xoa hất ra sát ta, Yết ra ha nhã xà, Tỳ đằng băng tát na yết ra. Hồ hồng, Đô lô ung, Giả đô ra thi đế nể, Yết ra ha ta ha tát ra nể, Tỳ đằng băng tát na ra.

Hồ hồng, Đô lô ung, Ra xoa, Bà già phạm Tát đác tha già đô sắc ni sam, Ba ra điếm xà kiết rị, Ma ha ta ha tát ra, Bột thọ ta ha tát ra thất rị sa, Câu tri ta ha tát nê đế lệ, A tề đề thị bà rị đa, Tra tra anh ca Ma ha bạt xà lô đà ra, Đế rị bồ bà na, Man trà ra, Ô hồng, Ta tất đế bạt bà đô, Mạ mạ Ấn thổ na mạ mạ tỏa.

3. Đệ tam

Ra xà bà dạ, Chủ ra bạt dạ, A kỳ ni bà dạ, Ô đà ca bà dạ, Tỳ xa bà dạ, Xá tát đa ra bà dạ, Bà ra chúc yết ra bà dạ, Đột sắc xoa bà dạ, A xá nể bà dạ, A ca ra mật rị trụ bà dạ, Đà ra ni bộ di kiếm ba già ba đà bà dạ, Ô ra ca bà đa bà dạ, Lặc xà đàn trà bà dạ, Na già bà dạ, Tỳ điều đất bà dạ, Tô ba ra noa bà dạ.

Dược xoa yết ra ha, Ra xoa tư yết ra ha, Tất rị đa yết ra ha, Tỳ xá giá yết ra ha, Bộ đa yết ra ha, Cưu bàn trà yết ra ha, Bồ đơn na yết ra ha, Ca tra bồ đơn na yết ra ha, Tất kiền độ yết ra ha, A bá tất ma ra yết ra ha, Ô đàn ma đà yết ra ha, Xa dạ yết ra ha, Hê rị bà đế yết ra ha.

Xả đa ha rị nể, Yết bà ha rị nể, Lô địa ra ha rị nể, Mang ta ha rị nể, Mê đà ha rị nể, Ma xà ha rị nể, Xà đa ha rị nữ, Thị tỷ đa ha rị nể, Tỳ đa ha rị nể, Bà đa ha rị nể, A du dá ha rị nữ, Chất đa ha rị nữ, Đế sam tát bệ sam, Tát bà yết ra ha nể, Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, Kê ra dạ di.

Ba rị bạt ra giả ca hất rị đờm, Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, Kê ra dạ di, Trà diễn ni hất rị đờm, Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, Kê ra dạ di, Ma ha bát du bát đác dạ, Lô đà ra hất rị đờm, Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, Kê ra dạ di, Na ra dạ noa hất rị đờm, Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, Kê ra dạ di.

Đát đoà già lô trà tây hất rị đờm, Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, Kê ra dạ di, Ma ha ca ra ma đác rị già noa hất rị đờm, Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, Kê ra dạ di, Ca ba rị ca hất rị đờm, Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, Kê ra dạ di, Xà dạ yết ra, ma độ yết ra Tát bà ra tha ta đạt na hất rị đờm.

Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, Kê ra dạ di, Giả đốt ra bà kỳ nể hất rị đờm, Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, Kê ra dạ di, Tỳ rị dương hất rị tri, Nan đà kê sa ra dà noa bác đế, Sách hê dạ hất rị đờm, Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, Kê ra dạ di, Na yết na xá ra ba noa hất rị đờm.

Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, Kê ra dạ di, A-la-hán hất rị đờm, Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, Kê ra dạ di, Tỳ đà ra già hất rị đờm, Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, Kê ra dạ di, Bạt xà ra ba nể, Câu hê dạ, câu hê dạ Ca địa bát đế hất rị đờm, Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di Kê ra dạ di, Ra xoa võng, Bà dà phạm, Ấn thổ na mạ mạ tỏa.

4. Đệ tứ

Bà dà phạm, Tát đát đa bát đát ra, Nam-mô tỷ đô đế, A tát đa na ra lạc ca, Ba ra bà tất phổ tra, Tỳ ca tát đát đa bát đế rị, Thập Phật ra thập Phật ra, Đà ra đà ra, Tần đà ra tần đà ra, sân đà sân đà. Hổ hồng.

Hổ hồng, Phấn tra, Phấn tra, phấn tra, phấn tra, phấn tra, Ta ha, Hê hê phấn, A mâu ca da phấn, A ba ra đề ha da phấn, Ba ra bà ra đà phấn, A tố ra tỳ đà ra ba ca phấn, Tát bà đề bệ tộ phấn, Tát bà na già tộ phấn, Tát bà được xoa tộ phấn, Tát bà kiên thát bà tộ phấn, Tát bà bồ đơn na tộ phấn.

Ca tra bồ đơn na tộ phấn, Tát bà đột lang chỉ đế tộ phấn, Tát bà đột sáp tỷ lê hất sắc đế tộ phấn, Tát bà thập bà lê tộ phấn, Tát bà a bá tất ma lê tộ phấn, Tát bà xá ra bà noa tộ phấn, Tát bà địa đế kê tộ phấn, Tát bà đát ma đà kê tộ phấn, Tát bà tỳ đà da ra thệ giá lê tộ phấn, Xà dạ yết ra ma độ yết ra, Tát bà ra tha ta đà kê tộ phấn.

Tỳ địa dạ giá lê tộ phấn, Giả đô ra phược kỳ nể tộ phấn, Bạt xà ra câu ma rị, Tỳ đà dạ ra thệ tộ phấn, Ma ha ba ra đĩnh dương xoa tỳ rị tộ phấn, Bạt xà ra thương yết ra dạ, Ba ra trượng kỳ ra xà da phấn, Ma ha ca ra dạ, Ma ha mặt đát rị ca noa.

Nam mô ta yết rị đa dạ phấn, Tỷ sắc noa tỳ duệ phấn, Bội ra ha mâu ni duệ phấn, A kỳ ni duệ phấn, Ma ha yết rị duệ phấn, Yết ra đàn trì duệ phấn, Miệch đát rị duệ phấn, Lao đát rị duệ phấn, Giá văn trà duệ phấn, Yết la ra đát rị duệ phấn, Ca bát rị duệ phấn, A địa mục chất đa ca thi ma xá na, Bà tư nể duệ phấn, Diễn kiệt chất, Tát đỏa bà tỏa, Mạ mạ ấn thổ na mạ mạ tỏa.

5. Đệ ngũ

Đột sắc tra chất đa, A mặt đát rị chất đa, Ô xà ha ra, Đà ba ha ra, Lô địa ra ha ra, Ta bà ha ra, Ma xà ha ra, Xà đa ha ra, Thị tỷ đa ha ra, Bạt lược dạ ha ra, Kiên đà ha ra, Bồ sử ba ha ra, Phả ra ha ra, Bà tỏa ha ra, Bác ba chất đa, Đột sắc tra chất đa.

Lao đà ra chất đa, Được xoa yết ra ha, Ra sát ta yết ra ha, Bế lệ đa yết ra ha, Tỳ xá giá yết ra ha, Bộ đa yết ra ha, Cưu bàn trà yết ra ha, Tất kiên đà yết ra ha, Ô đát ma đà yết ra ha, Xa dạ yết ra ha, A bá tất ma ra yết ra ha, Trạch Khê cách trà kỳ ni yết ra ha, Rị Phật đế yết ra ha, Xà di ca yết ra ha, Xá câu ni yết ra ha, Lao đà ra nan địa ca yết ra ha, A lam bà yết ra ha, Kiên độ ba ni yết ra ha.

Thập Phật ra yên ca hê ca, Trị đế dược ca, Đát lệ đế dược ca, Giả đột thác ca, Ni đề thập phạt ra, tỷ sam ma thập phạt ra, Bạt đế ca, Tỷ đế ca, Thất lệ sắc mặt ca, Ta nể bát đế ca, Tát bà thập phạt ra, Thất lô kiệt đế, Mạt đà bệ đát lô chế kiểm, A y lô kiểm, Mục Khê lô kiểm.

Yết rị đột lô kiểm, Yết ra ha yết lam, Yết noa du lam, Đản đa du lam, Hất rị dạ du lam, Mạt mạ du lam, Bạt rị thất bà du lam, Tỷ lật sắc tra du lam, Ô đà ra du lam, Yết tri du lam, Bạt tất đế du lam, Ô lô du lam, Thường già du lam, Hắc tất đa du lam, Bạt đà du lam, Ta phòng án già bát ra trượng già du lam.

Bộ đa tỷ đa trà, Trà kỳ ni thập bà ra, Đà đột lô ca kiến đốt lô kiết tri, bà lộ đa tỳ, Tát bát lô ha lăng già, Du sa đất ra, ta na yết ra, Tỳ sa dụ ca, A kỳ ni ô đà ca, Mạt ra bệ ra kiến đa ra, A ca ra mạt rị đốt đất liếm bộ ca, Địa lật lạc tra, Tỳ rị sắc chất ca, Tát bà na câu ra, Tứ dẫn già tỳ, yết ra rị được xoa đác ra sô.

Mạt ra thị, phê đế sam ta bệ sam, Tát đất đa bát đất ra, Ma ha bạt xà lô sắc ni sam, Ma ha bác lạc trường kỳ lam, Dạ ba đột đà xá dụ xà na, Biện đất lệ noa, Tỳ đà đa bàn đàm ca lô di, Đế thù bàn đàm ca lô di, Bát ra tỳ đà bàn đàm ca lô di, Đát điệt tha.

Án, A na lệ, Tỳ xá đề, Bệ ra bạt xà ra đà rị, Bàn đà bàn đà nễ, Bạt xà ra bán ni phần. Hô hồng, đô lô ung phần, Ta bà ha.

III. LỢI ÍCH CỦA TÂM CHÚ

A-nan, những câu nhiệm màu, những kệ bí mật “Tất-đất-đa bát-đất-ra” của hóa thân nơi hào quang trên đánh Phật đó, sanh ra tất cả chư Phật mười phương. Như Lai mười phương nhân chú tâm này được thành Vô thượng chánh biến tri giác. Như Lai mười phương trì chú tâm này trừ dẹp các ma, chế phục các ngoại đạo. Như Lai mười phương nhờ chú tâm này ngồi hoa sen báu ứng hiện trong cõi nước như số vi trần. Như Lai mười phương ngậm chú tâm này ở trong các cõi nước như số vi trần chuyển đại pháp luân. Như Lai mười phương trì chú tâm này hay ở trong mười phương xoa đánh thọ ký, tự mình chưa thành quả vị cũng có thể nơi mười phương nhờ Phật thọ ký.

Như Lai mười phương nương chú tâm này có thể ở trong mười phương cứu vớt các khổ như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, đui điếc câm ngọng; các khổ về oán hờn mà gặp gỡ, khổ yêu thích phải chia lìa, khổ cầu mong không được toại nguyện, khổ năm ấm hưng thịnh, những tai nạn lớn nhỏ đồng thời giải thoát. Nạn giặc cướp, nạn binh, nạn vua, nạn tù giam, nạn gió, lửa, nước, cho đến đói khát nghèo thiếu, liền được tiêu tan.

Như Lai mười phương tùy theo chú tâm này có thể ở trong mười phương phụng sự thiện tri thức, trong bốn oai nghi cúng dường đều như ý, ở trong pháp hội hằng sa Như Lai được suy tôn làm đại Pháp vương tử. Như Lai mười phương thực hành chú tâm này hay ở trong mười phương nhiếp thọ các thân nhân, khiến cho hàng Tiểu thừa nghe tạng bí mật không sanh kinh sợ. Như Lai mười phương tụng chú tâm này thành đạo Vô thượng giác, ngồi dưới cây Bồ-đề, vào đại Niết-bàn. Như Lai mười phương truyền chú tâm này, sau khi diệt độ rồi, phó chúc pháp sự của Phật, được trụ trì rất ráo, giới luật nghiêm tịnh, tất cả đều được trong sạch.

Nếu ta nói chú “Phật đánh quang tụ bát-đất-ra” này, từ sáng đến tối, các tiếng nối nhau, trong đó những chữ những câu cũng không trùng lặp, trải qua hằng sa kiếp trọn không thể hết. Chú này cũng gọi là Như Lai Đánh. Các ông là hàng hữu học chưa hết luân hồi, phát tâm chí thành cầu chứng quả A-la-hán, nếu không trì chú tâm này, khi ngồi đạo tràng khiến cho thân tâm xa rời các ma sự, thì không thể được.

A-nan, nếu các thế giới có những chúng sanh tùy cõi nước mình sanh ra, có các thứ như vỏ cây, hoa, lá cây bối, giấy trắng, bạch diệp, dùng để biên chép chú này, đựng trong túi thơm. Nếu người ấy tối tăm, chưa thể nhớ tụng được, thì hoặc đeo trên thân hoặc viết trong nhà ở, phải biết người ấy trọn đời tất cả các thứ độc không thể hại được.

A-nan, nay ta vì ông tuyên lại chú này để cứu giúp thế gian được đại vô úy và thành tựu trí tuệ xuất thế gian cho chúng sanh.

Nếu sau khi ta diệt độ, chúng sanh đời mạt pháp, có người hay tự mình tụng hoặc dạy người khác tụng chú này, phải biết những chúng sanh trì tụng chú như vậy, lửa không thể đốt cháy, nước không

thể nhận chìm, các thứ độc hại lớn, độc hại nhỏ đều không thể hại được. Như thế cho đến các chú ác dữ của thiên long quỷ thần, tinh kỳ ma mị đều không thể nhập.

Nếu tâm người ấy được chánh thọ thì tất cả bùa chú trù yểm, trùng độc, thuốc độc, kim độc, ngân độc và độc khí muôn vật như cỏ cây, sâu, rắn, khi vào miệng người đó đều thành vị cam lộ. Tất cả ác tinh và các quỷ thần có lòng dữ hại người, đối với người ấy cũng không thể khởi tâm ác được. Tần-na, Dạ-ca, các quỷ vương dữ cùng quyến thuộc của chúng đều nhận lãnh ơn sâu, thường giữ gìn ủng hộ.

A-nan, nên biết chú này thường có tám muôn bốn ngàn na-do-tha ngàn muôn ức hằng hà sa chúng tộc Kim Cang Tạng Vương Bồ-tát. Mỗi mỗi đều có những chúng Kim Cang làm quyến thuộc, ngày đêm theo hầu. Giả sử có chúng sanh tâm còn tán loạn chưa vào được chánh định, mà tâm ghi nhớ, miệng trì tụng chú này, thì các Kim Cang vương thường theo bên các thiện nam tử kia. Huống nữa là người có tâm Bồ-đề quyết định, thì các Kim Cang Tạng Vương Bồ-tát đó dùng tâm tịnh thâm tấn phát thần thức họ, người ấy liền khi đó tâm nhớ lại được tám muôn bốn ngàn hằng hà sa kiếp, rõ biết cùng khắp không nghi lầm.

Từ kiếp thứ nhất cho đến thân cuối cùng, đời đời người ấy không sanh trong loài dục-xoa, la-sát và phú-đơn-na, ca-tra-phú-đơn-na, cư-bàn-trà, tỳ-xá-già v.v... và các loại ngạ quỷ có hình, không hình, có tướng, không tướng, những chỗ dữ như thế. Thiện nam tử này hoặc tụng, hoặc đọc, hoặc viết, hoặc chép, hoặc đeo, hoặc giữ, hoặc dùng nhiều cách cúng dường chú này, thì kiếp kiếp không sanh vào những nơi bần cùng hạ tiện, chỗ không an ổn.

Các chúng sanh này dẫu tự thân không tạo phước nghiệp, mà Như Lai mười phương có các công đức thảy đều cho họ hết. Do đó họ được ở trong những kiếp hằng hà sa a-tăng-kỳ không thể nói không thể nói hết, thường cùng với chư Phật đồng sanh một chỗ, vô lượng công đức nhóm lại như trái ác-xoa, đồng chỗ huân tu, vĩnh viễn không phân tán. Vậy nên có thể khiến người phá giới mà giới căn được thanh tịnh, người chưa được giới khiến cho được giới, người chưa tinh tấn khiến cho được tinh tấn, người không trí tuệ khiến được trí tuệ, người không thanh tịnh khiến mau được thanh tịnh, người không trì trai giới tự thành có trai giới.

A-nan, thiện nam tử ấy khi trì chú này, giả sử lúc chưa trì có phạm cấm giới, từ khi trì chú về sau, các tội phá giới không luận nhẹ hay nặng, nhất thời đều tiêu diệt. Dù đã từng uống rượu, ăn năm thứ cay hôi, các thứ không sạch, tất cả chư Phật, Bồ-tát, Kim Cang, thiên tiên, quỷ thần, không cho là có lỗi. Dù mặc y phục rách nát không sạch, thì mỗi việc đi hay đứng thảy đều đồng thanh tịnh. Dù không lập đàn, không vào đạo tràng, cũng không hành đạo, thì trì tụng chú này lại đồng như vào đạo tràng hành đạo, công đức không khác. Nếu tạo những tội trọng ngũ nghịch vô gián và tội “tứ khí”, “bát khí” của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, tụng chú này rồi, cũng như gió mạnh thổi tan đồng cát, những nghiệp nặng như vậy đều diệt trừ, không còn sót một mảy may.

A-nan, nếu có chúng sanh từ vô lượng vô số kiếp đến nay có tất cả các tội chương hoặc nặng hoặc nhẹ, từ đời trước đến giờ chưa kịp sám hối, nếu hay đọc tụng biên chép chú này, đeo trên thân hoặc để nơi chỗ ở như trang trại, vườn nhà, quán xá... thì những nghiệp chứa nhóm từ trước, cũng như nước nóng làm tan băng tuyết, không bao lâu đều được ngộ vô sanh pháp nhẫn.

Lại nữa A-nan, như có người nữ chưa sanh con trai, con gái, muốn cầu mang thai, nếu hay chí tâm niệm hoặc đeo chú “Tất-đát-đa bát-đát-la” này trên thân, liền sanh những con trai, con gái có phước đức trí tuệ; người cầu sống lâu thì được sống lâu, muốn cầu quả báo mau viên mãn thì được mau viên mãn, thân mạng, dung mạo, sức lực cũng lại như thế. Sau khi mạng chung, tùy nguyện vãng sanh trong quốc độ mười phương, chắc chắn không sanh nơi biên địa hạ tiện, huống nữa là các loài tạp hình.

A-nan, nếu các quốc độ như các châu huyện làng xóm có những nạn đói khát dịch lệ, hoặc lại bị nạn giặc cướp đao binh đấu tranh, cùng tất cả những chỗ có ách nạn khác, nên viết thần chú này để nơi bốn cửa thành và các tháp, hoặc trên các lá phướn, để cho chúng sanh đang ở trong cõi nước đó kính thờ chú này, lễ bái cung kính nhất tâm cúng dường. Lại khiến trong nhân dân mỗi người đều đeo chú trên thân, hoặc mỗi người đều để nơi nhà ở, thì tất cả những tai ách thấy đều tiêu diệt.

A-nan, chúng sanh trong cõi nước, tùy chỗ nào có thần chú này thì thiên long hoan hỷ, mưa gió thuận thời tiết, ngũ cốc trúng mùa, dân chúng đều an vui. Lại chú này cũng hay trấn giữ tất cả ác tinh, nó tùy nơi biến ra những điều kỳ lạ, khiến tai chướng không khởi lên; người không bị chết yếu, gông cùm xiềng xích không dính vào thân được, ngày đêm ngủ yên, được thường không có mộng dữ.

A-nan, cõi Ta-bà này có tám vạn bốn ngàn tai biến ác tinh, hai mươi tám đại ác tinh làm thượng thủ, lại có tám đại ác tinh làm chủ, khi hiện ra trong đời với nhiều hình dạng, có thể gây ra cho chúng sanh các thứ tai họa khác lạ. Nếu chỗ nào có thần chú này thì tất cả đều tiêu diệt. Lấy mười hai do-tuần làm vòng kiết giới, các điềm tai biến hung dữ hẳn không thể vào được.

Vậy nên Như Lai tuyên dạy chú này, vì để bảo hộ hàng Sơ học tu hành đời vị lai được vào chánh định, thân tâm thư thái, được rất an ổn, lại không bị tất cả các ma, quỷ thần và những oan khiên đời trước, nghiệp cũ nợ xưa từ vô thủy đến nay quấy phá. Ông và các người hữu học trong chúng cùng các người tu hành đời vị lai, y lời ta dạy mà lập đàn tràng đúng như pháp trì giới, gặp được Tăng thanh tịnh làm giới chủ truyền thọ, hộ trì chú tâm này không sanh lòng nghi hối. Những thiện nam tử ấy chính nơi thân cha mẹ sanh ra đây, mà không được tâm thông thì Như Lai mười phương hóa ra nói dối.

VI. CHƯ THẦN HỘ PHÁP PHÁT NGUYỆN BẢO HỘ

Phật dạy lời ấy rồi, trong hội có vô lượng trăm ngàn Kim Cang đồng thời đứng trước Phật chấp tay đánh lễ, bạch Phật rằng: – Như lời Phật dạy, chúng con sẽ thành tâm bảo hộ người tu đạo Bồ-đề như vậy.

Lúc bấy giờ trời Phạm vương và trời Đế-thích, Tứ đại thiên vương cũng đối trước Phật, đồng thời đánh lễ, bạch Phật rằng: – Xét có người lành tu học như vậy, chúng con sẽ hết lòng chí thành bảo hộ, khiến cho họ một đời tu hành được như nguyện.

Lại có vô lượng đại tướng được-xoa, các vua la-sát, vua phú-đơn-na, vua cư-u-bàn-trà, vua tỳ-xá-già, các đại quỷ vương, như Tần-na, Dạ-ca và các quỷ soái cũng đối trước Phật chấp tay đánh lễ, bạch Phật: – Chúng con cũng thệ nguyện hộ trì người ấy, khiến cho tâm Bồ-đề mau được viên mãn.

Lại có vô lượng thiên tử nhật nguyệt, thần gió, thần mưa, thần mây, thần sấm, thần điện chớp và các tuần quan coi về mùa màng trong năm, các tinh tú cùng quyến thuộc v.v... cũng ở trong hội đánh lễ nơi chân Phật, bạch Phật rằng: – Chúng con cũng nguyện bảo hộ người tu hành ấy an lập đạo tràng, được không sợ hãi.

Lại có vô lượng thần núi, thần biển, tất cả tinh kỳ đất đai muôn vật, thủy lục không hành, với phong thần vương và chư thiên Vô sắc giới, ở trước đức Như Lai đồng thời cúi đầu, bạch Phật rằng:

– Chúng con cũng nguyện bảo hộ người tu hành ấy được thành tựu Bồ-đề, vĩnh viễn không có ma sự.

Lúc bấy giờ tám vạn bốn ngàn na-do-tha ngàn muôn ức hằng hà sa Kim Cang Tạng Vương Bồ-tát ở trong đại hội liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật, bạch Phật rằng: – Bạch đức Thế Tôn, như bọn chúng con, công đức tu hành đã thành đạo Bồ-đề từ lâu mà không giữ lấy Niết-bàn, thường theo chú này để cứu hộ người chân chánh tu hành pháp chánh định trong đời mạt pháp.

Bạch Thế Tôn, những người tu tâm cầu vào chánh định như thế, nếu ở trong đạo tràng hay những lúc đi kinh hành, cho đến tâm tán loạn dạo chơi nơi xóm làng, chúng con và đồ chúng sẽ thường đi theo để bảo vệ người ấy. Dẫu cho Ma vương, Đại Tự Tại thiên muốn có cơ hội quấy phá trọn không thể được. Các quý thần nhỏ tránh xa người lành ấy ngoài mười do-tuần, trừ khi họ phát tâm thích người tu thiền.

Bạch đức Thế Tôn, những ác quỷ hoặc các quyến thuộc ma như thế, muốn đến xâm phạm và nhiễu hại người lành ấy, chúng con dùng chày báu đập nát đầu chúng như bụi nhỏ, thường khiến cho người tu hành ấy được như nguyện.

A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật, bạch Phật rằng:

– Chúng con ngu độn, ưa thích đa văn, đối với các tâm hữu lậu chưa cầu ra khỏi. Nhờ lời dạy từ bi của Phật, được huân tu chân chánh, thân tâm vui thích, được lợi ích lớn. Bạch Thế Tôn, những người tu chứng chánh định của Phật như thế, khi chưa đến Niết-bàn thì thế nào gọi là Càn huệ địa? Bốn mươi bốn tâm, đến thứ lớp nào mà được danh mục tu hành? Đến chỗ nào gọi là Nhập địa? Thế nào gọi là Bồ-tát Đẳng giác?

Thưa lời ấy rồi, năm vóc gieo xuống đất, đại chúng nhất tâm chờ nghe lời Phật dạy, chiêm ngưỡng mắt không rời. Khi ấy đức Thế Tôn khen ngợi A-nan rằng:

– Lành thay! Lành thay! Các ông mới hay khắp vì đại chúng và tất cả chúng sanh đời mạt pháp, tu về chánh định, cầu được pháp đại thừa, xin ta xa chỉ bày con đường tu hành chân chánh vô thượng, từ phàm phu cho đến đại Niết-bàn. Nay ông lắng nghe, ta sẽ vì ông nói.

A-nan và đại chúng chấp tay, chú tâm im lặng vâng lời Phật dạy.

I. HAI NHÂN ĐIÊN ĐẢO

Phật bảo: – A-nan phải biết, diệu tánh tròn sáng lìa các danh tướng, xưa nay không có thế giới và chúng sanh. Nhân vọng mà có sanh, nhân sanh có diệt, sanh diệt gọi là vọng, diệt vọng gọi là chân. Đây gọi là hai hiệu chuyển y Vô thượng Bồ-đề và đại Niết-bàn của Như Lai.

Này A-nan, nay ông muốn tu về chánh định chân thật, thẳng đến đại Niết-bàn của Như Lai, trước phải biết hai nhân điên đảo: thế giới và chúng sanh.

Nếu điên đảo không sanh, đây là chánh định chân thật của Như Lai vậy.

1. Chúng sanh điên đảo

Này A-nan, thế nào gọi là chúng sanh điên đảo? A-nan, do tâm tánh sáng suốt, tánh sáng tròn đầy, nhân minh mà phát ra tánh, tánh đó là vọng, từ đó mà kiến phát sanh. Từ rốt ráo không thành ra rốt ráo có.

Cái năng hữu và sở hữu này, không phải là năng nhân sở nhân, không phải tướng năng trụ sở trụ. Rõ ràng không có cội gốc.

Từ gốc này không dừng trụ, kiến lập ra thế giới và các chúng sanh.

Bởi mê không biết viên minh ban đầu, từ đó sanh ra hư dối, tánh hư dối đó không có tự thể, không có chỗ nương tựa. Lại muốn trở về chân, cái muốn chân đó đã chẳng thật là tánh chân như.

Không phải chân mà lại cầu chân thì rõ ràng thành chẳng phải tướng. Chẳng phải sanh, chẳng phải trụ, chẳng phải tâm, chẳng phải pháp mà xoay vần phát sanh. Do sức sanh mà phát minh, huân tập

thành nghiệp. Đồng nghiệp thì cảm ứng nhau, nhân có nghiệp cảm nên diệt nhau sanh nhau. Do đó nên có chúng sanh điên đảo.

2. Thế giới điên đảo

Này A-nan, thế nào gọi là thế giới điên đảo?

Bởi có năng hữu, sở hữu này nên vọng chia thành từng phần từng đoạn, nhân đây mà lập ra giới (không gian). Chẳng phải năng nhân, sở nhân, không có năng trụ, sở trụ, dời đổi không ngừng, nhân đây mà thành ra thế (thời gian). Ba đời bốn phương hòa hợp lẫn nhau, chúng sanh biến hóa thành ra mười hai loại.

Thế nên thế giới nhân động mà có tiếng, nhân tiếng mà có sắc, nhân sắc mà có hương, nhân hương có xúc, nhân xúc có vị, nhân vị mà biết pháp.

Sáu thứ vọng tưởng rối loạn biến thành nghiệp tánh, phân chia ra mười hai phần, do đây mà luân chuyển. Thế nên trong thế gian, thanh hương vị xúc... biến hoá tới cùng mười hai lần thành một vòng quay trở lại.

3. Mười hai loài chúng sanh

Dựa trên những tướng điên đảo xoay vần đó nên trong thế giới có các loài sanh bằng trứng, sanh bằng thai, sanh từ nơi ẩm ướt, sanh do biến hóa, có sắc, không sắc, có tướng, không tướng, hoặc chẳng phải có sắc, hoặc chẳng phải không sắc, hoặc chẳng phải có tướng, hoặc chẳng phải không tướng.

A-nan, do nhân thế giới hư vọng luân hồi điên đảo về động, hòa hợp với khí mà thành tám muôn bốn ngàn loạn tướng bay lặn. Thế nên mới có mầm trứng Yết-la-lam lưu chuyển trong cõi nước, thành các loại cá, chim, rùa, rắn đầy dẫy.

Do nhân thế giới tạp nhiễm luân hồi điên đảo về dục, hòa hợp với tư (thẩm ướt) mà thành tám muôn bốn ngàn loạn tướng đi ngang và đi đứng thẳng. Như thế nên có bào thai Ất-bồ-đàm lưu chuyển trong cõi nước, gồm các loài người, thú, rồng, tiên đầy dẫy.

Do nhân thế giới chấp trước luân hồi điên đảo tìm đến, hòa hợp với sức nóng ẩm thành ra tám muôn bốn ngàn loạn tướng nghiêng ngửa. Như thế nên có tướng tế-thi thấp sanh lưu chuyển trong cõi nước, gồm các loài ngọ ngoạy, lúc nhúc đầy dẫy.

Do nhân thế giới biến đổi luân hồi điên đảo hư giả, hòa hợp với xúc mà thành tám muôn bốn ngàn loạn tướng mới cũ. Như thế nên có tướng Yết-nam hóa sanh lưu chuyển trong cõi nước, gồm các loài lột vỏ, bay đi đầy dẫy.

Do nhân thế giới lưu ngại luân hồi điên đảo vì chướng, hòa hợp với chấp trước thành ra tám muôn bốn ngàn loạn tướng tinh diệu. Như thế nên có Yết-nam sắc tướng lưu chuyển trong cõi nước, gồm các loài hư cửu, tinh minh đầy dẫy.

Do nhân thế giới tiêu tán luân hồi điên đảo vì hoặc, hòa hợp với tối mà thành tám muôn bốn ngàn loạn tướng thâm ẩn. Như thế nên có Yết-nam vô sắc lưu chuyển trong cõi nước, thành ra các loài không tán, tiêu trầm đầy dẫy.

Do nhân thế giới vọng tượng luân hồi điên đảo về bóng ảnh, hòa hợp với nhớ mà thành tám vạn bốn ngàn loạn tướng tiềm kết (thâm cột trói). Như thế nên có Yết-nam hữu tướng lưu chuyển trong cõi nước, như các loại quỷ thần, tinh linh đầy dẫy.

Do nhân thế giới ngu độn luân hồi điên đảo về si, hòa hợp với ngoan không, thành ra tám muôn bốn ngàn loạn tướng khô cảo. Như thế nên có Yết-nam vô tướng lưu chuyển trong cõi nước, tinh thần hóa làm các loại đất, cây, vàng, đá đầy dẫy.

Do nhân thế giới tương đãi luân hồi điên đảo về nguỵ, nên hòa hợp với nhiễm thành ra tám muôn bốn ngàn loạn tướng nươg gá. Như thế nên có Yết-nam chẳng có sắc tướng thành có sắc lưu chuyển trong cõi nước, như thủy mẫu v.v... lấy con tôm làm mắt, các loài ấy đầy dẫy.

Do nhân thế giới tương dẫn luân hồi điên đảo về tánh, hòa hợp với chú thành tám muôn bốn ngàn loạn tướng hô triệu. Do đây nên có Yết-nam chẳng phải vô sắc mà vô sắc lưu chuyển trong cõi nước, các loại bùa, chú, ếm đối sanh đầy dẫy.

Do nhân thế giới hợp vọng luân hồi điên đảo về vọng, hòa hợp với khác mà thành tám muôn bốn ngàn loạn tướng hồi hổ. Như thế nên có Yết-nam chẳng có tướng thành có tướng lưu chuyển trong cõi nước, như tò vò mượn chất khác mà thành thân, các loài ấy đầy dẫy.

Do nhân thế giới oán hại luân hồi điên đảo về sát, hòa hợp với quái thành ra tám muôn bốn ngàn loạn tướng ăn thịt cha mẹ. Như thế nên có Yết-nam chẳng phải vô tướng mà vô tướng lưu chuyển trong cõi nước, như loài thổ kiều... ấp cục đất thành con và chim phá kính ấp trái cây độc thành con, khi con đã lớn thì cha mẹ đều bị nó ăn thịt, các loài ấy đầy dẫy.

Đây gọi là mười hai loài chúng sanh.

II. BA THỨ LỚP

A-nan, như thế trong mỗi mỗi loài chúng sanh cũng đều có đủ mười hai thứ điên đảo, giống như bụi mắt thấy hoa đốm lăng xăng phát sanh.

Chân tâm thanh tịnh tròn sáng nhiệm màu, bởi điên đảo nên có đầy đủ các loạn tướng hư vọng như thế.

Nay ông tu chứng chánh định của Phật, đối với loạn tướng vốn là cội gốc điên đảo, nên lập ra ba thứ lớp thì mới trừ diệt được. Như trong bình sạch muốn trừ bỏ mật độc phải dùng nước nóng cùng với tro và nước thơm để tẩy rửa bình ấy, sau mới đựng được nước cam lồ.

Thế nào gọi là ba thứ lớp? Một là tu tập trừ bỏ trợ nhân kia. Hai là chân tu để cắt dẹp chánh tánh kia. Ba là tăng tấn để trái với hiện nghiệp kia.

1. Trợ nhân

Thế nào là trợ nhân?

Này A-nan, mười hai loài chúng sanh trong thế giới như thế, không thể tự sống được mà phải nương bốn cách ăn để tồn tại. Đó là đoạn thực, xúc thực, tư thực, thức thực. Thế nên Phật nói tất cả chúng sanh đều nương nơi ăn mà sống còn.

Này A-nan, tất cả chúng sanh ăn những thứ tốt lành nên sống, ăn những thứ độc thì chết. Các chúng sanh ấy cầu chánh định phải bỏ năm thứ rau cay ở thế gian. Năm thứ rau cay đó nếu ăn chín thì phát dâm, ăn sống thì tăng nóng giận.

Như thế người ăn năm thứ rau cay ở thế giới này, dù giảng nói được mười hai bộ kinh, Tiên thiên (chỉ cho Phật, Bồ-tát, thánh hiền) trong mười phương không ưa mùi hôi đó, nên đều tránh xa. Còn các loài quỷ đói v.v... nhân lúc người kia ăn những thứ ấy, đến liếm môi mép người đó. Người ấy thường cùng ở với quỷ, phước đức ngày càng tiêu mòn, lâu dần không có lợi ích.

Người ăn rau cay ấy tu chánh định, Bồ-tát, Thiên tiên, thiện thần mười phương đều không đến bảo vệ cho họ. Đại lực quý vương được cơ hội ấy, hiện làm thân Phật đến nói pháp cho người đó nghe, chê bai các giới cấm, khen ngợi dâm, giận, si. Người ấy mạng chung tự làm quyến thuộc của ma vương. Hưởng phước của ma hết rồi, phải đọa địa ngục Vô gián.

Này A-nan, người tu đạo Bồ-đề phải bỏ hẳn năm thứ rau cay. Đây gọi là thứ lớp tu hành tăng tiến thứ nhất vậy.

2. Chánh tánh

Thế nào là chánh tánh?

Này A-nan, chúng sanh vào chánh định như thế, trước cần phải nghiêm trì giới luật cho thanh tịnh, đoạn hẳn lòng dâm, không ăn thịt uống rượu, dùng thức ăn nấu chín, không ăn đồ sống. Này A-nan, người tu hành này nếu không đoạn dâm và sát sanh mà muốn ra khỏi ba cõi thì không có lẽ ấy.

Phải quán dâm dục giống như rắn độc, như thấy giặc thù. Trước giữ giới Tứ khí, Bát khí của Thanh văn, giữ thân không động. Sau hành luật nghi thanh tịnh của Bồ-tát, giữ tâm không dấy khởi.

Cấm giới được thành tựu thì ở thế gian hằng không bị nghiệp sanh sát lẫn nhau.

Không làm việc trộm cắp thì không mắc nợ lẫn nhau. Cũng ở thế gian này mà không phải trả nợ trước.

Người thanh tịnh ấy tu chánh định thì ngay nơi thân thịt do cha mẹ sanh không cần thiên nhãn, tự nhiên xem thấy thế giới mười phương, thấy Phật, nghe pháp, chính mình vâng theo lời Phật dạy, được đại thần thông dạo đi thế giới mười phương, được túc mạng thanh tịnh, không còn bị khó khăn hiểm trở. Ấy gọi là thứ lớp tu hành tăng tiến thứ hai.

3. Hiện nghiệp

Thế nào là hiện nghiệp?

Này A-nan, người giữ giới thanh tịnh như thế, tâm không tham dâm, đối với sáu trần bên ngoài không hay giống ruồi theo. Nhân không đuổi theo nên tự xoay trở về tánh bản nguyên.

Trần đã chẳng duyên, căn không thể hợp, xoay trở về dòng toàn một thì sáu dụng không hiện hành, cõi nước mười phương thanh tịnh sáng rỡ, ví như trong ngọc lưu ly có treo mặt trăng sáng, thân tâm đều vui thích, nhẹ nhàng, diệu viên, bình đẳng, được đại an ổn. Pháp mật viên thanh tịnh nhiệm màu của tất cả Như Lai đều hiện trong ấy, người này liền được vô sanh pháp nhẫn.

Từ đó dần dần tu tập, tùy các hạnh phát ra mà an lập thánh vị. Đó gọi là thứ lớp tu hành tăng tiến thứ ba.

III. AN LẬP CÁC THÁNH VỊ

1. Càn huệ địa

Này A-nan, người thiện nam ấy ái dục đã khô khao, căn cảnh không còn phối hợp, cái thân tàn hiện tiền không còn tiếp tục sanh trở lại. Giữ tâm rỗng sáng, thuần là trí tuệ. Tánh tuệ tròn sáng, sáng ngời khắp các cõi nước mười phương. Bởi chỉ có trí tuệ khô kia, nên gọi là Càn huệ địa.

2. Thập tín

Tập khí ái dục mới khô cạn, nhưng chưa được tiếp nhận dòng nước pháp của Như Lai, liền dùng tâm này đi thẳng vào trong dòng.

Tánh diệu tròn đầy bày hiện. Từ chân diệu viên lại phát ra chân diệu.

Lòng tin nhiệm màu thường còn, tất cả vọng tưởng diệt hết không còn sót, trung đạo thuần chân, gọi là Tín tâm trụ.

Lòng tin chân thật sáng tỏ, tất cả đều tròn đầy rỗng suốt. Ba thứ: ấm, xứ, giới không thể làm chướng ngại nữa. Như thế cho đến quá khứ vị lai trong vô số kiếp, khi bỏ thân thọ thân, tất cả tập khí đều hiện ở trước. Người thiện nam ấy đều có thể nhớ nghĩ được, không quên mất gì, gọi là Niệm tâm trụ.

Tánh màu tròn khắp thuần chân, chân tịnh phát ra sự biến hóa, những tập khí từ vô thủy đều thông một tinh minh. Chỉ dùng tinh minh này tiến đến chân tịnh, gọi đó là Tinh tấn tâm.

Tâm tịnh hiện tiền, thuần dùng trí tuệ, gọi là Huệ tâm trụ.

Giữ gìn trí sáng trong lặng cùng khắp. Tánh lặng lẽ nhiệm màu thường lắng đọng, gọi đó là Định tâm trụ.

Ánh sáng định phát ra sáng rõ, tánh sáng vào sâu, chỉ tiến không lùi, gọi là Bất thoái tâm.

Tâm an nhiên tiến tới, gìn giữ không mất, giao tiếp với khí phần của Như Lai mười phương, gọi là Hộ pháp tâm.

Gìn giữ tánh giác minh, hay dùng sức màu xoay về từ quang của Phật, hướng về Phật mà an trụ, cũng như hai cái gương, ánh sáng soi rọi nhau, trong đó những bóng nhiệm màu lớp lớp đan xen nhau, gọi đó là Hồi hướng tâm.

Tâm sáng thầm xoay về, được vô thượng diệu tịnh thường ngưng lặng của Phật, an trụ vô vi, được không bỏ mất, gọi là Giới tâm trụ.

Trụ nơi giới được tự tại, hay dạo khắp mười phương, chỗ đi tùy theo nguyện, gọi đó là Nguyện tâm trụ.

3. Thập trụ

Này A-nan, người thiện nam ấy do phương tiện chân thật phát ra mười thứ tâm này. Do tâm tinh phát sáng, mười dụng xen lẫn nhau, viên thành một tâm, gọi là Phát tâm trụ.

Trong tâm phát sáng như lưu ly trong sạch, trong đó hiện ra vàng ròng. Do diệu tâm trước kia nên đi đến đâu thì thành địa vị, gọi là Trị địa trụ.

Tâm địa biết khắp, đều được sáng rõ, dạo đi mười phương, được không trở ngại, gọi là Tu hành trụ.

Hạnh cùng Phật đồng, nhận khí phần của Phật, như thân trung ấm tự tìm cha mẹ. Thăm tin và thăm thông vào hạt giống Như Lai, gọi đó là Sanh quý trụ.

Đã vào trong thai đạo, tự thân nối dõi dòng giác, như thai đã thành tướng người, không còn thiếu nữa, gọi là Phương tiện cụ túc trụ.

Dung mạo như Phật, tâm tướng cũng đồng, gọi là Chánh tâm trụ.

Thân tâm hợp thành, mỗi ngày càng tăng trưởng, gọi là Bất thoái trụ.

Mười thân linh tướng đồng thời đầy đủ, gọi là Đồng chân trụ.

Hình đã thành ra khỏi thai, chính mình làm con của Phật, gọi là Pháp vương tử trụ.

Nghi biểu đã thành người lớn, như vị quốc vương đem những việc nước giao phó lại cho thái tử. Vị vua Sát-lợi kia, khi thái tử đã trưởng thành, liền bày ra lễ quán đảnh, gọi là Quán đảnh trụ.

4. Thập hạnh

Này A-nan, người thiện nam ấy thành Phật tử rồi, đầy đủ vô lượng diệu đức của Như Lai, tùy thuận mười phương, gọi là Hoan hỷ hạnh.

Khéo hay làm lợi ích tất cả chúng sanh, gọi là Nhiêu ích hạnh.

Tự giác giác tha, được không chống trái, gọi là Vô sân hận hạnh.

Từ chủng loại hiện thân ra đời cùng tốt mé vị lại, ba đời đều bình đẳng, mười phương thông suốt, gọi là Vô tận hạnh.

Tất cả hợp về đồng, các pháp môn đều được không sai lầm, gọi là Ly si loạn hạnh.

Ở trong đồng hiển bày các thứ khác, nơi mỗi tướng khác mỗi mỗi đều hiện đồng, gọi là Thiện hiện hạnh.

Như thế cho đến mười phương hư không đầy khắp vi trần, trong mỗi mỗi vi trần hiện thành thế giới mười phương, hiện vi trần hiện thế giới không chướng ngại nhau, gọi là Vô trước hạnh.

Các thứ hiện tiền đều là đệ nhất ba-la-mật, gọi là Tôn trọng hạnh.

Viên dung như thế, hay thành phép tắc của chư Phật mười phương, gọi là Thiện pháp hạnh.

Mỗi mỗi đều là nhất chân vô vi, vô lậu thanh tịnh, vì tánh vốn sẵn vậy, gọi là Chân thật hạnh.

5. Thập hồi hướng

Này A-nan, người thiện nam ấy đầy đủ thần thông, Phật sự được thành tựu rồi, hoàn toàn trong sạch, chân thật, xa lìa các tai nạn trở ngại, thường độ chúng sanh mà diệt trừ các tướng độ, xoay tâm vô vi hướng về con đường Niết-bàn, gọi là Cứu hộ nhất thiết chúng sanh, ly chúng sanh tướng hồi hướng.

Hoại diệt những gì đáng hoại diệt, xa lìa các thứ nên xa lìa, gọi là Bất hoại hồi hướng.

Bản giác lặng lẽ, giác ấy đồng với giác của Phật, gọi là Đẳng nhất thiết Phật hồi hướng.

Tinh chân phát sáng, địa vị như địa vị Phật, gọi là Chí nhất thiết xứ hồi hướng.

Thế giới và Như Lai xen lẫn vào nhau, được không chướng ngại, gọi đó là Vô tận công đức tạng hồi hướng.

Đồng với địa vị Phật, trong địa vị đó mỗi mỗi sanh các nhân thanh tịnh. Ý nơi nhân đó mà phát huy, nhận lấy con đường Niết-bàn, gọi đó là Tùy thuận bình đẳng thiện căn hồi hướng.

Gốc chân thật đã thành tựu, chúng sanh mười phương đều là bản tánh của ta. Tánh ấy thành tựu tròn đủ, không bỏ sót chúng sanh, gọi là Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sanh hồi hướng.

Tức tất cả pháp, ly tất cả tướng. Cả tức và ly, hai thứ đều không dính mắc, gọi là Chân như tướng hồi hướng.

Thật được chân như, mười phương không còn ngại, gọi là Vô phược giải thoát hồi hướng.

Tánh đức viên thành, lượng pháp giới đã diệt, gọi đó là Pháp giới vô lượng hồi hướng.

6. Tứ gia hạnh

Này A-nan, người thiện nam ấy trọn được bốn mươi mốt tâm thanh tịnh ấy, kể đến thành được bốn thứ gia hạnh diệu viên:

Tức dùng giác của Phật làm tâm mình, như ra mà chưa ra, ví như dùi cây lấy lửa muốn đốt cây kia, gọi là Noãn địa.

Lại do tâm mình thành tựu được chỗ đi của Phật, dường như nương mà chẳng nương, như lên núi cao, thân đã vào hư không mà ở dưới còn chút chướng ngại, gọi là Đảnh địa.

Tâm và Phật cả hai đồng, khéo được trung đạo, như người nhẫn chịu mọi việc, chẳng phải ôm vào cũng chẳng phải bỏ ra, gọi là Nhẫn địa.

Số lượng đã tiêu diệt, giác-mê vào trung đạo, cả hai không có danh mục, gọi là Thế đệ nhất.

7. Thập địa

Này A-nan, người thiện nam ấy đối với đại Bồ-đề khéo được thông đạt, chỗ giác thông đến Như Lai, tột cùng cảnh giới của Phật, gọi là Hoan hỷ địa.

Tánh khác vào trong đồng, tánh đồng cũng mất, gọi là Ly cấu địa.

Thanh tịnh tột cùng, phát sanh sáng suốt, gọi là Phát quang địa.

Sáng cùng tột, giác đầy đủ, gọi là Diệm huệ địa.

Tất cả đồng khác không thể đến, gọi là Nan thắng địa.

Tánh chân như vô vi thanh tịnh sáng suốt hiển bày, gọi là Hiện tiền địa.

Tột mé chân như, gọi là Viên hành địa.

Một tâm chân như, gọi là Bất động địa.

Phát ra dụng chân như, gọi là Thiện huệ địa.

Này A-nan, các vị Bồ-tát ấy từ đây về những địa vị trước, công phu tu tập đã xong, công đức tròn đầy, cũng gọi địa này là Tu tập vị. Bóng từ mây diệu che mát cả biển Niết-bàn, gọi đó là Pháp vân địa.

8. Đẳng giác và Diệu giác

Như Lai ngược dòng, Bồ-tát như thế thuận dòng mà đến, chỗ mé giác giao tiếp nhau, gọi là Đẳng giác.

Này A-nan, từ tâm Càn huệ đến Đẳng giác rồi, giác ấy mới được Sơ càn huệ địa trong tâm Kim cang. Như thế, lớp lớp đơn hoặc kép, mười hai lớp mới tột được Diệu giác, thành đạo Vô thượng.

Các địa ấy, đều dùng trí Kim cang quán sát mười ví dụ như huyễn sâu xa, trong định Xa-ma-tha (chỉ), dùng các pháp Tỳ-bà-xá-na (quán) của Như Lai để tu chứng thanh tịnh, thứ lớp đi sâu vào.

Này A-nan, như thế đều do ba thứ tăng tiến, khéo hay thành tựu được năm mươi lăm vị trên con đường Bồ-đề chân thật. Người khởi quán như thế gọi là chánh quán, nếu quán khác gọi là tà quán.

IV. CHỈ DẠY TÊN KINH

Khi ấy Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật, bạch Phật rằng:

– Nên gọi tên kinh này là gì? Con và chúng sanh làm sao phụng trì?

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: – Kinh này tên là “Đại Phật đánh tất-đất-đa bát-đất-la vô thượng bảo ấn, thập phương Như Lai thanh tịnh hải nhẫn”. Cũng gọi tên là “Cứu hộ thân nhân độ thoát A-nan, cập thử hội trung Tánh Tỳ-kheo-ni, đắc Bồ-đề tâm nhập Biến tri hải”. Cũng gọi tên là “Như Lai mật nhân tu chứng liễu nghĩa”. Cũng gọi tên là “Đại phương quảng Diệu liên hoa vương, thập phương Phật mẫu đà-la-ni chú”. Cũng gọi là “Quán đảnh chương cú, chư Bồ-tát vạn hạnh Thủ-lăng-nghiêm”. Ông nên phụng trì.

I. NGHIỆP QUẢ

1. Nhân quả của sáu đường

Đức Phật nói lời đây rồi, khi ấy A-nan và cả đại chúng được nhờ Như Lai mở bày nghĩa mật ấn Bát-đất-la, và được nghe những tên gọi của kinh liễu nghĩa này, liền đốn ngộ thiền-na, tăng thượng diệu lý, tu tiến đến Thánh vị, tâm lự được rỗng rang lắng đọng, đoạn trừ được sáu phẩm phiền não vi tế tu tâm trong tam giới. Liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ nơi chân Phật, chấp tay cung kính bạch Phật rằng:

– Đức Thế Tôn có oai đức lớn, dùng lời từ bi không ngăn ngại, khéo mở bày cho chúng sanh những mê lầm vi tế sâu kín, khiến ngày nay thân tâm con được vui thích, được lợi ích lớn. Bạch Thế Tôn, nếu chân tâm thanh tịnh sâu màu sáng suốt này xưa nay là tròn khắp, như thế cho đến đại địa cỏ cây, các loài sinh vật nhuyển động, cội gốc là chân như, tức là chân thể thành Phật của Như Lai. Thế tánh của Phật là chân thật, tại sao lại có các đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la, người, trời?

Bạch Thế Tôn, sáu đường này là xưa nay tự có hay do vọng tập của chúng sanh khởi?

Bạch Thế Tôn, như Tỳ-kheo-ni Bảo Liên Hương giữ giới Bồ-tát mà lén làm việc dâm dục, nói dối rằng hành dâm không phải là giết hại, không phải là trộm cướp, nên không có nghiệp báo. Khi nói lời ấy rồi, trước hết nơi nữ căn phát ra ngọn lửa cháy rực, sau đó từng phần thân thể đều bị lửa lớn thiêu đốt, đọa vào địa ngục Vô gián.

Vua Lưu Ly và Tỳ-kheo Thiện Tinh, vua Lưu Ly vì giết dòng họ Cồ-đàm, Tỳ-kheo Thiện Tinh vì nói dối tất cả pháp đều không, ngay thân đang sống mà rơi vào địa ngục A-tỳ. Các địa ngục này là có chỗ nơi nhất định hay lại là tự nhiên, do mỗi người kia phát nghiệp, chỉ mỗi người nhận riêng?

Cúi mong đức Thế Tôn rủ lòng đại từ mở rộng cho kẻ mới vào đạo, khiến cho tất cả chúng sanh trì giới, nghe được nghĩa quyết định, vui vẻ tôn trọng, kính cẩn gìn giữ cho trong sạch, không trái phạm.

Phật bảo A-nan: – Hay thay câu hỏi này, khiến cho các chúng sanh không vào tà kiến. Nay ông lắng nghe kỹ, ta sẽ vì ông nói.

Này A-nan, tất cả chúng sanh thật vốn là chân như thanh tịnh, do vọng kiến kia mà có vọng tập sanh khởi. Nhân đây mà phân chia ra phần trong và phần ngoài.

Này A-nan, phần trong tức là phần trong của chúng sanh. Từ các ái nhiễm mà phát khởi vọng tình. Vọng tình chất chứa không thôi, hay sanh ra nước ái. Thế nên, tâm chúng sanh nghĩ nhớ đến những thức ăn ngon thì trong miệng liền ra nước miếng. Khi tâm nhớ lại những người xưa, người mình thương hoặc người mình giận thì nước mắt tuôn tràn. Người tham cầu tiền của thì tâm phát ra nước ái, toàn thân họ đượm ướt và sáng. Nếu tâm đắm trước sự hành dâm thì nơi nam căn, nữ căn tự nhiên có dịch chảy ra.

Này A-nan, các thứ ái tuy khác nhau nhưng kết quả chảy nước là đồng, thấm ướt không thể bay lên được, tự nhiên theo đó mà rơi xuống. Đây gọi là phần trong.

Này A-nan, ngoại phần là phần bên ngoài của chúng sanh. Nhân các khát ngưỡng mà phát ra những hư tưởng. Tưởng đó tích chứa không trôi, hay sanh ra khí thù thắng.

Thế nên, trong tâm chúng sanh giữ gìn giới cấm thì toàn thân nhẹ nhàng thanh tịnh. Tâm trì ấn chú thì mắt nhìn xem thấy mạnh mẽ kiên quyết. Tâm muốn cầu sanh cõi trời thì khi mộng thấy mình bay lên. Tâm nhớ cõi Phật thì cảnh Phật hiển hiện. Nếu thờ phụng thiện tri thức thì xem thường thân mạng.

Này A-nan, các tướng tuy khác nhưng nhẹ nhàng bay lên là đồng. Bay lên, không chìm xuống, tự nhiên vượt lên. Đây gọi là phần bên ngoài.

Này A-nan, tất cả thế gian sanh tử tiếp nối: sanh thì thuận theo tập nghiệp, còn tử thì theo biến chuyển.

Khi sắp mạng chung chưa hết hơi ấm, những việc thiện ác trong một đời đồng thời hiện ra.

Chết là nghịch, sanh là thuận, hai tập nghiệp giao nhau.

Nếu thuần tưởng tức bay lên, ắt sanh lên cõi trời. Nếu bay lên mà trong tâm gồm đủ phước tuệ và nguyện thanh tịnh, thì tự nhiên tâm mở sáng, thấy được các cõi tịnh độ của chư Phật mười phương, tùy nguyện mà vắng sanh.

Tình ít tưởng nhiều thì cũng nhẹ nhàng bay lên, nhưng không được xa, liền làm phi tiên, đại lực quý vương, phi hành được-xoa, địa hành la-sát, dạo đi trong cõi trời Tứ thiên vương không bị chướng ngại.

Trong đó nếu có những người tâm lành, nguyện lành, hộ trì pháp Phật, ủng hộ giới cấm theo người giữ giới, hoặc ủng hộ thần chú theo những người trì chú, hoặc ủng hộ thiền định thì giữ yên pháp nhẫn, chính những người ấy được ở dưới tòa Như Lai.

Tình tưởng bằng nhau, không bay lên cũng không rơi xuống thì sanh ở nhân gian. Người tưởng sáng thì thông minh, người tình tối thì ngu độn.

Nếu tình nhiều tưởng ít thì phải trôi giạt trong loài hoành sanh. Nếu nặng thì làm loài có lông, nếu nhẹ làm loài có cánh.

Bảy phần tình ba phần tưởng thì chìm xuống thủy luân, sanh bên mé hỏa luân, nhận chịu hơi nóng bốc lên rất mạnh, thân làm nê pha quý, thường bị lửa đốt, vì nước có thể hại mình, không ăn không uống, trải qua trăm ngàn kiếp.

Chín phần tình một phần tưởng thì chìm xuống thấu hỏa luân. Thân vào chỗ ranh giới giao nhau giữa phong luân và hỏa luân. Nếu nhẹ thì sanh nơi địa ngục hữu gián, còn nặng thì sanh địa ngục vô gián.

Thuần tình thì chìm vào địa ngục A-tỳ.

Nếu trong tâm chìm vào đó mà còn chê bai Đại thừa, phá giới cấm của Phật, cuồng vọng nói pháp để tham cầu của tín thí, lạm nhận sự cung kính của người khác, phạm tội ngũ nghịch hoặc thập trọng thì lại sanh vào địa ngục A-tỳ ở mười phương.

Theo nghiệp ác đã tạo, tuy là tự chiêu cảm quả báo, nhưng trong chúng đồng phần thì đã có chỗ sẵn.

2. Mười tập nhân và sáu giao báo

A-nan, những điều này đều do nghiệp của các chúng sanh kia tự chiêu cảm, tạo mười tập nhân thì lãnh thọ sáu giao báo.

a. Thế nào là mười nhân?

Này A-nan, một là tập khí dâm dục giao tiếp phát ra sự cọ xát lẫn nhau, cọ xát nhau không thôi, như thế nên ở trong có ngọn lửa lớn cháy sáng dấy lên. Giống như người lấy hai tay tự xoa với nhau, cảm giác nóng liền hiện tiền. Hai tập khí đốt nhau nên mới có các việc giường sắt cột đồng v.v...

Thế nên tất cả Như Lai ở mười phương xem việc hành dâm này đồng gọi là lửa dục. Bồ-tát trông thấy dục như tránh hầm lửa.

Hai là tập khí tham lam kết giao với so tính, phát ra sự thu hút lẫn nhau, thu hút buộc chặt không dừng, như thế nên ở trong đó chất chứa cái lạnh, biến thành băng cứng lạnh buốt. Như người dùng miệng hút hơi gió vào thì sanh cảm giác lạnh. Do hai tập khí lẫn đoạt nhau, nên có các sự tra tra, ba ba, la la, hoa sen xanh, đỏ, trắng, băng lạnh v.v...

Thế nên tất cả Như Lai mười phương xem người tham cầu nhiều đồng gọi là nước tham. Bồ-tát trông thấy tham như tránh biển độc.

Ba là tập khí ngã mạn giao kết với sự lẫn hiếp, phát ra ý thế với nhau, giọng ruồi không dừng. Như thế nên có phóng chạy ngược xuôi, chất chứa sóng thành nước. Như lưỡi trong miệng người tự kết với vị, nhân đó mà nước bọt chảy ra. Do hai tập khí này kích động nhau nên mới có các việc sông máu, sông tro, cát nóng, biển độc, rót nước đồng sôi.

Thế nên tất cả Như Lai mười phương gọi ngã mạn là uống nước si. Bồ-tát trông thấy ngã mạn như tránh vực sâu.

Bốn là tập khí nóng giận giao kết với xung đột, phát ra sự chống đối nhau, chống đối kết mãi không thôi, tâm nóng phát ra lửa, đúc khí ấy thành kim loại, thế nên có núi đao, cốc sắt, cây kiếm, bánh xe kiếm, búa rìu thương cưa. Như người ôm lòng oán hận thì sát khí nổi lên. Do hai tập khí đó công kích nhau nên có những việc thiến cắt chém chặt, dùi đâm đập đánh.

Thế nên tất cả Như Lai mười phương gọi nóng giận là dao kiếm bén. Bồ-tát trông thấy nóng giận như tránh họa chém giết.

Năm là tập khí lường gạt giao kết với dụ dỗ, phát ra sự toan tính với nhau, dẫn khởi không ngừng. Như thế nên có dây, cây, thông lọng, căng nọc. Như nước chảy vào ruộng, cỏ cây được sanh trưởng. Do hai tập khí này kéo dài với nhau, nên có các việc gông cùm xiềng xích, roi trượng hèo gậy.

Thế nên tất cả Như Lai mười phương đồng gọi gian dối là giặc gièm pha. Bồ-tát thấy sự lường gạt như sợ sói beo.

Sáu là tập khí lừa dối giao kết với dối gạt, phát ra lừa gạt nhau, lừa gạt không dừng, phóng tâm tạo các điều gian dối, như thế nên có bụi đất, phân, nước tiểu, dơ nhớp không sạch. Như bụi theo gió, đều không thể thấy. Hai tập khí này giúp nhau, nên có những sự chìm đắm, nhẩy lên, ném xuống, bay lên, rơi xuống, trôi chìm.

Thế nên tất cả Như Lai mười phương đồng gọi dối gạt là cướp giết. Bồ-tát thấy dối gạt như đạp phải rắn rít.

Thứ bảy là tập khí oán hận giao kết với thù hiềm, phát ra ôm lòng giận hờn, như thế nên có quăng đá, ném gạch, nhốt trong hộp, xe cũi, hũ đựng, túi đầy. Như người hiểm độc ngầm, ôm ấp chất chứa điều ác trong lòng. Do hai tập khí này nuốt nhau, nên mới có các việc ném quăng cầm giữ, đánh bắn tung chụp.

Thế nên tất cả Như Lai mười phương gọi oán thù là quỷ vi hại. Bồ-tát thấy oán thù như uống rượu độc.

Tám là tập khí ác kiến giao kết với sáng, như thân kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, các nghiệp tà kiến, phát ra sự chống đối, sanh ra trái ngược nhau, như thế nên có vua, kẻ sứ, chủ lại nắm giữ sổ bộ làm chứng. Như người đi đường qua lại gặp nhau. Do hai tập khí giao kết với nhau nên có khám xét, mưu mẹo, tra khảo, hạch hỏi, điều tra, thẩm xét, vạch bày, tra cứu cho sáng tỏ, có những đồng tử thiện ác tay cầm sổ bộ chứng từ biện bạch các việc.

Thế nên tất cả Như Lai mười phương đồng gọi ác kiến là hàm kiến chấp. Bồ-tát thấy các thiên chấp hư dối như đi vào khe núi độc.

Chín là tập khí oan uổng giao kết với gia hại phát ra vu oan, chê bai người, như thế nên có núi ép đá ép lại, nghiền xay cày bừa. Như kẻ sàm tặc bức hiếp oan uổng người lương thiện. Do hai tập khí chống đối nhau, nên có các việc ép kẹp đánh đè, ép huyết, cân lường.

Thế nên tất cả Như Lai mười phương đồng gọi sự oán ghét vu báng người là con cọp gian. Bồ-tát thấy sự oan uổng như gặp sấm sét.

Thứ mười là tập khí thừa kiện giao kết với cãi vã, phát ra che giấu, như thế nên có gương soi đuốc chiếu. Như giữa ban ngày không thể giấu bóng được. Hai tập khí cùng phô bày nhau, nên có các việc bạn ác, gương nghiệp, hỏa châu, bày hiện nghiệp xưa để đối nghiệm.

Thế nên tất cả Như Lai mười phương đồng gọi sự che giấu này là giặc ngầm. Bồ-tát xem che giấu như là đội núi cao mà lội trong biển lớn.

b. Thế nào là sáu giao báo?

Này A-nan, tất cả chúng sanh do sáu thức tạo nghiệp, chiêu cảm ác báo từ sáu căn mà ra.

Thế nào là ác báo từ sáu căn ra?

Một là giao báo về thấy chiêu dẫn quả dữ. Nghiệp giao báo về thấy này là khi lâm chung, trước thấy lửa dữ đầy cả thế giới mười phương. Thần thức của người chết bay lên rồi rơi xuống, nương theo khói vào địa ngục Vô gián, phát sanh ra hai tướng: một là thấy sáng, thấy khắp các vật dữ, sanh ra kinh hãi vô cùng; hai là thấy tối, lặng im không thấy gì hết, sanh ra sợ sệt vô lượng.

Lửa thấy như thế, thiêu đốt cái nghe, hay làm thành chảo nước sôi, nước đồng chảy. Đốt hơi thở thì hay làm ra khói đen lửa đỏ. Thiêu cái nếm thì hay làm ra viên cháy điên, cháo sắt. Đốt xúc thì hay làm tro nóng than hừng. Đốt tâm ý thì hay sanh sao lửa xẹt tung tóe, thổi bùng khắp cõi hư không.

Hai là giao báo về nghe chiêu dẫn quả dữ. Nghiệp nghe này giao báo thì khi lâm chung, trước thấy sóng dậy chìm ngập cả trời đất. Thần thức của người chết rơi trong sóng, theo dòng nước vào ngục Vô gián, phát sanh ra hai tướng: Một là nghe thông thì nghe tất cả tiếng ồn náo làm cho tinh thần rối loạn; hai là điếc đặc thì lặng lẽ không nghe gì, hồn phách chìm trong mù mịt u tối.

Sóng nghe như thế, rót vào nghe thì hay làm thành lời trách móc hỏi vặn. Rót vào thấy thì hay làm tiếng sấm, tiếng rống, làm hơi ác độc. Rót vào hơi thở thì hay làm mưa, làm mù, tưới các trùng độc khắp cả thân thể. Rót vào nếm thì hay làm ra máu mủ, các thứ dơ bẩn. Rót vào xúc thì hay làm súc vật, làm quỷ, làm phân, nước tiểu. Rót vào ý thì hay làm điện chớp, làm mưa đá đập nát hồn phách.

Ba là giao báo về ngửi chiêu dẫn tới quả dữ. Nghiệp ngửi này giao báo thì khi lâm chung, trước thấy hơi độc đầy dẫy từ xa đến gần. Thần thức của người chết từ dưới đất vọt lên, vào địa ngục Vô gián,

phát sanh ra hai tướng: Một là ngữi thông, bị các khí độc xông thẳng vào mũi làm cho tâm rối loạn; hai là ngạt mũi thì hơi nghẹt không thông, làm cho chết giấc dưới đất.

Hơi ngữi như thế, xông vào hơi thở thì hay làm chất ngại, làm giày xéo. Xông lên thấy thì hay làm lửa, làm đuốc. Xông lên nghe thì hay làm chìm đắm, làm nước lớn, nước nóng. Xông lên nếm thì hay làm đói, làm lằm. Xông lên xúc thì hay làm rách nát, làm núi thịt lớn có trăm ngàn con mắt, bị vô lượng con vật cắn mổ ăn. Xông lên ý thì hay làm tro, chường khí, gạch cát đá bay đánh nát thân thể.

Bốn là giao báo về vị chiêu dẫn tới quả dữ. Nghiệp nếm này giao báo thì khi lâm chung, trước thấy lưới sắt lửa cháy hừng hực che khắp cả thế giới. Thần thức ngữi chết rớt xuống mắc trong lưới, đầu bị treo ngược, liền vào địa ngục Vô gián, phát sanh ra hai tướng: Một là hít hơi vào, kết thành băng lạnh làm cho thân thể lạnh cóng, da thịt nứt nẻ; hai là nhả hơi bay ra thành lửa mạnh thiêu rụi xương tủy.

Vị nếm như thế, qua nếm thì làm thành nhận chịu. Qua thấy thì hay đốt chảy vàng đá. Qua nghe thì hay làm các thứ đao binh bén. Qua mũi thì làm lồng sắt lớn che khắp cõi nước. Qua xúc thì hay làm cung tên nổ bắn. Qua ý thì hay làm sắt nóng bay, từ trên không rơi xuống như mưa.

Năm là giao báo về xúc chiêu dẫn quả dữ. Nghiệp xúc này giao báo thì khi lâm chung, trước thấy núi lớn bốn phía áp lại không còn đường ra. Thần thức ngữi chết thấy thành sắt lớn, rắn lửa, chó lửa, cọp, sói, sư tử, ngục tốt đầu trâu, la-sát đầu ngựa, tay cầm thương mâu xua vào trong cửa thành, thẳng vào địa ngục Vô gián, phát sanh ra hai tướng: Một là hợp xúc thì thấy núi áp lại đè ép thân thể, xương thịt máu mỡ tuôn chảy; hai là ly xúc thì thấy đao kiếm chạm vào thân, tim gan bị cắt nát.

Xúc hợp như thế, trải qua xúc thì hay làm ra đao, quán, sảnh, án. Qua thấy thì hay làm thiêu đốt. Qua nghe thì hay làm đánh, đập, đâm, bắn. Qua hơi thở thì làm trùn bắt, đẩy nhốt, đánh khảo, cột trói. Qua nếm thì làm cày, làm kim, chém, chặt. Qua ý thì hay làm rơi xuống, bay lên, nấu, nường.

Sáu là giao báo về ý chiêu dẫn quả dữ. Nghiệp ý này giao báo thì khi lâm chung, trước thấy gió dữ thổi nát cõi nước. Thần thức ngữi chết bị gió thổi lên hư không, xoay rơi theo gió mà vào địa ngục Vô gián, phát sanh ra hai tướng: Một là không biết, mê muội quá thành ra hoảng hốt, chạy đi không dừng; hai là không mê, hay biết thì khổ, bị thiêu đốt không cùng, rất là đau đớn, khó mà chịu nổi.

Như thế ý sai lầm kết với ý nghĩ thì hay làm ra nơi chốn. Kết nơi thấy thì hay làm gương soi, làm chứng cứ. Kết nơi nghe thì hay làm đá lớn hợp lại, làm băng, sương, đất, mù. Kết nơi hơi thở thì hay làm ra xe lửa, thuyền lửa, cũi lửa lớn. Kết ở nếm thì hay làm ra những tiếng kêu to, làm hối hận, khóc lóc. Kết ở xúc thì hay làm ra lớn, nhỏ, làm cho trong một ngày mà muôn lần sống, muôn lần chết, làm nghiền, làm ngữi.

Này A-nan, ấy gọi là mười nhân sáu quả trong địa ngục, đều do chúng sanh mê vọng mà tạo ra. Nếu các chúng sanh đồng tạo nghiệp ác thì vào trong địa ngục A-tỳ chịu vô lượng khổ trải qua vô lượng kiếp.

Nơi sáu căn, mỗi căn tạo và nghiệp đã tạo kia, gồm cả cảnh và căn, ngữi ấy hẳn vào tám địa ngục Vô gián. Nếu cả ba thân khẩu ý tạo nghiệp giết trộm dâm thì ngữi ấy hẳn vào mười tám địa ngục. Không gồm đủ ba nghiệp, trong đó hoặc giết hoặc trộm, ngữi ấy hẳn vào ba mươi sáu địa ngục. Hiện thấy một căn riêng phạm một nghiệp, ngữi ấy ắt hẳn vào một trăm lẻ tám địa ngục.

Do những chúng sanh ấy riêng làm riêng tạo mà vào chỗ đồng phần trong thế giới. Đó là do vọng tưởng phát sanh, không phải từ trước đến nay đã sẵn có.

3. Dư báo

Lại nữa A-nan, những chúng sanh ấy chẳng phải phá hoại luật nghi, phạm giới Bồ-tát, hủy báng Niết-bàn của Phật, mà tạo các tạp nghiệp khác, nhiều kiếp phải bị thiêu đốt. Sau khi đền tội xong rồi, chịu các hình quỷ.

Nếu người kia do nhân trước tham đồ vật mà bị tội, người ấy đền tội xong, gấp vật thành hình, gọi là Quái quỷ.

Nếu do tham sắc làm thành tội, người ấy đền tội xong rồi, gấp gió thành hình, gọi là Bạt quỷ.

Nếu do tham mê làm thành tội, người ấy sau khi đền tội xong, gấp loài súc sanh thành hình, gọi là Mị quỷ.

Do tham hờn giận làm thành tội, người ấy đền tội xong rồi, gấp loài sâu trùng thành hình, gọi là Cổ độc quỷ.

Do tham nhớ lỗi làm thành tội, người ấy đền tội xong rồi, gấp các loại suy thành hình, gọi là Lệ quỷ.

Do tham kiêu ngạo làm thành tội, người ấy khi đền tội xong, gấp khí thành hình, gọi là Ngạ quỷ.

Do tham lừa dối thành tội, người ấy sau khi đền tội rồi, gấp u tối thành hình, gọi là Yểm quỷ.

Do tham sự sáng (tham vẻ đẹp) làm thành tội, người ấy khi đền tội xong, gấp tinh hoa thành hình, gọi là Vãng lượng quỷ.

Do tham sự thành tựu mà làm thành tội, người ấy khi đền tội xong, gấp cái sáng thành hình, gọi là Dịch sử quỷ.

Do tham bề đẳng làm thành tội, người ấy khi đền tội xong, gấp con người thành hình, gọi là Truyền tống quỷ.

Này A-nan, những người ấy đều do thuần tình mà rơi xuống. Lửa nghiệp thiêu đốt khô, trở lên làm quỷ.

Những loài này đều do nghiệp vọng tưởng chiêu cảm mà dẫn đến. Nếu ngộ được đạo Bồ-đề thì nơi tánh diệu viên minh vốn không có việc ấy.

Lại nữa, này A-nan, nghiệp quỷ đã hết thì cả hai tình và tưởng đều thành không, mới ở nơi thế gian cùng với những người mình thiếu nợ trước, oán thù gặp lại, thân làm súc sanh để trả nợ đời trước.

Loài Quái quỷ theo vật, khi vật đó tiêu thì quả báo hết, sanh ở thế gian phần nhiều làm loài chim kiêu.

Loài Bạt quỷ theo gió, gió tiêu thì quả báo hết, sanh ở thế gian phần nhiều làm các loài báo điềm dữ.

Loài Mị quỷ theo thú vật, khi con vật chết thì quả báo hết, sanh ở thế gian phần nhiều làm loài chồn.

Loài Cổ quỷ theo trùng bọ, khi trùng độc chết thì quả báo hết, sanh ở thế gian phần nhiều làm các loài độc.

Loài Lệ quỷ theo sự suy hoại, khi suy dứt thì quả báo hết, sanh ở thế gian phần nhiều làm các loài giun sán.

Ngạ quỷ theo khí, khi khí tiêu thì quả báo hết, sanh ở thế gian phần nhiều làm các loài cho người ăn thịt.

Loài quỷ kết với u tối, khi u tối tiêu thì quả báo hết, sanh ở thế gian phần nhiều làm loài cung cấp đồ mặc.

Quý hòa với tinh hoa, khi tinh hoa tiêu thì quả báo hết, sanh lên thế gian phần nhiều làm các loài ứng.

Quý minh linh khi sáng diệt thì quả báo hết, sanh ở thế gian phần nhiều làm những loài báo đằm lành.

Quý nương nơi người, khi người chết thì quả báo hết, sanh ở thế gian phần nhiều làm các loài đi theo người.

Này A-nan, những loài ấy đều do lửa nghiệp đốt khô, kể đó làm súc sanh đền trả nợ trước. Những loài này cũng đều từ nghiệp hư vọng chiêu cảm mà dẫn đến. Nếu ngộ được Bồ-đề thì vọng duyên này vốn không thật có.

Như ông đã nói nhóm Bảo Liên Hương, vua Lưu Ly, Tỳ-kheo Thiện Tinh, vốn tự mình tạo ra những nghiệp ác như thế, chẳng phải từ trời rơi xuống, cũng không phải từ dưới đất vọt ra, cũng không phải người khác đem tới, chỉ do mình vọng gây ra, trở lại tự nhận chịu quả báo. Trong tâm Bồ-đề, đó đều là vọng tưởng hư dối ngưng kết lại.

Lại nữa A-nan, từ loài súc sanh ấy đền trả nợ trước. Nếu lúc trả quá phần nợ cũ của họ, thì những chúng sanh này trở lại làm người đòi lại phần thừa kia.

Nếu như người kia có thể lực và có phước đức thì ở trong loài người, chưa bỏ thân người mà trả lại nợ dư đó. Nếu người không có phước, phải trở lại làm súc sanh để hoàn trả phần nợ dư đó.

A-nan! Phải biết nếu dùng tiền vật hoặc sai sử sức lực của chúng, trả đủ thì tự dừng. Nếu như trong khoảng giữa đó lại còn giết thân mạng hoặc ăn thịt chúng, như thế cho đến trải bao số kiếp như vi trần, ăn nhau giết nhau, giống như bánh xe lăn, xoay vần thay đổi trên dưới không có ngưng dứt. Trừ người được chánh định và gặp Phật ra đời, còn lại thì không thể dừng.

Nay ông nên biết loài chim kiêu kia, khi trả nợ đủ rồi, trở lại có thân sanh trong loài người thì hợp với hạng ngoan cố.

Loài chim báo đằm dữ kia trả nợ hết, trở lại có thân sanh trong loài người thì hợp với hạng quái dị.

Loài chồn kia khi đền trả nợ hết, trở lại có thân sanh trong loài người thì hợp với hạng dung tục.

Loài độc kia khi trả nợ hết, trở lại có thân sanh trong loài người, thích hợp với hạng tàn ác.

Loài giun kia khi trả nợ hết, trở lại có thân sanh trong loài người thì hợp với hạng nhỏ nhen.

Loài bị người ta ăn thịt, khi trả nợ hết, trở lại có thân sanh trong loài người thì hợp với hạng nhu nhược.

Loài sanh ra để làm đồ mặc, khi trả hết nợ, trở lại có thân sanh trong loài người thì hợp với hạng lao nhọc.

Loài ứng kia khi trả hết nợ, trở lại có thân sanh trong loài người thì hợp với hạng văn vẻ.

Loài chim đem đằm lành, khi trả nợ hết, trở lại có thân sanh trong loài người thì hợp với hạng sáng suốt.

Các loài đi theo người, khi trả nợ hết, trở lại có thân sanh trong loài người thì hợp với hạng thông suốt.

Này A-nan, những hạng đó do nợ đời trước đã trả xong, trở lại được thân trong cõi người, đều từ vô thủy đến nay nghiệp chấp điên đảo, sanh nhau giết hại nhau, không được gặp Như Lai, không được nghe chánh pháp, ở trong trần lao cứ thế mà luân hồi. Những bọn này gọi là đáng thương xót vậy.

II. MƯỜI THỨ TIÊN

Này A-nan, lại có chúng sanh từ loài người, không y nơi chánh giác tu chánh định, riêng tu theo vọng niệm, giữ tư tưởng bảo vệ thân hình, dạo nơi rừng núi chỗ không có người đến, thành mười thứ tiên.

A-nan, những chúng sanh kia do kiên cố ăn thức bổ dưỡng không dừng nghỉ, khi đạo ăn được thành tựu gọi là Địa hành tiên.

Kiên cố dùng cỏ cây không dừng nghỉ, khi đạo thuốc được thành tựu gọi là Phi hành tiên.

Kiên cố dùng vàng đá không dừng nghỉ, khi đạo biến hóa được thành tựu gọi là Du hành tiên.

Kiên cố dùng cái động và dừng không dừng nghỉ, khi khí tinh thành tựu gọi là Không hành tiên.

Kiên cố dùng nước miếng không dừng nghỉ, khi nhuận đức được thành tựu gọi là Thiên hành tiên.

Kiên cố hấp thụ tinh sắc không dừng nghỉ, khi hấp thụ tinh hoa được thành tựu gọi là Thông hành tiên.

Kiên cố luyện phù chú không dừng nghỉ, khi pháp thuật được thành tựu gọi là Đạo hành tiên.

Kiên cố suy tư không dừng nghỉ, khi sự nghĩ nhớ được thành tựu gọi là Chiếu hành tiên.

Kiên cố giao cấu không dừng nghỉ, khi cảm ứng được viên thành gọi là Tinh hành tiên.

Kiên cố về biến hóa không dừng nghỉ, khi giác ngộ được viên thành gọi là Tuyệt hành tiên.

Này A-nan, những vị này đều ở trong loài người mà luyện tâm, không tu chánh giác, riêng được lẽ sống, thọ ngàn muôn tuổi, ẩn trong núi sâu, hoặc ở trên đảo giữa biển lớn, xa cách chỗ người ở. Đây cũng là vọng tưởng lưu chuyển luân hồi. Vì không tu chánh định, khi quả báo hết, trở lại phân tán vào trong các đường.

III. CÁC CỐI TRỜI

1. Dục giới

Này A-nan, những người ở thế gian không cầu thường trụ, chưa thể xả bỏ ân ái thế thiếp, nhưng tâm không buông lung trong tà dâm. Do lòng tâm được trong lặng thì phát sanh sáng suốt, sau khi mạng chung, họ gần với mặt trời mặt trăng. Một loại như thế gọi là Tứ thiên vương thiên.

Đối với vợ mình, dâm ái giảm bớt, trong lúc ở yên chưa được toàn vị, sau khi mạng chung, vượt quá ánh sáng mặt trời mặt trăng, ở trên đảnh nhân gian. Một loại như thế gọi là Đao-lợi thiên.

Gặp dục thì tạm theo, qua rồi không nghĩ nhớ, ở trong nhân gian động ít tịnh nhiều, sau khi mạng chung, sáng rõ an trụ ở trong hư không, ánh sáng mặt trời mặt trăng không chiếu đến được, những người ấy tự có ánh sáng. Một loại như thế gọi là Tu-diệm-ma thiên.

Tất cả thời đều yên tĩnh, nhưng khi có sự xúc chạm đến thì chưa thể chống lại, sau khi mạng chung sẽ lên trên chỗ tinh vi, không tiếp với các cảnh trời người cõi dưới, cho đến khi kiếp hoại, tam tai cũng không đến được. Một loại như thế gọi là Đâu-suất-đà thiên.

Mình không có tâm dục, đáp ứng với người khác mà làm, lúc bày ra những việc ấy, vị như là nhai sáo, sau khi mạng chung, vượt lên sanh vào cõi biến hóa. Một loại như thế gọi là Lạc biến hóa thiên.

Không có tâm thế gian, chỉ đồng với thế gian mà làm việc dục, lúc làm việc ấy rõ ràng là vượt lên trên, sau khi mạng chung đều hay ra khỏi cảnh giới biến hóa và không biến hóa. Một loại như thế gọi là Tha hóa tự tại thiên.

Này A-nan, sáu cõi trời như thế, hình thức tuy ra khỏi động mà dấu tâm còn dính mắc. Từ đây trở lại trước gọi là Dục giới.

2. Sắc giới

Này A-nan, ở thế gian, tất cả những người tu tâm không nhờ thiên định thì không có trí tuệ.

Người chỉ hay gìn giữ thân không làm việc dâm dục, hoặc đi hoặc ngồi đều không tưởng niệm, không sanh ái nhiễm, thì không còn lưu lại ở cõi Dục. Người ấy liền đổ thân làm Phạm lữ. Một loại như thế gọi là Phạm chúng thiên.

Tập khí cõi Dục đã trừ, tâm lìa dục hiện tiền, vui thích tùy thuận theo luật nghi. Người ấy liền đó hay thực hành đức trong sạch. Một loại như thế gọi là Phạm phụ thiên.

Thân tâm nhiệm màu tròn đủ, oai nghi không thiếu, giới cấm thanh tịnh, lại thêm tỏ ngộ. Người đó liền hay thống nhiếp chúng cõi Phạm thiên, làm vị Đại Phạm vương. Một loại như thế gọi là Đại Phạm thiên.

A-nan, ba hạng thù thắng này, tất cả khổ não không thể bức bách. Tuy chẳng phải chân chánh tu thiên định, nhưng trong tâm thanh tịnh, các lậu không làm lay động, gọi là Sơ thiên.

A-nan, kể đến là hàng Phạm thiên thống nhiếp Phạm chúng, phạm hạnh tròn đầy, tâm lóng lạng không động, do trong lặng sanh ra ánh sáng. Một loại như thế gọi là Thiếu quang thiên.

Hào quang chiếu sáng nhau, rọi sáng không cùng tận, ánh ra thế giới mười phương đều thành lưu ly. Một loại như thế gọi là Vô lượng quang thiên.

Thu hút gìn giữ ánh sáng tròn đầy, thành tựu giáo thể, phát ra sự giáo hóa được thanh tịnh, ứng dụng không cùng tận. Một loại như thế gọi là Quang âm thiên.

Này A-nan, ba hạng thù thắng này, tất cả lo buồn không thể bức bách được. Tuy chẳng phải chân chánh tu thiên định nhưng trong tâm thanh tịnh, những thô lậu đã hàng phục, gọi đó là Nhị thiên.

Này A-nan, những vị trời như thế, ánh sáng tròn đầy thành tựu được âm thanh, dùng âm thanh hiển lộ sự màu nhiệm, phát thành hạnh tinh vi, thông suốt cái vui lạng lẽ. Một loại như thế gọi là Thiếu tịnh thiên.

Sự thanh tịnh rỗng rang được hiện tiền, dẫn phát không ngăn mé, thân tâm khinh an, thành tựu cái vui lạng lẽ. Một loại như thế gọi là Vô lượng tịnh thiên.

Thân, tâm, thế giới, tất cả đều hoàn toàn trong sạch, đức trong sạch được thành tựu, nương sự thù thắng hiện tiền trở về cái vui tịch diệt. Một loại như thế gọi là Biến tịnh thiên.

A-nan, ba hạng thù thắng này, đầy đủ đại tùy thuận, thân tâm an ổn, được cái vui vô lượng. Tuy chẳng phải chân chánh được thiên định, nhưng trong tâm an ổn, đầy đủ niềm vui, gọi là Tam thiên.

A-nan, lại nữa những vị trời thân tâm không còn bị bức bách, nhân khổ đã hết, nhưng cái vui không thường còn, lâu dần cũng tiêu tan. Hai tâm khổ vui đồng thời chóng xả bỏ, các tướng thô trọng đã diệt, phước thanh tịnh được sanh. Một loại như thế gọi là Phước sanh thiên.

Tâm buông xả được tròn khắp, thắng giải được thanh tịnh. Trong phước không gì ngăn ngại đó, được sự tùy thuận nhiệm màu cùng tốt mé vị lai. Một loại như thế gọi là Phước ái thiên.

A-nan, từ trong cõi trời này có hai lối tể:

– Nếu nơi tâm trước thanh tịnh sáng suốt vô lượng, phước đức tròn sáng, tu chứng rồi dừng trụ, một loại như thế gọi là Quảng quả thiên.

– Nếu nơi tâm trước đều chán cả khổ và vui, chuyên ròng nghiên cứu tâm xả liên tục không dứt, xả bỏ được tròn đầy cùng tốt, thân tâm đều diệt, tâm nghĩ suy lặng như tro tàn, trải qua năm trăm kiếp. Người ấy đã lấy sanh diệt làm nhân, không thể phát minh được tánh không sanh diệt, nên nửa kiếp ban đầu thì diệt, nửa kiếp sau sanh. Một loại như thế gọi là Vô tướng thiên.

Này A-nan, bốn hạng thù thắng này, tất cả các cảnh khổ vui ở thế gian không thể làm xao động được. Tuy chẳng phải là chỗ bất động chân thật vô vi, nhưng tâm có sở đắc, công dụng được thuần thực, gọi là Tứ thiên.

A-nan, trong đây lại có Ngũ bất hoàn thiên, đồng thời diệt hết chín phẩm tập khí trong cõi dưới, cả hai khổ vui đều mất, không rơi xuống cõi dưới, cho nên an lập chỗ ở chúng đồng phần của tâm xả.

A-nan, hai thứ khổ vui hết, không còn tâm đấu tranh, một hạng như thế gọi là Vô phiền thiên.

Buông xả độc hành, không chỗ nghiên ngẫm giao tiếp, một hạng như thế gọi là Vô nhiệt thiên.

Khéo thấy cả thế giới mười phương đều tròn lặng, lại không có các trần cảnh, tất cả cấu nhiễm chìm đắm đều lắng sạch, một loại như thế gọi là Thiện kiến thiên.

Cái thấy tinh ba được hiện tiền, gạt lọc không còn chướng ngại, một loại như thế gọi là Thiện hiện thiên.

Xem xét rõ ráo các cơ, cùng tốt tánh của sắc, vào mé vô biên, một loại như thế gọi là Sắc cứu cánh thiên.

Này A-nan, cõi Bất hoàn thiên này, Tứ vị thiên vương Tứ thiên kia chỉ có kính nghe tên nhưng không thể thấy biết. Như hiện nay ở thế gian những nơi đồng trống hoặc núi sâu, chỗ đạo tràng của các bậc Thánh, đều có những vị A-la-hán trụ trì, nhưng những người thô thiển ở thế gian không thể nào thấy được.

Này A-nan, mười tám cõi trời đó ở cõi riêng không giao tiếp, nhưng chưa hết cái lụy hình hài. Từ đây trở lại gọi là Sắc giới.

3. Vô sắc giới

Lại nữa A-nan, từ cõi Hữu đẳng này, trong bờ mé của Sắc giới, khoảng đó lại có hai lối tể:

– Nếu nơi tâm xả phát minh trí tuệ, ánh sáng trí tuệ tròn đầy thông suốt liền ra khỏi cõi trần thành A-la-hán, vào được Bồ-tát thừa. Một loại như thế gọi là Hồi tâm đại A-la-hán.

– Nếu ở tâm xả thành tựu sự chán xả, biết thân là chướng ngại, muốn tiêu chướng ngại của thân để vào trong không. Một loại như thế gọi là Không xứ (Không vô biên xứ).

Các chất ngại đã tiêu, không còn ngại cũng không còn diệt, trong kia chỉ lưu lại thức a-lại-da, toàn thức mặt-na chỉ còn nửa phần vi tế. Một loại như thế gọi là Thức xứ (Thức vô biên xứ).

Sắc và Không đã hết, thức tâm đều diệt, mười phương lặng lẽ không còn qua lại. Một loại như thế gọi là Vô sở hữu xứ.

Thức tánh không động, do nghiên cứu diệt đến cùng tột, trong chỗ không tận phát ra tánh tận, như là còn mà chẳng còn, như là hết mà chẳng hết. Một loại như thế gọi là Phi tướng phi phi tướng xứ.

Những vị này quán cùng tột không mà chẳng tột được lý không, từ Bất hoàn thiên thẩu tột Thánh đạo, một loại như thế gọi là Bất hồi tâm độn A-la-hán.

Nếu từ các cõi trời Vô tướng của ngoại đạo, cùng tột không mà không biết quay lại, mê lầm không nghe chánh pháp, liền vào đường luân chuyển.

Này A-nan, mỗi mỗi người ở trên các cõi trời đều là phàm phu, phải đền trả nghiệp quả, khi trả hết thì vào trong luân hồi.

Những vị vua trong các cõi trời đó là những vị Bồ-tát dạo đi trong chánh định, lần lượt tăng tiến, hồi hướng về con đường tu hành trong dòng Thánh.

Này A-nan, chư thiên ở cõi Tứ không ấy, thân tâm diệt hết, tánh định được hiện tiền, không có nghiệp quả của cõi Sắc. Từ đây đến cuối gọi là Vô sắc giới.

Đây đều do không rõ Diệu giác minh tâm, tích chứa vọng mà phát sanh, giả dối có ba cõi. Ở trong đó dối theo bảy nẻo mà chìm đắm, nên bào thai tùy theo mỗi loại mà ra đời.

IV. BỐN LOẠI A-TU-LA

Lại nữa A-nan, trong tam giới này lại có bốn loài a-tu-la: Nếu từ loài quỷ, do sức bảo hộ chánh pháp, được thần thông mà vào hư không, loại a-tu-la này từ trứng sanh ra, nhiếp thuộc về loài quỷ.

Nếu ở trong cõi trời mà đức đã giảm, bị rơi xuống chỗ ở gần với mặt trời mặt trăng, những loài a-tu-la này từ bào thai sanh ra, nhiếp thuộc về loài người.

Có vua a-tu-la nắm giữ thế giới, sức mạnh đến không hề sợ ai, hay cùng Phạm vương, Thiên Đế-thích, Tứ thiên vương tranh quyền với nhau. Loại a-tu-la này nhân biến hóa mà có, nhiếp thuộc về loài trời.

Này A Nan! Riêng có một số a-tu-la thấp kém, sanh ở giữa biển cả, cửa hang chìm sâu dưới nước, ban ngày dạo đi trong hư không, tối trở về ngủ dưới nước. Loại a-tu-la này nhân hơi ướt mà có, nhiếp thuộc về loài súc sanh.

Này A-nan, nếu xét kỹ bảy loài địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, người, thần tiên, trời, cho đến a-tu-la như thế, đều do mê lầm các tướng hữu vi, từ vọng tưởng mà thọ sanh, vọng tưởng mà theo nghiệp. Đối với bản tâm diệu viên minh vô tác, đều như hoa đốm trong hư không, vốn không dính dáng.

Chỉ một thứ hư dối, không có gốc rễ manh mối gì.

A-nan, những chúng sanh đó không biết bản tâm, phải chịu luân hồi như vậy, trải qua vô lượng kiếp không được tánh chân tịnh. Đều do tùy thuận sát, đạo, dâm. Nếu ngược lại ba thứ này thì phát sanh không sát, không đạo, không dâm. Nếu có ba nghiệp này thì gọi là loài quỷ, nếu không có thì gọi là nẻo trời. Bởi có và không lẫn nhau mà phát khởi ra vòng luân hồi. Nếu khéo phát huy được chánh định thì thường lặng lẽ nhiệm màu, cả hai có và không đều không, cái không hai thứ này cũng diệt luôn. Còn không có chẳng sát, chẳng đạo, chẳng dâm thì làm sao lại thuận theo việc sát, đạo, dâm?

Này A-nan, không dứt ba nghiệp thì mỗi người đều có nghiệp riêng. Nhân mỗi người có nghiệp riêng, nhiều phần riêng thành đồng phần, chẳng phải không có chỗ nhất định.

Do tự hư vọng phát sanh, vọng sanh không có nhân, không thể tìm xét.

Ông nên khuyên người tu hành, muốn được Bồ-đề cần phải trừ ba hoặc sát, đạo, dâm. Chẳng hết ba hoặc, dù có được thần thông, đều là công dụng hữu vi của thế gian. Nếu không dứt trừ tập khí thì rơi vào đường ma, tuy muốn trừ vọng lại càng thêm hư dối. Như Lai nói những người đó rất đáng thương xót. Đều do ông tự tạo nghiệp hư dối, không phải lỗi của Bồ-đề. Người nói lời như thế ấy, gọi là lời nói chân chánh, nếu nói khác đi tức là ma vương nói.

V. CÁC CHƯỚNG MA

Bấy giờ đức Như Lai sắp chấm dứt thời pháp, từ trên tòa sư tử vịn ghế thất bảo, xoay thân tử kim sơn, trở lại dựa vào ghế, bảo khắp đại chúng và A-nan:

– Các ông là hàng hữu học Thanh văn, Duyên giác, ngày nay hồi tâm hướng về đại Bồ-đề Vô thượng Diệu giác. Nay ta đã nói pháp tu hành chân thật, ông vẫn chưa biết những việc ma vi tế khi tu Chỉ, tu Quán. Nếu cảnh ma hiện ra mà ông không thể biết được, khi tu tâm không chân chánh sẽ rơi vào tà kiến, hoặc là ma ngũ ấm của ông, hoặc gặp thiên ma, hoặc bị quỷ thần dựa vào, hoặc gặp những loài yêu quái, mà trong tâm ông không rõ, nhận giặc làm con.

Lại nữa, ở trong ấy được chút ít cho là đủ. Như có Tỳ-kheo Vô Văn, tu được Tứ thiền, dối cho là chứng Thánh. Khi quả báo cõi trời đã hết, tướng suy hiện tiền, liền chê bai A-la-hán mà còn có thân sau, phải đọa vào địa ngục A-tỳ.

Ông nên lắng nghe cho kỹ, nay ta vì ông mà phân biệt chín chắn.

A-nan đứng dậy, cùng với hàng hữu học trong hội vui mừng đánh lễ, kính mong được nghe lời chỉ dạy từ bi của Phật.

Phật bảo A-nan và cả đại chúng:

– Các ông nên biết, thế giới hữu lậu có mười hai loài chúng sanh, tâm thể bản giác diệu minh giác viên cùng với chư Phật mười phương không hai không khác. Do ông vọng tưởng, mê lầm chân lý mà thành lỗi lầm, si ái phát sanh, sanh mê cùng khắp nên có hư không. Cái mê biến hóa không dừng nên có thế giới sanh ra. Cõi nước như số vi trần ở mười phương này, trừ ngoài bậc vô lậu, thì đều là do mê lầm vọng tưởng mà an lập.

Nên biết hư không sanh trong tâm của ông ví như một làn mây mỏng điểm trong bầu trời xanh, huống là các thế giới ở trong hư không kia.

Các ông một người mà phát khởi sự trở về tánh chân thật ban đầu, thì mười phương hư không thấy đều tiêu mất, làm sao các cõi nước ở trong hư không kia không bị rung động, đổ nát.

Các ông tu thiền, trau giồi chánh định, Bồ-tát và hàng vô lậu đại A-la-hán ở mười phương, tâm tinh thông suốt, ngay đó được trong lặng. Tất cả ma vương cùng các quỷ thần, các vị trời phạm phu, thấy cung điện của họ vô có đổ vỡ; quả đất rạn nứt, các loài ở dưới nước, ở trên cạn, các loài bay nhảy thấy đều kinh hoảng, nhưng những người phạm phu tối tăm thì không biết có sự dời đổi.

Bọn kia đều được năm thứ thần thông, chỉ trừ lậu tận thông. Chúng quyến luyến trần lao này, làm sao có thể để cho ông làm tan hoại chỗ ở của chúng. Thế nên quỷ thần và các thiên ma, vọng lượng yêu tinh, khi ông ở trong tam-muội, chúng cùng đến nhiễu loạn.

Nhưng bọn ma kia tuy có giận dữ, chúng là ở trong trần lao, còn ông ở trong diệu giác, như gió thổi ánh sáng, như dao chặt nước, trọn không xúc chạm được ông. Ông như nước sôi, bọn chúng như băng cứng, vừa gần hơi nóng thì không bao lâu băng sẽ tiêu hết.

Chúng ý nơi thần lực, nhưng chúng chỉ là khách, nếu chúng phá rối thành tựu được là do người chủ nắm ấm trong tâm ông. Chủ nhân nếu lầm thì khách mới được cơ hội thuận tiện. Chính trong khi thiền định giác ngộ không mê lầm thì những việc ma kia không làm gì được ông. Nắm ấm tiêu trừ thì vào tánh sáng, bọn ma tà kia đều ở trong khí tối, sáng hay phá tối nên đến gần thì tự tiêu mất, làm sao dám ở đó nhiễu loạn người tu thiền định?

Nếu chẳng tỏ ngộ, bị các ấm làm mê, thì ông A-nan ắt sẽ làm con của ma, thành người ma. Như Ma-đăng-già sức rất là yếu kém, chỉ dùng chút chú thuật khiến ông phá luật nghi của Phật. Trong tám muôn hạnh chỉ hủy một giới, do tâm ông thanh tịnh nên vẫn chưa bị trầm luân. Ma này phá hoại toàn thân bảo giác của ông, giống như quan tể tướng chợt mất hết bộ sổ, đành phải lang thang, không ai có thể thương mà cứu được.

1. Sắc ấm

A-nan nên biết, ông ngồi nơi đạo tràng tiêu hết các niệm, các niệm kia nếu hết thì tâm lìa niệm tất cả được trong sáng, động tịnh không đổi dời, nhớ quên như một. Chính khi an trụ trong đó mà vào được chánh định, như người mắt sáng ở chỗ rất tối tăm. Tánh linh rất nhiệm màu thanh tịnh nhưng tâm chưa phát sáng. Đây gọi là phạm vi của sắc ấm.

Nếu con mắt trong sáng, mười phương đều rõ suốt, không còn chỗ nào tối tăm, gọi là hết sắc ấm. Người ấy có thể vượt khỏi kiếp trước, xét lại nguyên do có sắc ấm, thì cội gốc là vọng tưởng kiên cố.

Này A-nan, chính ở trong ấy chuyên ròng nghiên cứu tánh sáng suốt nhiệm màu, tứ đại không còn đan kết nữa, trong khoảng chốc lát thân có thể ra khỏi chướng ngại. Đây gọi là tánh sáng suốt tuôn tràn ra cảnh trước. Ấy chỉ do công dụng tạm được như thế, chẳng phải chứng Thánh. Nếu không khởi tâm cho là chứng Thánh thì gọi là cảnh giới lành. Nếu khởi nghĩ chứng Thánh liền rơi vào các thứ tà.

Này A-nan, lại dùng tâm ấy chuyên ròng nghiên cứu tánh sáng suốt nhiệm màu, trong thân thành rõ suốt. Người ấy bỗng nhiên ở trong thân mình lợm ra những con giun, con sán mà thân thể vẫn y nguyên, không bị thương tổn. Đây gọi là tánh sáng suốt tuôn tràn ra thân thể. Đó chỉ do tinh chuyên thực hành mà tạm được như thế, chẳng phải chứng Thánh. Nếu không khởi tâm cho là chứng Thánh thì gọi là cảnh giới lành. Nếu khởi nghĩ chứng Thánh liền rơi vào các thứ tà.

Lại dùng tâm ấy chuyên ròng nghiên cứu trong ngoài, khi ấy hồn phách, ý chí, tinh thần, trừ chấp thọ thân ra, đều xen lẫn vào nhau làm chủ làm khách. Bỗng nhiên ở trong hư không nghe tiếng nói pháp, hoặc nghe mười phương đồng diễn bày nghĩa sâu kín. Đây gọi là tinh phách thay nhau lìa rời hợp, thành tựu hạt giống lành tạm được như thế, chẳng phải là chứng Thánh. Nếu không khởi tâm cho là chứng Thánh thì gọi là cảnh giới lành. Nếu khởi nghĩ chứng Thánh liền rơi vào các thứ tà.

Lại dùng tâm ấy lóng lạng, hiển bày sáng suốt, ánh sáng ở trong phát minh, khắp cả mười phương làm ra sắc vàng Diêm-phù-đàn, tất cả các chủng loại hóa thành Như Lai. Khi ấy bỗng thấy đức Phật Tỳ-lô-già-na ngồi trên đài thiên quang, có ngàn đức Phật đi nhiễu quanh, trăm ức cõi nước cùng với hoa sen đồng thời hiện ra. Đây gọi là tâm hồn linh ngộ tiềm nhiễm tâm quang nghiên cứu phát minh, chiếu soi các thế giới, tạm được như thế, chẳng phải là chứng Thánh. Nếu không khởi tâm cho là chứng Thánh thì gọi là cảnh giới lành. Nếu khởi nghĩ chứng Thánh liền rơi vào các thứ tà.

Lại dùng tâm ấy chuyên ròng nghiên cứu tánh sáng suốt nhiệm màu, quán sát không ngừng, đè ép hàng phục, kìm chế quá mạnh, khi ấy bỗng dưng mười phương hư không thành sắc bảy báu, hoặc sắc trăm bảo, đồng thời đầy khắp, không ngăn ngại nhau, các sắc xanh vàng đỏ trắng không ngăn ngại nhau, các sắc xanh vàng đỏ trắng mỗi thứ đều thuần hiện ra. Đây gọi là công sức đè ép quá phần, tạm được như thế chứ chẳng phải chứng Thánh. Nếu không khởi tâm cho là chứng Thánh thì gọi là cảnh giới lành. Nếu khởi nghĩ chứng Thánh liền rơi vào các thứ tà.

Lại dùng tâm ấy nghiên cứu lóng lặng thấu suốt, ánh sáng tinh thuần không loạn, chợt khoảng giữa đêm ở trong nhà tối thấy rõ các vật không khác gì ban ngày, mà những vật trong nhà tối cũng không diệt mất. Đây gọi là tâm vi tế thâm kín lóng lặng mà thấy được. Cái thấy thấu suốt chỗ tối tăm, tạm được như thế, chẳng phải là chứng Thánh. Nếu không khởi tâm cho là chứng Thánh thì gọi là cảnh giới lành. Nếu khởi nghĩ chứng Thánh liền rơi vào các thứ tà.

Lại dùng tâm ấy hoàn toàn vào chỗ trống suốt dung hợp, khắp thân bỗng dưng đồng với cây cỏ, lửa đốt dao cắt không hề có cảm giác. Lại, dùng lửa không thể đốt cháy, dù có cắt thịt cũng như cắt cây. Đây gọi là bỏ các trần, dẹp trừ tánh tứ đại, một bề vào chỗ thuần thực, tạm được như thế, chẳng phải là chứng Thánh. Nếu không khởi tâm cho là chứng Thánh thì gọi là cảnh giới lành. Nếu khởi nghĩ chứng Thánh liền rơi vào các thứ tà.

Lại dùng tâm ấy thành tựu sự thanh tịnh, công phu thanh tịnh tâm đã cùng cực, chợt thấy cả đại địa, núi sông ở mười phương đều thành cõi Phật, đầy đủ bảy báu, hào quang sáng suốt đầy khắp. Lại thấy chư Phật Như Lai nhiều như số cát sông Hằng đầy khắp cõi hư không, lâu các hoa lệ. Nhìn xuống dưới thấy cõi địa ngục, nhìn lên thấy thiên cung, được không chướng ngại. Đây gọi là do tưởng ưa chán ngưng lắng lâu ngày, tưởng lâu mà hóa thành chứ không phải chứng Thánh. Không khởi tâm cho là chứng Thánh thì gọi là cảnh giới lành. Nếu khởi nghĩ chứng Thánh liền rơi vào các thứ tà.

Lại dùng tâm ấy nghiên cứu sâu xa, chợt lúc giữa đêm thấy phố chợ đường xá, thân tộc quyến thuộc ở phương xa, hoặc nghe những người kia nói. Đây gọi là tâm bị bức bách cùng tột bay ra, nên thấy được nhiều thứ cách xa chứ không phải chứng Thánh. Không khởi tâm cho là chứng Thánh thì gọi là cảnh giới lành. Nếu khởi nghĩ chứng Thánh liền rơi vào các thứ tà.

Lại dùng tâm ấy nghiên cứu tinh chuyên cùng cực, thấy hình thể thiện tri thức đối đời, không có duyên cớ gì, trong chốc lát thay đổi thành nhiều thứ. Đây gọi là tâm tà, bị các loài ly mị, hoặc các thiên ma vào trong tim, trong bụng, họ tự nhiên nói pháp, thông suốt các diệu nghĩa, đó chẳng phải là chứng Thánh. Không khởi tâm cho là chứng Thánh thì ma sự tự tiêu dứt. Nếu nghĩ là chứng Thánh liền rơi vào các thứ tà.

Này A-nan, mười thứ cảnh hiện ra trong lúc tu thiền như vậy đều do sắc ấm và dụng tâm xen lẫn nên mới hiện ra những việc ấy. Chúng sanh mê lầm không tự suy xét, gặp những nhân duyên này, mê không tự biết, cho là chứng quả Thánh, thành tội đại vọng ngữ, rơi vào địa ngục Vô gián.

Sau khi Như Lai diệt độ, ở trong đời mạt pháp, các ông phải y theo lời chỉ dạy tuyên bày nghĩa này, không để cho thiên ma được cơ hội quấy phá. Phải bảo vệ che chở những người tu hành thành tựu đạo Vô thượng.

2. Thọ ấm

Này A-nan, người thiện nam kia trong khi tu Chỉ Quán, sắc ấm đã hết, thấy tâm chư Phật như trong gương sáng hiện rõ các hình tượng. Nếu có sở đắc mà chưa dùng được, cũng như người bị bóng đè, tay chân vẫn y nguyên, thấy nghe không sai lầm, nhưng vì tâm bị khách tà nên không thể cử động được. Đây gọi là phạm vi của thọ ấm.

Nếu hết bị bóng đè, tâm người kia lìa khỏi thân, trở lại xem thấy được cái mặt, đi đứng tự do, không còn bị lưu ngại, ấy gọi là thọ ấm hết. Người này ắt hay siêu việt kiến trược, xem lại nguyên do của nó thì vọng tưởng hư minh là cội gốc.

Này A-nan, người thiện nam kia chính khi ở trong đó được rất sáng suốt, tâm kia phát minh, do bên trong đè nén quá phần, từ nơi ấy chợt phát lòng thương vô cùng. Như thế cho đến xem thấy ruồi muỗi cũng thương như con đỏ, tâm sanh thương xót, bất giác rơi lệ đầm đìa. Đây gọi là dụng công đè ép quá mức, nếu tỉnh ngộ thì không lỗi, chẳng phải là chứng Thánh. Nếu biết rõ ràng không lầm thì lâu dần tự hết. Nếu khởi nghĩ là chứng Thánh ắt có ma bi nhập vào tim gan, thấy người thì thương xót khóc lóc không dừng, mất đi chánh định, sẽ bị trầm luân.

Này A-nan, lại những người thiện nam ở trong định kia thấy sắc ấm tiêu, thọ ấm rõ ràng, tướng tốt hiện ở trước, cảm kích quá phần, bỗng ở trong đó sanh ra đồng mãnh vô hạn. Tâm kia mạnh mẽ nhạy bén, ý chí bằng với chư Phật, cho rằng chỉ một niệm có thể vượt qua ba vô số kiếp. Đây gọi là dụng công lấn ép thái quá, tỉnh ngộ thì không lỗi, chẳng phải là chứng Thánh. Hiểu rõ không lầm, lâu rồi tự tiêu mất. Nếu khởi nghĩ là chứng Thánh ắt bị ma cuồng nhập vào tim gan, thấy người thì khoe khoang, ngã mạn không ai sánh bằng. Tâm người kia, cho đến trên không thấy có Phật, dưới không thấy có người, mất đi chánh định, sẽ rơi vào vòng trầm luân.

Lại, những người thiện nam ở trong định kia thấy sắc ấm tiêu, thọ ấm rõ ràng, phía trước không có chỗ chứng mới, lui lại thì đã mất chỗ cũ, trí lực yếu kém, vào trong chỗ tiêu diệt, bất không thấy gì, trong tâm chợt sanh rất khô kiệt. Trong tất cả thời, cái nhớ thẳm lặng không mất, cho đây là tướng tinh tấn. Đây gọi là tu tâm mà không có trí tuệ nên tự lầm. Nếu tỉnh ngộ thì không lỗi, chẳng phải là chứng Thánh. Nếu khởi nghĩ là chứng Thánh ắt có ma nhớ nhập vào tim gan, sớm chiều nắm cái tâm treo ở một chỗ, làm mất chánh định, sẽ rơi vào vòng trầm luân.

Lại, những người thiện nam ở trong định kia thấy sắc ấm tiêu, thọ ấm rõ ràng, sức tuệ vượt quá sức định, bị lỗi mạnh mẽ bén nhạy, ôm ấp các tánh thù thắng trong lòng, tự tâm đã nghi mình là Phật Lô-xá-na, được ít cho là đủ. Đây gọi là dụng tâm quên mất chỗ thường xét nét kỹ càng, chìm ở nơi tri kiến. Nếu tỉnh ngộ thì không có lỗi, chẳng phải là chứng Thánh. Nếu khởi nghĩ là chứng thánh ắt có *ma hạ liệt để biết đủ* nhập vào tim gan. Thấy người thì tự nói tôi được Vô thượng đệ nhất nghĩa đế, mất hết chánh định, sẽ rơi vào trầm luân.

Lại, những người thiện nam ở trong định kia thấy sắc ấm tiêu, thọ ấm rõ ràng, chỗ đứng mới chưa được, còn tâm cũ đã mất. Xem qua hai mé trước và sau, tự cho là nguy hiểm, tâm chợt sanh lo buồn vô tận, như ngồi trên giường sắt, như uống thuốc độc, tâm không muốn sống nữa, thường nhờ người khác hại mạng mình để sớm được giải thoát. Đây gọi là tu hành lạc mất phương tiện. Nếu tỉnh ngộ thì không lỗi, chẳng phải là chứng Thánh. Nếu khởi nghĩ là chứng Thánh ắt có một phần *ma thường ưu sầu* nhập vào tim gan. Tay cầm dao bén tự cắt thịt mình, thích bỏ thân mạng, hoặc thường ưu sầu chạy vào trong rừng núi, không muốn thấy người, mất hết chánh định, sẽ rơi vào vòng trầm luân.

Lại, những người thiện nam ở trong định kia thấy sắc ấm tiêu, thọ ấm rõ ràng, ở trong chỗ thanh tịnh, sau khi tâm được an ổn bỗng tự sanh vui vẻ vô hạn, trong tâm vui mừng không thể tự dừng. Đây gọi là khinh an mà không có trí tuệ để tự kìm chế. Tỉnh ngộ thì không có lỗi, chẳng phải là chứng Thánh. Nếu khởi nghĩ là chứng thánh ắt có một phần *ma ưa hỷ lạc* vào trong tim gan. Thấy người liền cười, ở bên cạnh ngã tư đường tự ca tự múa, tự bảo đã được vô ngại giải thoát, mất hết chánh định, sẽ rơi vào vòng trầm luân.

Lại, những người thiện nam ở trong định kia thấy sắc ấm tiêu, thọ ấm rõ ràng, tự cho là đã đủ, chợt vô cớ sanh khởi đại ngã mạn, như thế cho đến mạn cùng quá mạn và mạn quá mạn, hoặc tăng

thượng mạn, hoặc ty liệt mạn, đồng thời đều phát. Trong tâm còn khinh cả chư Phật mười phương, huống là những quả vị dưới như Thanh văn Duyên giác. Đây gọi là chỗ thấy thù thắng mà không có trí tuệ tự cứu. Nếu tỉnh ngộ thì không có lỗi, chẳng phải là chứng Thánh. Nếu khởi nghĩ là chứng Thánh ắt có một phần *ma đại ngã mạn* vào trong tim gan. Không chịu lễ chùa tháp, phá hủy kinh tượng, nói với những người cư sĩ rằng: “Những tượng này là vàng, đồng hoặc là đất, cây; kinh là lá cây hoặc là vải lụa. Xác thân là chân thường mà không tự cung kính, lại sùng mộ đất, cây, thật là điên đảo.” Những người quá tin lời kia, theo đó phá hủy kinh tượng, chôn vùi trong đất. Do làm nghi lầm chúng sanh, bị vào địa ngục Vô gián, mất hết chánh định, sẽ rơi vào trầm luân.

Lại nữa, những người thiện nam ở trong định kia thấy sắc ấm tiêu, thọ ấm rõ ràng, trong chỗ thuần sáng viên ngộ được tinh lý, được đại tùy thuận. Tâm kia chợt sanh vô lượng khinh an, tự nói đã thành Thánh, được đại tự tại. Đây gọi là nhân nơi tuệ mà được sự trong sáng nhẹ nhàng. Nếu tỉnh ngộ thì không có lỗi, chẳng phải là chứng Thánh. Nếu khởi hiểu là chứng Thánh ắt có một phần của *ma ưa trong sáng nhẹ nhàng* vào trong tim gan, tự cho là đầy đủ, lại không cầu tiến lên. Những người này phần nhiều là những thầy Tỳ-kheo ít học, làm nghi lầm chúng sanh, đọa địa ngục A-tỳ, mất đi chánh định, sẽ rơi vào vòng trầm luân.

Lại nữa, những người thiện nam ở trong định kia thấy sắc ấm tiêu, thọ ấm rõ ràng, trong chỗ tỏ ngộ được tánh rỗng sáng. Trong ấy bỗng dưng xoay hướng về sự hằng đoạn diệt, bác không có nhân quả, một bề vào rỗng không. Tâm rỗng không hiện tiền, cho đến tâm sanh chấp đoạn diệt mãi mãi. Nếu tỉnh ngộ thì không có lỗi, chẳng phải là chứng Thánh. Nếu khởi hiểu là chứng thánh ắt có *ma rỗng không* vào trong tim gan, bèn chê bai người trì giới gọi là Tiểu thừa, còn Bồ-tát ngộ lý không thì có gì mà trì phạm?

Người kia thường ở nơi nhà người cư sĩ có tín tâm, ăn thịt uống rượu, làm những chuyện dâm uế. Vì sức ma nhiếp phục nên người chủ nhà không sanh nghi ngờ, chê bai. Tâm quý nhập lâu rồi thì hoặc ăn phần dơ cùng với ăn thịt uống rượu v.v... đều cho là không, phá luật nghi của Phật, làm lầm lạc đưa người vào chỗ tội lỗi, mất hết chánh định, sẽ rơi vào vòng trầm luân.

Lại nữa, những người thiện nam ở trong định kia thấy sắc ấm tiêu, thọ ấm rõ ràng, được vị rỗng sáng thâm nhập vào tận tim cốt. Người kia chợt sanh tâm ái vô hạn. Ái quá độ nên phát cuồng, liền làm những việc tham dục. Đây gọi là cảnh định an thuận vào trong tâm, không có trí tuệ để tự gìn giữ, lầm mê vào trong các dục. Nếu tỉnh ngộ thì không có lỗi, chẳng phải là chứng Thánh. Nếu khởi hiểu là chứng Thánh ắt có ma dục vào trong tim gan, một bề nói dục là đạo Bồ-đề, giáo hóa những người cư sĩ bình đẳng hành dục, người hành dâm kia gọi là người giữ gìn chánh pháp.

Do sức của quỷ thần, nhiếp phục những kẻ phàm ngu trong đời mạt pháp, số đến cả trăm. Như thế cho đến một trăm, hai trăm, hoặc năm sáu trăm, còn nhiều thì cả ngàn muôn người. Khi tâm ma sanh chán, nó rời bỏ thân thể người kia, oai đức đã không còn, rơi vào nạn pháp luật. Vì làm nghi lầm chúng sanh nên vào địa ngục Vô gián, mất hết chánh định, sẽ rơi vào vòng trầm luân.

Này A-nan, mười thứ cảnh hiện ra trong lúc tu thiền định như vậy, đều do thọ ấm và dụng tâm xen lẫn nên mới có những việc này. Chúng sanh ngu mê không tự xét lường, gặp những nhân duyên này, mê lầm không tự biết, cho rằng mình đã lên quả Thánh, thành đại vọng ngữ, phải rơi vào địa ngục Vô gián.

Sau khi ta diệt độ, ở trong đời mạt pháp, các ông cũng nên đem lời nói của Như Lai truyền dạy, khiến khắp chúng sanh khai ngộ được nghĩa này, không để cho thiên ma được dịp quấy phá. Phải bảo vệ gìn giữ che chở cho những người tu hành được đạo Vô thượng.

3. Tường ấm

Này A-nan, người thiện nam kia tu thiền, thọ ẩm đã hết, tuy chưa được lậu tận mà tâm rời khỏi hình hài như chim bay ra khỏi lồng. Đã có thể thành tựu từ thân phàm này, trên thì trải qua sáu mươi vị Thánh của Bồ-tát, được ý sanh thân, tùy qua lại không chướng ngại. Ví như có người ngủ say nói mơ, người ấy tuy không hay biết mình nói gì, nhưng lời kia đã thành âm vận thứ lớp, khiến cho những người không ngủ đều hiểu được lời nói đó. Đây gọi là phạm vi của tưởng ấm.

Nếu hết động niệm, các tướng thô phù tiêu trừ, nơi tâm giác minh như bỏ trần cấu, một vòng sanh tử đầu cuối đều soi sáng khắp, gọi là hết tưởng ấm. Người ấy hẳn có thể vượt khỏi phiền não trước. Xét lại nguyên do của tưởng ấm, cội gốc là vọng tưởng dung thông.

Này A-nan, người thiện nam kia thọ ẩm rỗng suốt linh diệu, không bị các tà lực, định tròn đầy phát sáng. Trong chánh định, tâm ưa được sáng suốt tròn đầy, suy nghĩ bén nhạy, tham cầu thiện xảo. Khi ấy thiên ma được cơ hội thuận tiện, phóng tinh thần của nó gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người ấy không biết là bị ma dựa, tự cho được Vô thượng Niết-bàn, đến chỗ người thiện nam cầu thiện xảo kia, trải tòa nói pháp. Hình dáng người ấy, nếu cần thì hoặc làm thân Tỳ-kheo khiến cho người kia thấy, hoặc làm thân Đế-thích, hoặc phụ nữ, hoặc Tỳ-kheo-ni, hoặc nằm trong nhà tối mà thân có hào quang chiếu sáng. Người tu hành ngu mê lầm cho là Bồ-tát, tin vào sự giáo hóa của người ấy, làm cho tâm họ dao động, phá luật nghi của Phật, lén làm việc tham dục.

Miệng người ma dựa ưa nói những việc tai họa, điềm lành, đổi thay. Hoặc nói Như Lai ra đời chỗ này chỗ nọ, hoặc nói về kiếp hỏa, hoặc nói có đao binh, làm khủng bố người, khiến cho tiền của trong nhà họ vô cơ bị hao tán.

Đây gọi là Quái quỷ, tuổi già thành ma làm nhiễu loạn người tu. Khi tâm ma chán rời, nó bỏ thân người, đệ tử cùng thầy đều phạm vào luật vua. Các ông phải biết trước để không vào trong luân hồi, còn nếu mê lầm không biết sẽ rơi vào địa ngục Vô gián.

Này A-nan, lại người thiện nam kia thọ ẩm rỗng suốt linh diệu, không bị các tà lực, định tròn đầy phát sáng. Trong chánh định, tâm ưa dạo chơi lang thang, tinh thần bay đi, tham cầu ngao du nơi này nơi kia. Khi ấy thiên ma được cơ hội thuận tiện, phóng tinh thần của nó gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người ấy cũng không biết là mình bị ma dựa, tự cho rằng được Vô thượng Niết-bàn, đến chỗ người thiện nam muốn dạo chơi kia, trải tòa nói pháp.

Tự thân hình người ấy không biến đổi, nhưng những người nghe pháp kia chợt thấy thân mình ngồi trên tòa sen báu, toàn thân thành khối vàng tía rực rỡ. Cả chúng nghe pháp mỗi mỗi đều như thế, được việc chưa từng có. Người tu hành ngu mê, lầm là Bồ-tát, tâm sanh dâm dật, phá hoại luật nghi của Phật, lén làm những điều tham dục.

Miệng người ma dựa ưa nói chư Phật ứng hóa ra đời; ở chỗ kia, người kia chính là hóa thân đức Phật kia đến đây; người nọ tức là vị Bồ-tát nọ... đến giáo hóa nhân gian. Người tu hành thấy thể tâm sanh khát ngưỡng, tà kiến thâm dấy lên, giống trí tuệ bị tiêu diệt. Đây gọi là Bạt quỷ, tuổi già thành ma làm nhiễu loạn người tu. Khi tâm ma đã nhàm chán, nó bỏ thân thể người, đệ tử với thầy đều phạm vào luật vua. Các ông phải biết trước để không vào trong luân hồi, còn nếu mê lầm không biết sẽ rơi vào địa ngục Vô gián.

Lại, người thiện nam kia thọ ẩm rỗng suốt linh diệu, không bị các tà lực, định tròn đầy phát sáng. Trong chánh định, tâm ưa thâm hợp, lóng lạng tinh thần, tham cầu khế hợp. Khi ấy thiên ma được cơ hội thuận tiện, phóng tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người ấy thật không biết bị ma dựa, cũng nói mình được Vô thượng Niết-bàn, đến chỗ người thiện nam cầu thâm hợp kia, trải tòa nói pháp.

Thân hình người ấy và những người nghe pháp kia, bên ngoài không có gì biến đổi, nhưng khiến cho những người nghe pháp, trước khi nghe pháp tâm tự khai ngộ, niệm niệm dời đổi, hoặc được túc mạng thông, hoặc có tha tâm thông, hoặc thấy địa ngục, hoặc biết được các việc tốt xấu ở nhân gian, hoặc miệng nói kệ, hoặc tự tụng kinh. Mỗi người đều vui mừng, được điều chưa từng có. Người tu hành ngu mê, lầm cho là Bồ-tát, tâm thầm ưa thích, phá luật nghi của Phật, lén làm những chuyện tham dục.

Miệng người ma dựa ưa nói Phật có lớn có nhỏ, Phật kia là Phật trước, Phật nọ là Phật sau... Trong đó cũng có Phật thật Phật giả, Phật nam Phật nữ, Bồ-tát cũng vậy. Người tu kia thấy vậy, quên mất tâm tu hành trước, dễ tin hiểu theo tà. Đây gọi là Mị quý, tuổi già thành ma não loạn người ấy. Khi tâm ma đã nhàm chán, nó bỏ thân người, đệ tử và thầy đều phạm vào luật vua. Các ông phải biết trước để không vào trong luân hồi, còn nếu mê lầm không biết sẽ rơi vào địa ngục Vô gián.

Lại, người thiện nam kia thọ ẩm rỗng suốt linh diệu, không bị các tà lực, định tròn đầy phát sáng. Trong chánh định, tâm ưa biết cội gốc, xem xét cùng tột sự biến hoá trước sau của muôn vật, tâm sáng suốt kia tham cầu biện biệt phân tích. Khi ấy thiên ma được cơ hội thuận tiện, nó phóng tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người ấy trước không biết mình bị ma dựa, cũng nói rằng mình được Vô thượng Niết-bàn, đến chỗ người thiện nam cầu rõ nguồn gốc kia, trái tòa nói pháp.

Người ấy thân có oai thần, nhiếp phục được người cầu pháp, khiến cho người ở dưới tòa tuy chưa nghe pháp mà tự nhiên tâm đã kính phục rồi. Những người ấy cho rằng pháp thân, Bồ-đề, Niết-bàn của Phật là trên xác thân hiện tiền của ta đây. Cha cha con con lần lượt mà sanh, tức là pháp thân thường trụ không mất. Đều chỉ cho hiện tại là cội Phật, không riêng có cội thanh tịnh và thân tướng sắc vàng nào khác.

Người kia tin nhận, quên mất tâm tu hành trước, thân mạng đều quy y nơi người ấy, cho rằng được việc chưa từng có. Những người tu hành ngu mê, lầm cho là Bồ-tát, tâm ưa suy cứu kia, phá luật nghi của Phật, lén làm chuyện tham dục.

Miệng người ma dựa ưa nói mắt tai mũi lưỡi đều là Tịnh độ, nam căn, nữ căn là chỗ chân thật Bồ-đề, Niết-bàn. Những người kia không biết, tin lời nói ô uế ấy. Đây gọi là các loài ác quỷ Cổ Độc, Yểm Thắng, tuổi già thành ma làm não loạn người tu hành. Khi tâm ma sanh nhàm chán, nó bỏ thân người, thì đệ tử và thầy đều phạm vào luật vua. Các ông phải biết trước để không vào trong luân hồi, còn nếu mê lầm không biết sẽ rơi vào địa ngục Vô gián.

Lại, người thiện nam khi thọ ẩm rỗng suốt linh diệu, không bị các tà lực, định tròn đầy phát sáng. Trong chánh định, tâm ưa sự huyền ứng, nghiên cứu cùng khắp, tham cầu thâm cảm ứng. Khi ấy thiên ma được cơ hội thuận tiện, phóng tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người ấy vốn không biết bị ma dựa, cũng nói mình được Vô thượng Niết-bàn, đến chỗ người thiện nam cầu cảm ứng kia, trái tòa nói pháp, hay khiến cho thính chúng tạm thấy thân họ như đã trăm ngàn tuổi, tâm sanh ái nhiễm, không thể nào xa lìa được; đem thân làm tôi tớ, cúng dường tứ sự không biết mỏi mệt. Ma khiến cho tâm mỗi người dưới tòa đều biết đây là thiện tri thức, tiên sư của mình, riêng sanh pháp ái, dính khấn như keo sơn, được việc chưa từng có. Những người ngu mê ấy lầm cho là Bồ-tát, tâm ưa thân cận, phá luật nghi của Phật, lén làm những chuyện tham dục.

Miệng người ma dựa ưa nói: “Kiếp trước ta ở trong đời đó, trước độ người đó, lúc ấy là thê thiếp, anh em của ta, đời nay đến đây để độ nhau. Ta cùng với các người theo nhau về thế giới kia, cúng dường đức Phật kia.” Hoặc nói riêng có cõi trời Đại quang minh, Phật ở trong đó là chỗ tất cả đức Như Lai nghỉ ngơi.

Những người kia không hiểu biết, tin lời lừa dối ấy, quên mất tâm tu hành trước. Đây gọi là Lệ quỷ, tuổi già thành ma não loạn người tu hành. Khi tâm ma nhàm chán, nó bỏ thân người, thì đệ tử và thầy đều phạm vào luật vua. Các ông phải biết trước để không vào trong luân hồi, còn nếu mê lầm không biết sẽ rơi vào địa ngục Vô gián.

Lại, người thiện nam khi thọ ẩm rỗng suốt linh diệu, không bị các tà lự, định tròn đầy phát sáng. Trong chánh định, tâm ưa thâm nhập khắc khổ siêng năng, ưa chỗ vắng vẻ, tham cầu yên tĩnh. Khi ấy thiên ma được cơ hội thuận tiện, phóng tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người ấy vốn không biết bị ma dựa, cũng nói mình được Vô thượng Niết-bàn, đến chỗ người thiện nam cầu yên lặng kia, trải tòa nói pháp, khiến những người nghe pháp đều biết được nghiệp trước của mình. Hoặc ở trong hội đó, nói với một người rằng: “Nay ông chưa chết mà đã làm súc sanh”, rồi bảo một người phía sau đập cái đuôi, liền khiến người kia không đứng dậy được.

Khi ấy cả chúng đều hết lòng kính phục. Có người khởi tâm thì nó đã biết được ý móng khởi. Ngoài luật nghi của Phật, lại thêm sự khắc khổ, nó chê bai các thầy Tỳ-kheo, mắng nhiếc đồ chúng, vạch bày việc của người, không ngại sự chê trách.

Miệng người ma dựa ưa nói những điều họa phước chưa đến, đến khi họa phước xảy ra thì không sai sót mảy may. Đây là Đại lực quỷ, tuổi già thành ma não loạn người tu hành. Khi tâm ma nhàm chán, nó bỏ thân người thì đệ tử cùng với thầy đều phạm vào luật vua. Các ông phải biết trước để không vào trong luân hồi, còn nếu mê lầm không biết sẽ rơi vào địa ngục Vô gián.

Lại, người thiện nam khi thọ ẩm rỗng suốt linh diệu, không bị các tà lự, định tròn đầy phát sáng. Trong chánh định, tâm ưa hiểu biết, siêng năng khổ nhọc xét tìm, mong cầu biết đời trước. Khi ấy thiên ma được cơ hội thuận tiện, phóng tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người ấy vốn không hay biết bị ma dựa, cũng nói mình được Vô thượng Niết-bàn, đến chỗ người thiện nam cầu hiểu biết kia, trải tòa nói pháp.

Người tu hành bỗng đứng ở chỗ nói pháp, được hạt châu lớn. Ma kia có khi hóa làm súc sanh, miệng ngậm hạt châu và các loại trân bảo khác, hoặc sắc lệnh phong tước của vua chúa, thẻ lệnh của quan tướng, các vật kỳ lạ, trước trao cho người kia, sau đeo vào trong thân. Hoặc dụ người nghe pháp ở dưới đất có chôn hạt châu mình nguyệt, đang chiếu sáng chỗ kia. Những người nghe pháp được việc chưa từng có. Phần nhiều ma ăn thuốc hoặc cỏ, không ăn những thức ăn ngon, có khi ngày ăn một hột mè, hạt lúa mà thân hình nó vẫn béo mập, do vì sức ma gìn giữ. Ma chê bai các thầy Tỳ-kheo, mắng nhiếc đồ chúng, không sợ sự chê trách.

Miệng người ma dựa ưa nói kho báu chôn ở phương khác, hoặc chỗ ở ẩn của các bậc Thánh Hiền mười phương. Ai theo sau nó đi tìm thì thường thấy có những người kỳ dị.

Đây gọi là quỷ thần ở rừng núi, đất đai, thành hoàng, sông núi, tuổi già thành ma. Hoặc ma nói những điều dâm dục, phá giới luật của Phật, nó cùng với những người phụng sự lén làm việc ngũ dục, hoặc có khi tinh tấn ăn toàn cỏ cây. Việc làm của nó không nhất định, cốt não loạn người tu hành. Khi tâm ma nhàm chán, nó bỏ thân người thì đệ tử và thầy phần nhiều phạm vào luật vua. Các ông phải biết trước để không vào trong luân hồi, còn nếu mê lầm không biết sẽ rơi vào địa ngục Vô gián.

Lại, người thiện nam khi thọ ẩm rỗng suốt linh diệu, không bị các tà lự, định tròn đầy phát sáng. Trong chánh định, tâm ưa các thứ thần thông biến hóa, nghiên cứu nguồn gốc sự biến hóa, tham cầu có thần lực. Khi ấy thiên ma được cơ hội thuận tiện, phóng tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người ấy vốn không hay biết bị ma dựa, cũng nói mình được Vô thượng Niết-bàn, đến chỗ người thiện nam cầu thần thông kia, trải tòa nói pháp.

Người ấy hoặc tay cầm lửa sáng, nắm lửa đó đem phân phối trên đầu bốn chúng nghe pháp. Ngọn lửa trên đỉnh đầu những người nghe pháp, lên cao vài thước (thước tàu = 1/3m) cũng không nóng, không hề bị thiêu đốt. Hoặc ma đi trên nước như khi đi trên đất bằng, hoặc ở trong hư không ngồi yên không động, hoặc vào trong bình, hoặc ở trong đây, hoặc vượt ra cửa sổ, xuyên qua vách tường không có gì chướng ngại. Chỉ đối với đao binh thì ma không được tự tại.

Ma tự nói là Phật, thân mặc áo trắng mà nhận Tỳ-kheo lễ, chê bai Thiền Luật, mắng nhiếc đồ chúng, vạch bày việc của người mà không sợ tị hiềm. Miệng ma thường nói thần thông tự tại, hoặc lại khiến người ở bên thấy được cõi Phật. Đây là do sức quỷ mê hoặc người, không phải chân thật. Ma khen ngợi việc hành dâm, không chê những hạnh thô, đem những việc xấu xa cho đó là truyền pháp.

Đây gọi là các loài tinh mị có sức lực lớn trong trời đất: tinh núi, tinh biển, tinh gió, tinh sông, tinh đất; tất cả tinh mị do cây cỏ sống nhiều kiếp hóa thành; hoặc là rồng thành quỷ; hoặc các vị tiên tuổi thọ hết, sống lại làm loài yêu quái; hoặc những vị tiên kỳ hạn đã hết, đến lúc phải chết mà hình không hoại, có các loài yêu quái gá vào, tuổi già thành ma não loạn người tu. Khi tâm ma nhàm chán, nó bỏ thân thể người kia, đệ tử với thầy phần nhiều phạm vào luật vua. Các ông phải biết trước để không vào trong luân hồi, còn nếu mê lầm không biết sẽ rơi vào địa ngục Vô gián.

Lại, người thiện nam khi thọ ẩm rỗng suốt linh diệu, không bị các tà lực, định tròn đầy phát sáng. Trong chánh định, tâm ưa vào chỗ tịch diệt, nghiên cứu tánh biến hóa, tham cầu cái Không sâu xa. Khi ấy thiên ma được cơ hội thuận tiện, phóng tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người ấy vốn không biết bị ma dựa, cũng nói mình được Vô thượng Niết bàn, đến chỗ người thiện nam cầu Không kia, trái tòa nói pháp. Ở trong đại chúng, thân hình bỗng hóa thành không, mọi người không thấy gì, lại từ hư không đột nhiên xuất hiện, khi hiện khi mất tự tại. Ma hoặc hiện thân rỗng suốt như lưu ly, hoặc duỗi tay chân phát ra mùi hương chiên-đàn, hoặc đại tiểu tiện cứng như đường phên.

Ma chê bai giới luật, khinh khi người xuất gia, miệng thường nói không có nhân quả, một phen chết là mất hẳn, không có thân sau, cũng không có phàm thánh. Tuy nó được không lạng mà lén làm những việc tham dục, người thọ nhận dục kia cũng được tâm không, cũng bác không có nhân quả. Đây gọi là các loại vàng ngọc, cỏ thơm... ăn nuốt tinh khí mặt trời mặt trăng, lân, phụng, quy, hạc, trải qua ngàn muôn năm không chết, thành tinh linh sanh ra trong cõi nước, tuổi già thành ma não loạn người tu hành. Khi tâm ma nhàm chán, nó bỏ thân thể người ấy, đệ tử với thầy phần nhiều phạm vào luật vua. Ông phải biết trước để không vào trong luân hồi, còn nếu mê lầm không biết sẽ rơi vào địa ngục Vô gián.

Lại, người thiện nam khi thọ ẩm rỗng suốt linh diệu, không bị các tà lực, định tròn đầy phát sáng. Trong chánh định, tâm ưa sống lâu, nhọc nhằn nghiên cứu kỹ, tham cầu được nhiều tuổi thọ bỏ mạng sống phần đoạn, mong chóng được tướng vi tế biến dịch thường trụ.

Khi ấy thiên ma được cơ hội thuận tiện, phóng tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người ấy vốn không biết bị ma dựa, cũng nói mình được Vô thượng Niết-bàn, đến chỗ người thiện nam cầu sống lâu kia, trái tòa nói pháp. Ma ưa nói qua lại phương khác không chướng ngại, hoặc trải qua muôn dặm chỉ trong chớp mắt, hay một hơi thở liền trở lại, đều lấy được vật ở phương kia.

Hoặc ở một chỗ, trong một nhà chỉ khoảng vài bước, bảo người kia đi từ bên đông đến vách bên tây, người ấy đi rất mau mà trải nhiều năm cũng không đến. Nhân đây mọi người có lòng tin nghi là Phật hiện tiền. Miệng ma thường nói: “Chúng sanh ở mười phương đều là con của ta, ta sanh ra chư Phật, ta sanh ra thế giới, ta là Phật đầu tiên, tự nhiên ra đời, không do tu mà được.” Đây gọi là ma Trụ thế Tự tại thiên. Ma sai bọn quyến thuộc như Giá-văn-trà và đồng tử Tỳ-xá cõi trời Tứ thiên vương, những kẻ chưa phát tâm, ưa cái hư minh kia, ăn tinh khí của người tu hành.

Hoặc không nhân nơi thầy, đích thân người tu hành kia xem thấy, những vị tự xưng là thần Chấp kim cương đến ban cho mạng sống lâu dài. Ma hiện thân mỹ nữ, làm những việc tham dục, chưa đầy một năm, gan não của người kia đều khô kiệt. Miệng người kia hay nói lẩm bẩm một mình, nghe như yêu quái, người đi trước chưa rõ nguyên do, phần nhiều phạm vào luật vua, chưa kịp chịu hình phạt, trước đã chết khô. Ma nào loạn người kia cho đến chết mất. Các ông phải biết trước để không vào trong luân hồi, còn nếu mê lầm không biết sẽ rơi vào địa ngục Vô gián.

Này A-nan, phải biết mười thứ ma này, trong đời mật pháp, những người xuất gia tu hành ở trong giáo pháp của ta, hoặc ma gá vào thân thể người ấy, hoặc tự hiện hình, đều nói đã thành Chánh biến tri giác, khen ngợi dâm dục, phá luật nghi của Phật. Trước là thầy ác ma, cùng với đệ tử ma, đem dâm dục truyền dạy nhau. Những tà tình như thế mê hoặc tim gan người kia, gần thì chín đời, nhiều đến trăm đời, khiến cho người tu hành chân chánh đều làm quyến thuộc của ma. Sau khi mạng chung ắt làm dân ma, mất chánh biến tri, rơi vào địa ngục Vô gián.

Nay ông chưa nên vào Niết-bàn tịch diệt. Trước dù ông đã được vô học, nên lưu nguyện vào trong đời mật pháp kia, khởi lòng đại từ bi cứu độ những chúng sanh có lòng tin sâu chân chánh, khiến họ không bị mắc tà ma, được chánh tri kiến. Nay tôi độ ông đã được ra khỏi sanh tử, ông phải vâng lời Phật dạy mới gọi là đền ơn của Phật.

Này A-nan, mười thứ cảnh hiện ra trong thiền định như thế, đều do tưởng ám dụng tâm xen lẫn nên hiện những việc này. Chúng sanh mê lầm không tự xét lường, gặp những nhân duyên này, mê mờ không tự biết, bảo rằng đã lên quả vị thánh, thành tội đại vọng ngữ, rơi vào địa ngục Vô gián. Sau khi ta diệt độ, các ông ắt phải đem lời nói của Như Lai truyền dạy cho đời mật pháp, khiến cho khắp chúng sanh khai ngộ được nghĩa này, không để cho thiên ma được cơ hội thuận tiện, bảo vệ che chở những người tu hành thành đạo Vô thượng.

4. Hành ẩm

Này A-nan, người thiện nam kia tu chánh định, tưởng ẩm đã hết, người này bình thường mọi mộng tưởng đã tiêu diệt, nên thức ngủ hằng một tánh giác minh rõ suốt lặng lẽ, giống như hư không trong trẻo, không còn những việc bóng dáng thô trọng của tiền trần. Xem thấy núi sông đất liền trong thế gian như trong gương soi sáng, đến không chỗ dính, đi không dấu vết. Rõng nhận sự soi sáng ứng hiện, hoàn toàn không còn tập khí cũ, chỉ có một tinh chân.

Cội gốc sanh diệt từ đây bày hiện. Thấy rõ ràng tất cả chủng loại của mười hai loài chúng sanh trong mười phương. Tuy chưa thông suốt manh mối sanh mạng của các loài, nhưng thấy đồng một nền tảng phát sanh, giống như sóng nắng chập chờn, trong sạch mà lăng xăng, là then chốt cứu cánh của phù căn trần. Đây gọi là phạm vi của hành ẩm.

Nếu nguồn gốc trong sạch mà lăng xăng chập chờn này vào tánh lóng lạng ban đầu, một phen lóng lạng những tập khí từ trước, như những lượn sóng lớn sóng nhỏ đều tiêu diệt, chỉ còn nước lẳng trong, gọi là hành ẩm hết. Người ấy ắt hay vượt khỏi chúng sanh trược. Xét lại nguyên do kia thì gốc là vọng tưởng thâm lặng.

A-nan nên biết, những người thiện nam ở trong chánh định được chánh tri này, tâm chân chánh ngưng lặng sáng suốt, mười loài thiên ma không được cơ hội thuận tiện nữa, mới được chuyên rỗng nghiên cứu cùng tột cội gốc các loài chúng sanh. Nơi cội gốc các loài, manh mối của sự sanh được bày lộ. Xét gốc ban đầu trong sạch thâm kín, tròn đầy mà còn xao động, ở trong cội gốc tròn đầy đó khởi suy tính chấp trước, người ấy rơi vào hai thứ luận vô nhân.

Một là người ấy thấy gốc không có nhân. Vì sao? Người ấy đã phá dẹp hoàn toàn cơ sở của sự sanh, nương tám trăm công đức của nhãn căn, thấy được những chúng sanh trong tám muôn kiếp, nghiệp

bảo lưu chuyển xoay vần, chết đây sanh kia; chỉ thấy chúng sanh luân hồi trong khoảng đó, ngoài tám muôn kiếp thì mờ mịt không thấy được. Người ấy liền khởi nghĩ rằng chúng sanh ở thế gian trong mười phương này, tám muôn kiếp trở lại, không nhân mà tự có. Do suy tính chấp trước này, mất chánh biến tri, rơi vào ngoại đạo, làm tánh Bồ-đề.

Hai là người ấy thấy ngọn không có nhân. Vì sao? Người ấy nơi sự sanh đã thấy cội gốc các loài, biết người sanh người, hiểu chim sanh chim, quạ trước nay là đen, thiên nga trước nay là trắng, người và trời vốn dĩ thẳng, súc sanh vốn dĩ ngang, màu trắng không do rửa mà thành, màu đen chẳng phải do nhuộm mà được, suốt tám muôn kiếp không hề thay đổi. Nay hết đời này cũng lại như thế. Ta xưa nay không thấy có Bồ-đề, làm sao lại có việc thành tựu Bồ-đề? Nên biết ngày nay tất cả vật tượng đều vốn là không có nhân. Do suy tính chấp trước này, quên mất chánh biến tri, rơi vào ngoại đạo, làm tánh Bồ-đề. Đây gọi là ngoại đạo thứ nhất, lập luận vô nhân.

Này A-nan! Những người thiện nam ở trong chánh định này, tâm chân chánh ngưng lặng sáng suốt, ma không được cơ hội thuận tiện, xét cùng tột cội gốc của các loài chúng sanh, xem gốc ban đầu trong sạch thẳm kín mà thường nhiều động kia, ở trong tánh viên thường mà khởi suy tính chấp trước, người ấy rơi vào bốn thứ luận biến thường.

Một là người ấy xét cùng tột tánh của tâm và cảnh, cả hai đều không nhân. Tu tập có thể biết được trong hai muôn kiếp sự sanh diệt của chúng sanh mười phương, thấy đều tuần hoàn không hề tan mất, chấp cho đó là thường.

Hai là người ấy xét cùng tột nguồn gốc của tứ đại, tánh của tứ đại là thường trụ. Tu tập có thể biết được trong bốn muôn kiếp sự sanh diệt của chúng sanh trong mười phương, bản thể đều thường hằng không hề tan mất, chấp cho đó là thường.

Ba là người ấy xét cùng tột sáu căn, do thức mặt-na chấp giữ, trong tâm ý thức biết nguyên do căn bản tánh là thường hằng. Do tu tập có thể biết được trong tám muôn kiếp, tất cả chúng sanh xoay vần không mất, xưa nay thường trụ; xét tội cùng tánh không mất, chấp cho đó là thường.

Bốn là người ấy đã hết gốc tướng, lý sanh không còn sự vận chuyển trôi chảy hay dừng lại. Tâm tướng sanh diệt nay đã vĩnh viễn diệt mất, trong lý tự nhiên thành chẳng sanh diệt. Nhân tâm khởi suy tính chấp trước cho đó là thường. Do chấp thường này, mất chánh biến tri, rơi vào ngoại đạo, làm tánh Bồ-đề. Đây gọi là ngoại đạo thứ hai, lập luận viên thường.

Lại, những người thiện nam ở trong chánh định, do tâm chân chánh ngưng lặng vững chắc, ma không được cơ hội thuận tiện, xét cùng tột cội gốc của các loài chúng sanh, xem gốc ban đầu trong sạch thẳm kín mà thường nhiều động kia, ở trong tự và tha khởi suy tính chấp trước. Người ấy rơi vào bốn luận chấp điên đảo, một phần vô thường một phần thường.

Một là người ấy xem xét tâm diệu minh lặng lẽ khắp cả thế giới mười phương, cho là thần ngã cứu cánh, từ đó khởi chấp cái ta cùng khắp mười phương, ngưng lặng sáng suốt chẳng động, còn tất cả chúng sanh ở trong tâm ta, tự sanh tự chết. Vậy tâm tánh của ta gọi là thường, còn những chúng sanh sanh diệt kia thật là vô thường.

Hai là người ấy không xét tâm mà xem khắp hằng sa cõi nước trong mười phương, thấy chỗ kiếp hoại gọi là chung tánh rốt ráo vô thường, thấy chỗ kiếp không hoại gọi là rốt ráo thường.

Ba là người ấy quán riêng tâm mình tinh tế nhỏ nhiệm, giống như vi trần, lưu chuyển trong mười phương, tánh không đổi dời, có thể khiến cho thân này liền sanh liền diệt. Chấp tánh không hoại kia gọi là tánh thường của mình. Tất cả sanh tử từ nơi cái ngã đó phát sanh ra gọi là vô thường.

Bốn là người ấy biết tường ấm hết, thấy hành ấm trôi chảy. Hành ấm thường trôi chảy, chấp cho là tánh thường, còn sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm v.v... nay đã diệt hết, gọi là vô thường. Do đây mà khởi suy tính chấp trước một phần vô thường một phần thường, rơi vào ngoại đạo, lầm tánh Bồ-đề. Đây là ngoại đạo thứ ba, lập luận một phần thường một phần vô thường.

Lại, những người thiện nam ở trong chánh định, do tâm chân chánh ngưng lặng vững chắc, mà không được cơ hội thuận tiện; xét cùng tận cội gốc của các loài chúng sanh, xem gốc ban đầu trong sạch thẳm kín mà thường nhiều động kia, ở trong phần vị sanh ra suy tính chấp trước. Người ấy rơi vào bốn thứ luận hữu biên.

Một là tâm người ấy chấp chỗ ban đầu của sự sanh trôi chảy không dừng, chấp quá khứ vị lai gọi là hữu biên, chấp tâm tương tục gọi là vô biên.

Hai là người ấy quán tám muôn kiếp thấy có chúng sanh, còn trước tám muôn kiếp thì bất không nghe thấy gì. Chỗ không nghe thấy gọi là vô biên, còn chỗ có chúng sanh gọi là hữu biên.

Ba là người ấy chấp ta biết khắp là được tánh vô biên. Tất cả các người kia hiện ở trong cái biết của ta, ta không hề biết tánh biết của họ, cho là những người kia không được tâm vô biên, chỉ có tánh hữu biên.

Bốn là người ấy xét cùng tận hành ấm là không. Do chỗ thấy con đường tâm suy tính trong một thân của tất cả chúng sanh, thấy đều phân nửa sanh phân nửa diệt; chấp rằng tất cả sự vật trong thế giới, phân nửa là hữu biên, phân nửa là vô biên. Do suy tính chấp trước hữu biên và vô biên như thế, rơi vào ngoại đạo, lầm tánh Bồ-đề. Đây gọi là ngoại đạo thứ tư lập luận hữu biên.

Lại, những người thiện nam ở trong chánh định, do tâm chân chánh ngưng lặng vững chắc, mà không được cơ hội thuận tiện, xét cùng tận cội gốc của các loài chúng sanh, xem gốc ban đầu trong sạch thẳm kín mà thường nhiều động kia, ở trong hiểu biết sanh ra suy tính chấp trước. Người ấy rơi vào bốn thứ luận hư vọng, điên đảo biến kế, càn loạn bất tử.

Một là người ấy xem cội gốc sự biến hóa, thấy chỗ dời đổi gọi đó là biến, thấy chỗ tiếp nối không dừng gọi đó là hằng còn. Thấy những chỗ thấy được gọi là sanh, chỗ chẳng thấy được gọi là diệt. Chỗ các nhân tiếp nối không đoạn dứt gọi là tăng; còn chính trong chỗ tiếp nối, ở chỗ giữa lìa ra gọi là giảm. Chỗ sanh của mỗi thứ gọi là có, chỗ luôn luôn mất gọi là không.

Dùng lý xem xét tất cả, dụng tâm thấy có sai biệt. Có người đến cầu pháp hỏi nghĩa kia thì đáp rằng: “Nay tôi cũng sanh cũng diệt, cũng có cũng không, cũng tăng cũng giảm.” Trong tất cả thời đều nói rối loạn, khiến cho người đang đứng trước hỏi đạo đó, không thể hiểu câu nghĩa.

Hai là người ấy xem kỹ tâm kia, luôn luôn ở chỗ không, nhân không mà được chứng. Có người đến hỏi, chỉ đáp một chữ, chỉ nói là “không”. Ngoài chữ “không” ra không nói lời gì nữa.

Ba là người ấy xem xét kỹ nơi tâm kia, mỗi mỗi đều có chỗ, do thấy có mà được chứng. Có người đến hỏi, chỉ đáp một chữ, chỉ nói là “phải”. Ngoài chữ “phải” ra không nói lời gì nữa.

Bốn là người ấy chấp cả có và không, vì cảnh phân tán nên tâm cũng rối loạn. Có người đến hỏi, đáp rằng: “Cũng có tức là cũng không, trong cũng không chẳng phải là cũng có.” Tất cả đều rối loạn, không đáp cùng tận.

Do suy tính chấp trước đó, rối loạn, rỗng không, rơi vào ngoại đạo, lầm tánh Bồ-đề. Đây gọi là ngoại đạo thứ năm, chấp bốn thứ luận hư vọng, điên đảo biến kế, càn loạn bất tử.

Lại, những người thiện nam ở trong chánh định, do tâm chân chánh ngưng lặng vững chắc, mà không được cơ hội thuận tiện, xét cùng tận cội gốc các loài chúng sanh, xem gốc ban đầu trong sạch

thầm kín mà thường nhiều động kia, nơi dòng chảy vô tận sanh ra suy tính chấp trước, người ấy khởi tâm điên đảo, rơi vào chấp sau khi chết có tướng. Hoặc tự củng cố thân, bảo rằng “sắc là ngã”. Hoặc thấy ngã bao trùm khắp các cõi nước, nên nói “ngã có sắc”. Hoặc thấy những duyên ở trước theo ngã mà xoay trở lại, nên nói “sắc thuộc về ngã”. Hoặc lại thấy ngã nương trong hành mà tương tục, nên nói “ngã ở nơi sắc”.

Bốn thứ ngã đó đều do suy tính chấp trước sau khi chết có tướng. Như thế xoay vần có mười sáu tướng, từ đây còn chấp cứu cánh phiền não và cứu cánh Bồ-đề, hai tánh cùng chạy đuổi, đều không đụng chạm nhau. Do đây suy tính chấp trước sau khi chết là có, rơi vào ngoại đạo, lầm tánh Bồ-đề. Đây gọi là ngoại đạo thứ sáu, do tâm điên đảo lập luận trong năm ấm sau khi chết có tướng.

Lại, những người thiện nam ở trong chánh định, do tâm chân chánh ngưng lặng vững chắc, mà không được cơ hội thuận tiện, xét cùng tột cội gốc của các loài chúng sanh, xem gốc ban đầu trong sạch thầm kín mà thường nhiều động kia, trước trừ diệt sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, sanh ra suy tính chấp trước. Người ấy khởi tâm điên đảo, rơi vào chấp sau khi chết không tướng.

Người ấy thấy sắc ấm diệt, hình thể không còn chỗ làm nhân; quán tưởng ấm diệt, tâm không ràng buộc chỗ nào; biết thọ ấm diệt, không còn dính dáng gì; tánh các ấm tiêu tan, dù có lý sanh mà không có thọ và tưởng thì đồng với cây cỏ. Hình chất này hiện tiền còn không thể được, sau khi chết làm sao lại có các tướng? Nhân đó suy nghiệm sau khi chết không có tướng.

Như thế xoay vần có tám thứ vô tướng. Từ đây chấp nhân quả, Niết-bàn... tất cả đều không, chỉ có danh tự suông, rỗng ráo đều đoạn diệt. Do đây suy tính chấp trước sau khi chết là không, rơi vào ngoại đạo, lầm tánh Bồ-đề. Đây là ngoại đạo thứ bảy, do tâm điên đảo lập luận trong năm ấm sau khi chết không có tướng.

Lại, những người thiện nam ở trong chánh định, do tâm chân chánh ngưng lặng vững chắc, mà không được cơ hội thuận tiện, xét cùng tột cội gốc của các loài chúng sanh, xem gốc ban đầu trong sạch thầm kín mà thường nhiều động kia, trong chỗ hành ấm còn, mà thọ tưởng đều diệt, khởi hai chấp có và không tự thể phá nhau. Người ấy rơi vào luận điên đảo, chấp sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không.

Trong sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, thấy có mà chẳng phải có; trong hành ấm thì đối dời, thấy không mà chẳng phải không.

Như thế xoay vần cùng tận ấm giới, thành tám tướng “đều chẳng phải”; tùy gặp một duyên gì, đều nói sau khi chết có tướng, không tướng.

Lại, suy xét tánh các hành ấm là thay đổi liên tục, nên tâm phát ra thấu suốt, cho rằng có, không đều chẳng phải, hư thật lộn xộn.

Do đây suy tính chấp trước sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không, phía sau mờ mịt không có lối đi, rơi vào ngoại đạo, lầm tánh Bồ-đề. Đây gọi là ngoại đạo thứ tám, do tâm điên đảo lập luận trong năm ấm sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không.

Lại, những người thiện nam ở trong chánh định, do tâm chân chánh ngưng lặng vững chắc, mà không được cơ hội thuận tiện, xét cùng tột cội gốc của các loài chúng sanh, xem gốc ban đầu trong sạch thầm kín mà thường nhiều động kia, sanh ra suy tính chấp trước sau cùng là không. Người ấy rơi vào bảy thứ luận đoạn diệt.

Hoặc họ chấp thân này diệt, hoặc chấp dục hết là diệt, hoặc chấp khổ hết là diệt, hoặc chấp vui tột là diệt, hoặc chấp xả tột là diệt. Như vậy xoay vần cùng tận bảy thứ, hiện tiền đều là tiêu diệt, diệt rồi

không trở lại. Do đây suy tính chấp trước sau khi chết là đoạn diệt, rơi vào ngoại đạo, làm tánh Bồ-đề. Đây gọi là ngoại đạo thứ chín, do tâm điên đảo lập luận trong năm ấm sau khi chết đoạn diệt.

Lại, những người thiện nam ở trong chánh định, do tâm chân chánh ngưng lặng vững chắc, mà không được cơ hội thuận tiện, xét cùng tội cội gốc của các loài chúng sanh, xem chỗ ban đầu trong sạch thâm kín mà thường nhiễu động kia, sanh ra suy tính chấp trước ở sau cùng là có. Người ấy rơi vào chấp năm thứ luận Niết-bàn.

Hoặc cho Dục giới là chánh chuyển y, do xem thấy sáng suốt tròn khắp nên sanh lòng yêu thích. Hoặc cho Sơ thiên là Niết-bàn vì tánh không lo buồn. Hoặc cho Nhị thiên là Niết-bàn vì tâm không khổ. Hoặc cho tam thiên là Niết-bàn vì rất vui. Hoặc cho Tứ thiên là Niết-bàn vì cả hai khổ vui đều mất, không phải chịu sanh diệt trong luân hồi.

Do mê lầm cõi trời hữu lậu, khởi hiểu là vô vi, lấy năm chỗ an ổn làm nơi nương tựa thù thắng thanh tịnh. Xoay vần như thế có năm chỗ cứu cánh.

Do đây mà suy tính chấp trước năm thứ Niết-bàn hiện có, rơi vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ-đề. Đây là ngoại đạo thứ mười, do tâm điên đảo mà lập luận trong thân năm ấm có năm thứ Niết-bàn hiện tại.

Này A-nan, mười thứ cuồng giải trong thiên định như thế, đều do hành ấm dụng tâm xen lẫn nên hiện ra hiểu biết này. Chúng sanh mê lầm không tự xét lường, gặp những cảnh hiện tiền này, lấy mê làm ngộ, tự nói đã chứng quả thánh, thành tội đại vọng ngữ, rơi vào địa ngục Vô gián.

Sau khi ta diệt độ, các ông cần phải đem lời của Như Lai truyền dạy cho chúng sanh đời mạt pháp, khiến cho khắp chúng sanh hiểu rõ nghĩa này, không để cho tâm ma tự gây những tội lỗi sâu nặng. Bảo vệ che chở cho họ tiêu dứt các tà kiến. Dạy cho họ thân tâm đều khai mở, được nghĩa giác ngộ chân thật, nơi đạo Vô thượng không gặp những lối tẻ. Chớ để họ mong cầu được một ít cho là đủ, nêu bày lời dạy thanh tịnh của bậc Đại giác vương.

5. Thức ấm

Này A-nan, người thiện nam kia khi tu chánh định, hành ấm đã hết, ở chỗ trong sạch thâm kín mà nhiễu động, sự sanh chung của các chúng sanh trong thế gian bỗng nhiên bị tiêu diệt. Giếng mỗi sâu kín của mầm sanh, mạch ngầm cảm ứng của sự đền trả các nghiệp đã dứt mất.

Nơi trời Niết-bàn sắp đại minh ngộ, giống như khi gà gáy sáng, nhìn về phương đông đã thấy có ánh sáng.

Sáu căn rỗng lặng không còn giống ruồi, trong ngoài lặng lẽ sáng suốt, vào không chỗ vào, thấu suốt được nguyên do thọ mạng của mười hai loài chúng sanh ở khắp mười phương. Xem thấy nguyên nhân đều từ chấp trước, nên các loài không còn chiêu dẫn được nữa. Trong mười phương thế giới đã được tánh đồng, sắc sáng không còn bị chìm mất, phát hiện những chỗ sâu kín. Đây gọi là phạm vi của thức ấm.

Nếu đối với các sự chiêu cảm đã tới chỗ chung rồi thì tiêu dung sáu căn, khi đóng hay mở đều được thành tựu, thấy nghe thông nhau, dùng lẫn nhau thanh tịnh. Thế giới mười phương cùng với thân tâm như ngọc lưu ly, trong ngoài đều sáng suốt, gọi đó là thức ấm hết. Người ấy có thể vượt khỏi mạng trước.

Xem xét nguyên do của nó, gốc là vọng tưởng điên đảo, hình ảnh giả dối rỗng không.

A-nan nên biết, người thiện nam ấy đã tội các hành ấm là không, trở về cội nguồn của thức ấm, đã diệt được sanh diệt, nhưng chỗ tinh diệu tịch diệt chưa được tròn đủ. Người ấy có thể khiến nơi

thân mình, các căn khi hợp khai, khi chia cách, cũng cùng các loài trong mười phương thông hiểu nhau; tánh hiểu biết đó thông suốt nhau, có thể vào tánh ban đầu tròn đủ.

Nếu nơi chỗ trở về đó, lập ra nhân chân thường, sanh khởi thắng giải, người ấy rơi vào chấp “nhân, sở nhân”, thành bè bạn của ngoại đạo Ta-tỳ-ca-la, chấp trở về với mình để, làm Bồ-đề của Phật, quên mất tri kiến. Đây gọi là hạng thứ nhất, lập tâm có sở đắc thành quả có chỗ trở về, trái xa tánh viên thông, đi ngược với thành Niết-bàn, sanh vào giống ngoại đạo.

A-nan, người thiện nam ấy, đã tốt hành ấm là không, đã diệt được sanh diệt, nhưng chỗ tinh diệu của tịch diệt chưa được tròn đủ. Nếu nơi chỗ trở về xem là tự thể, tất cả chúng sanh trong mười hai loài ở khắp cả cõi hư không đều từ trong một thân ta lưu xuất, rồi sanh khởi thắng giải. Người ấy rơi vào chấp “năng, phi năng”, thành bè bạn với Ma-hê-thủ-la hiện vô biên thân, làm Bồ-đề của Phật, quên mất tri kiến.

Đây gọi là hạng thứ hai, lập tâm năng vi thành quả năng sự, trái xa tánh viên thông, đi ngược với thành Niết-bàn, sanh vào giống ngoại đạo Đại mạn thiên, thấy cái ngã trùm khắp viên mãn.

Lại, người thiện nam ấy đã tốt hành ấm là không, đã diệt được sanh diệt, nhưng chỗ tinh diệu tịch diệt chưa được tròn đủ. Nếu đối với chỗ trở về thấy có chỗ quay về nương tựa, liền tự nghi thân tâm từ đó lưu xuất, hư không mười phương đều từ đó sanh khởi. Ngay chỗ tất cả đều từ đó lưu xuất, khởi hiểu là thân chân thường không còn sanh diệt. Ở trong sanh diệt sớm chấp cho là thường trụ. Đã làm cái chướng sanh cũng mê luôn cái sanh diệt, an trụ trong mê làm sâu nặng mà sanh khởi thắng giải.

Người ấy rơi vào chấp “thường, phi thường”, thành bạn bè những kẻ chấp Tự tại thiên, làm Bồ-đề của Phật, quên mất tri kiến. Đây gọi là hạng thứ ba, lập tâm nhân y thành quả vọng kể, trái xa tánh viên thông, đi ngược với thành Niết-bàn, sanh ra hạt giống “đảo viên”.

Lại, người thiện nam ấy, đã tốt các hành ấm là không, đã diệt được sanh diệt, nhưng chỗ tinh diệu tịch diệt chưa được tròn đủ. Nếu ở chỗ biết, do biết cùng khắp, nhân biết đó lập thành sự nhận hiểu rằng “cỏ cây mười phương đều gọi là hữu tình, cùng với người không khác; cỏ cây làm người, người chết trở lại thành cây cỏ mười phương, đều cùng biết khắp, không có chọn lựa”, rồi sanh khởi thắng giải.

Người ấy rơi vào chấp “tri vô tri”, thành bạn bè của Bà-tra-tản-ni, chấp tất cả đều biết, làm mê Bồ-đề của Phật, quên mất tri kiến. Đây gọi là hạng thứ tư, chấp tâm khắp biết, thành quả sai lầm hư dối, trái xa tánh viên thông, đi ngược với thành Niết-bàn, sanh ra hạt giống “đảo tri”.

Lại, người thiện nam ấy đã tốt hành ấm là không, đã diệt được sanh diệt, nhưng chỗ tinh diệu tịch diệt chưa được tròn đủ. Nếu trong chỗ viên tịch diệt chưa được tròn đủ. Nếu trong chỗ viên dung các căn hỗ dụng đã được tùy thuận, liền nơi sự biến hóa tròn đầy mà tất cả phát sanh, mong được ánh sáng của lửa, ưa sự trong sạch của nước, thích sự chuyển khắp của gió, xem sự thành tựu của trần, mỗi mỗi đều tôn sùng thờ phụng, lấy các trần này làm nhân ban đầu, lập ra sự nhận hiểu thường trụ.

Người ấy rơi vào chấp “sanh vô sanh”, thành bạn bè của Ca-diếp-ba cùng những Bà-la-môn, đem hết thân tâm siêng năng thờ phụng lửa, nước để cầu ra khỏi sanh tử, mê làm Bồ-đề của Phật, quên mất tri kiến. Đây gọi là hạng thứ năm, chấp trước thờ phụng, tâm mê theo vật, lập nhân vọng cầu mong được quả hư dối, trái xa tánh viên thông, đi ngược với thành Bồ-đề, sanh ra hạt giống “điên hóa” (biến hóa điên đảo).

Lại, người thiện nam ấy đã tốt hành ẩm là không, đã diệt được sanh diệt, nhưng chỗ tinh diệu tịch diệt chưa được tròn đủ. Nếu nơi chỗ tròn sáng chấp cái rỗng trong tánh sáng, bác bỏ và diệt trừ các sự biến hóa, nương tựa nơi hằng diệt mất làm chỗ trở về, rồi sanh khởi thắng giải.

Người ấy rơi vào chấp “quy vô quy”, thành bạn bè với các thần Hư không trong Vô tướng thiên, làm mê Bồ-đề của Phật, quên mất tri kiến. Đây gọi là hạng thứ sáu, do tròn đủ tâm hư vô mà thành quả “không vong”, trái xa tánh viên thông, đi ngược thành Niết-bàn, sanh ra hạt giống đoạn diệt.

Lại, người thiện nam ấy đã tốt hành ẩm là không, đã diệt được sanh diệt, nhưng chỗ tinh diệu tịch diệt chưa được tròn đủ. Nếu nơi chỗ viên thường chấp giữ thân được thường trụ, đồng với tánh tinh viên (tinh ba tròn đầy) còn mãi không bị chết mất, rồi sanh khởi thắng giải.

Người ấy rơi vào chấp “tham phi tham”, thành bạn bè của các vị A-tư-đà, cầu được tuổi thọ lâu dài, làm mê Bồ-đề của Phật, quên mất tri kiến. Đây gọi là hạng thứ bảy, chấp trước cội nguồn của mạng sống, lập nhân cố giữ cái hư dối, tiến đến quả kéo dài sự khổ nhọc, trái xa tánh viên thông, đi ngược thành Niết-bàn, sanh ra hạt giống “vọng diên” (sự kéo dài hư dối).

Lại, người thiện nam ấy đã tốt hành ẩm là không, đã diệt được sanh diệt, nhưng chỗ tinh diệu tịch diệt chưa được tròn đủ. Quán xét mạng sống thông lẫn nhau, muốn giữ lại trần lao, e sợ nó tiêu mất. Khi ấy liền ở nơi mé này ngồi cung hoa sen, hóa ra rất nhiều bảy báu và nhiều mỹ nữ, buông lung tâm mình, rồi sanh ra thắng giải.

Người ấy rơi vào chấp “chân vô chân”, thành bạn bè của Tra-chỉ-ca-la, làm mê Bồ-đề của Phật, quên mất tri kiến. Đây gọi là hạng thứ tám, phát ra nhân suy nghĩ sai lầm, lập thành quả các trần hưng thịnh, trái xa tánh viên thông, đi ngược thành Niết-bàn, sanh ra hạt giống thiên ma.

Lại, người thiện nam ấy đã tốt hành ẩm là không, đã diệt được sanh diệt, nhưng chỗ tinh diệu tịch diệt chưa được tròn đủ. Trong chỗ sáng suốt của mạng căn phân biệt sự tinh và thô, quyết định cho rõ ràng thật và giả, nhân quả đền đáp nhau, chỉ cầu cảm ứng, trái với đạo thanh tịnh. Nghĩa là thấy Khổ đoạn Tập chứng Diệt tu Đạo, ở nơi Diệt để đã dừng lại không chịu tiến lên, rồi sanh ra thắng giải.

Người ấy hẳn rơi vào định tánh Thanh văn, thành bạn bè với những vị Tăng vô văn, những người tăng thượng mạn, làm mê Bồ-đề của Phật, quên mất tri kiến. Đây gọi là hạng thứ chín, viên mãn tâm tinh ứng, thành tựu quả tiến đến chỗ tịch diệt, trái xa tánh viên thông, đi ngược thành Niết-bàn, sanh ra hạt giống trói buộc nơi không.

Lại, người thiện nam ấy đã tốt hành ẩm là không, đã diệt được sanh diệt, nhưng chỗ tinh diệu tịch diệt chưa được tròn đủ. Nếu nơi tánh giác sáng suốt thanh tịnh viên dung, nghiên cứu chỗ thâm diệu liền lập làm Niết-bàn mà không tiến tới nữa, rồi sanh thắng giải.

Người ấy hẳn rơi vào định tánh Bích-chi, thành bạn của những vị Duyên giác, Độc giác không hồi tâm về Đại thừa, làm mê Bồ-đề của Phật, quên mất tri kiến. Đây gọi là hạng thứ mười, do viên mãn tâm giác thông suốt, thành tựu được quả lạng lẽ sáng suốt, trái xa tánh viên thông, đi ngược thành Niết-bàn, sanh ra hạt giống giác viên minh nhưng không chuyển hóa để tròn đủ.

Này A-nan, mười thứ thiên-na như thế, ở giữa đường thành ra cuồng mê. Nhân y nơi mê hoặc, trong chỗ chưa đủ tướng là chứng đầy đủ, đều do thức ẩm dụng tâm xen lẫn, nên sanh ra những địa vị này. Chúng sanh mê muội không tự xét lường, gặp những cảnh này hiện tiền, mỗi người do tâm mê lầm, yêu thích những tập cũ mà tự dừng nghỉ, cho là chỗ trở về an ổn rất rạo. Họ tự nói đã đầy đủ đạo Vô thượng Bồ-đề, trở thành đại vọng ngữ. Ngoại đạo tà ma, khi nghiệp cảm đã hết thì rơi vào địa ngục Vô gián. Thanh văn Duyên giác thì không tiến lên được.

Các ông để tâm gìn giữ đạo của Như Lai, sau khi ta diệt độ đem pháp môn này truyền dạy cho chúng sanh đời mạt pháp, khiến cho khắp chúng sanh hiểu rõ nghĩa này, không để cho ma tà kiến tự làm cho chìm đắm trong tội lỗi. Bảo vệ thương xót cứu giúp người tu hành tiêu dứt các tà duyên, khiến cho thân tâm họ vào tri kiến Phật, từ lúc bắt đầu đến khi thành tựu không gặp các đường tẽ.

Pháp môn như thế, chư Như Lai nhiều như số bụi trong hằng sa kiếp quá khứ đã nương nơi pháp môn này mà tâm được khai ngộ và chứng Vô thượng đạo. Thức ấm nếu hết thì hiện tiền các căn của ông được dùng thay lẫn nhau. Từ trong chỗ các căn dùng thay lẫn nhau đó, có thể vào địa vị Kim cang Càn huệ của Bồ-tát; trong tâm tinh thuần tròn sáng đó phát ra sự biến hóa, như mặt trăng báu hiện trong món đồ lưu ly trong trẻo.

Như thế mà vượt khỏi Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Tứ gia hạnh tâm, Kim cang thập địa của Bồ-tát tu hành, Đẳng giác tròn sáng, vào được biển Diệu trang nghiêm của Như Lai, viên mãn Bồ-đề, trở về Vô sở đắc.

Đây là chư Phật Thế Tôn trước, thuở quá khứ ở trong Chỉ và Quán đã giác ngộ sáng suốt, phân tích được những việc ma vi tế.

Ma cảnh hiện tiền, ông hay biết rõ thì tâm như được rửa sạch, không rơi vào tà kiến, ấm ma tiêu diệt, thiên ma bị tan nát, đại lực quỷ thần khiếp đảm chạy trốn, các loài ly mị vọng lượng không còn dám xuất hiện, thẳng đến Bồ-đề không có thiếu sót. Dù cho những người hạ liệt cũng được tăng tiến, đối với đại Niết-bàn tâm không mê muội.

Nếu những chúng sanh ngu độn ở đời mạt kiếp chưa biết thiên-na, không biết Phật pháp, ưa tu chánh định, ông sợ họ rơi vào đường tà, nên một lòng khuyên bảo họ trì thần chú Phật đánh đà-la-ni của ta. Nếu chưa thể trì tụng được thì viết để trong thiền đường hoặc đeo trên thân, thì tất cả các ấm ma không thể lay động được. Ông nên kính vâng theo khuôn phép rốt sau, chỗ tu tiến cứu cánh của Như Lai mười phương.

VI. KHAI THỊ BẢN NHÂN NĂM ẤM LÀ VỌNG TƯỚNG – GIỚI HẠN PHẠM VI CÁC ẤM

A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nghe Phật chỉ dạy, đánh lễ kính vâng, ghi nhớ không quên, ở trong đại chúng lại bạch Phật rằng: – Như Phật đã dạy, trong tướng của năm ấm có năm thứ hư vọng làm tâm tướng cội gốc. Chúng con bình thường chưa được nghe Như Lai khai thị tỉ mỉ.

Lại năm ấm này là đồng tiêu trừ hay theo thứ lớp mà hết? Năm lớp như thế, đến đâu là giới hạn? Cúi mong Như Lai phát tâm đại từ, vì đại chúng ở đây khiến cho tâm mắt họ được trong sáng, để làm con mắt tương lai cho tất cả chúng sanh đời mạt kiếp.

Phật bảo A-nan: – Bản giác nhiệm màu sáng suốt tinh thuần chân thật trong sạch viên mãn, không lưu giữ sanh tử và các trần cấu, cho đến hư không đều nhân nơi vọng tưởng mà sanh khởi. Tánh giác cội gốc ban đầu này vốn là vi diệu sáng suốt tinh thuần chân thật, do vọng mà phát sanh ra khí thể gian. Như Diễn-nhã-đạt-đa quên đầu nhận bóng.

Vọng vốn không nhân. Ở trong vọng tưởng mà lập ra tánh nhân duyên. Mê lầm nhân duyên thì gọi là tự nhiên. Tánh hư không kia còn thật là huyền sanh thì nhân duyên, tự nhiên đều do vọng tâm chúng sanh suy tính chấp trước.

Này A-nan, biết chỗ vọng khởi, nói vọng là nhân duyên. Nếu vọng vốn không, nói nhân duyên vọng vốn không có. Huống là chẳng biết mà suy ra là tự nhiên.

Thế nên Như Lai vì ông mà phát minh bản nhân của năm ấm đồng là vọng tưởng.

Thân ông trước là do tướng của cha mẹ mà sanh. Tâm ông nếu không có tướng thì không thể đến trong tướng mà truyền mạng.

Như trước ta đã nói, tâm tướng về vị chua thì trong miệng chảy nước miếng, tâm tướng lên chỗ cao thì giữa lòng bàn chân nghe rờn rợn. Đốc núi cheo leo chẳng có, vật chua chưa đến, thân của ông nếu chẳng phải chung một nhóm với hư vọng, thì nước trong miệng vì sao nhân nói chua liền chảy ra?

Thế nên phải biết, sắc thân hiện tại của ông gọi là lớp vọng tướng kiên cố thứ nhất.

Chính khi nghe lời nói ở trên, nơi tâm nghĩ tướng đến chỗ cao, có thể khiến cho thân ông thật có cảm thọ rờn rợn. Do nhân cảm thọ sanh hay làm động sắc thân.

Ông hiện nay hai thứ thuận thì tăng ích, nghịch thì tổn giảm, hiện đang đuổi nhau, gọi là vọng tướng hư minh thứ hai.

Do ý nghĩ của ông sai khiến sắc thân ông, nếu thân không phải cùng loại với ý nghĩ thì nhân gì thân ông lại theo sự sai khiến của ý niệm, nhận các thứ hình tượng, tâm sanh thì thân nhận theo, cùng với niệm tương ưng?

Khi thức thì tâm tướng, khi ngủ thì thành các mộng. Vậy tâm tướng của ông, vọng tình dao động gọi là vọng tướng dung thông thứ ba.

Sự chuyển biến không dừng, xoay vần thăm dò đối, móng tay dài, tóc mọc ra, khí lực tiêu mòn, da mặt nhăn. Ngày đêm đổi thay nhau mà không hề hay biết.

Này A-nan, nếu sự dời đổi này không phải là ông thì làm sao thân ông bị dời đổi? Còn như thật là ông thì vì sao ông không biết?

Vậy các hành niệm niệm không dừng của ông, gọi là vọng tướng uẩn thứ tư.

Lại, chỗ tinh minh trong lặng không dao động của ông, gọi là thường hằng đó, nơi thân không ngoài thấy nghe hiểu biết. Nếu thật là tinh thuần chân thật thì chẳng dung những tập khí vọng tướng. Vậy tại sao các ông trong những năm trước, từng thấy một vật kỳ quái, trải qua nhiều năm không còn nhớ nữa, về sau bỗng nhiên lại thấy vật lạ ngày trước, liền nhớ lại rõ ràng không hề sót mất.

Thế nên trong chỗ tinh liễu lặng lẽ không dao động này, từng niệm luôn nhận sự huân tập, đâu thể tính toán nổi!

Này A-nan, phải biết cái lặng lẽ này không phải thật, như dòng nước chảy nhanh, trông xa giống như yên lặng, vì nó chảy nhanh nên không thấy, chẳng phải là không chảy. Nếu cội gốc không phải là vọng tướng thì đâu nhận những tập khí hư vọng.

Nếu sáu căn của ông không thể khai hợp dùng thay lẫn nhau thì vọng tướng này không khi nào được diệt. Cho nên trong những thấy nghe hiểu biết của ông hiện tại xâu kết các tập khí; những hình ảnh hư dối rỗng không trong chỗ trạm liễu là tinh tướng vi tế điên đảo thứ năm vậy.

Này A-nan, năm thọ ấm này là do năm thứ vọng tướng mà thành. Nay ông muốn biết giới hạn cận sâu của nó, chỉ sắc và không là ranh giới của sắc ấm, chỉ xúc và lý là ranh giới của thọ ấm, chỉ nhớ và quên là ranh giới của tưởng ấm, chỉ diệt và sanh là ranh giới của hành ấm, lặng lẽ hợp vào lặng lẽ là trở về ranh giới của thức.

Cái gốc của năm ấm này trùng điệp sanh khởi. Sanh nhân thức mà có, diệt từ sắc mà trừ.

Lý thì chóng ngộ, nương nơi ngộ đều tiêu sạch. Sự chẳng thể chóng trừ, phải nhân nơi thứ lớp mà hết.

Tôi đã chỉ dạy ông về cái gút của khăn kiếp-ba, sao ông còn không rõ, lại hỏi chỗ này nữa? Ông nên đem chỗ tâm đã được thông suốt về cội gốc vọng tưởng này, truyền dạy cho những người tu hành trong đời mạt pháp tương lai, khiến họ biết những thứ hư vọng mà tự sanh nhàm chán, biết có Niết-bàn để không lưu luyến ba cõi nữa.

Này A-nan, nếu lại có người đem bảy báu đầy đầy hư không khắp cả mười phương dâng cúng lên chư Phật nhiều như số vi trần, thừa sự cúng dường tâm không xao nhãng. Ý ông nghĩ sao? Người ấy do nhân duyên cúng Phật, được phước nhiều chăng?

A-nan đáp rằng: – Hư không không tận, trần bảo không cùng. Xưa có một người cúng Phật bảy tiền, khi bỏ thân mạng còn được làm Chuyển luân thánh vương; huống là hiện nay đem trần bảo đầy cả hư không, cúng dường khắp các cõi Phật. Nếu suy nghĩ cùng kiếp còn không thể thấu, phước ấy làm sao lại có ngần mé.

Phật bảo A-nan: – Chư Phật Như Lai nói lời không hư dối. Nếu lại có người, thân làm đủ bốn trọng tội, mười Ba-la-di, chỉ trong chớp mắt, hoặc trong hơi thở liền trải qua những địa ngục A-tỳ của phương này phương khác, cho đến cùng tận các địa ngục Vô gián trong mười phương thấy đều trải qua. Nếu người đó hay dùng một niệm, đem pháp môn này ở trong đời mạt pháp chỉ dạy cho người chưa học, tội chướng người đó liền được tiêu diệt, biến nhân đau khổ phải chịu ở địa ngục thành quả cõi nước an lạc. Người đó được phước vượt hơn người cúng thí trước gấp trăm lần, ngàn muôn ức lần, như thế cho đến tính toán ví dụ cũng không thể nào nói hết được.

Này A-nan, nếu có chúng sanh hay tụng kinh này, hay trì chú này, như ta đã nói rộng ra, thì cùng kiếp cũng không hết phước đức ấy. Y theo lời ta dạy, như lời dạy mà tu hành, thẳng đến thành đạo Bồ-đề, không còn bị các ma nghiệp.

Phật nói kinh này rồi, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tất cả trời, người, a-tu-la trong thế gian, và những vị Bồ-tát, Nhị thừa, thánh tiên đồng tử ở các phương khác, cùng những đại lực quỷ thần mới phát tâm đều rất hoan hỷ, làm lễ mà lui.

